NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 162 • OCTOBER 2002

THẾ KỶ 21

14771 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 USA • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

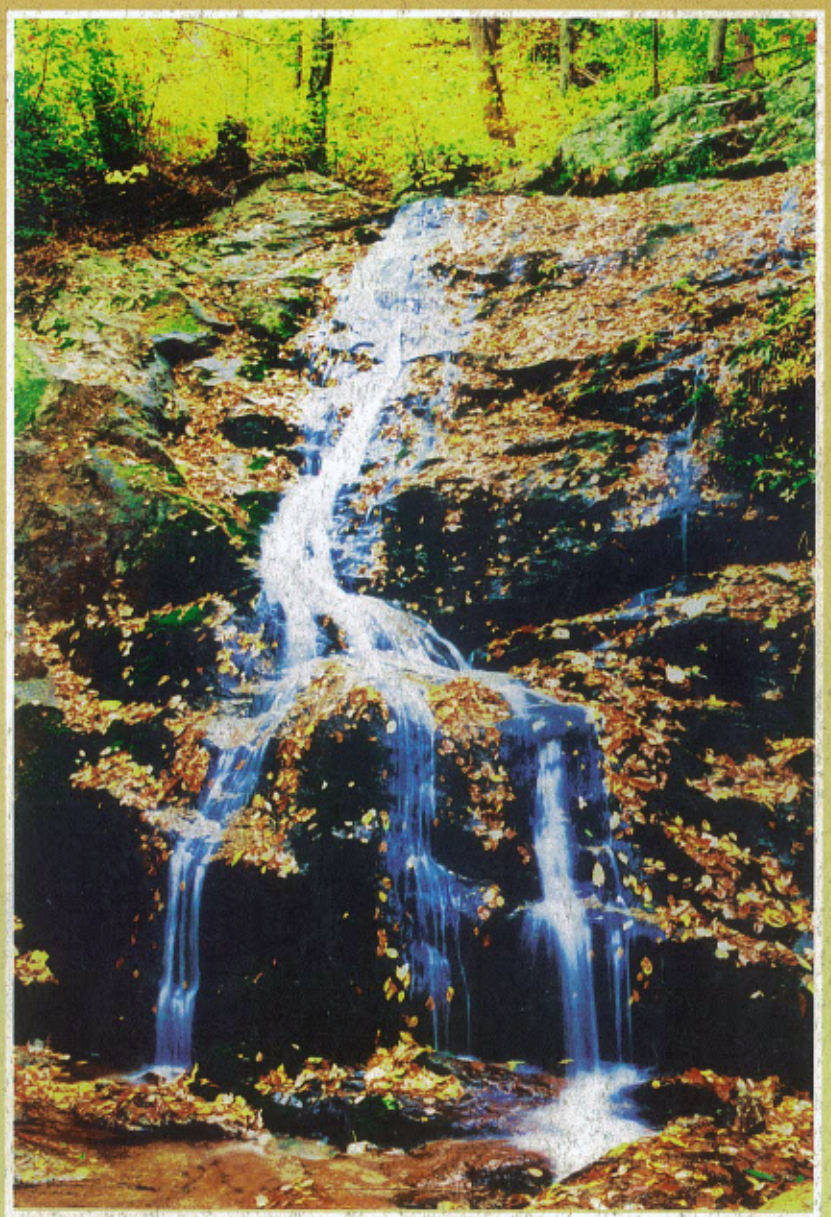

TRUNG HOA THẾ KỶ 21: MỘT CHIẾN LƯỢC LỚN?

CỔ LŨY

SÓNG HẤP LỰC **NGUYỄN HÙNG VŨ**

QUA ĐÈO **AN PHÚ VANG**

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

Phi Mã™

ĐÀI TRANG

hân hạnh giới thiệu

白蓮茶

Bạch Liên Trà

100% *Natural Herb Tea*

- *Bạch Liên Trà là loại trà độc đáo nhất bảo vệ sức khỏe hữu hiệu nhất.*
- *Bạch Liên Trà được bào chế tại Hoa Kỳ, 100% dược thảo thiên nhiên.*
- *Bổ Gan.*
- *Tống Độc.*
- *Kích thích tiêu hóa và tiêu thải mỡ thừa.*
- *Tinh khiết, đúng tiêu chuẩn vệ sinh.*
- *Dễ sử dụng, chế nước sôi vào là uống được ngay.*

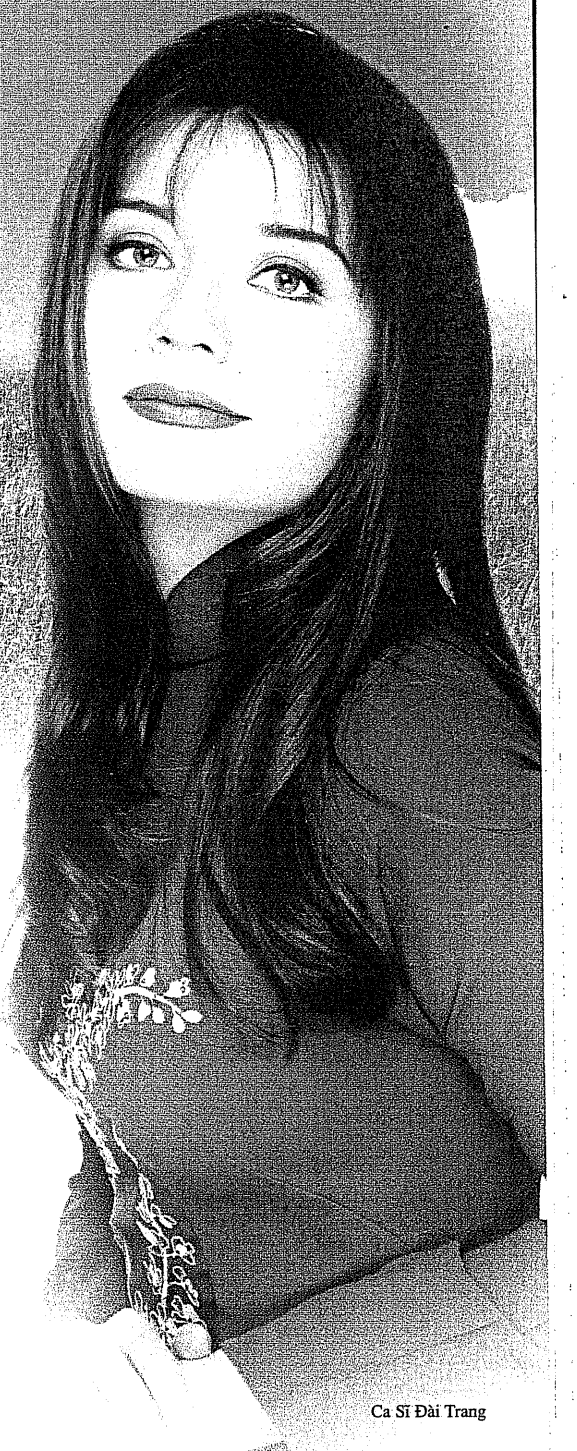

Ca Sĩ Đài Trang

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

SỨC KHỎE CỦA MỌI GIA ĐÌNH

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc.

Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Phi Ma™

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp

三靈油

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cũng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

- Dầu Xanh
- Dầu Vàng
- Dầu Trắng

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Ca Sĩ Đài Trang

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO CẢI LƯƠNG

HẢI ÂU PHI XỨ

Một cuốn Video được thực hiện
rất công phu và tốn kém
như một cuốn phim
với rất nhiều ngoại cảnh,
chắc chắn sẽ làm
quý vị hài lòng.

Tháng 5-2002 vừa qua, Mạnh Quỳnh &
Phi Nhung đã thực hiện xong cuốn video
tuồng cải lương xã hội "Hải Âu Phi Xứ"
dựa theo một cuốn tiểu thuyết của
Quỳnh Dao, với thành phần diễn viên
hùng hậu.

Video cải lương "HẢI ÂU PHI XỨ" do trung tâm Thúy Nga
độc quyền, và đã phát hành vào ngày 1 tháng 9 năm 2002.

MẠNH QUỲNH & PHI NHUNG

HẢI ÂU PHI XỨ

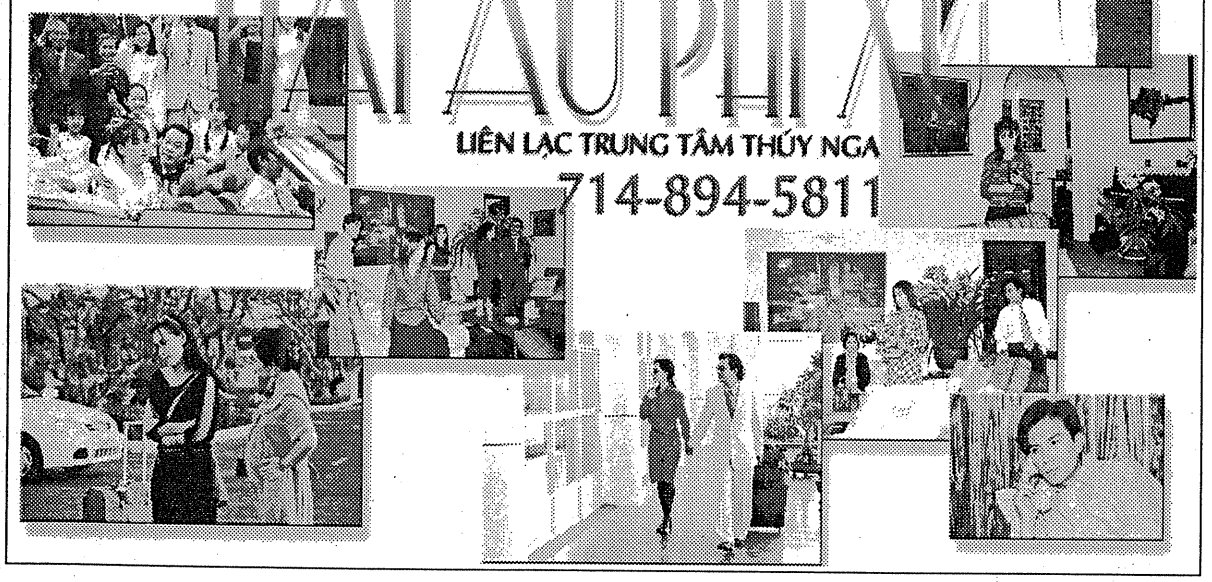

LIÊN LẠC TRUNG TÂM THÚY NGA

714-894-5811

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn và sang trọng nhất; Đã được tín nhiệm của quí thân chủ trong suốt 15 năm qua

*Chuyên tẩy xóa nám,tàn nhang,mụn cóc,nốt ruồi,hột thịt dư,bớt bẩm sinh, đồi mồi.Tẩy vết thâm của mụn.Tẩy trắng da mặt,da cổ,da cơ thể.

* Chữa mụn kinh niên,thẹo lồi,lỗ chân lông to,vết nứt của bụng trước và sau khi sanh.Làm mờ vết thẹo của mụn,vết nhăn trên mặt.Chữa da dầu,da khô.

* Xóa xâm mình,xóa xâm chân mày bị hư.

*CHỈ CẦN 90 PHÚT SĂN SÓC DA;QUÍ VỊ SẼ HÀI LÒNG VỚI KẾT QUẢ TRÔNG THẤY:

- 95% những vết nhăn,lỗ chân lông mờ đi,khuôn mặt thon,gọn
- 35% những vết nám,tàn nhang mờ đi
- 40% mụn cám,mụn mủ bị diệt
- 50% những đường gân máu đỏ biến mất.

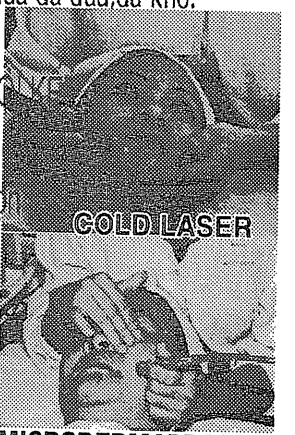

MICRODERMABRASION

FACIAL-ACNE (Treatment)

XÂM THẨM MỸ

Lady Belle NHẬP CẢNG TRỰC TIẾP NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA PHÁP,ĐỨC,NHẬT RẤT CÔNG HIỆU KẾT QỦA NHANH CHÓNG

SACHIKO - BIODERMA - ROSANCE X 18 - CLAIRISSIME
F&W PARIS - OBAGI - DERMALOGICA

-XÂM CHÂN MÀY,MI MẮT,VIỀN MÔI....
Xâm rất đẹp,tự nhiên,dùng mực tốt,thay kim và dụng cụ cho mỗi lần xâm

BẢO ĐẢM VIỆC CHỮA TRỊ NÁM,TÀN NHANG,MỤN TRONG VÒNG 4 ĐẾN 12 TUẦN - LÀM CAM ĐOAN TRÊN GIẤY TỜ:
CHỮA KHÔNG KẾT QỦA SẼ HOÀN TIỀN LẠI.

FREE
Được làm thử:Tẩy 1 vết đồi mồi hoặc 1 tàn nhang hay 1 gân máu
DM

LỘT DA MẶT BẰNG DƯỢC THẢO
Lột dây chỉ cần trong vòng 5 ngày sẽ lột,tẩy hết lớp da cũ-Trang điểm,sinh hoạt bình thường.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
-Cắt mắt hai mí,lấy mỡ,cắt da mí dưới
-Sửa mũi cao thon gọn, đẹp tự nhiên
-Căng da mặt,trán,cổ,nâng chân mày
-Hút mỡ dưới cằm,mặt;Hút mỡ và căng da bụng
-Sửa và nâng ngực mềm mại tự nhiên

DO 1 NHÓM BÁC SỸ VIỆT,MỸ TRÊN 20 NĂM KINH NGHIỆM ĐẢM TRÁCH.Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ CHỖ Ở

COUPON
ĐẶC BIỆT-Chỉ có $20 cho FACIAL với coupon này
DM

13872 BROOKHURST ST.,GARDEN GROVE,CA 92843 (Cạnh Century TV)
Tel: (714) 534-4500 Toll free: 1(888) 270-1234
Mở cửa hàng ngày từ 10AM đến 6:30 PM (nghỉ thứ ba)

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

Một loạt sách LỊCH SỬ gồm sáu cuốn

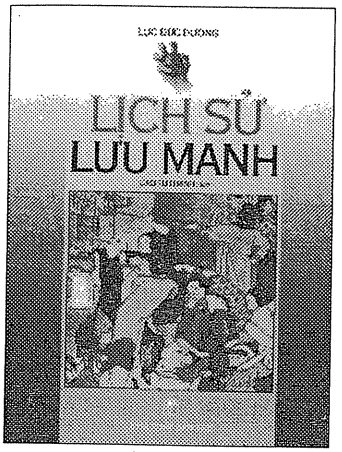

LỊCH SỬ LƯU MANH
của **LỤC ĐỨC DƯƠNG,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Truy nguyên nguồn gốc lưu manh. Sự quật khởi và phát tích của bọn côn đồ. Các tập đoàn xưng bá một vùng. Các thủ đoạn hèn hạ vô sỉ. Thói quen của lưu manh. Lưu manh hoành hành. Phân tích nguyên nhân...**Giá 11 Mỹ kim**

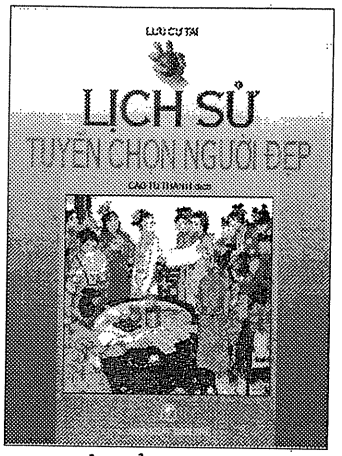

LỊCH SỬ TUYỂN CHỌN NGƯỜI ĐẸP
(Tuyển Mỹ Sử) của **LƯU CỰ TÀI,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Vua chúa Trung Hoa thuở xưa tuyển chọn mỹ nữ như thế nào? Quan niệm về một người đàn bà đẹp tại Trung Hoa đã biến đổi từ thượng cổ đến ngày nay ra sao? Hình thể khỏe mạnh? Đoan trang nhu mì? Phóng khoáng phong nhã? Nở nang to lớn? Nhỏ nhắn ốm yếu? **Giá 17 Mỹ kim**

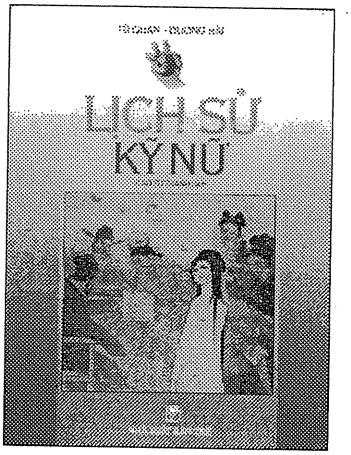

LỊCH SỬ KỸ NỮ
của **TỪ QUÂN DƯƠNG HẢI,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Một công trình nghiên cứu về nghề kỹ nữ ở Trung Quốc, gồm các chương *Lịch sử, Nguồn gốc, Kỹ viện, Phương thức tiếp khách, Gió trăng kỹ viện, Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ, Tôn giáo tín ngưỡng và tập tục của kỹ nữ , Tài hoa kỹ nữ, Số phận kỹ nữ...* **Giá 11 Mỹ kim**

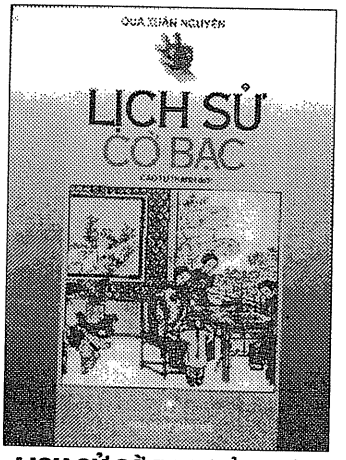

LỊCH SỬ CỜ BẠC (Đổ Bác Sử)
của **QUA XUÂN NGUYÊN,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Những trò cờ bạc đủ loại trong lịch sử Trung Quốc. Cờ bạc với các hạng người. Sòng bạc ổ bạc trong lịch sử Trung Quốc. Thuật lừa đảo trong lịch sử cờ bạc. Quyền sổ tội ác của cờ bạc xưa nay. Việc ngăn cấm cờ bạc...
Giá 13 Mỹ kim

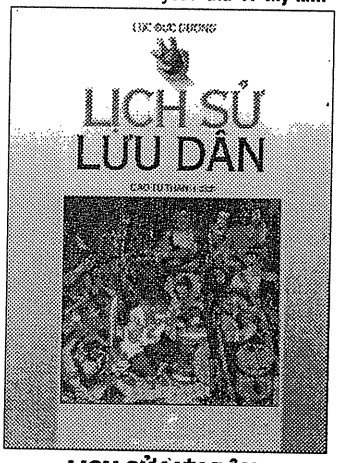

LỊCH SỬ LƯU DÂN
của **LỤC ĐỨC DƯƠNG,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Lưu dân là những người gặp tai họa từ thiên nhiên hay xã hội mà phải bỏ quê quán đi lưu lạc tha hương. Dân Tàu nổi tiếng bám lấy đất mà sống, đồng thời tha phương cầu thực cũng rất đông đảo, đến nỗi có cả một "lịch sử" từ thời xa xưa đến tận ngày nay. **Giá 14 Mỹ kim.**

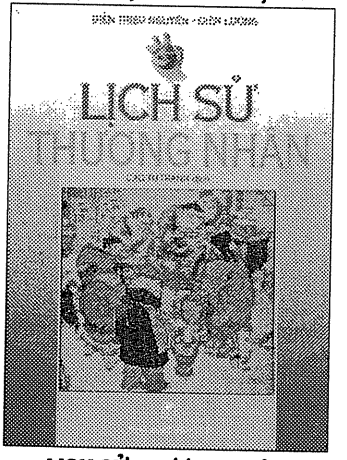

LỊCH SỬ THƯƠNG NHÂN
của **ĐIỀN TRIỆU NGUYÊN ĐIỀN LƯỢNG,**
bản dịch của **CAO TỰ THANH**
Người Tàu là dân tộc buôn bán. Lịch sử người đi buôn bán của Tàu hẳn nhiên rất phong phú, qua các chương: Biển buôn chìm nổi, Thương nhân của chính quyền, Thương nhân nho sĩ, Thương bang thương hội, Đạo đức buôn bán, Đi buôn khó...**Giá 13 Mỹ kim.**

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiề
Hương, Ngô Nhân Dụng, N
Nguyễn Đức Tường, Nguyệ
Thảo, Trần Doãn Nho, Trầ
Quán Niệm

Bìa: "Crabtree Falls" của nhiếp ả
Trình bày bìa: **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thá**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành, Tôn Nữ Thu Ng**

MỤC LỤC

Số 162 Tháng Mười 2002

CHÍNH TRỊ – KINH TẾ – TH
10. Trung Quốc trước Đại hội Đ
17. Vụ Iraq và sự hình thành của
20. Trung Hoa thế kỷ 21: một ch
26. Vài nhận xét về bản Hiệp ướ
60. Người Việt hải ngoại cần thố
biên giới Việt Trung – **Trươn**
VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT
53. Tự do và thân phận – **Bùi**
56. Nhất Linh, Xóm Cầu Mới -
63. Đọc thơ Nguyễn Tất Nhiên
73. Phỏng vấn luật sư Hoàng C
90. Đọc Tuyết Xưa của Trần N
102. Tầm quan trọng vô cùng củ
104. Nhận định về vở kịch Hồ L
110. Phỏng vấn nhạc sĩ Nguyễn
KHOA HỌC – TIỂU LUẬN
30. Chỉ vì thiếu hai chữ – **Thế U**
33. Người Việt mạnh yếu chỗ nà
38. Sóng hấp lực – **Nguyễn Hùn**
84. Đại gia và những tên trộm ng
88. Na Uy, thiên đường hạ giới –
VĂN
69. Qua đèo – **An Phú Vang**
78. Phố mộng – **Hồ Đình Nghi**
93. Dấu chân thu – **Tôn Nữ Th**
100. Tâm bịnh – **Nguyễn Lê Hồ**
106. Con gái ông đồ – **Trần Thị**
113. Thoáng hương xưa – **Trần H**
THƠ
55. Bài cho một người bên đó –
Ngạn. 71. Người xưa – **Ngũ Hà M**
– **Lưu Hy Lạc**. 99. Đêm Đông p
thế – **Thu Tứ**
MỤC THƯỜNG LỆ
8. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và Bạn đọc - Thư T
43. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
48. Đời sống quanh ta – **Thanh**
117. Vòng Chân trời Văn học Ngh

u Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan
guyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham,
ễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh
ın Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần

nh gia **Tôn Nữ Thu Nga**
à **Nguyễn Đồng**
i Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường

ga, Nguyễn Đức Lập, Hạo Nhiên, Etcetera

ỜI SỰ
ảng – **Ngô Nhân Dụng**
đế quốc Mỹ – **Nguyễn Xuân Nghĩa**
iến lược lớn? – **Cổ Lũy**
c 30-12-1999 – **Trần Gia Phụng**
ống nhất quan điểm chính trị về
g Nhân Tuấn

Bích Hà
- **Thụy Khuê**
. – **Vĩnh Hảo**
Cơ Thụy – **Từ Nguyên**
gọc Ninh – **Lê Bảo Xuyến**
a F.O.B. – **Phù Đông**
y Tinh /Fox Demon – **Thơ Thơ**
Ánh Chín – **Y-Sa**

yên
o? – **Đỗ Thông Minh**
g Vũ
gựa – **Nguyễn Đức Tường**
Quỳnh Anh

êm
u Nga
ıg Hưng
Vĩnh Tường
Huy Sao

Cung Diễm. 57. Chị tôi – **Huỳnh Liễu**
Tiên. 81. Hậu sinh ca – **Tạ Ký**. 89. Ở KT.
hương – **Tôn Nữ Thu Nga**. 109. Thương

Trị sự

Thảo, Quỳnh Anh
ệ thuật – **Anh Thành**

Mấy chuyện cần trả lời

A. Về câu đối viếng Nhất Linh

1- Vế câu đối viếng Nhất Linh của Vũ Hoàng Chương:

Nhất *khả đoạn*, nhị *khả tuyệt*, *nhi* tam *bất hủ*

chúng tôi nhớ đăng trên báo Ngôn Luận, mục thơ Nhị Thập Bát Tú do Vũ Hoàng Chương phụ trách, khoảng trước sau đám tang ngày 14 tháng 7, 1963. Vế ấy rất *thâm Nho*, vì hai chữ *khả* hàm ẩn tên Ngô Đình Khả, đời *khả* đầu thì đoạn, đời *khả* sau thì tuyệt... nhưng khi dịch ra Việt văn, đăng kèm dưới câu đối chữ Nho, Vũ Hoàng Chương đã phải biến đổi nghĩa thành "*Bút có thể dứt, mực có thể cạn, mà danh kia bất hủ*", và nếu tôi nhớ không lầm thì VHC đã thêm "có thể phỏng dịch ra Việt văn như sau..." Thân phụ tôi cũng kể lại "trong phòng giáo sư CVA, mọi người vây quanh Vũ Hoàng Chương, xì xào bàn bạc về mấy chữ *nhất khả, nhị khả* đó." Rất có thể, Vũ Hoàng Chương, vốn tinh thông chữ Nho, trong lúc khác hoặc trên báo khác, đã châm chế biến cải đi chút ít để gây hỏa mù che mắt kiểm duyệt, vì thế mới lại có vế khác ba chữ : <u>*Bút* khả đoạn, *mặc* khả tuyệt, nhi *danh* bất hủ</u>, với bản dịch Việt văn đúng nghĩa đen, như ông bạn Tân Văn Hồng còn nhớ... Trong vế tùy cơ biến cải này, ba chữ *bút, mặc, danh,* tuy cũng hay nhưng không thể so sánh với ba chữ *nhất, nhị, tam* được, xét về cả ý lẫn lời của một câu đối để đời loại Yên Đỗ, Cao Bá Quát. Kiểm duyệt báo chí thời 1960 rất chặt chẽ, chính chúng tôi gửi cho mục Nhị Thập Bát Tú một bài thơ ngắn, tưởng niệm Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương không đăng và viết trả lời trên hộp thư thi đàn "*không đăng được, vì lý do bạn hiểu*" !

2- Về câu nói của Nhất Linh "*tôi mà tự tử thì chẳng ai biết tôi dùng loại độc dược nào*" tôi không nhớ rõ xuất xứ, có lẽ trên một bài báo tưởng niệm Nhất Linh ít nhất cũng hơn 20 năm nay... tôi nhớ câu đó vì nó bao hàm ý định tự tử hoặc ít nhất suy tưởng *chết thế nào, chết ra sao, ý nghĩa của cái chết*... đã từng lảng vảng trong đầu NL từ lâu... còn *loại độc dược nào*, thì chắc chỉ là một cách nói với thân hữu bạn bè. Một giai thoại khác, khá lý thú về Nhất Linh, mà tôi cũng không nhớ xuất xứ : *ngày đảo chính năm 1960 Nhất Linh rất xúc động, khi gội đầu, thay vì dùng thuốc gội, ông lại cầm chai xì dầu Maggi rưới lên tóc !!!*

B. Carl Jung gốc Đức

Khi viết "*bác sĩ tâm thần Đức Carl Jung*" (TK 21 số 157), chúng tôi muốn nhấn mạnh gốc người Đức của ông, mặc dù ông sinh ở Thụy Sỹ, miền hồ Constance, sát biên giới Đức hiện tại. Cha là mục sư Tin lành chuyên về Đông phương học, ông nội là giáo sư giải phẫu Y khoa người Đức (*German born*), lại có nguồn dư luận cho rằng ông nội của Jung là con riêng của văn hào Đức Goethe, nên ông có nét mặt rất giống Goethe. Người Đức và Ấn Độ, cùng chủng Aryan, có thể vì thế mà Jung, do siêu thức đưa đẩy, tìm tòi về sutras, mandalas, huyền thoại, đấu số học... học cổ ngữ Sanskrit chăng? Jung từng viết về sự khác biệt giữa tâm lý học Do Thái và tâm lý học Aryan -*Essay on the differences between Jewish and Aryan psychology* -trên tờ *Zentralblatt* của hội International General Medical Society mà ông làm Hội trưởng năm 1934, tờ này cũng từng đăng một tuyên ngôn ủng hộ Hitler mặc dầu không phải do Jung viết. (Dân Thụy Sĩ hiện tại gồm 65% gốc Đức, 35% gốc Pháp, Ý... phần đất sát nước Đức như Basel, Zurich... chính là đất của Đức thời xưa).

Lưu Văn Vịnh

Cấm đoán tình cảm

Chúng tôi có nhận được bài thơ sau đây gửi từ Hà Nội "vịnh" một hiện tượng trong đám tang Trần Độ tháng qua, xin gửi đến quý báo và quý bạn đọc thưởng lãm.

Cấm "Vô cùng thương tiếc"

(Những người đại diện Văn phòng Quốc hội và các cơ quan khác đã bịt dòng "Vô cùng thương tiếc" trên bàn thờ Trung tướng Trần Độ, các vòng hoa vào viếng đều lột dòng "Vô cùng thương tiếc" và "Trung tướng Trần Độ." Thật là một việc làm chưa hề có trong lịch sử).

Cấm chợ ngăn sông cấm báo chương
Còn như khi chết cấm tình thương
Xưa nay thế giới chưa hề có
Phát xít Hít-le ắt phải nhường
Cụ Xít thủ tiêu trăm tướng lĩnh
Ông Mao tàn sát triệu dân thường
Đều thua "Thương tiếc vô cùng" cấm
Khi tiễn tướng quân đến hóa đường.

01/9/2002

Sau ngày tang lễ nửa tháng
Hoành Chí Trần Doãn Hoài
7/30 Thái Hà – Đống Đa – Hà Nội

Lời lẽ trong bài thơ thật là những lời lên án mạnh mẽ chính quyền cộng sản trong nước, mà chúng ta không ngờ người tại Hà

Nội ngày nay dám ngang nhiên công khai phổ biến, lại còn ghi tên tuổi địa chỉ tác giả đàng hoàng. Lối "đối phó" của cộng sản Việt Nam trong dịp lễ tang tướng Trần Độ thì giống hệt các chế độ độc tài hạ cấp khác, nghĩa là sống sượng, vô văn hóa, vô giáo dục. Bản chất chế độ biểu lộ hết ra trong đám tang vừa rồi. Nếu cấm những dòng chữ "Vô cùng thương tiếc" trong vòng bí mật không ai biết đến cả thì còn có thể hiểu được, đằng này cấm giữa thiên thanh bạch nhật, cả thế giới đều biết đảng CS và chính phủ Việt Nam cấm mọi người không được thương tiếc tướng Trần Độ thì hóa ra là làm một trò cười cho thiên hạ. Và càng không che giấu được mọi người rằng ông Trần Độ quả đang được dân chúng thương tiếc thật. Có khi nếu không cấm thì người ta chỉ thương tiếc có 5 thôi, mà cấm gắt gao quá thì nỗi thương tiếc lại lớn thành 10.

Kinh nghiệm cho chúng ta biết rằng chế độ nào đến ngày tàn cũng có những phản ứng kỳ quặc như vậy.

Vuong Ky (Internet)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Văn Thành, Trần Gia Phụng, An Phú Vang, Hồ Đình Nghiêm, Từ Nguyên, Quỳnh Anh, Nguyễn Hùng Vũ, Tôn Nữ Thu Nga, Linh Hàn, Phạm Nguyên Lương, Thế Uyên, Thu Tứ, Thụy Khuê, Trương Nhân Tuấn, Đỗ Thông Minh, Thơ Thơ, Trần Thị Vĩnh Tường, Huỳnh Liễu Ngạn.

Đính chính:

Chú thích của bức ảnh trang 16, số báo 161, có một số sai và sót, xin đọc lại như sau:

Từ trái: Phạm Quế Dương, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Dân biểu Hoa Kỳ Loretta Sanchez, Hoàng Minh Chính tại Hà Nội ngày 18-11-2000.

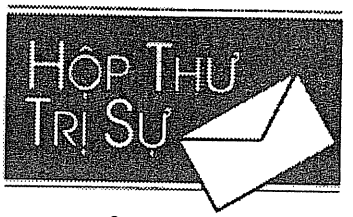

Độc giả gia hạn (một số đã đăng kỳ trước)

Bui Kim Hau LA, Chu Vuong Mien CA, Dang Hieu Kinh VA, Do Linh TX, Do Xuan Cung CA, Ewing Diep FL, Le Dung Dan CA,.Le Huu Nghia CA, Le Manh Hung LA,

Le Van Tam CA, Ly Thi Dang TX, Nguyen Can FL, Nguyen Kim Lien MN, Nguyen Minh Thong Germany, Nguyen Nguyen Phuong CO, Nguyen Quang Hien TX, Nguyen Quy Bong Canada, Nguyen Thanh Phan CA, Nguyen Van Bich TX, Nguyen Van Hien CA, Nguyen Van Tha CA, Nguyen Van Toan CA, Pham Thi Hao VA, Phan Le Nhu Y United Kingdom, Phan Van Quang VA, Tai Van Ha MA, Tay Trinh CA, Thanh Kim Khuu OR, Ton Nu Thu Nga CA, Tran Huynh Minh CA, Vu Ngoc Co OH, Vu Phan Cuong MD, Vu That MD, Vu Thi An TX, Vu Van Minh IA, Binh Tran CA, EBSCO subscript.serv]Acq. Dept UT, VIETNAM Book-Store Canada, Doan Dan Thanh VA, Ha Q Bao WA, Nguyen Toi Lac VA, Nguyen Van Hien CA, Dang T Ly TX, Dam Trung Phap TX, Lien Huong Hanlon TX, Chau Ha An TX, Nguyen Huu Hong TX, Tran Phi FL,Thai Tu Hap CA, Nguyen Phan HI, Phung Ngoc Hieu WA, Tran Van Quang CA. GS Nguyen Van Trung Canada, Truong Manh Cuong CA, Tonthat An MA, Doan T Thao CA, Nguyen T.D. TX, Pham Kim CA, Tran Thai Binh CA, Nguyen Nga My OH, Le Thuy Kim AZ, Do William CA, Nguyen Van BichMD TX, Ho Manh Son FL, Tran Huynh Minh CA, Dang K Kinh VA, Le Van Tam CA, Culver City Lib. CA, Vu Phan Cuong MD, Nguyen Gia Khanh France, Hoang Cam FL, Do X. Cung CA, Khuu Kim Thanh OR, Vu Van Minh IA, Vu That MD, Pham Thi Hao VA, Nguyen Van Thuan CA, Mougeot Thanh N. HI, Pham Thanh Chau NJ, Nguyen Van Phuoc MN, Dang Trung Chinh nsw Australia, Nguyen Tuong GiangMD VA, Tran Roanh MA, Trinh Nhu Toan CA, SBS NSW Australia.

Độc giả mới

Tran ngoc Ba IL, Duc Pho GA, Lam Suzan VA, Luu Phuong TX, Pham Thanh Chau VA, Vo Trong Diec CA, Nguyen Minh Huan PA, Tran Phien CA, Pham Nguyen Luong CA, Le Minh Tam Australia, Do Thi Van Lang Australia, Le Huu Nghia Australia, Ngo P. Thanh Dzung Australia, Nguyen Dinh Luu Norway, Tran H. Dinh CA, Truong An CA, Tran Duc Chi Canada, Tran Nhu CA, Huynh Ngoc Anh CA, Buu Uy OR, Luong Minh Duc CA, Truong Van Manh VA .

VH ủng hộ

VH: Dang Tran Huan CA, VH: Cung Tien, VH: Le Tat Dieu CA, Nguyen T Binh VA,

Ngô Đình Vận CA, VH: Nguyen Khac Hoach CA. VH: Nguyen Viet Khanh CA, VH: Truong Anh Thuy VA, VH: The Uyen WA, VH: Bui Duy Thuyet CA .

Độc giả thay đổi địa chỉ

LS Nguyen Huu Thong CA, Do William CA./.

TRUNG QUỐC TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐẢNG

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng sau, đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ họp Đại hội kỳ thứ 16 để bầu ban lãnh đạo mới. Nhiều quan sát viên đoán rằng ông Giang Trạch Dân sẽ xuống, nhường chức cầm đầu đảng cộng sản cho Phó chủ tịch Hồ Cẩm Đào. Sang năm ông se truyền nốt ngôi chủ tịch nước, nhưng còn chức vụ quan trọng nhất là Chủ tịch Quân Ủy Trung ương thì chưa chắc. Ngày xưa ông Đặng Tiểu Bình đã nắm chức vụ này ngay khi ông ta đã bỏ hết các chức khác, vì muốn nắm quyền kiểm soát quân đội.

Ông Giang Trạch Dân có thể theo truyền thống cáo lão hồi hưu năm 76 tuổi hoặc ông sẽ giữ lấy quyền hành kiểu Thái thượng hoàng, theo gương Đặng Tiểu Bình, người đã chọn ông Giang làm Tổng bí thư đảng Năm 1989, sau vụ Thiên An Môn. Nhưng cũng chính Đặng Tiểu Bình, trước khi chết, đã chọn Hồ Cẩm Đào làm thế hệ lãnh đạo mới.

Cho tới nay, trong Trung ương Đảng đa số chủ trương ông Giang Trạch Dân nên nhường tất cả các chức vụ cho người mới, chấm dứt di sản của chế độ phong kiến còn sót lại trong đãng. Tuy nhiên vẫn có khuynh hướng muốn giữ ông Giang Trạch Dân ở lại chức chủ tịch Quân ủy, khuynh hướng này do các tướng lành cổ động. Báo chí do quân đội kiểm soát gần đây ca tụng ông Giang Trạch Dân nhiều hơn báo chí đãng. Lý do các tướng lãnh Trung Quốc muốn giữ ông Giang lại là vì quyền lợi riêng của chính họ. Phần lớn các tướng đang tại chức là do ông Giang cất nhắc, và phần lớn họ đã ở lớp tuổi 70 đáng lẽ phải về hưu. Lớp sĩ quan trẻ 50, 60 có học và hiểu biết về kỹ thuật mới trong chiến tranh hơn lớp cũ hiện đang phải chờ lớp già về hưu mới có cơ hội thăng tiến.

Thế hệ thứ tư lãnh đạo Trung Quốc

Việc truyền ngôi trong kỳ đại hội 16 cho thấy đãng Cộng Sản Trung Quốc muốn thay đổi, từ thế hệ 70 tuổi sang thế hệ 60. Năm nay ông Hồ Cẩm Đào 59 tuổi.

Là kỹ sư tốt nghiệp Đại học Tinh Hoa, ông Đào trở thành ủy viên Trung ương Đảng khi mới 39 tuổi, coi như trẻ nhất từ xưa đến nay. Ông đã cai trị Tây Tạng trong thời kỳ Bắc Kinh áp dụng chính sách đồng hóa và đàn áp nặng tay đối với người dân xứ này khi họ nổi lên năm 1989. Từ năm 1993, trong vai trò người đứng đầu Trường Đảng, ông Hồ Cẩm Đào đã khuyến khích nhiều cải tổ quan trọng trong chương trình học. Những khoa học về quản trị kinh tế theo lối tư bản được đem dậy. Các giáo sư trong trường được phép nghiên cứu, so sánh các thể chế chính trị dân chủ tự do trên thế giới, và các bài nghiên cứu được phổ biến trong nội bộ đảng. Từ năm 1999, ông Đào lên chức Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, cho thấy ông có thể kế vị Giang Trạch Dân.

Rất khó biết các tư tưởng, chủ trương của ông Hồ Cẩm Đào. Nắm chắc cái ghế chủ tịch từ lâu, nhưng ông vẫn là một nhân vật bí mật. Ông không mấy khi tiếp xúc với người ngoại quốc. Người ta cũng không biết rõ chủ trương, đường lối của ông ra sao, tiến bộ hơn hay bảo thủ hơn ông Giang Trạch Dân! Vì ông ít nói trước công chúng và báo chí. Mọi khi cần nói, như trong các chuyến công du Âu châu năm ngoái và ở Mỹ năm nay, thì ông chỉ nói những điều đại cương đúng theo đường lối của Bộ Chính trị.

Nhưng đó chính là bí quyết để sống còn trong chế độ cộng sản Trung Hoa. Muốn tiến thân thì phải tự xóa mình cho lu mờ, không được "sáng" hơn các lãnh tụ đang cầm quyền. Không cứ ông Hồ Cẩm Đào, mà các lãnh tụ khác cũng vậy.

Nhân vật thứ sắp lên địa vị mới là ông Ôn Gia Bảo, cũng 59 tuổi, hiện đang là phó thủ tướng. Ông Bảo được xếp đặt để thay thế Thủ tướng Chu Dung Cơ trong năm nay. Ông Ôn Gia Bảo có thành tích rõ rệt hơn ông Hồ Cẩm Đào với đường lối đổi mới. Khi nắm quyền giải quyết các vấn đề nông thôn ông đã thay đổi thuế khóa để giảm bớt

gánh nặng cho nông dân, giảm bớt hố cách biệt về lợi tức giữa nông thôn và thành thị. Ông cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chống tham nhũng lạm quyền trong guồng máy tài chánh.

Một nhân vật có lúc đã nuôi hy vọng tranh chức với ông Hồ Cẩm Đào hoặc ông Ôn Gia Bảo là Tăng Khánh Hồng, năm nay 62 tuổi. Ông là người thân cận nhất với ông Giang Trạch Dân nên được giao cho chức vụ Trưởng Ban Tổ chức Đảng, một địa vị có thể ban ân phát huệ cho mọi người trong guồng máy thư lại của đảng, xếp chỗ cho các đại biểu dự Đại hội đảng. Năm 1989 ông Tăng Khánh Hồng đã có công cố vấn cho Giang Trạch Dân, nhờ thế Giang được Đặng Tiểu Bình tín cẩn. Nhưng chính vì ông lộ rõ là một đệ tử của Giang Trạch Dân nên Tăng Khánh Hồng bị các lãnh tụ khác chống, ba lần được Giang Trạch Dân đề nghị vào Bộ Chính trị đều thất bại.

Lớp lãnh tụ mới ở Trung Quốc sẽ phải thay đổi đường lối chính sách đảng, vì xã hội Trung Hoa đang thay đổi. Lớp doanh nhân đang thành hình, khiến đảng phải chủ trương thu nhận các nhà tư bản vào đảng, coi họ là "đại biểu các lực lượng sản xuất tiến bộ nhất." Báo chí không ngoan ngoãn như cũ, vì nhiều nhà trí thức đã ý thức vai trò của tự do ngôn luận. Hệ thống tư pháp cũng thay đổi từ từ. Nông dân ý thức vai trò của họ và đòi được chia sẻ quyền lợi. Từ mười năm qua nhiều làng xã đã đòi được quyền bầu cử trực tiếp chức bí thư đảng, và hiện tượng này đang lan tới các cấp cao hơn. Những thay đổi trong đời sống kinh tế, kỹ thuật sẽ thay đổi Trung Quốc. Lớp lành đạo mới có trách nhiệm thực hiện những cải tổ chính trị, đó là điều không thể tránh được.

Đời sống kinh tế thay đổi

Trong năm 2001 số đầu tư trực tiếp của người ngoại quốc (FDI) tính trên số tiền đã thực sự bỏ vào Trung Hoa là 48.85 tỷ Mỹ kim trong số 69 tỷ trên giấy tờ ký kết, tăng hơn 10% so với năm trước. Báo Nhân Dân cho biết riêng Đài Loan đầu tư 3.14 tỷ tăng 33%, nâng tổng số đầu tư từ Đài Loan vào lục địa đã lên 30 tỷ. Ông Trần Thủy Biển đã cho phép các doanh nhân Đài Loan được mua bán và đầu tư vào Trung Hoa tự do hơn trước, các cuộc trao đổi hai bên eo biển ngày càng gia tăng.

Ủy ban Đầu tư trong chính phủ Đài Bắc mới phỏng vấn các công ty Đài Loan đang làm ăn ở lục địa. Trong số 1,466 xí nghiệp được hỏi, chỉ có 47% cho biết làm ăn có lời, 42% thua lỗ, ngoài ra thì chỉ hòa vốn.

Nhưng bên ngoài thành phố Tô Châu nổi tiếng vẫn có một nơi tên "Tiểu Đài Loan" trong khu "Công nghiệp viên" của thành phố, được coi là một kiểu mẫu phát triển để Tô Châu chạy đua theo Thượng Hải. Trong mười tháng đầu năm 2001, các nhà đầu tư ngoại quốc đã ký kết bỏ vào Công Nghiệp Viên này 6.6 tỷ Mỹ kim, con số cao nhất so với các thành phố khác, và lần đầu tiên Thượng Hải bị tụt xuống hàng thứ nhì. Một công ty điện tử Đài Loan là Yageo lập nhà máy ở đây vì giá thành rẻ hơn được 20% đến 25%. Tiền thuê đất rẻ hơn, mà lương công nhân ở Tô Châu thấp hơn những thành phố lớn ở Trung Quốc từ 20% đến 40%. Muốn nhập cảng bộ phận và xuất cảng hàng thì đường ra Thượng Hải cũng chưa đầy 100 cây số. Và thủ tục hải quan có thể làm ngay tại Tô Châu, sau hai ngày hàng có thể rời bến. Công ty Yageo có 700 công nhân gốc lục địa với 20 nhân viên gốc từ Đài Loan, trù tính tăng gấp đôi số sản xuất trong năm 2002. Sau khi các xí nghiệp Đài Loan nhập cuộc, các công ty ngoại quốc khác cũng tin tưởng hơn: Acatel của Pháp mở một nhà máy tốn 80 triệu Mỹ kim, rồi đến Nokia (Phần Lan), Samsung (Nam Hàn), Hitachi (Nhật), Philips (Hà Lan), Emerson (Mỹ), v.v.. Khu Công Nghiệp Viên này trước do người Singapore thành lập lấy tên là Tân Gia Hoa Viên (SIP), nhưng họ không thành công nên bán lại cho thành phố. Và khi các xí nghiệp Đài Loan tiến vào khu công nghiệp thứ nhì, các tiệm ăn, khu giải trí kiểu Đài Loan mọc lên, số thợ chuyên môn tăng lên, giúp cho các xí nghiệp quốc tế thêm tin tưởng họ có thể làm ăn ở đây. Có hai quán Thịt gà chiên Kentucky cho khu công nghiệp 25 ngàn dân.

Cũng với số vốn ngoại quốc đầu tư ngày càng gia tăng, lãnh vực tư doanh ở Trung Quốc cũng đang phát triển. Người Trung Hoa ở Đài Loan hay lục địa thì cũng như nhau, và họ học nhau rất nhanh. Sau khi đảng Cộng Sản Trung Quốc công nhận nguyên tắc tư doanh cũng được đối xử bình đẳng như quốc doanh, cho ghi vào hiến pháp, thì số nhà tư doanh tăng lên hơn bốn triệu người, chưa kể những xí nghiệp tư ẩn dưới hình thức hợp tác xã.

Trong tháng Mười Một năm ngoái và tháng Giêng năm nay, có hai cuộc hội thảo về sự phát triển của tư doanh ở Thẩm Quyến và Ôn Châu,

nơi hiện là thủ đô chế tạo nhiều đồng hồ rẻ tiền của thế giới. Trong cuộc hội thảo người ta đã vận động thành lập những ngân hàng tư để lo thu góp vốn cho các xí nghiệp tư.

Một thí dụ về sự thành công của tư doanh ở Trung Hoa là nhà triệu phú Dương Bình, có thể là người giầu nhất Trung Quốc, được tạp chí Forbes ở Mỹ ước đoán là tài sản khoảng 900 triệu Mỹ kim. Theo tin các hãng thông tấn quốc tế thì ông vừa mới được chính phủ Bắc Hàn mời đứng đầu Khu Chế Xuất của họ ở vùng biên giới hai nước.

Dương Bình mới có 39 tuổi, vốn là một giáo sư dạy chính trị, tức là dậy lý thuyết cộng sản ở Trường Hải quân, rồi được du học ở Hà Lan. Khi vụ Thiên An Môn xẩy ra, Bình xin tị nạn chính trị, vào quốc tịch Hà Lan. Khi tình thế cho phép. Bìnhquay về nước làm ăn. Bắt đầu từ ngành nông nghiệp, chắc nhờ ảnh hưởng thời gian ở Hà Lan, Bình trồng trái cây và rau cỏ trong nhà kính, ở tỉnh Sơn Đông, rồi chuyển sang ngành xuất cảng các mặt hàng may mặc và lụa, và sang nghề gây giống hoa lan, một ngành mới công nghiệp hoá ở Trung Quốc. Hiện nay ông ta có nhà trồng lan ở tám tỉnh, lớn nhất là ở Liêu Đông, một tỉnh lạnh lẽo miền đông bắc. Ông giải thích lý do chọn 18 mẫu đất ở thành phố Thẩm Dương là: Sưởi ấm nhà kính thì đỡ tốn hơn là chạy máy lạnh nếu trồng lan ở vùng nhiệt đới!

Dương Bình thành công nhờ giỏi móc ngoặc ngoại giao với các cán bộ, viên chức chính Phủ, từ trung ương tới địa phương. Người ta nghi ngờ rằng sẽ có ngày Dương Bình thất bại nếu ông ta chỉ dựa vào quyền thế và ham đầu tư vào những dự án liều lĩnh, dễ thất bại. Một trong những dự án đó là việc xây dựng một "Làng Hà Lan" ở ngoại ô Thẩm Dương, để bán nhà cho giới nhà giầu mới, trong làng có cả một cối xay lúa với cánh quạt chạy bằng gió. Tấm gương Dương Bình không phải là công thức làm ăn lâu dài nếu Trung Quốc muốn phát triển lãnh vực tư doanh. Kinh tế thị trường chỉ phát triển thực sự nếu việc kinh doanh được tự do và mọi người có cơ hội bình đẳng.

Một dấu hiệu tiến bộ của tiến trình đổi mới và tư hữu hóa ở Trung Quốc là tòa án đã xét những đơn cổ đông thiểu số kiện công ty mà họ làm chủ cổ phần, trong lúc những cơ quan chính phủ làm chủ đa số cổ phần. Tháng Chín năm ngoái, hai vụ kiện đã bị đình xử vì tòa án tuyên bố luật lệ về quyền lợi cổ đông chưa có. Trong đó có vụ một công ty chế thuốc Tây và thuốc bắc công bố các con số thâu nhập và xuất cảng cao quá sự thật (chúng ta liên tưởng đến vụ ở Enron Mỹ). Giữa tháng Giêng năm nay, Tối cao Pháp viện ở Bắc Kinh đã tuyên bố tòa án phải đem các vụ kiện đó ra xét xử, vì các cổ đông thay ban giám đốc công ty không khai đúng sự thật về tình trạng tài chánh và triển vọng kinh doanh.

Với sự phát triển của tư doanh và hệ thống pháp luật được củng cố theo lối các nước Tây phương, xã hội Trung Quốc chắc chắn thay đổi. Lớp người lành đạo mới, được gọi là Thế hệ thứ tư ở Trung Quốc, như ông Hồ Cẩm Đào sẽ phải lo đối phó với những vấn đề đặt ra vì một xã hội 1.3 tỷ dân đang thay đổi.

Hiện nay Trung Quốc là nước đạt được tỷ lệ phát triển cao nhất thế giới, trong lúc Nhật Bản đang trì trệ và suy thoái. Năm 2000 kinh tế Trung Quốc tăng với tỷ lệ 7.9%, năm 2001 tăng 7.3%. Tổng sản lượng nội địa (GDP) của Trung Quốc lên tới 1 ngàn 160 triệu Mỹ kim theo hối suất chính thức, nhưng nếu tính theo sức mua sắm của người dân thì tương đương với hơn 5 ngàn tỷ Mỹ kim, bằng một nửa GDP của Mỹ và cao hơn Nhật Bản.

Nhưng hơn một tỷ người Trung Quốc đang trải qua một cuộc đổi đời. Giai cấp trung lưu ngày càng đông và có ý thức chính trị hơn. Sau khi đảng Cộng Sản Trung Quốc mở cửa cho 4 triệu doanh nhân tư được gia nhập, chỉ có 8% có ý định xin vào đảng. Trong khi đó 31% tỏ ý muốn ứng cử vào các chức đại biểu địa phương. Nông dân Trung Quốc cũng mỗi ngày một mạnh bạo hơn trong các cuộc biểu tình, lên tiếng phản đối chính sách của đảng ở các vùng nông thôn. Họ đã bắt đầu đòi quyền bầu cử bí thư thôn xã, và điều này đã được thực hiện từ mươi năm qua. Giới công nhân thành thị sẽ theo gót. Và giới trí thức Trung Hoa cũng được nhiều quyền tự do trong việc nghiên cứu xã hội và các thể chế chính trị. Cả nước Trung Hoa đang thay đổi. Đảng Cộng Sản phải lựa chọn, hoặc theo đà tiến triển của xã hội mà thay đổi theo, hoặc tìm cách kìm hãm lại. Hiện nay họ đang theo con đường thứ nhất.

Xã hội đang thay đổi

Một công ty ghi tên trên thị trường chứng khoán bị tố cáo là đã trình bầy sổ sách kế toán thiếu minh bạch. Các con số lợi nhuận bị tờ báo chứng minh là giả tạo, sẽ khiến các nhà đầu tư bị đánh lừa khi mua cổ phần của công ty, có thể làm công

chúng mất tin tưởng vào thị trường chứng khoán, một cơ bản của nền kinh tế thị trường. Công ty trên tức giận đệ đơn kiện tờ báo. Họ đòi bồi thường bạc triệu vì những thiệt hại do uy tín bị tổn thương. Nhà báo không xin lỗi mà còn đăng thêm một bài nữa chỉ trích công ty đã kiện cáo để lấp liếm che dấu tội lỗi. Công ty bèn xin tòa án tăng số tiền bồi thường lên gấp ba lần. Trong tháng Năm này tòa sẽ xét xử.

Trước đây, tờ báo trên đã từng điều tra và tố cáo một công ty khác loan báo các tin tức sai lạc để thổi phồng giá cổ phần, khiến trong năm 2000 giá tăng lên hơn gấp bốn lần. Cơ quan Chứng khoán quốc gia đã điều tra và kết luận tờ báo trong tin kinh tế đúng, ra lệnh ngưng mua bán cổ phần của công ty phạm lỗi.

Nghe câu chuyện trên quý vị có thể nghĩ đó là chuyện những công ty Enron, WorldCom, hay Xerox, Anderson ở Mỹ.

Nhưng không, những chuyện trên đang xẩy ra ở Trung Quốc, một xứ vẫn còn chế độ độc đảng và trong các nghị quyết vẫn tuyên theo chủ nghĩa Mác Lênin và Mao Trạch Đông.

Câu chuyện các cổ đông kiện cáo tờ báo trên đây cho thấy Cộng Sản Trung Quốc không còn theo chế độ Mao nữa. Tờ báo bị kiện là tạp chí Tài Kinh, do một ký giả chuyên nghiệp lập ra từ bốn năm nay dưới sự bảo trợ của Cơ quan Chứng khoán Quốc gia. Bà Hồ Thư Lợi (Hu Shuli) là một ký giả chuyên nghiệp. Bà nhất định làm một tờ báo thông tin kinh tế tài chánh, sau hai lần du học về báo chí ở Mỹ. Bà học được một điều rằng muốn cho kinh tế phát triển thì thị trường chứng khoán phải hoạt động lành mạnh; mà muốn thị trường lành mạnh thì thông tin phải chính xác và đầy đủ. Ở các nước tiến bộ, những công ty ghi danh trên thị trường đều bị luật lệ bắt buộc phải báo cáo tài chánh, ít nhất ba tháng một lần. Bản báo cáo phải trung thực, và công chúng có quyền tham khảo. Ai vi phạm sẽ bị phạt nặng nề. Hãy coi các hãng Xerox đóng 10 triệu đô la tiền phạt và công ty Enron đang bị Quốc hội Mỹ điều tra thì thấy luật lệ được áp dụng rất ngặt.

Nhưng ở Trung Quốc thì chế độ tư bản còn đang ở thời kỳ hoang sơ, như tình trạng nước Mỹ ở thế kỷ 19. Tất nhiên, những nước đi sau không cần phải đi theo các sai lầm của những nước đi trước. Cho nên Cơ quan Chứng khoán Quốc gia ở Bắc Kinh đã ủng hộ tờ báo Tài Kinh trong việc làm sạch sẽ các thông tin kinh tế. Từ bốn năm nay, bà Hồ đã lập ra một ban biên tập chuyên đi điều tra các thông tin về tình trạng lời lỗ của các công ty ghi tên trên thị trường chứng khoán.

Công ty đang kiện tờ báo Tài Kinh có cái tên tiếng Anh là Fountain Corp. đặt trụ sở ở Quảng Châu. Không biết có phải vì ảnh hưởng của vụ Enron khai láo ở Mỹ hay không, một ký giả tờ Tài Kinh, ông Phổ Thiệu Bình đã điều tra và tố giác Fountain khai sổ sách kế toán sai, trong số báo ngày 5 tháng Ba. Ngày hôm sau Công ty Fountain đệ đơn kiện, đòi báo Tài kinh phải bồi thường hơn một triệu nguyên, tương đương với 130 ngàn mỹ kim. Sau khi bà chủ bút viết một bài chỉ trích lần nữa, Fountain tăng số tiền đòi bồi thường lên 2 triệu. Bà Hồ rất tự tin, vì trước đây báo Tài Kinh đã thành công khi tố cáo một công ty hóa học ở Thẩm Quyến, tên là Guangxia (Quang Hạ?) đã thổi phồng lợi nhuận các chi nhánh của họ giúp cho giá cổ phần tăng 440% trong năm 2000. Cơ quan Chứng khoán Quốc gia ở Bắc Kinh đã mở cuộc điều tra và xác nhận công ty Quang Hạ có phạm tội, ra lệnh ngưng mua bán.

Công ty Fountain cho là báo Tài Kinh có lỗi vì "chưa có cơ quan chính phủ nào xác nhận bổn công ty khai sổ sách sai" mà tạp chí Tài Kinh đã dám loan tin rồi!

Lý luận của công ty nghe rất quen thuộc đối với những ai đã sống dưới chế độ cộng sản. Trong chế độ đó, chỉ những gì nhà nước đã nói thì mới là tin tức. Công việc của báo chí chỉ là tường thuật những gì đã được nhà nước công nhận. Trong tháng Sáu, tòa án ở Trung Quốc đã đưa ra một phán quyết nước đôi. Một mặt, báo Kinh Tài bị phạt vì đăng nhiều tin không được kiểm chứng. Mặt khác, tòa án cũng xác nhận các báo có quyền điều tra, loan báo những tin tức về các xí nghiệp mà không sợ bị coi là chống chế độ. Quy tắc này được công nhận chứng tỏ đảng Cộng Sản Trung Quốc chấp nhận thay đổi.

So sánh thì chế độ báo chí ở xứ cộng sản Trung Hoa còn rộng lượng hơn ở nước cộng sản Việt Nam. Ở bên Tầu không có những luật lệ như ở Việt Nam, theo đó các nhà báo loan tin bất lợi cho một công ty sẽ phải bồi thường thiệt hại ngay cho công ty đó, chứ không cần đi kiện. Ngược lại, ở các nước tư bản thật sự thì nhà báo có quyền điều tra trước khi nhà nước biết chuyện gì xẩy ra. Và ngay cả khi nhà báo lầm, thì họ chỉ bị phạt vạ, bồi thường nếu người ta chứng minh được rằng

nhà báo cố ý loan tin sai lầm dù biết mình lầm. Luật lệ đó bảo đảm quyền tự do báo chí. Nếu báo chí phải chờ đến khi nhà nước công nhận mới loan tin thì coi như nhà báo không còn việc gì làm nữa! Theo các án lệ báo chí ở Mỹ, các "nhân vật của công chúng" (public figures) bị loan tin xấu và chứng minh được đó là tin sai lầm thì cũng chưa chắc đã thắng kiện nhà báo nếu nguyên đơn không chứng minh được rằng nhà báo cố ý mạ lỵ, phỉ báng, biết sai mà vẫn đăng.

Vụ án trên chứng tỏ đảng Cộng Sản Trung Quốc biết giá trị của báo chí tự do. Họ đã nới lỏng cho các báo loan tin kinh tế tài chánh, vì thấy thông tin tự do là điều kiện thiết yếu cho sinh hoạt kinh tế. Các lãnh vực khác cũng có nhu cầu đó. Chế độ cộng sản muốn giảm bớt tham nhũng nhưng nếu báo chí không có tự do thì chế độ sẽ nuôi tham nhũng ngàn năm không trừ được. Tự do thông tin kinh tế sẽ là bước đầu tiên để những người làm báo khác được khích lệ, sẽ đòi hỏi họ cũng phải được tự do trong các lãnh vực khác. Vì Tự do cũng giống như trinh tiết. Không thể có tình trạng "hơi hơi tự do được." Ngày xưa Trung Quốc còn theo chủ nghĩa Mao ít thì chỉ có một ông Mao được phép tự do, ông nói gì thì đó là Trời phán. Kinh tế thị trường không thể phát triển trong không khí như vậy.

Đảng Cộng sản khó kiểm soát dân chúng

Dân chúng ở đâu cũng thích coi vô tuyến truyền hình, và khi coi ti vi thì họ vẫn thích được coi càng nhiều đài càng tốt. Có 300 triệu gia đình trong lục địa Trung Hoa có máy ti vi. Từ tháng Hai năm 2002 Cộng Sản Trung Quốc đã bắt buộc các đài truyền hình ngoại quốc phải truyền tín hiệu qua một địa chỉ duy nhất là vệ tinh Sinosat-1 do một doanh nghiệp nhà nước kiểm soát. Qua cái cửa ngõ này, đảng Cộng Sản có thể kiểm soát tất cả sự lưu thông tin tức, cho chiếu những chương trình nào được chấp thuận, cắt những chương trình, ngay cả những đoạn phim, những câu nói trái với ý đảng. Cách thông thường nhất của chính phủ Bắc Kinh là hệ thống truyền hình ngoại quốc nào không theo ý đảng thì không cho phát sóng trong một vài ngày đến vài tuần, khiến họ bị mất tiền quảng cáo.

Kiểm soát kỹ như vậy, mà trong tuần chót của Tháng Sáu vừa qua, các đệ tử Pháp Luân Công, môn phái khí công chỉ truyền bá đạo đức cổ truyền bị đảng Cộng Sản Trung Quốc đặt ra ngoài vòng pháp luật, đã xâm nhập vào được hệ thống truyền tín hiệu của Sinosat-1 trong suốt một tuần lễ. Họ truyền đi những sự thực mà đảng vẫn giấu diếm, nêu lên những ý kiến mà đảng cấm phổ biến, cho cả nước Trung Hoa được nghe. Tháng Tám, chính phủ Bắc Kinh lại tố cáo Đài Loan giúp các môn đồ Pháp Luân Công chiếm làn sóng truyền hình một làn nữa, nhưng chính phủ Đài Loan phủ nhận.

Nhưng "tuần lễ tự do ngôn luận" đó không phải là dấu hiệu duy nhất cho thấy Cộng Sản Trung Quốc đang thất bại trong chính sách kiểm soát thông tin. Muốn kiểm soát, nhà nước không những phải kiểm soát nguồn phát sóng mà còn phải làm sao cấm các người dân coi ti vi không được tiếp nhận các nguồn sóng ngoài những kênh "hợp pháp". Muốn vậy nên ở Trung Quốc, Iran cũng như ở Việt Nam, đảng cầm quyền kiểm soát việc mua bán, đặt các đĩa ăng ten và những hộp chuyển tín hiệu thành hình ảnh.

Nhưng người dân bình thường ở Trung Quốc cũng không chịu sống trong cảnh cấm đoán thông tin mãi mãi. Họ đang chống đảng một cách âm thầm bằng những cái đĩa thâu sóng truyền hình lén lút, để lấy hình ảnh, tiếng nói từ các đài truyền hình quốc tế. Hiện nay người Trung Hoa có thể coi 26 đài ngoại quốc và có tới 45 triệu người đang dùng các đĩa thâu sóng bất hợp pháp, và con số đó vẫn còn đang gia tăng. Thống kê này là ước tính của James Mitchell, làm việc cho công ty phân tích thị trường Goldman Sachs ở Hồng Kông. Một công ty chuyên về chứng khoán phải quan tâm đến chuyện này vì khách hàng của họ là các nhà đầu tư, cổ đông của những hệ thống truyền hình cần biết là khi họ ký hợp đồng với nhà nước Bắc Kinh để dùng vệ tinh Sinosat-1 thì họ được lợi thế nào. Nếu các hệ thống truyền hình khác vẫn truyền được vào Trung Hoa nhờ người dân tìm ra cách mở coi các đài khác thì thị trường của họ sẽ bị giảm bớt. Chuyện này cũng giống như các công ty bán đĩa nhạc, DVD phim ảnh, nhu liệu ở Trung Hoa đang bị nạn sao chép làm mất nguồn lợi thương mại.

Kỹ thuật tân tiến, và mỗi ngày một tiến nhanh hơn, chi phí rẻ hơn, đã khiến cho một đảng độc tài không phản ứng kịp để ngăn chặn các nguồn tin tức. Chỉ cần một, hai tiếng đồng hồ là người ta gắn xong một cái đĩa ăng ten với cái hộp chuyển sóng. Ở Bắc Kinh thì tốn khoảng 2,000 nguyên (khoảng 240 đô la) nhưng ở Quảng Đông thì chỉ

tốn 800 nguyên.

Nhưng sự thất bại của Cộng Sản Trung Quốc trong vấn đề này, cũng là dấu hiệu cho thấy chuyện gì sẽ xẩy ra ở Việt Nam, không phải chỉ vì lý do kỹ thuật tiến nhanh quá.

Nguyên nhân quan trọng hơn cả là chính cơ cấu của đảng Cộng Sản đang tan rã từ bên trong. Những "nhà kinh doanh" chuyên cung cấp các ăng ten lậu, những chuyên viên đi gắn lậu, và cả người tiêu thụ các sản phẩm chống chế độ đó, nhiều người cũng là đảng viên cộng sản. Và các viên chức cộng sản chịu trách nhiệm kiểm soát cũng không còn hăng hái nữa khi được ăn chia. Họ thấy mối lợi do những hoạt động lậu này mang lại ngày càng lớn hơn trong khi niềm tin tưởng vào "chủ nghĩa bách chiến bách thắng" của đảng, cũng như niềm tin vào giai cấp lãnh đạo đảng thì ngày càng khô cạn. Ngay việc cấm đoán người dân không cho họ tự do coi các đài truyền hình thì các đảng viên cũng thấy là vô lý, tự họ không thể bênh vực, biện minh được. Vậy thì họ theo lệnh đảng để làm gì?

Cơ cấu đảng cộng sản ở Việt Nam cũng như ở Trung Hoa ngày càng lỏng lẻo kể từ khi họ phải quay đầu đi theo lối làm ăn của thế giới tư bản. Sức mạnh của các đảng cộng sản là mạng lưới ràng buộc các đảng viên vào những cơ sở kinh tế, nói cách khác là kiểm soát nồi cơm. Khi đảng còn độc quyền dùng các xí nghiệp quốc doanh, các nông trường tập thể, hợp tác xã, để bóc lột người nông dân, công nhân cũng như giới tiêu thụ, lấy "giá trị thặng dư" thưởng công cho các đảng viên mẫn cán, thì hệ thống đó còn chạy. Nhưng khi đảng cộng sản chịu thua, phải cho tư nhân làm ruộng và sản xuất, buôn bán riêng, thì mạng lưới kiểm soát kinh tế đó bắt đầu lỏng lẻo. Và các cán bộ, đảng viên họ không ngu, họ đã trông thấy quá trình đảng mất quyền này đang diễn ra.

Ai cũng phải nhìn thấy là ở Trung Quốc và Việt Nam lãnh vực kinh doanh tư nhân đang tự phát triển đe dọa vượt ra ngoài những hạn chế của đảng cộng sản. Mà trong các xí nghiệp tư thì làm sao thành lập được những chi bộ đảng như trong doanh nghiệp nhà nước? Ở Trung Quốc có một triệu năm trăm ngàn xí nghiệp tư, 86% các xí nghiệp đó không có lấy một đảng viên cộng sản. Với các công ty lớn thì đảng cộng sản Trung Quốc chỉ thành lập được chi bộ tại 1% các công ty. Làm sao người ta tin được vào một giáo điều lỗi thời, hủ lậu và phản tiến bộ khi được trông thấy những tiến bộ kinh tế tư bản?

Ngay tại các doanh nghiệp nhà nước có hệ thống đảng chặt chẽ, thì tinh thần đảng viên cũng sa sút. Từ năm 1996 một cuộc nghiên cứu chính thức của Công đoàn thuộc đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cho biết chỉ có 15% các công nhân coi chủ nghĩa cộng sản là một lý tưởng, còn 70% nói thẳng mục đích của họ là đi tìm lợi ích cá nhân. Trong khi các công nhân bình thường không tin vào chủ nghĩa thì các cán bộ cũng mất tin tưởng vào đảng của họ. Một cuộc phỏng vấn 673 viên chức ở thành phố Cát Lâm, Trung Quốc vào năm 1998 cho biết hơn một phần ba nghĩ rằng uy quyền và địa vị của các cán bộ đã suy giảm. Tất nhiên, khi đảng mất khả năng kiểm soát nồi cơm thì còn dựa vào đâu để củng cố địa vị và uy quyền?

Nhiều người phải tự hỏi, "Tại sao một đảng đang bị mọt ròng, ung thối từ bên trong như vậy mà sao nó vẫn chưa đổ?" Diễn tiến của tình trạng tan rã từ bên trong ngày càng rộng và nhanh hơn, chỉ cần thời gian thì những sự thể đã xẩy ra ở Đông Âu và Liên xô sẽ diễn ra ở Trung Quốc và Việt Nam. Các chế độ cộng sản ở các nước Âu châu tan không phải vì có thế lực nào xô đẩy, mà chỉ tự bên trong mà tan rã. Cộng Sản Trung Quốc tuy mạnh hơn cộng sản Việt Nam vì biết đổi mới kinh tế sớm và nhanh hơn, nhưng hiện tượng dân chúng phản đối chính quyền đang diễn ra ở khắp nơi. Sự chống đối hiện nay còn tính chất thụ động, như tình trạng coi đài truyền hình ngoại quốc lén lút ở các thành phố. Ngoài ra, nông dân cũng không chịu hợp tác với chính quyền. Bộ Công An ở Bắc Kinh cũng thú nhận rằng tại nhiều làng quê khi chính quyền muốn bắt dân theo chính sách kiểm soát sinh sản, cho đến việc đi thâu thuế cũng phải dùng công an mang súng. Tình trạng bên trong lỏng lẻo dần, bên ngoài chống đối gia tăng sẽ từ từ đưa tới sự sụp đổ của chế độ.

Có nhiều điều học ở Cộng sản Trung Quốc

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thất bại không xin được ông Giang Trạch Dân đối đãi ngang hàng với các nước Lào, Cam Bốt và Myanmar (Miến Điện.) Ba nước này đã được Trung Quốc đồng ý giảm bớt thuế quan khi bán hàng. Vì sau khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới, họ sẽ giảm quan thuế cho các nước Đông Nam Á đã ở trong tổ chức này thì hàng hóa Lào, Miến Điện rất khó cạnh tranh, cho nên họ phải xin giảm thuế

nhập cảng vào Trung Hoa. Đảng Cộng Sản Việt Nam mong được đối đãi như vậy mà không được, chứng tỏ "tình đoàn kết hữu hảo" giữa hai nước cộng sản hiếm hoi còn sót lại trên bản đồ thế giới chỉ có trên giấy tờ mà thôi.

Trong chuyến viếng thăm của ông Giang Trạch Dân, báo chí Đảng ở Hà Nội cho biết hai nước sẽ hợp tác về quân sự và về "nghiên cứu chủ nghĩa." Nghe nói vậy thì người Việt Nam phải thất vọng. Hợp tác quân sự với một nước lớn ở bên mình thì chỉ có lép vế mà thôi. Còn hợp tác trong việc nghiên cứu chủ nghĩa là làm cái gì? Từ năm 1950 đảng Cộng Sản Việt Nam đã được các cố vấn Trung Quốc chỉ bảo lý thuyết Mác xít theo cách nhìn của Mao Trạch Đông, đã du nhập từ các từ ngữ chuyên môn cho tới các kỹ thuật đấu tố, tung ra phong trào trăm hoa đua nở để đánh bẫy giới văn nghệ. Bây giờ còn muốn học tập Mao Chủ Tịch nữa hay chăng?

Nhưng nếu chúng ta biết việc nghiên cứu về lý thuyết ở Trung Quốc đang tiến triển như thế nào thì sẽ nhìn thấy khía cạnh khác. Hiện nay ở bên Tầu người ta đang tách dần dần ra khỏi lý thuyết Mác Lê nin và Mao Trạch Đông một cách ráo riết, nếu đảng Cộng Sản Việt Nam biết "hợp tác" riêng trong chuyện này thôi thì cũng là một điều may mắn cho dân Việt Nam.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đang thay đổi chương trình dạy trong Trường Đảng Trung ương, người chủ trì việc cải cách này chính là ông Hồ Cẩm Đào, sắp lên thay thế ông Giang Trạch Dân. Ngoài lý thuyết của Mác và Mao, 1,500 cán bộ học ở đây còn được dạy những vấn đề xưa nay bị coi là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản.

Chương trình học của trường đảng gồm những môn chính trị học, kinh tế học của các nước Tây phương. Lý thuyết kinh tế của Paul Samuelson, xưa nay vẫn được dạy ở các trường quản trị và kinh tế Âu Mỹ, nay là điều các cán bộ phải học. Họ cũng được học những lý luận của Jeffrey Sachs, một giáo sư Đại học Harvard, đã làm cố vấn cho chính phủ Nga, ông Sachs luôn luôn đề nghị cải tổ kinh tế cộng sản sang tư bản bằng các biện pháp mạnh, nhanh chóng và toàn diện.

Trường Đảng Trung ương cũng lập ra một Viện Nghiên cứu bang giao quốc tế và một Viện Nghiên cứu chính trị tỷ giảo, để so sánh các chế độ chính trị trên thế giới. Những lý thuyết về phân quyền, về các định chế dân chủ ở các nước Tây phương đều được đem ra dạy. Tờ báo hằng tuần của nhà trương phân tích cả những phong trào dân chủ hóa. Trong năm qua, do lời yêu cầu của ông Hồ Cẩm Đào, Trường Đảng còn ấn hành công trình nghiên cứu về sự sụp đổ của những chế độ độc đảng ở Nga, Indonesia, sự thất bại của đảng cầm quyền duy nhất ở Mexico trong cuộc bầu cử sau 70 năm cai trị, cũng như đảng Tự Do Dân Chủ ở Nhật nắm quyền từ nửa thế kỷ nay.

Một giáo sư nhà trường cho biết vấn đề cải tổ đảng theo các khuôn mẫu quốc tế đã được công khai thảo luận. Trước đây không ai được nói đến vấn đề đó! Chính trong trường Đảng người ta đang chuẩn bị cho ngày đảng Cộng Sản Trung Hoa giải thể!

Ngay cả phương pháp giảng dạy cũng thay đổi. Không còn lối học nhồi sọ thời xưa, ngày nay các sĩ tử trong "Quốc Tử Giám" mới ở Trung Quốc được học bằng phương pháp thảo luận các trường hợp điển hình (case study) mà Đại học Harvard vẫn dùng trong các lớp MBA. Và các giáo sư ngoại quốc từ Mỹ đến Pháp được mời tới giảng dạy. Một cố vấn của Tổng thống Clinton cũ, ông Ezra Vogel, đã đến thuyết trình ở Trường Đảng Trung ương tại đồi Hương Sơn, ngoại ô Bắc Kinh, thuật lại rằng "các cuộc bàn cãi và tranh luận rất cởi mở."

Chúng ta không thể kết luận rằng nước Trung Hoa đã thay đổi hẳn, hoặc họ chuẩn bị dẹp bỏ cộng sản cộng sản. Nhưng các tin tức trên đây cho thấy các lãnh tụ cộng sản Trung Hoa ý thức rằng sớm hay muộn họ sẽ phải thay đổi về chính trị. Họ biết rằng cải tổ kinh tế mà không thay đổi chính trị thì sẽ đến chỗ bế tắc. Khi Trung Quốc cải tổ chính trị thì khi người dân được tự do hơn, sức mạnh kinh tế sẽ được phát huy gấp bội. Mối đe dọa của Trung Quốc đối với Việt Nam sẽ còn nặng nề hơn bây giờ nữa.

Đó là mối lo tâm phúc của mọi người dân Việt Nam. Trong lúc đảng Cộng Sản cứ lẽo đẽo đi theo Bắc Kinh để níu kéo lấy chút tình đoàn kết vô sản, trong khi vẫn đè nén không cho dân chúng Việt Nam được thở tự do hơn, thì đảng Cộng Sản Trung Quốc đang thay đổi một cách có ý thức và có hệ thống. Nếu Trung Quốc cứ thẳng tiến lên theo con đường của các xã hội Tây phương tiến bộ mà Việt Nam còn nằm trong một chế độ nửa Mao nửa Stalin thì dân mình sẽ còn chìm mãi trong bóng tối./.

VỤ IRAQ VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Từ vài tháng qua, vụ Iraq thu hút sự chú ý của thế giới vì các lý luận đối nghịch cùng xuất hiện khắp nơi về việc Mỹ có nên hay không đơn phương tấn công Iraq mà khỏi cần tới hậu thuẫn quốc tế, thí dụ như qua một nghị quyết của Liên hiện quốc chẳng hạn. Suốt giai đoạn đó, Tổng thống George W. Bush giữ im lặng. Cuối cùng, ngày 12 tháng Chín, ông ra trước Đại hội đồng Liên hiệp quốc đọc bài diễn văn như một tối hậu thư cho cả Liên hiệp quốc lẫn chế độ Saddam Hussein. Iraq đợi bốn ngày sau mới ỡm ờ đồng ý cho thanh tra Liên hiệp quốc vào Iraq vô điều kiện (vào làm gì, đi tới đâu mới là chuyện ỡm ờ), và vài thành viên Hội đồng Bảo an liền vội tán đồng thái độ gọi là biết điều đó của Baghdad để cản trở Hoa Kỳ.

Việc đó không hề giảm áp lực của Mỹ, ngược lại, trong nước, ông Bush khiến đảng Dân chủ phải bọc xuôi mà ủng hộ quan điểm của mình với một đề nghị cứng rắn được đưa qua Quốc hội đúng một tuần sau bài diễn văn này. Đó là vài đòn phép ngoại giao chính trị quanh vụ Iraq, loại đòn phép người ta có thể quên ngay khi súng bắt đầu nổ.

Có một điều mà thế giới sẽ khó quên là hôm sau, ngày 20 tháng Chín, chính quyền Bush công bố "*Chiến lược An ninh Quốc gia,*" một văn kiện hơn 12.600 chữ, soạn thảo mất cả năm, về chính sách đối ngoại của Mỹ. Đây là tài liệu báo hiệu sự hình thành của một đế quốc Mỹ, dù thế giới hay dân Mỹ có thấy hay không, có muốn hay không.

Ta đang gặp hiện tượng lạ là cái duyên đi trước cái nhân, yếu tố khách quan xuất hiện trước yếu tố chủ quan, cho sự hình thành vô tình của một đế quốc.

*

Hơn 10 năm trước, hai siêu cường hạng hai dưới Mỹ đều suy sụp một lúc. Đó là Nhật - với nền kinh tế có thời làm dân Mỹ lo sợ đến nỗi đây đó nổi lên phản ứng bài Nhật - bị khủng hoảng sau vụ bể bóng đầu tư từ đầu năm 1990 và đến nay đang là con bệnh kinh tế Đông Á. Sau đó là Liên bang Xô viết, tự rụm rã vì sự mục nát nội tại của chế độ cộng sản. Từ đó, Mỹ thành siêu cường độc bá thế giới. Với vỏn vẹn 4% dân số địa cầu mà sản xuất hơn 22% sản lượng toàn cầu (tính theo tỷ giá mãi lực PPP), Mỹ đóng góp tới 40% vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới, là quốc gia có sức mạnh quân sự lớn nhất và có ảnh hưởng văn hóa mở rộng nhất.

Ngày nay, khi kinh tế Mỹ còn bị trì trệ vì chưa ra khỏi nạn suy trầm, các nền kinh tế khác đều bị ảnh hưởng. Thế giới ngày nay tùy thuộc quá nhiều vào nước Mỹ mà chính người dân Mỹ không biết. Nhưng, như cái đỉnh cao nhất thường dễ thành cột thu lôi, nước Mỹ cũng thu hút mọi sự bất mãn của thế giới, xuất phát từ nhiều nguyên nhân mà dân Mỹ không biết, và có lẽ cũng chẳng cần biết, cho đến vụ khủng bố 9-11 năm ngoái.

Dân Mỹ bàng hoàng thấy mình bị tấn công một cách tàn bạo và lục địa Hoa Kỳ hết là hải đảo an toàn giữa hai đại dương như họ vẫn lầm tưởng. Người Mỹ hồn nhiên cho là các dân tộc khác đều muốn được như Mỹ, có nền kinh tế tự do, thể chế chính trị dân chủ trên một nền tảng văn hóa cởi mở vì dung nạp mọi sắc thái đa diện của thế giới. Họ không ngờ là bị khủng bố tấn công và bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới tình hình thế giới. Sự giác ngộ này là một tiến trình chậm, sẽ mất nhiều năm mới có kết quả về mặt ý thức.

Giới lãnh đạo Mỹ (cả chính trị lẫn tư tưởng) thì ở vào vị trí phải ý thức được điều đó sớm hơn quần chúng. Họ có thuyết phục được quần chúng hay chăng, chúng ta chưa biết.

*

Khi tranh cử năm 2000, ông Bush và ban tham mưu đối ngoại có nêu lên chủ trương nhũn nhặn

về ngoại giao: rằng Mỹ không nên áp đặt các giá trị tinh thần của mình cho xứ khác; rằng Mỹ không nên đem quân đi giúp các xứ khác "xây dựng quốc gia" như một đám cán sự xã hội; rằng quân đội chỉ có nhiệm vụ đánh giặc với mục tiêu và phương tiện thích đáng; và rằng Mỹ phải quan niệm lại chiến lược quốc phòng cho một kỷ nguyên mới. Trong lời phát biểu của ông Bush, ta có thấy tinh thần thực dụng nhuốm mùi ích kỷ và bàng bạc chưa rõ nét về cái thế xung đột "bất cân xứng," của các quốc gia có thể dùng phương tiện phi quy ước tấn công Hoa Kỳ hầu bù đắp cho sự yếu kém của mình.

Vụ khủng bố năm ngoái đã đảo lộn quan niệm này của chính quyền Bush lẫn các phần tử ưu tú trong xã hội Mỹ.

Vì hình thành như một phản ứng chống lại đế quốc Anh, Hoa Kỳ không có tinh thần đế quốc như Lenin và nhiều người cộng sản ưa lý luận. Nhiều khi người Mỹ còn có tinh thần tự cô lập, không muốn dính líu đến thiên hạ sự nếu thấy không có lợi. Cả hệ thống giáo dục và chính trị của nước Mỹ được xây dựng trên tinh thần đó, nên nói chung, dân Mỹ rất kém hiểu biết về lịch sử và địa dư thế giới. Và họ chủ yếu chọn đại diện cho mình căn cứ trên chủ trương về nội chính (kinh tế, xã hội, thuế khóa, phá thai, trợ cấp y tế, v.v...) hơn là đối ngoại. Họ thực tin rằng tự do kinh tế và dân chủ chính trị tất yếu cải tiến cuộc sống của nhiều nước trên thế giới nên thực tâm đề cao dân chủ, nhân quyền và tự do mậu dịch.

Ngoài tinh thần có vẻ hướng đạo sinh đó, họ lại không có ý chí trở thành một ông trùm, một loại "sen đầm quốc tế" để áp đặt một trật tự nào đó trên thế giới vì tinh thần thực dụng của doanh nhân, là đặc điểm thứ hai của dân Mỹ.

Muốn làm bá chủ toàn cầu như vậy thì phải có khả năng cưỡng hành, tức là bị hao tổn về quyền lợi, phải tuân thủ luật lệ quốc tế do chính mình đề ra và có khi mất lòng đồng minh, tốn tiền viện trợ, mất khả năng chủ động. Đó là những điều có khi chẳng có lợi cho một chính quyền vốn được bầu lên trong có bốn năm và cứ hai năm là lại phải chuẩn bị cho một kỳ bầu cử nối tiếp.

Vụ khủng bố năm ngoái của al-Qaeda đã gây chấn động cho tâm lý đó.

*

Ngày nay, Hoa Kỳ đang phải "xây dựng quốc gia" tại A Phú Hãn, binh lính Mỹ đang được gửi tới nhiều nơi cho một hình thái chiến tranh dấu mặt, tình báo Mỹ phải vượt mọi biên cương truy lùng mọi loại tin tức hay trương mục ngân hàng. Và nước Mỹ phải đảm đương nhiệm vụ đó gần như một mình, với sự ủng hộ rất ít thực chất cụ thể của các đồng minh cố hữu. Quan niệm mới về chiến lược quốc phòng của chính quyền Bush chưa kịp hình thành thì cũng đã bị vụ khủng bố làm đảo lộn.

Osama bin Laden đã bật chốt cho sự vận hành của loại "quy luật không dự tính."

Khi thi hành vụ khủng bố, tham vọng của y là đánh gục ý chí của "tên đầu sỏ" Tây phương, từ đó lấy trớn lập ra một thế liên minh Hồi giáo có khả năng bành trướng toàn cầu. Kết quả không dự tính của hành động đó là làm Hoa Kỳ ý thức được rằng nếu mình không lý vào chuyện của thiên hạ, thiên hạ sẽ có kẻ lý vào chuyện của mình, bằng loại võ khí tàn sát, loại võ khí giết người hàng loạt, kể cả thường dân và nhất là thường dân, và bằng lối tấn công phi quy ước ở mọi nơi mọi lúc. Vụ khủng bố của bin Laden muốn chứng minh Hoa Kỳ là một xứ bất nhất, nhu nhược, thiếu ý chí và không có khả năng chống trả. Đó là một sự cám dỗ rất lớn cho mọi loại khủng bố lớn nhỏ gần xa. Nếu không giải quyết ung nhọt đó thì Hoa Kỳ sẽ còn bị tấn công bất ngờ và bị tấn công bởi những loại võ khí tàn sát đang được sản xuất và phổ biến quá nhiều.

Từ đầu năm nay, người ta bắt đầu nghe nói đến quan niệm "tiên hạ thủ vi cường," tức là phòng thủ bằng cách tấn công trước. Quan niệm đó được nhắc tới suốt năm và vừa được công khai hóa trong tài liệu về *Chiến lược An ninh Quốc gia*. Sau khi mở đầu bằng những nguyên tắc cổ điển về đạo lý (tự do, dân chủ, nhân quyền, nhân phẩm) tài liệu nói tới tám mục tiêu Hoa Kỳ sẽ theo đuổi. Đó là đề cao nhân phẩm con người; củng cố các liên minh chống khủng bố; hợp tác với các nước để giải tỏa mầm mống xung đột; ngăn kẻ thù dùng võ khí tàn sát chống nước Mỹ, đồng minh và thân hữu; mở ra một thời kỳ phát triển kinh tế toàn cầu qua tự do thị trường và tự do mậu dịch; bành trướng quỹ đạo phát triển bằng cởi mở xã hội và xây dựng nền tảng dân chủ; mở rộng nghị trình hợp tác toàn cầu với các cường quốc khác; và cải tổ cơ chế nội an của Mỹ để đón nhận những cơ hội và thách đố của thế kỷ mới.

Khi đi vào chi tiết của tám mục tiêu trên, ta thấy Hoa Kỳ quả là có liên hệ tới mọi vấn đề nóng trên thế giới, từ xung đột ở Trung Đông tới tranh chấp Ấn Hồi tại Nam Á, từ sự bần cùng của

châu Phi tới những triển vọng hay bất ổn tại Á châu... Nhưng, lồng trong những vấn đề này vẫn hiển hiện một mối quan tâm lớn, là nguy cơ khủng bố. Chính nguy cơ này mới khiến Hoa Kỳ nói rõ là sẽ đồng loạt áp dụng mọi biện pháp ứng phó thích nghi, kể cả ra đòn tấn công trước khi bị tấn công. Và dù nhiều lần nhấn mạnh đến nhu cầu vận động sự hợp tác quốc tế, Hoa Kỳ vẫn có thể đơn phương hành động khi gặp trường hợp đối đế. Thế nào là trường hợp đối đế, trường hợp bất đắc dĩ, thì chính Hoa Kỳ sẽ quyết định lấy, nghĩa là đơn phương quyết định, bất chấp quan điểm của các nước khác, hay của một tổ chức quốc tế như Liên hiệp quốc chẳng hạn.

Nói cho ngắn gọn, Hoa Kỳ thông báo một luật chơi mới, rất ôn hòa, văn minh, nhưng không loại bỏ trường hợp nước Mỹ phải hành động một mình để bảo vệ quyền lợi của mình. Nếu thế giới đồng ý thì càng hay, không thì thôi. Chúng ta đang thấy xuất hiện một quan niệm đã hơi mạch lạc dù chưa toàn diện của Hoa Kỳ về một "trật tự mới," trật tự của Mỹ, một thứ *Pax Americana* của thời đại mới.

Trong hoàn cảnh đó, người ta mới trở lại vụ Iraq.

Hoa Kỳ có nhiều lý do để tạo ra "sự thay đổi chế độ tại Iraq," trong đó có lý do chính đáng nếu ta khách quan xét lại hành động của chế độ Saddam Hussein từ 1990 đến nay. Nhưng, chưa ai biết là sau sự thay đổi đó sẽ là cái gì, và nước nào cũng sợ là từ nay Hoa Kỳ sẽ trở thành một thế lực hung hăng đi giải quyết thiên hạ sự theo quan điểm của mình. Đối với Hoa Kỳ, nỗi sợ đó của thế giới chẳng đáng kể so với nỗi sợ sẽ lại bị khủng bố tấn công. Vả lại, lời can gián của đồng minh nhiều khi chỉ phản ảnh những tính toán về quyền lợi của họ mà thôi và vì vậy không thể có giá trị bằng tính toán về quyền lợi của Mỹ. Hãy nhìn lập trường của Pháp do quyền lợi chằng chéo với chế độ Baghdad; hãy nhìn lập trường của Thủ tướng Đức, cố ngả theo tinh thần phản chiến của dân Đức để được tái đắc cử dù có thành tích kinh tế rất tệ; hãy nhìn lập trường của Nga, muốn Mỹ nhắm mắt cho mình "tiên hạ thủ" bằng cách tấn công lực lượng Hồi giáo Chechchen xâm nhập vào Cộng hòa Georgia, chủ yếu là để kéo Georgia vào quỹ đạo của mình; hay lập trường của Trung Quốc khi muốn thôn tính Tây Tạng và tiêu diệt ý chí tự trị của người Hồi giáo tại Tân Cương. Tình nghĩa hay chính nghĩa của đồng minh là cái gì đó rất tương đối mà thôi.

Sau al-Qaeda, Hoa Kỳ phải chứng minh cho mọi quốc gia hay lực lượng thù nghịch biết rằng đụng tới quyền lợi Mỹ là phải trả giá rất nặng. Iraq là quốc gia nằm trong danh mục đó và lại nằm trên một kho dầu hỏa có trữ lượng thứ nhì địa cầu, nên sẽ phải thay đổi, để có một chế độ ôn hòa và biết điều hơn.

Al-Qaeda đã đánh thức một siêu cường và trên bước đường trở thành một đế quốc mới, Hoa Kỳ sẽ lấy Iraq làm gương.

*

Nhìn vào sự thể này, chúng ta nghĩ sao?

Người dân Mỹ đang thấy dần là họ có liên hệ tới hòa bình hay sự thịnh vượng của xứ khác, vì các xứ khác mặc nhiên coi Mỹ là có trách nhiệm về mọi chuyện trên đời. Một cách miễn cưỡng, Hoa Kỳ đang tiến ra thế giới để thiết lập một trật tự mới. Mặt tích cực của trật tự đó là loại yếu tố thuộc về đạo lý (tự do, dân chủ, nhân quyền) dù sao còn có giá trị hơn "cách mạng vô sản" hay "đấu tranh giai cấp" của trật tự Xô viết năm xưa. Mặt tích cực thứ nhì, chính quyền Mỹ dù sao cũng do dân bầu lên trong nhiệm kỳ nhất định nên lãnh đạo Mỹ chẳng thể tự tung tự tác như lãnh đạo của các đế quốc khác trong lịch sử loài người. Cụ thể là vì đa số dân Mỹ ngày nay ủng hộ việc tấn công Iraq nên chính quyền Bush mới có thể nói đến "tiên hạ thủ" và đảng Dân chủ phải chạy theo ủng hộ quan điểm đó để khỏi bị thất cử vào tháng 11 này.

Nhưng, mặt trái của sự việc đó là chúng ta có một đế quốc miễn cưỡng và khó có viễn kiến lâu dài.

Chỉ cần quốc hội hay dân Mỹ đổi ý là đế quốc này lại lập tức xoay chuyển chủ trương trên trường quốc tế. Quốc gia nào chẳng may giàng số phận của mình vào sự chuyển động đó thì sẽ bị sóng gió, hoặc có khi bị nhận chìm. Vì vậy, giá trị và sự tồn tại của đế quốc này tùy thuộc vào sự trưởng thành của người dân Mỹ về những chuyện của thế giới, là điều người ta chưa thể thấy ngay trong một vài năm tới. Lạc quan lắm thì phải đợi cả chục năm nữa, sau những thất bại và thành công trên trận tuyến chống khủng bố.

Từ nay đến đó, thiên hạ sẽ còn nhiều lúc nín thở theo dõi sự hình thành của một trật tự kinh hoàng, một cuộc chạy đua giữa hai quan niệm đối nghịch về giá trị con người. Giữa các nhóm khủng bố coi mạng người như rác và một siêu cường dân chủ nay đang trở thành một đế quốc.

TRUNG HOA THẾ KỶ 21: MỘT CHIẾN LƯỢC LỚN?

CỔ LŨY

Trong thế kỷ 21 có lẽ sẽ chỉ có hai siêu cường lớn là Hoa Kỳ và Trung Hoa. Cái nhìn chính là nhằm vào chiến lược của Trung Hoa và phản ứng của Hoa Kỳ. Tuy nhiên có thể nói là toàn thế giới sẽ chịu ảnh hưởng sâu đậm, như đã thấy trong tranh chấp tư bản và cộng sản trong nửa thế kỷ trước - nhất là những nước quanh Trung Hoa, trong đó phải kể đến Việt Nam.

Bài sau đây đã tóm tắt những ý kiến trình bày trong phúc trình "Interpretings China's Grand Strategy: Past, Present, and Future," soạn bởi ông Michael D. Swaine, Giám đốc Nghiên cứu Phân bộ Á Châu - Thái Bình Dương, thuộc RAND Corporation. một cơ quan nghiên cứu tư nhân (think tank) lâu đời và thẩm quyền nhất ở Hoa Kỳ (Santa Monica, California).

*

Khối Tây phương và nhiều nước Á châu nhìn về hướng Trung Hoa với những phát triển đều đặn về kinh tế và quân sự với con mắt đầy lo ngại. Nhưng lo ngại này dựa vào hai yếu tố "khách quan" về quyền lực của Trung Hoa: khả năng quân sự và kích thước cũng như mức độ phát triển tổng sản lượng quốc gia (GDP) ở Trung Hoa. Mặc dù rất là quan trọng, những ước lượng về quân sự và kinh tế này không mang nhiều ý nghĩa lắm nên chúng không được đặt vào bức tranh rộng lớn mô tả cung cách và mục tiêu giới lãnh đạo Trung Hoa sử dụng những ưu điểm kinh tế và quân sự của mình như thế nào. Nói tóm lại, nếu muốn có một ước lượng chính xác về quyền lực mỗi ngày một lớn của Trung Hoa, cũng như tầm ảnh hưởng của quyền lực này, ta cần phải hiểu chiến lược lớn của Trung Hoa.

Một số nhà nghiên cứu về đường lối an ninh quốc gia của Trung Hoa lý luận rằng nhà nước Trung Hoa chưa bao giờ cố ý theo đuổi một chiến lược lớn. Nhiều nhà nghiên cứu khác lý luận rằng nhà nước Trung Hoa cận đại luôn luôn bận tâm với việc bảo tồn vị trí ưu việt về văn hóa và ý thức hệ qua những lễ nghi và cung cách nghiêm túc, và nước Trung Hoa hiện đại cũng đặt vị thế và tiếng tăm quốc gia lên trên quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, cho dù chiến lược lớn của Trung Hoa chưa bao giờ được giới cầm quyền xác định một cách rõ ràng mạch lạc, Trung Hoa, giống như bất cứ nước nào khác, luôn luôn theo đuổi một chiến lược lớn từ quá khứ cho đến ngày nay.

I. Thử nhận định chiến lược lớn

Chiến lược của Trung Hoa nhằm đạt đến ba mục tiêu chính: Trước hết và trên hết là mục tiêu bảo tồn trật tự và an ninh quốc nội trước những bất ổn của xã hội; hai là chống lại những đe dọa thường trực nhắm vào lãnh thổ và quyền lực nhà nước; ba là đặt để và duy trì vị thế hàng đầu nếu không nói là tối thượng về địa dư chính trị ở Á châu - Thái Bình Dương và có thể ra ngoài vùng nữa.

Nhìn qua lịch sử Trung Hoa người thấy ngay nỗ lực đạt đến những mục tiêu kể trên trải qua khắp thời đại bằng chiến lược an ninh nhằm vào duy trì ổn định và phồn thịnh nội bộ cùng với nỗ lực đặt để vị thế ưu việt trên lãnh thổ trải rộng, bao gồm những "chư hầu" bao quanh Trung Hoa. Để thực thi chiến lược này, Trung Hoa từng dựa vào một guồng máy cai trị độc đoán đặt trên một hệ thống giá trị (value system) phon g kiến thuần nhất, bạo lực, những chiến lược ngoại giao thực tiễn lúc quân bằng lúc lắc léo và những lợi thế rút từ hệ thống kinh tế và văn hóa ưu việt khắp Trung và Đông Á châu.

Trong thời cận đại, những tiểu quốc thống nhất và hùng mạnh nằm trong Trung Hoa, nỗ lực kiềm tỏa những vùng cận biên chiến lược và đòi hỏi những sắc dân cận biên phải khuất phục qua chính sách đô hộ trắng trợn được hỗ trợ bởi sức mạnh quân sự ưu việt của Trung Hoa. Khi phải đối xử với những chống đối bên trong cũng như bên ngoài biên giới (gồm cả những chống đối việc sử dụng vũ lực gay gắt và kéo dài), các tiểu quốc Trung Hoa thường dùng nhiều chiến lược đối ngoại mềm dẻo như chính sách nới lỏng, thành lập những liên minh, liên hệ văn hóa trong đó Trung Hoa nắm chủ động, cũng như những hiểu biết thông cảm giữa các lãnh chúa, hoặc biện pháp quốc phòng bớt gay gắt hơn.

Những tiểu quốc yếu đuối hoặc trên đà đi xuống phần lớn dựa cậy vào các chiến thuật mềm dẻo không cần đến bạo lực để tránh né những công kích từ bên ngoài cũng như để duy trì ổn định ở vùng cận biên. Nếu những biện pháp này không đạt được kết quả mong muốn, những chế độ yếu kém bắt buộc phải dùng đến phương tiện quân sự để đáp ứng áp lực nội bộ từ phía những thành phần bảo thủ. Những biện pháp này không mấy khi đạt được kết quả khả quan và đẩy chế độ đến mức suy thoái hoặc hoàn toàn sụp đổ - hậu quả là Trung Hoa bị mất ảnh hưởng trên vùng cận biên và có khi mất cả đất đai từng nắm dưới quyền kiểm soát. Những chế độ hợp nhất sau đó lại có đủ sức mạnh để lấy lại ảnh hưởng cũng như đất đai bị mất. Những đổi thay và lập lại như trên cho thấy rõ một khuôn mẫu bành trướng, củng cố và suy thoái quyền lực của Trung Hoa trên vùng ngoại biên từ triều này sang triều khác lên xuống thăng trầm.

Đến thời hiện đại (từ giữa thế kỷ 19 cho tới ngày nay) những mục tiêu an ninh căn bản của Trung Hoa vẫn không có gì khác mấy. Tuy nhiên, Trung Hoa đã có nhiều thay đổi đáng kể trong những mặt như định nghĩa mới về đe dọa an ninh, vùng cận biên, ảnh hưởng trên vùng cận biên và những điều kiện nội cũng như ngoại nhằm củng cố trật tự và an ninh trong nước. Tất cả những thay đổi nói trên ảnh hưởng lớn đến những chiến lược an ninh quốc gia rõ rệt của Trung Hoa. Đặc biệt là thời hiện đại cho thấy những chiến lược an ninh uyển chuyển pha trộn những yếu tố cứng rắn truyền thống (nỗ lực khống chế những vùng cận biên bằng phương tiện quân sự và chính trị) cùng chiến lược mềm dẻo (sử dụng lực lượng tự vệ lãnh thổ đồng thời với những xoay sở tiến thoái ngoại giao).

Trong những thập niên gần đây, cùng với những sát nhập đất đai lấy từ vùng cận biên và sự bành trướng kỹ nghệ và kinh tế ở một số nước cận biên, đường lối an ninh quốc gia vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo của Trung Hoa cho thấy một chiến lược có tính toán không ra mặt đối kháng nhưng cũng chẳng hợp tác với ai. Chiến lược này được dựa trên ba yếu tố căn bản. Thứ nhất, nó được dựa trên một đường lối cực kỳ thực tiễn và không bị ảnh hưởng của ý thức hệ. Đường lối này nhằm vào mục tiêu bành trướng kinh tế thị trường và duy trì liên hệ thân thiện với các đại cường trên thế giới. Thứ hai, nó được đặt trên đường lối hòa hoãn với các nước cận biên cũng như các nước xa xôi khác, cộng với nỗ lực hiện đại hóa và làm gọn nhẹ guồng máy quân sự Trung Hoa (dù là rất từ từ). Thứ ba, nó đòi hỏi Trung Hoa tham gia nhiều hơn về chính trị trong vùng và toàn thế giới cũng như diễn đàn chính trị với mục tiêu chiếm lấy chính nghĩa càng nhiều càng tốt.

Nguồn cội của chiến lược lớn này có thể nhìn thấy qua vị thế Trung Hoa như một nước lớn nhưng tương đối còn yếm kém. Trung Hoa cần phát triển kinh tế và kỹ thuật mà không phải bận tâm về an ninh trong cũng như ngoài nước. Muốn đi đến mục tiêu này Trung Hoa phải sống trong một môi trường địa dư chính trị yên ổn hòa hoãn ở vùng cận biên cũng như xa hơn nữa. Nhu cầu phát triển kinh tế và kỹ thuật mà không phải bận tâm về an ninh thúc đẩy các chính sách cải tổ bắt đầu từ cuối thập niên 1970. Những yếu tố căn bản trong chiến lược lớn có tính toán của Trung Hoa được phô bày rõ rệt trong các chính sách Trung Hoa đang theo đuổi trong bốn khu vực khác nhau: chính sách đối với Hoa Kỳ; chính sách hiện đại hóa quân sự; chính sách gia tăng lãnh thổ (đi cùng với việc sử dụng vũ lực); chính sách ngoại giao với các nước ngoài Hoa Kỳ.

II. Vẫn còn yếu, nhưng trên đà đi lên

Với ý thức rõ rệt về vị trí "vẫn còn yếu, nhưng trên đà đi lên" của mình, những chính sách an ninh của Trung Hoa nhằm đương đầu với Hoa Kỳ như siêu cường số một trên thế giới có thể được mô tả như nỗ lực hai mặt: thân thiện và ngăn ngừa. Nỗ lực thân thiện phần lớn nhằm vào việc phát triển và duy trì những liên hệ thân thiện với Hoa Kỳ để khuyến khích Hoa Kỳ liên tục tài vận mức tăng tiến quyền lực của Trung Hoa. Nỗ lực ngăn ngừa dùng đủ những biện pháp ngăn chặn mọi hành động của Hoa Kỳ nhằm cản trở khả năng, vị thế và ảnh hưởng của Trung Hoa. Giới lãnh đạo Trung Hoa sử dụng chiến lược hai mặt này với ý thức rõ rệt là, "về mặt kinh tế, Hoa Kỳ là nước giao thương quan trọng và nhà đầu tư lớn nhất với Trung Hoa," đồng thời, "về mặt địa dư chính trị, Hoa Kỳ là một đối thủ chính đe dọa sức mạnh toàn diện của Trung Hoa" (1). Những nỗ lực thân thiện cũng như ngăn ngừa mang nhiều hình thức trực tiếp cũng như gián tiếp. Về mặt trực tiếp, những nỗ lực này nhằm thuyết phục Hoa Kỳ chấp nhận vị trí vai vế của Trung Hoa như một yếu tố quân bằng ở châu Á cũng như toàn thế giới. Thuyết phục Hoa Kỳ chấp nhận một nước Trung Hoa hùng cường như điều không tránh khỏi (hay hơn nữa, như một cần thiết) là đường lối tất yếu để ngăn ngừa mọi nỗ lực ngăn

chặn bởi Hoa Kỳ và các nước đồng minh, hoặc bởi những nước Á châu hùng mạnh khác.

Hơn nữa là để ngăn ngừa mọi phản ứng phòng thủ của Hoa Kỳ đối với một Trung Hoa đi lên - nhất là phản ứng đưa Hoa Kỳ đến mức gia tăng quốc phòng, gia tăng hiện diện quân sự hải ngoại và bành trướng mức độ nghiên cứu và phát triển vũ khí mới. Nếu những gia tăng bành trướng này thành hình, Trung Hoa sẽ tụt lùi sau Hoa Kỳ hơn nữa về mặt quân sự và những đối thủ của Trung Hoa vùng cận biên có thêm lợi thế chính trị để thách đố quyền lợi Trung Hoa một cách hữu hiệu hơn.

III. Một lực lượng quân sự hoàn toàn hiện đại

Cũng nằm trong chiến lược lớn hiện nay, Trung Hoa luôn luôn tìm cách phát triển một loạt những khả năng quân sự làm hậu thuẫn cho những mục tiêu chính trị và tầm hành động mở rộng. Những mục tiêu này bao gồm: bảo đảm chủ quyền và lãnh thổ Trung Hoa chống lại mọi đe dọa và công kích từ mọi phía, kể cả những lực lượng quân sự cực kỳ tân tiến; phát triển khả năng chống đối hay vô hiệu hóa một loạt những đe dọa an ninh ngắn, vừa và dài hạn dọc theo vùng cận biên (nhất là các vùng duyên hải); học hỏi cách sử dụng sức mạnh quân sự như một dụng cụ mạnh mẽ và đa hiệu trong đường lối ngoại giao địa phương và toàn cầu và cuối cùng là phát triển thế vai vế cũng như gia tăng an ninh lãnh thổ tương xứng với vị thế siêu cường trong Thế kỷ 21. Nói tóm tắt những mục tiêu trên nằm trong nỗ lực giảm thiểu những nhược điểm hiện có và gia tăng công dụng của lực lượng quân sự để đạt được thế thượng phong về ngoại giao cũng như chính trị (2).

Nỗ lực giảm thiểu những nhược điểm đã có kết quả ở hai cấp bực. Cấp thứ nhất bao gồm nỗ lực hiện đại hóa khả năng hạch nhân chậm nhưng cả quyết để giảm thiểu những nguy cơ đe dọa lực lượng hạch nhân tương đối nhỏ và thô thiển của Trung Hoa (bởi các lực lượng lớn và tối tân hơn của các cường quốc kỹ nghệ khác). Chương trình này nhắm thẳng vào việc cải thiện "khả năng tồn tại của lực lượng hạch nhân của Trung Hoa, căn cứ vo mức độ và chính xác, tầm hoạt động, hệ thống hướng dẫn và điều khiển" phi đạn (3). Chương trình không nhắm vào việc bành trướng kích thước lực lượng hạch nhân (4). Trung Hoa cũng cố gắng hiện đại hóa vũ khí cổ điển; những hoạt động trong lãnh vực này có vẻ như được tiến hành nhịp nhàng và thu được nhiều kết quả đáng kể. Vì biên giới đường bộ tương đối liên tục và an toàn - nhờ chính sách ngoại giao của Trung Hoa cũng như thế hòa hoãn của các nước láng giềng không muốn tranh cãi lãnh thổ - nỗ lực hiện đại hóa dồn hết vào hải và không lực. Những bất ổn có thể xảy ra ở eo biển Đài Loan khiến Trung Hoa chú tâm vào hiện đại hóa lực lượng cổ điển trong những năm gần đây: Trung Hoa chú tâm về khả năng ngăn chặn nhằm vào Đài Loan (kể cả đe dọa tâm lý và tinh thần đối thủ) cũng như khả năng gạt ra ngoài những lực lượng bảo vệ Đài Loan như Hoa Kỳ chẳng hạn.

Trong nỗ lực đạt đến mục tiêu phát triển khả năng quân sự chống lại đe dọa ngắn hạn đồng thời củng cố thế lực lâu dài, giới lãnh đạo quân sự Trung Hoa nhận thấy nỗ lực hiện đại hóa quân sự của nhà nước phải được dựa trên những khả năng kinh tế, kỹ thuật và khoa học cơ hữu. Từ đây ta có thể nhìn thấy mức độ tài nguyên dồn cho hiện đại hóa quân lực được tăng lên - nhưng tăng lên vừa đủ để không phương hại đến những ưu tiên phát triển dân sự căn bản, cũng không nhiều quá đến mức làm cho những nước láng giềng cũng như các đại cường phải lo ngại, đi đến chỗ đe dọa sự an toàn tương đối của Trung Hoa hiện nay. Đây chẳng khác gì hơn một thí dụ điển hình về chiến lược có tính toán của Trung Hoa.

IV. Lãnh thổ và vũ lực

Trong chiến lược có tính toán kỹ lưỡng đường lối về lãnh thổ liên hệ đến các vùng vận biên là một phần rất quan trọng. Các nhà chiến lược Trung Hoa nói chung cổ võ một chính sách "láng giềng tốt" nhằm củng cố những liên hệ có sẵn ở vùng Đông Bắc và Đông Nam Á châu, hàn gắn những liên hệ cũ với vùng Nam và Tây Á châu càng nhiều càng tốt, và thăm dò những liên hệ mới ở trong vùng Trung Á.

Bắc Kinh đã sử dụng đường lối hai gọng để đối phó với các vấn đề liên hệ đến lãnh thổ. Nếu những tranh chấp về lãnh thổ không đụng chạm đến quyền lợi lớn của Trung Hoa, Trung Hoa sẽ tìm cách giải quyết một cách hòa hoãn để chú tâm vào các mục tiêu quan trọng hơn. Những tranh chấp biên giới với Nga là thí dụ điển hình cho đường lối này: mục tiêu rộng lớn nhằm cải thiện liên hệ chính trị với Mạc Tư Khoa và duy trì cửa ngõ đi vào kỹ thuật quân sự của Nga đã đưa đến những thỏa thuận nhanh chóng, nếu không nói là lâu dài.

Nếu tranh chấp đụng đến quyền lợi lớn hơn nhưng khó có thể giải quyết nhanh chóng và có

lợi cho Trung Hoa, Bắc Kinh thường đi đến quyết định dời vấn đề lại vô hạn định. Chiến thuật này đã được sử dụng trong những tranh chấp lãnh thổ liên quan đến Ấn Độ, Nhật Bản và các nước hội viên ASEAN (Association of Southeast Asian Nations, trong đó có cả Việt Nam). Bắc Kinh luôn luôn giữ vị trí cứng rắn không nhân nhượng đất đai đồng thời tìm cách tránh né không làm chộn rộn môi trường yên ổn cần thiết để thực hiện những chuyển hóa nội bộ một cách êm thấm. Bắc Kinh cũng áp dụng đường lối suy nghĩ này vào các tranh chấp liên quan đến Đài Loan, một vấn đề mà Bắc Kinh không muốn bận tâm nhiều lắm. Trung Hoa không muốn sử dụng vũ lực để giải quyết vấn đề Đài Loan, nhưng có lẽ phải dùng vũ lực để bảo vệ nguyên tắc không chịu nhìn nhượng đất đai - nhất là ở vùng đất đai được Bắc Kinh xem là một tỉnh của Trung Hoa. Chuyện này sẽ xảy ra với bất cứ giá nào nếu Đài Loan đơn phương tìm cách thay đổi tình trạng nhì nhằng hiện thời. Thái độ ngần ngại sử dụng vũ khí để giải quyết một bài toán lãnh thổ lâu đời cho thấy một lần nữa chiến lược có tính toán kỹ lưỡng của Trung Hoa.

V. Hợp tác và bất hợp tác

Chiến lược có tính toán của Bắc Kinh đưa đến thái độ coi các nước khác như "công cụ" của Bắc Kinh. Đây có nghĩa là Trung Hoa không tham dự nhưng cũng chẳng chống chối cung cách cư xử hoặc các tổ chức quốc tế. Nói cho đúng hơn, Trung Hoa giữ thái độ tính toán thực tiễn dựa trên những gì có lợi hoặc bất lợi cho Trung Hoa mà tùy nghi tham gia hay bất hợp tác. Kết quả là Trung Hoa từng theo đuổi nhiều chiến lược khác nhau để đối phó giao thiệp với các nước ngoài, từ tham gia hoàn toàn để kiếm lợi ích cho mình đến hợp tác có điều kiện nhằm ích lợi hỗ tương, hoặc có thể chống đối ngấm ngầm hay công khai.

Đường lối ngoại giao lắt léo này không phải chỉ có Trung Hoa theo đuổi mà thôi; nói chung nước nào cũng làm y hệt như Trung Hoa không nhiều thì ít. Những đường lối lúc nào cũng giản dị và rõ rệt - hoặc hợp tác hoặc chống đối ra mặt - chỉ có thể thấy ở những nước được hưởng phúc lợi quá nhiều hoặc bị thiệt thòi ghê gớm. Những nước hùng cường vai vế phần lớn chọn con đường thứ nhất; những nước "chập chững" thường rơi vào con đường thứ hai. Những nước ở giữa thường cư xử như Trung Hoa. Vì Bắc Kinh phải đương đầu với nhiều nước khác nhau trong các lãnh vực như phát triển kinh tế, mậu dịch, chuyển nhượng kỹ thuật, kiểm soát vũ trang và vấn đề môi sinh, những tính toán thường có nhiều hình thức khác nhau.

Trung Hoa hoặc tham dự hay tìm cách tham dự hợp tác với các nước khác để mang lợi lớn lại cho mình khi nào vấn đề quyền lực được đặt ra (những quyền lực mới hay duy trì quyền lực cũ). Bắc Kinh cũng tham gia vào các tổ chức quốc tế, và với những nước khác để ngăn ngừa hành động, chính sách bất lợi cho Trung Hoa. Đồng thời, cũng qua các tham dự, Bắc Kinh tìm cách phá phách những nước nào đụng chạm đến quyền lợi chính trị của nhà nước cộng sản Trung Hoa. Và Bắc Kinh cũng đã công khai và âm thầm phá phách hay bỏ rơi những chế độ đe dọa quyền lợi chính trị và chiến lược của Trung Hoa - cũng như đã ủng hộ những nước nào mang lợi ích chiến lược và chính trị cho Trung Hoa. Bắc Kinh duy trì liên hệ thuận thảo với nước nào mang lợi ích hỗ tương cho mình nếu cái giá phải trả lúc đầu có thể đẩy về phía nước khác hoặc không cao giá quá. Bắc Kinh cũng từng hợp tác với nhiều nước khác khi cái giá bất hợp tác đơn phương có vẻ quá cao (thí dụ như Bắc Kinh vẫn chịu khó tuân theo Hiệp ước Cấm Thử Nghiệm Vũ Khí Hạch Nhân Toàn diện - Comprehensive Test Ban Treaty).

VI. Chiến lược có tính toán: lợi và hại

Trong thập niên vừa qua chiến lược lớn có tính toán của Bắc Kinh đã mang lại nhiều kết quả khả quan về mặt an ninh cho Trung Hoa. Quan trọng hơn hết là chiến lược lớn đã duy trì an ninh trật tự trong nước đồng thời mang lại an sinh nâng cao mức sống của dân chúng qua phát triển kinh tế. Nó cũng củng cố thế đứng quốc tế của Trung Hoa đặc biệt là ở những vùng cận biên và nói chung nâng cao vị thế của Trung Hoa trong vùng cũng như toàn cầu. Chiến lược lớn giúp Trung Hoa gia tăng sức mạnh kinh tế và mức tham dự cũng như ảnh hưởng chính trị khắp Á châu và trên toàn thế giới. Nó cũng giúp Trung Hoa thu hoạch số ngoại tệ lớn lao và giúp nhà nước phương tiện mua sắm vũ khí tối tân cũng như các kỹ thuật quan trọng từ các nước khác để bù vào những yếu kém về mặt trang bị quân lực (Trung Hoa bỏ tiền mua sắm các vũ khí tối tân từ Nga cho thấy những yếu kém trong kỹ nghệ Quốc phòng: Trung Hoa không sản xuất nổi hệ thống vũ khí tối tân). Thành quả lớn nhất của chiến lược lớn có thể nói là Bắc Kinh đã duy trì được môi trường chính trị quốc tế êm ả - mặc dù có rất nhiều tranh chấp chưa giải quyết xong với các nước láng giềng -

để có thể chú tâm vào phát triển kinh tế trong nước.

Như thế, chiến lược có tính toán đã mang lại nhiều phúc lợi cho Trung Hoa và đặt Trung Hoa vào con đường đi thẳng tới vị trí một nền kinh tế lớn nhất thế giới khoảng giữa Thế kỷ 21, nếu không có gì cản trở. Hơn nữa bằng lối phát triển kinh tế qua xuất cảng sản phẩm và dịch vụ đồng thời nhập cảng kỹ thuật và kiến thức mới, Trung Hoa có thể dựa vào thị trường quốc ngoại và mỗi ngày một nhiều hơn vào những tài nguyên của các nước giao thương với mình để phát triển ở một mức độ mà một ngày nào đó có thể trở thành mối đe dọa cho chính các nước giao thương với Trung Hoa - dù hiện thời những nước này không mảy may lo ngại. Đây không có nghĩa là những nước giao thương với Bắc Kinh không có ý thức về sức mạnh mỗi ngày một lớn của Trung Hoa. Nó cũng không có nghĩa là ý thức này không đẩy đến nỗ lực ngăn chặn mức phát triển của Trung Hoa vì ai cũng muốn thu lợi toàn diện cho mình (kể cả Trung Hoa) chứ không chịu thu lợi một cách tương đối mà thôi.

Đây cho thấy thành công rõ rệt nhất của chiến lược có tính toán: vì chiến lược đặt rõ rệt trên ý muốn không gây nên lo sợ ngại ngùng vì những hành động của Bắc Kinh, Trung Hoa đã thành công, vô tình hay cố ý, trong việc khai thác ý muốn thu lợi tối đa của các nước giao thương với Trung Hoa để khuyến khích hợp tác có lợi cho Trung Hoa về mặt phát triển kinh tế cũng như quyền lực chính trị. Kết quả là sự chuyển mình của Trung Hoa để đi đến vị thế siêu cường quốc sẽ xảy đến phần lớn là vì ý muốn giao thương của các nước có liên hệ kinh tế với Bắc Kinh, với điều kiện là Bắc Kinh đừng để những lo ngại về an ninh ảnh hưởng đến thái độ của những nước giao thương với họ. Chiến lược lớn của Bắc Kinh không phải hoàn toàn có bảo đảm trăm phần trăm. Những mâu thuẫn và tranh chấp với Hoa Kỳ hoặc các đồng minh Á châu với Hoa Kỳ có thể xảy ra bất cứ lúc nào vì những mâu thuẫn "bình thường" giữa các nước - nhất là những mâu thuẫn khởi từ mối lo sợ của Bắc Kinh về an ninh trong nước hoặc đe dọa lãnh thổ từ bên ngoài - chứ không phải những gì rõ rệt hoặc ngấm ngầm liên quan đến quyền kiểm soát các hệ thống quốc tế. Những căng thẳng giữa Bắc Kinh và Hoa Thịnh Đốn hiện nay về vấn đề Đài Loan là một thí dụ về mâu thuẫn "bình thường."

VII. Một chiến lược lớn trong tương lai

Nếu những chiều hướng kinh tế, quân sự và chính trị nội bộ không có gì thay đổi, sớm nhất là khoảng giữa năm 2015 và 2020 - và có lẽ đúng hơn là giữa 2020 và 2025 - Trung Hoa có thể bắt đầu một giai đoạn chuyển tiếp bắt qua một chiến lược lớn mới. Giai đoạn này có thể kéo dài một hoặc hai thập niên và mức kéo dài có thể sẽ được quyết định phần lớn bởi yếu tố chính là Bắc Kinh có thể củng cố quyền lực nhanh và hoàn toàn đến mức nào so với các cường quốc khác, kể cả Hoa Kỳ.

Nếu Trung Hoa đạt được mức độ quyền lực tương đối cao - mức độ đủ sức làm thay đổi cán cân quyền lực quốc tế - chiến lược lớn mới của Bắc Kinh sẽ như thế nào? Chắc chắn là Bắc Kinh sẽ không tiếp tục chiến lược có tính toán bởi vì chiến lược này vốn thoát từ vị thế yếu và đầy ràng buộc lệ thuộc sẽ thay đổi những điều kiện cấu tạo ra chiến lược có tính toán và sẽ không còn lợi ích gì nữa. Chiến lược có tính toán sẽ từ từ chuyển biến thành một chiến lược mới thích hợp hơn với quyền lực và sức mạnh mới của Trung Hoa. Ba chiến lược có thể sẽ hình thành: một Trung Hoa hỗn loạn, một Trung Hoa hòa hoãn, hoặc một Trung Hoa kiêu cường, gây hấn.

Trật tự chính trị, kinh tế và xã hội Trung Hoa có lẽ sẽ không sụp đổ, đi đến chỗ hỗn loạn trong một tương lai gần hoặc trong giai đoạn chuyển tiếp vươn mình ra khỏi chiến lược có tính toán. Cũng khó mà hình dung một Trung Hoa hòa hoãn trong giai đoạn này nếu uy quyền của Trung Hoa gia tăng đến mức có thể thay đổi vị thế Trung Hoa trong cộng đồng thế giới. Có lẽ sức mạnh ngày một tăng của Trung Hoa sẽ đưa đến, trong một tương lai dài, một Trung Hoa kiêu cường nắm quyền hành động đơn phương, không vị nể nước nào. Và Trung Hoa, cũng như những cường quốc trong quá khứ, sẽ đơn phương theo đuổi những mục tiêu chính trong chiến lược thu đạt và biểu dương quyền lực. Đây bao gồm nỗ lực gia tăng khả năng quân sự tương xứng với vị thế đại cường phát triển vùng ảnh hưởng qua các liên minh và hiệp ước quốc phòng chiếm đóng lãnh thổ mới hoặc đòi lại những đất đai cũ nhằm khai thác tài nguyên hay để phô trương thanh thế bằng cách trừng trị bất cứ nước nào dám hó hé phản đối; sửa soạn thanh toán những món nợ danh dự cũ khi Trung Hoa chịu xâm lăng dày xéo từ bên ngoài; nỗ lực viết lại "luật chơi quốc tế" mới, có lợi cho Trung Hoa, và kể cả sẵn sàng ra tay động thủ trước để ngăn ngừa hoặc dẹp tắt các gây hấn từ bên ngoài.

VIII. Đương đầu với một Trung Hoa đang lên

Dù Trung Hoa có đi lên và phô bày thái độ kiêu cường, những chiến lược nhằm ngăn chặn hoặc vuốt ve phủ đầu Bắc Kinh đều mang nhiều hại hơn lợi tính về lâu về dài. Nếu có cơ hội để thấy rõ những tiên đoán về thái độ kiêu cường của Trung Hoa là sai, hoặc thái độ kiêu cường này thấp hơn so với mức tiên đoán (vì thất bại kinh tế ở Trung Hoa, hay một nước Trung Hoa thân thiện hơn và dân chủ hơn thành hình) chiến lược của Hoa Kỳ không nên tạo điều kiện cho những tiên đoán này thành sự thật và cũng không nên rút ra ngoài cuộc với giải thích là những gì tiên đoán khó mà tránh khỏi. Và nếu trong tương lai Hoa Kỳ và Trung Hoa có thể tránh khỏi tranh chấp về an ninh, những nhà chiến lược lớn của Hoa Kỳ có bổn phận phải thận trọng và hợp lý trong nỗ lực tìm kiếm những phương cách giảm thiểu những căng thẳng đôi bên. Như vậy, một chính sách đặt trên căn bản cần gắn bó thực tiễn và có tính toán với Trung Hoa phải được nhấn mạnh.

Để đạt đến mục tiêu gắn bó với Trung Hoa, chính sách của Hoa Kỳ phải hướng khái niệm gắn bó vào ba chiều hướng tuy khác nhau nhưng có liên hệ mật thiết: 1) bằng mọi cách theo đuổi cơ hội hợp tác với mục tiêu đạt đến gắn bó sâu đậm, tin cậy lẫn nhau, với những qua lại đền bù tương xứng và công bằng, để đưa Trung Hoa gia nhập vào hệ thống quốc tế và từ đây khuyến khích Trung Hoa dân chủ hóa hơn; 2) gây khó khăn, ngay cả ngăn chặn Trung Hoa phát triển khả năng quân sự đến mức có thể đe dọa an ninh của Hoa Kỳ ở châu Á và xa hơn nữa; 3) luôn luôn sẵn sàng đương đầu (bằng các phương tiện ngoại giao, kinh tế, quân sự) với các hậu quả của một Trung Hoa kiêu cường và gây hấn.

Chính sách của Hoa Kỳ phải duy trì ý thức về cứu cánh của các biện pháp gắn bó với Trung Hoa bằng cách nhìn thẳng vào danh sách những mục tiêu ngắn và dài hạn dựa trên đường lối an ninh của Trung Hoa có liên hệ đến quyền lợi Hoa Kỳ ở châu Á, kinh tế thị trường và mức phát triển vũ khí với khả năng tiêu diệt lớn lao. Chính sách của Hoa Kỳ cũng phải phân tích đánh giá những phương tiện sẵn có để hỗ trợ ba chiều hướng nói trên. Nói chung việc phát triển một chính sách gắn bó hữu hiệu đòi hỏi hiểu biết sâu xa hơn về những yếu tố quan trọng trong chiến lược có tính toán của Trung Hoa và những thay đổi biến hóa của những yếu tố này song song với những thay đổi về khả năng và quyền lực của Trung Hoa.

Hơn nữa, Hoa Kỳ phải định nghĩa rõ rệt chiến lược lớn của mình cũng như những mục tiêu mong muốn. Gắn bó với Trung Hoa không có nghĩa là giúp Trung Hoa bành trướng quyền lực để một ngày nào Trung Hoa sẽ hùng mạnh hơn cả Hoa Kỳ, dù là Trung Hoa có hòa hoãn đến mức thế nào. Gắn bó, nói đúng hơn là nỗ lực khuyến khích Bắc Kinh hợp tác với Hoa Kỳ dù mạnh hay yếu, đồng thời duy trì vị thế số một của Hoa Kỳ về mặt địa dư chính trị toàn cầu. Gắn bó cũng nhằm nhắc nhở Bắc Kinh rằng Trung Hoa sẽ phải trả một giá rất đắt nếu muốn tranh dành vị thế số một với Hoa Kỳ, và như thế về lâu dài sẽ rất bất lợi cho Trung Hoa.

Nỗ lực gắn bó với Trung Hoa sẽ dễ dàng hơn nếu Trung Hoa tiến nhanh trên con đường đi đến dân chủ, hội nhập chặt chẽ hơn với hệ thống quốc tế và nhờ đó mà bớt giảm khuynh hướng sử dụng vũ lực để giải quyết những khác biệt. Nếu Bắc Kinh bỏ lối sẵn sàng sử dụng vũ khí và hợp tác chặt chẽ với hệ thống quốc tế, dù Trung Hoa có hùng mạnh hơn về quân sự, những nguy cơ chiến tranh cũng sẽ giảm bớt. Và một trật tự thế giới mới với sự lãnh đạo của Hoa Kỳ và các nước dân chủ bao gồm cả Trung Hoa sẽ tránh được những phân tranh khốc liệt về an ninh. Không may thay, lịch sử cho thấy đạt đến mục tiêu này rất là khó khăn vì những hạn chế cơ cấu khắc nghiệt (gây ra bởi những tranh chấp chính trị quốc tế) sẽ tương giao với những phát triển nội bộ đầy hỗn loạn ở cả Hoa Kỳ lẫn Trung Hoa để làm nẩy sinh nhiều mâu thuẫn giữa hai quốc gia nằm ngay trong trọng tâm của hệ thống toàn cầu.

Chú thích:

(1) Xiaoxiong Yi, "*China's US Policy Conumdrum in the 1990's*" Asian Survey, August 1994, p.681.

(2) "*Special Issue: China's Military in Transition,*" The China Quarterly, June 1996, tóm lược nhiều khía cạnh đa dạng của nỗ lực hiện đại hóa quân lực ở Trung Hoa.

(3) John Caldwell và Alexander T.Lennon, "*China's Nuclear Modernization Program,*" Strategic Review, Mùa Thu 1995, p.30.

(4) Tuy nhiên, nếu Hoa Kỳ chỉ sử dụng một hệ thống phi đạn quốc phòng hạn chế (National Missile Defense, NMD) nhằm chặn đón từ 20 đến 25 phi đạn tầm xa, Trung Hoa chắc chắn sẽ gia tăng kích thước và mức độ tối tân của lực lượng hạch nhân của mình lên hẳn mức hiện thời. Hệ thống NMD, dù có hạn chế, cộng với chiến thuật tấn công phủ đầu của Hoa Kỳ có thừa khả năng tiêu diệt toàn bộ kho vũ khí hạch nhân nhỏ nhưng tân tiến của Trung Hoa.

VÀI NHẬN XÉT VỀ BẢN HIỆP ƯỚC 30-12-1999 ĐƯỢC CÔNG BỐ NGÀY 20-8-2002

TRẦN GIA PHỤNG

Nhật báo *Nhân Dân*, Hà Nội, số ngày **20-8-2002**, đã công bố một văn bản mà nhật báo nầy nói rằng đó là toàn văn bản *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, ký kết ngày **30-12-1999**, tại Hà Nội, giữa bộ trưởng Ngoại giao Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) là Nguyễn Mạnh Cầm và bộ trưởng Ngoại giao Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH) là Đường Gia Truyền (Tang Jianxuan) (gọi tắt hiệp ước nầy là *Hiệp ước 1999*). Hiệp ước nầy đã được quốc hội Bắc Kinh thông qua ngày 29-4-2000 và quốc hội Hà Nội thông qua **9-6-2000**. Đặc biệt là khi thông qua hiệp ước biên giới nầy, chỉ một số ít lãnh đạo cao cấp trong quốc hội Hà Nội mới đọc được nội dung hiệp ước, còn đại đa số dân biểu không biết gì cả, chỉ thông qua theo lệnh của đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN). (1)

Như thế, từ khi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam ký kết hiệp ước cho đến khi Quốc hội Hà Nội thông qua là nửa năm, và cho đến khi chính thức công bố cho dân chúng Việt Nam biết là hai năm tám tháng. Đó là chưa kể thời gian hai bên bắt đầu đàm phán. Nói cách khác, việc ký kết hiệp ước nầy được giữ bí mật hoàn toàn từ khi khởi sự đàm phán cho đến hơn hai năm sau ngày ký. Tiến trình nầy hoàn toàn đi ngược lại với mọi sinh hoạt dân chủ bình thường.

Trong một nước dân chủ, khi chính quyền thương lượng với nước ngoài một vấn đề trọng đại như vấn đề biên giới, lãnh thổ, mọi diễn tiến của cuộc thương lượng đều được thông tin cho Quốc hội và toàn dân biết để theo dõi, góp ý, sửa đổi và nếu cần quyết định. Nhớ lại trong thời gian thương thuyết và ký kết hiệp định *Genève* năm 1954 và hiệp định *Paris* năm 1973, người Việt dưới chính thể Việt Nam Quốc Gia (thời Quốc trưởng Bảo Đại) và Việt Nam Cộng Hòa (thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu) đều có thể theo dõi đầy đủ mọi chi tiết diễn tiến hội nghị được phổ biến công khai trên báo chí nội địa cũng như quốc tế.

Đất đai của tổ quốc là di sản chung do tổ tiên để lại trong suốt lịch sử dân tộc, chứ không phải của riêng một người hay một nhóm người, hay của một tổ chức cầm quyền trong một giai đoạn, mà có thể tự ý đem bán, đổi, hay nhượng. Đặc biệt hơn nữa, quốc hội là cơ quan dân cử, đại diện cho dân, mà khi biểu quyết, không nắm bắt được nội dung hiệp ước, hoặc nắm bắt nội dung hiệp ước mà không thông báo cho dân chúng là những người đã bầu mình ra.

Điểm nhận xét thứ nhì là toàn văn *Hiệp ước 1999* được công bố trên nhật báo *Nhân Dân* ngày 20-8-2002 mà không có bản đồ thực địa đi kèm. Vậy làm thế nào để Quốc hội và dân chúng có thể theo dõi, kiểm chứng được? Nhà cầm quyền cộng sản hứa rằng sẽ công bố bản đồ một ngày khác, nhưng tại sao không công bố cùng một lần cho dân chúng dễ theo dõi? Phải chăng nhà cầm quyền Hà Nội làm như thế để đo lường dư luận và để kiếm cách ứng phó với dư luận theo từng giai đoạn?

Thứ ba, một câu hỏi cần được đặt ra là: **đây có đúng là nguyên văn bản *Hiệp ước 1999***, hay chỉ là một bản văn đã được nhà cầm quyền Hà Nội gọt sửa, thêm bớt để công bố theo mục đích chính trị của nhà cầm quyền Hà Nội nhằm xoa dịu dư luận quần chúng? Bản văn nầy được in trên báo Việt Nam, cho người Việt Nam đọc, nên nếu sửa đổi vài chữ, ý nghĩa có thể bị đảo ngược, nhưng cũng chẳng liên hệ gì đến nguyên bản ký kết giữa hai nước và nhất là việc thi hành trên thực tế giữa hai bên. Có lẽ cần phải đợi nguồn tin từ phía CHNDTH mới có thể so sánh hư thực như thế nào.

Hơn một năm sau ngày ký kết *Hiệp ước 1999*, ông Đỗ Việt Sơn, một đảng viên kỳ cựu (hơn 50 tuổi đảng), nhờ những thông tin nội bộ, đã báo động việc nầy vào tháng 2-2001, nhưng rất hạn chế. Cho đến khi 20 cử tri, gồm nhiều nhân vật tên tuổi trong nước, gởi kháng thư ngày 18-1-2001 phản đối việc ký kết *Hiệp ước 1999*, dư luận mới bùng nổ mạnh mẽ. Trước tình hình đó, nhà cầm

quyền cộng sản đã cử thứ trưởng Ngoại giao Lê Công Phụng nói quanh co để biện minh cho hành động của họ trong cuộc phỏng vấn do Công ty Phát Triển Phần Mầm (VASC-Orient) thực hiện ở Hà nội ngày 28-1-2002. Dân chúng vẫn tiếp tục lên tiếng không ngừng chống lại *Hiệp ước 1999*.

Vả lại giấu mãi cũng không được, thế nào cũng đến lúc phải thi hành bản hiệp ước, nên nhà cầm quyền Hà Nội đành phải công bố, nhưng cách công bố của họ làm cho mọi người nghi ngờ bản văn được công bố chưa hẳn đã đúng nguyên văn bản hiệp ước, mà họ có thể đã sửa đổi đôi chút để lừa bịp dư luận.

Câu hỏi nầy không phải là vô lý vì mọi công dân Việt Nam đều biết rằng từ khi đảng CSVN được thành lập cho đến nay, vì nhu cầu chính trị giai đoạn, đảng nầy đã lừa dối dư luận ở trong cũng như ở ngoài nước không biết bao nhiêu lần, bằng đủ mọi mánh khóe, về đủ mọi thứ chuyện, từ nhỏ đến lớn. Vài ví dụ: Năm 1946, Việt Minh giả vờ lập Chính phủ Liên Hiệp, rồi bắt giết tất cả những thành phần không theo Việt Minh cộng sản. Năm 1973, Bắc Việt ký kết hiệp ước chấm dứt chiến tranh, tôn trọng chính phủ ba thành phần, để cho Hoa Kỳ rút lui, rồi cưỡng chiếm miền Nam năm 1975, tiêu diệt tất cả các thành phần khác, kể cả Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. Năm 1975, sau khi cưỡng chiếm miền Nam, nhà cầm quyền cộng sản kêu gọi sĩ quan công chức đi học tập từ vài ngày đến khoảng một tuần lễ hay một tháng, rồi lùa tất cả vào giam không thời hạn trong các trại tập trung. Nhiều lần, các nhân vật cộng sản tuyên bố cam kết trên đài Phát thanh không đổi tiền, rồi hôm sau đổi tiền...

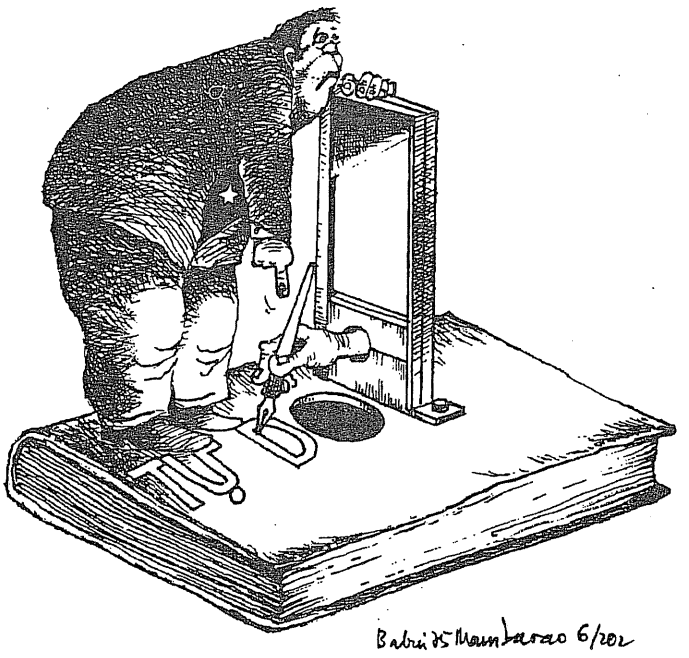

Do đó, trước tất cả những nguồn tin dù chính thức do đảng CSVN công bố, đều phải luôn luôn đặt ra câu hỏi mức độ xác tín của nguồn tin cộng sản.

Đi vào nội dung bản văn *Hiệp ước 1999* do nhật báo *Nhân Dân* công bố ngày 20-8-2002, hiệp ước gồm có phần dẫn nhập và 8 điều, trong đó dài nhất là điều 2 ghi nhận những giới điểm từ tây sang đông tức từ biên giới Lào chạy ra tới biển, gồm 62 giới điểm. (Trong tất cả các hiệp ước quốc tế, điều 2 bao giờ cũng quan trọng hơn cả vì điều 1 chỉ có tính cách tổng quát và dẫn vào vấn đề.)

Từ điều 3 đến điều 8 nêu ra các điểm thực hiện các việc: phân định biên giới tại vùng tiếp giáp ba nước Việt Nam, Trung Hoa và Lào (điều 3), phân chia vùng trời và lòng đất theo đường biên giới (điều 4), trung tuyến các dòng sông (điều 5), sự thành lập các Uỷ ban Liên hợp phân giới và cắm mốc (điều 6), quy chế quản lý biên giới (điều 7), việc phê chuẩn và trao đổi hiệp ước (điều 8).

Trước hết, xin nêu ra lời dẫn nhập và điều 1 nguyên văn như sau:

"*Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (dưới đây gọi là hai Bên ký kết");*

Nhằm giữ gìn và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc;

Với lòng mong muốn xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định và bền vững mãi mãi giữa hai nước;

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa

bình;

Trên tinh thần thông cảm, nhân nhượng lẫn nhau và hiệp thương hữu nghị;

Đã quyết định ký kết hiệp ước nầy và thỏa thuận các điều khoản sau:

Điều I. Hai Bên ký kết lấy các Công ước lịch sử về biên giới hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở, căn cứ vào các nguyên tắc luật pháp quốc tế được công nhận cũng như các thỏa thuận đạt được trong quá trình đàm phán về vấn đề biên giới Việt Trung, đã giải quyết một cách công bằng, hợp lý vấn đề biên giới và xác định lại đường biên giới trên đất liền giữa hai nước."

Phải ghi lại nguyên văn lời dẫn nhập và điều 1 để thấy rõ những mâu thuẫn trong ngôn ngữ bản hiệp ước. Nếu hai bên cùng theo đúng tinh thần như phần dẫn nhập đã viết "*giữ gìn và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa hai nước và nhân dân hai nước... tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau...*" và nếu hai bên cùng đồng ý như đã ghi trong điều 1 là "*... lấy các Công ước lịch sử về biên giới hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở...,*" thì tại sao không có những cuộc đàm phán để xác định lại giá trị các công ước đã từng làm căn bản phân định biên giới giữa hai nước trong hơn một thế kỷ? Nếu có những ngộ nhận, hiểu sai, và ngay cả vi phạm các công ước trên, thì chỉ cần làm sáng tỏ lại những điều khoản của các công ước, xác chứng tại chỗ đường biên giới, chứ cần gì phải đặt lại vấn đề biên giới, và tại sao lại phải ký kết một hiệp ước mới?

Các công ước lịch sử nói trên là *Công ước phân định biên giới Hoa Việt* ký tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887, giữa Ernest Constans (đại diện Pháp) và hoàng thân K'ing (đại diện Trung Hoa); và *Công ước bổ túc Công ước phân định biên giới Hoa Việt* [tức công ước ngày 26-6-1887], giữa Auguste Gérard (đại diện Pháp) và hoàng thân K'ing (đại diện Trung Hoa) ngày 25-6-1895 tại Bắc Kinh, ấn định cụ thể hơn một số điểm về biên giới giữa Vân Nam (Trung Hoa) và Tây bắc Bắc Việt.

Cần chú ý là lúc đó, Pháp và Trung Hoa thương lượng hơn 10 năm mới đi đến thoả ước cuối cùng năm 1895. Hơn nữa, khi thương lượng về biên giới, Việt Nam chỉ là một nước bảo hộ của Pháp, nên các đại diện của Pháp đã sử dụng lãnh thổ Việt Nam như một phương tiện để đổi chác những quyền lợi ngoại giao khác của Pháp ở Trung Hoa và Đông Á. Sau đó, khi thực hiện sự phân định biên giới theo các công ước đã ký kết, những đại diện của Pháp trong Ủy ban phân định biên giới cũng đã nhượng bộ cho phái bộ Trung Hoa rất nhiều trên thực địa tại chỗ, cho chóng được việc, vì thật sự cũng chẳng phải là đất đai gì của tổ quốc họ, mà người Pháp phải tranh đấu đòi hỏi. Do đó, Việt Nam đã thiệt thòi khá nhiều trong các công ước đó rồi. (2)

Trong 100 năm qua kể từ các công ước Pháp Thanh, phía Trung Hoa dù là chế độ quân chủ (nhà Thanh) hay các chế độ sau đó, đều luôn luôn kiếm cách lấn giành biên giới, và nay, chế độ Bắc Kinh đã buộc nhà cầm quyền Hà Nội ký kết hiệp ước mới, để hợp thức hóa những vùng đất họ đã chiếm.

Câu mở đầu điều 2 của *Hiệp ước 1999* nguyên văn như sau: "*Hai Bên ký kết đồng ý hướng đi của đường biên giới trên đất liền giữa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được xác định từ Tây sang Đông như sau...*"

Chính điều 2 nầy cần phải có bản đồ đi kèm mới có thể nắm biết được những quy định về biên giới, về các giới điểm nói trong điều 2. Cần chú ý các điểm sau đây: 1) Các địa danh Trung Hoa và các địa danh Việt Nam của các sắc tộc địa phương trước đây do người Pháp phiên âm trong các công ước Pháp Thanh ký kết và ngày nay do cộng sản phiên âm rất khác nhau; nhà cầm quyền cộng sản còn đặt thêm hay thay đổi nhiều địa danh mới không có trong bản đồ Đông Dương trước đây. 2) Bản đồ các làng, huyện, tỉnh thay đổi và xáo trộn rất nhiều từ thời nhà Nguyễn qua thời cộng sản cầm quyền. (Làng nầy nhập vào huyện kia, rồi đổi qua tỉnh nọ... Ngay cả bản đồ các tỉnh cũng liên tục thay đổi.) Do đó, rất khó theo dõi và hiểu biết tường tận nếu chỉ đọc suông điều II nầy mà không có bản đồ đi kèm, để so sánh với bản đồ cũ theo các công ước Pháp Thanh.

Tiến trình phân định biên giới theo *Hiệp ước 1999* còn đi ngược lại với tiến trình phân định biên giới trong các công ước Pháp Thanh vào thế kỷ 19. Các công ước Pháp Thanh về biên giới tính từ đông sang tây, tức bắt đầu từ duyên hải Biển Đông (giữa Quảng Yên của Việt Nam và Quảng Đông của Trung Hoa) đi vào đất liền, đến vùng ba biên giới Việt, Lào và Trung Hoa.

Trái lại, trong *Hiệp ước 1999* mới được công bố, điều 2 đã ghi "*hướng đi của đường biên giới trên đất liền giữa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước Cộng Hòa Nhân Dân*

Trung Hoa được xác định từ Tây sang Đông như sau..." Cũng theo điều 2 nầy, biên giới Việt Hoa được chia thành 62 giới điểm. Giới điểm số 1 ở điểm cực tây của tỉnh Lai Châu ngày nay (phía tây Bắc Việt), và giới điểm số 62 nằm ở Mong Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay (phía đông Bắc Việt).

Cách làm nầy nhắm mục đích làm lạc hướng so sánh đường biên giới mới của *Hiệp ước 1999* với đường biên giới cũ theo các công ước Pháp Thanh vào thế kỷ 19. Do đó, dân chúng rất khó có thể phát hiện những vùng đất mà Hà Nội đã nhượng cho Bắc-Kinh, hay nói đúng hơn, Trung Hoa đã chiếm của Việt Nam. Giả dụ nếu có người phát hiện được việc nhượng đất ở một vùng nào đó, thì dựa vào cách vẽ biên giới mới của *Hiệp ước 1999*, Hà Nội cũng có cách để biện minh như nói rằng bớt chỗ nầy, thêm chỗ khác, hoặc khi vẽ lại đường biên giới thì không thể nào vẽ như cũ được.

Như trên đã viết, không ai là không biết thủ thuật lừa dối của cộng sản Việt Nam. Nay lại thêm sự tiếp tay đồng mưu của cộng sản Trung Hoa. Tuy nhiên, dầu khó khăn như thế nào, chắc chắn dần dần cũng sẽ có người phát hiện những điểm mà cộng sản Hà Nội đã nhượng đất cho cộng sản Trung Hoa, nhất là khi bản đồ biên giới được công khai. Chỉ tiếc là khi đó, mọi sự đã được an bài, các cột mốc đã được cắm xuống, và đất đai đã bị ngoại bang chiếm đóng. Thật là một bất hạnh lớn cho người Việt Nam.

Cuối cùng, sau việc ông Lê Công Phụng, thứ trưởng bộ Ngoại giao Hà Nội, phải xuất hiện để biện minh cho nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vào đầu 2002, nay đến việc công bố bản văn *Hiệp ước 1999* trên nhật báo *Nhân Dân* ngày 20-8-2002, dầu đúng nguyên văn hay không đúng nguyên văn, cũng chứng tỏ nhà cầm quyền Hà Nội rất lo ngại về dư luận và phản ứng ở trong cũng như ngoài nước, nên họ phải công bố nội dung hiệp ước hầu mong thoa dịu những đòi hỏi của dư luận.

Do đó, việc dân chúng ở trong cũng như ngoài nước liên tục lên tiếng phản đối việc nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội nhượng đất, rất cần thiết để:

1) Chứng tỏ rằng công luận Việt Nam hoàn toàn phủ nhận hiệp ước biên giới ký kết giữa hai nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội và Bắc Kinh ngày 30-12-1999.

2) Phản đối chiến thuật bành trướng kiểu mới, một thứ "diễn tiến hoà bình" của nhà cầm quyền cộng sản Bắc Kinh, càng ngày càng lấn đất của Việt Nam.

3) Chúng ta đừng quên rằng quan hệ giữa CHXHCNVN và CHNDTH là quan hệ sinh tử. Ít nhất đã ba lần đảng Cộng sản Trung Hoa đã ra tay giúp đỡ, đảng CSVN mới thành công và đứng vững cho đến ngày nay. (3) Nếu đảng CSTH rút lui sự ủng hộ thì đảng CSVN đã tiêu vong lâu rồi, nên hầu như đảng CSVN luôn luôn nhượng bộ trước những đòi hỏi càng ngày càng quá đáng của đảng CSTH. Do đó, dân chúng Việt Nam phải lên tiếng để chận đứng luôn sự nhượng bộ của đảng CSVN.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Thanh Giang (trong nước) trả lời phỏng vấn ngày 24-2-2002 của Đài Phát thanh Little Sài Gòn, Orange County, California. *Người Việt Online*, ngày 25-1-2002, mục "Tin Việt Nam".

2. Ví dụ: Bác sĩ P. Néis là một thành viên người Pháp trong phái đoàn chung Pháp Hoa để thi hành việc cắm mốc biên giới Việt Hoa, đã viết bài "Sur les frontières du Tonkin" [Về biên giới Bắc Kỳ], đăng nhiều kỳ trên báo *Le Tour du monde* [Vòng quanh thế giới], Paris, 1887. Bài nầy được ông Walter E. J. Tips giới thiệu và dịch qua Anh ngữ, thành sách *The Sino-Vietnamese Border Demarcation 1885-1887* [Cuộc phân định biên giới Hoa-Việt 1885-1887], Nxb. White Lotus Press, Bangkok, Thái Lan, 1998. Trong bài viết nầy, có đoạn bác sĩ P. Néis viết và được dịch ra Anh ngữ (trang 38 sách dịch) như sau: "*We go to the place and, as a great concession on our part, of which we ourselves were later to boast incessantly, we agreed that the border would follow the brook which passes at the foot of the hills of the Gate to China, about 150 metres before the gate...*(xin tạm dịch: "*Chúng tôi đến tận chỗ và, với sự nhượng bộ lớn lao về phía chúng tôi, mà sau đó chúng tôi không ngớt khoe khoang, chúng tôi đồng ý rằng biên giới chạy theo con suối dưới chân đồi Cổng Trung Hoa, cách trước mặt cổng khoảng 150 thước...*"

3.- Ba lần đó là: 1) Thứ nhất, trong cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất từ 1946 đến 1954, nếu Mao Trạch Đông không thành công ở Trung Hoa năm 1949 và nếu không có sự viện trợ to lớn của CHNDTH, thì chắc chắn đảng CSVN không thể thành công ở Việt Nam năm 1954. 2) Thứ nhì, khi Cộng Sản Bắc Việt phát động chiến tranh xâm lăng Việt Nam Cộng Hòa năm 1956, nếu 300.000 CSTH không tiến qua bảo vệ miền Bắc, và nếu CHNDTH không làm hậu cứ tiếp liệu chiến trường cho CSVN, thì CSVN không thể cưỡng chiếm miền Nam. 3) Thứ ba, vào năm 1991, khối Liên Xô và Đông Âu hoàn toàn sụp đổ. CSVN sợ sẽ sụp đổ theo, nên quay qua cầu cứu CSTH. Chính nhờ vào CSTH, CSVN mới đứng vững cho đến ngày nay.

CHỈ VÌ THIẾU HAI CHỮ

THẾ UYÊN

Sau khi được tha khỏi trại cải tạo tập trung người viết bài này được cho đi học khóa Văn Sử trong sáu tháng để có thể bước lên bục giảng Việt văn một lần nữa nếu không đạt được như thế, sẽ cùng gia đình bị trục xuất khỏi Sài Gòn tới một vùng kinh tế mới ở Rạch Giá. Học trình dồn nén tối đa, sáng học chiều thảo luận, ban giảng huấn muốn input tối đa cả một nền giáo dục đỏ cho các cựu giáo viên của miền Nam. Ngày nào cũng chăm chú nghe những tiếng nói rào rào liên tục từ sáng đến chiều, tới một lúc nào đó, chợt khám phá trong giòng thác ngôn từ mà các cán bộ giảng dạy từ Hà nội đã tuôn ra ấy, có một cái gì thiếu vắng đâu đây. Đó là sự vắng mặt của hai chữ rất thường trong ngôn ngữ miền Nam: *Lương Tâm.*

Không một cán bộ nào dùng tới hai chữ ấy, thậm chí cả những lúc trao đổi thân mật ngoài giờ học cũng vậy, làm như là từ lúc cắp sách đi học đến nay, họ chưa bao giờ được biết đến hai chữ "lương tâm." Tò mò hỏi nhưng giáo viên Sài Gòn cùng khóa, họ vẫn liên tục dạy hai môn Văn và Sử cho học sinh kể từ 1975 đến hiện nay, không gián đoạn vì ba năm cải tạo như người viết, thì được họ xác nhận là trong tất cả những tài liệu giáo khoa, giáo án chế độ mới đã trao cho giáo viên từ bao năm, quả thực không có hai chữ "lương tâm." Dứt khoát hai từ này đã bị khai tử từ lâu trong ngôn ngữ miền Bắc.

Cái gì đã xẩy ra trong hệ thống văn hóa tư tưởng và giáo dục miền Bắc vậy? Tại sao các nhà lãnh đạo đảng CSVN lại khai tử hai từ đó, họ phải có lý do chứ? Và quả thực họ có lý do sâu xa hẳn hoi.

Chế độ xã hội chủ nghĩa là một chế độ chuyên chính vô sản, nghĩa là độc tài toàn trị ở mức cao nhất, không một ai kể cả các đảng viên được phép suy nghĩ khác và bất tuân lệnh Lãnh Tụ và Trung Ương Đảng. Thứ chuyên chính này được đẩy tới đỉnh cao nhất, tới mức độ nghị quyết, chỉ thị và lệnh của Đảng cũng là *đạo đức là luân lý* cho toàn dân luôn. Cái gì tốt cho Đảng là cái tốt, cái gì không tốt không có lợi cho Đảng là cái xấu. Tạp chí "Khăn quàng Đỏ," báo chính thức dành cho thiếu nhi, có lần đã khẳng định với các giáo viên là phải dạy cho học sinh hiểu: Nói dối mà có lợi cho Đảng là điều tốt. Cái đúng cái sai cái phải cái trái ở trong cuộc đời thường nhật người dân cũng vậy. Sau khi đã "đổi mới" vài năm báo chí TP Hồ Chí Minh còn khẳng định "Một đảng viên tốt, tiên tiến là người đã chấp hành tốt tất cả chỉ thị của Đảng..." (chứ không phải là cán bộ thanh liêm, biết thương yêu dân, có tài kinh tế lo cho dân no đủ...)

Trong một hệ thống như vậy, lương tâm là một vật cản sự chuyên chính vô sản. Một đảng viên có lương tâm riêng, nghĩa là tự mình có những phán đoán về đúng sai phải trái ở đời, sẽ có lúc thấy lệnh Đảng là sai trái là có hại cho dân. Nếu vì tinh thần kỷ luật mà vẫn cứ thi hành, sẽ làm một cách miễn cưỡng, không đạt chỉ tiêu Đảng mong muốn. Thậm chí đến lòng từ tâm bình thường nhất hầu như ai cũng có, thí dụ muốn vớt một đứa bé té xuống nước hay cho một đứa bé con địa chủ sắp chết đói một củ khoai, đã từ lâu đã bị Đảng kết án trong rất nhiều tài liệu khác nhau là "lòng nhân đạo chung chung," không nên có. Yêu hay ghét, phải có lập trường giai cấp. Dân bị nạn lụt, mấy nhà sư từ bi mang đồ đi cứu trợ dân trực tiếp, ai cần thì cứu giúp không phân biệt dân ngụy hay dân "cách mạng," không qua các cơ quan của Đảng, là bị coi như phản động, cần đem nhốt tù nhiều năm là vì thế.

Nước sông Hồng sông Cửu Long sông Don sông Hoàng Hà chảy hoài, uy tín của chủ nghĩa Mác Lê và Đảng CS trong thời gian vừa qua đã mòn mỏi dần, ở Liên Xô, ở Đông Âu cũng như Trung quốc. Việt Nam cũng đành "đổi mới" thôi, chấm dứt chế độ bao cấp, chấp nhận kinh tế thị trường. Sự thay đổi gây "xốc" nhất cho các đảng viên là cả nước đang thiếu gạo ăn, vậy mà chỉ

cần ngưng chế độ tập thể/bao cấp ở nông thôn một năm thôi, năm sau đã sản xuất gạo vừa đủ ăn và dư ra để xuất cảng (cho tới hiện nay). Chủ nghĩa Mác Lê nin/Mao đã hết "linh" như thế, các lãnh tụ Đảng đã sai lầm như thế, các cán bộ đảng viên tự nhiên lâm vào khủng hoảng "trống vắng niềm tin." Nơi họ làm gì có một tín ngưỡng nào, không Phật không Chúa không cả Khổng lẫn Lão Trang và dĩ nhiên như trên đã trình bày, cũng không có cả một lương tâm riêng.

Bây giờ đã đổi mới, kinh tế thị trường mở rộng, tài phiệt nước ngoài đổ tiền của vào đầu tư, hàng hóa tiêu dùng tràn ngập các thành phố, các đảng viên đang nắm những vị trí chỉ huy guồng máy hành chánh kinh tế, đâu có thể cưỡng lại dòng dollar đang ào ào chảy qua tay mình. Nhất là bây giờ Đảng đã bằng lòng cho phép người dân, kể cả đảng viên được phép làm giàu, vậy thì đương nhiên phải có tham nhũng, hối mại quyền thế. Tại miền Nam trước 1975, cũng như tại các nước *không* xhcn khác, mỗi người dân đều được đào tạo giáo dục để có lương tâm tối thiểu của con người. Thậm chí những người mù chữ cũng được gia đình và xóm làng mang lại một lương tâm, để không làm những điều như tục ngữ Việt Nam xưa đã căn dặn, như *Không ăn bớt cơm từ, Không ăn chặn cơm chim...* Chính thứ lương tâm này mới là đập cản hiệu nghiệm nhất chống tham nhũng.

Không còn tin tưởng ở chủ nghĩa, không còn tin tưởng ở Đảng, không tin ở bất cứ tôn giáo nào, lại không có cả một lương tâm riêng, người cán bộ đảng viên đâu còn một hàng rào cản nào nữa đâu (ngoài lòng sợ bị tù tội khi bị đổ bể). Bởi thế tham nhũng đã trở thành một hiện tượng phổ cập phổ biến ở Việt Nam, tại mọi nơi mọi cấp mọi ngành, đến độ có thể khẳng định rằng nếu chế độ VNCH xưa kia tham nhũng thì một chế độ CS hiện nay tham nhũng trăm lần nhiều hơn. Tất cả *chỉ vì Đảng CSVN đã có lỗi lầm là triệt tiêu hai chữ lương tâm ra khỏi ngôn ngữ và tâm hồn đảng viên cũng như con người.*

Hậu quả đầu tiên được biểu lộ rõ kể từ 30 tháng 4, 1975 khi dân hai miền được tiếp xúc với nhau sau mấy chục năm bị bức màn tre ngăn cách. Quan sát các cán bộ đủ loại được điều vào miền Nam làm quan cai trị thay thế cho thành phần cũ bị bắt hầu hết đưa lên rừng cải tạo tập trung, quan sát cách nói năng cư xử của con cháu cán bộ, dân miền Nam nhận thấy rất nhanh là hệ thống văn hóa giáo dục đỏ của miền Bắc đã đào tạo ra những công dân loại tồi, phẩm chất đạo đức thua kém các công dân trung bình của miền Nam. Những thiếu nhi Đàng Ngoài hay chửi tục, học kém, hay cậy thế ông cha làm bậy. Các người lớn thì đối xử với nhau theo luật của những đàn sói ở những nơi hoang dã, như nhà văn Jack London đã miêu tả, khi con đầu đàn đã bị suy yếu thì con thứ nhì nhảy ra tranh chức lãnh đạo. Con nào bị thua té ngửa ra trước thì cả đàn xúm lại cắn xé ăn thịt liền. Dân miền Nam sợ xanh mặt khi thấy các cán bộ chiến đấu giành chức giành quyền giành nhà ở tốt, hung dữ với nhau như đàn sói. Con nào thua thì chỉ từ chết đến bị thương, cán bộ nào mất *ô dù* (1) hay dù bị long cán gẫy, thì đàn em bị bắt, đưa ra tòa. Lúc đó thì như con sói bị té ngửa, bao nhiêu tội lỗi lớn nhỏ, kể cả của cơ quan đơn vị, đều mang ra trút lên đầu con dê tế thần này, báo chí thì tòa chưa xử cũng xông vô đánh hôi, khát máu đòi tử hình càng nhiều càng tốt.

Khi dân miền Bắc cũng đã quá chán thứ "thiên đường mù" của Đảng, cũng vượt biển leo tường chui kẽm gai trốn đi, tạo thành cộng đồng Việt Đông Âu thì dân Việt miền Nam định cư Âu châu từ trước lại xanh mặt lần nữa vì thành phần cặn bã của cộng đồng mới này. Vượt biên thì người tốt vượt biên, du đãng đầu gấu và lưu manh cũng vượt biên, cộng đồng Việt miền Nam ở nước ngoài cũng có lúc khổ vì những băng đảng cướp trộm, những chuyên viên chửi bậy và chụp mũ của mình, nhưng mức độ tàn ác của các băng đảng gốc miền Bắc quá cao, tra khảo nạn nhân quá tàn nhẫn, giết người quá nhiều quá dễ dàng như những vụ giết người hàng loạt xẩy ra ở Đức, và gần đây đỉnh cao của tàn nhẫn là giết trẻ con nhét bạch phiến vào bụng mà vượt biên giới như tại một nước Bắc Âu.

Dĩ nhiên những người lãnh đạo Cộng Sản nhìn thấy sự sụp đổ tinh thần này của đảng viên cũng như nhân dân. Họ ôn lại khá nhanh bài học của các vua chúa thời xưa, là không thể cai trị một dân tộc hỗn loạn, không một tin tưởng nào. Nói giản dị như một trí thức đã nói với Hán Cao tổ: Bệ hạ ngồi trên lưng ngựa mà lấy được thiên hạ, nhưng đâu có thể ngồi trên lưng ngựa mà cai trị thiên hạ được... Lời nói này được nghe theo và đạo Khổng Mạnh được trọng dụng như quốc giáo, cho tới tận khi Mao Trạch Đông nổi tiếng với câu: Ở châu Á lẽ phải ở đầu mũi súng, làm cuộc cách mạng văn hóa vĩ đại làm chết dân khổ dân

vô ích. Ở Pháp sau này một người hùng nổi danh là Napoléon cũng đã ngậm ngùi than: Ta có thể xây dựng một ngai vàng bằng lưỡi lê, nhưng ta không thể ngồi trên ngai vàng làm bằng lưỡi lê được... Ông trở lại truyền thống phong kiến Âu châu là hòa với Giáo hoàng, thỏa hiệp với Giáo hội Công giáo để cùng cai trị dân như xưa. Dĩ nhiên là giáo hội không còn quyền lực ghê gớm như trước thời Cách mạng 1789, nhưng được tự trị khá rộng rãi với điều kiện không được xỉa vô thế quyền nữa...

Đảng Cộng sản bây giờ thôi không tìm cách tiêu diệt các tôn giáo nữa, tìm cách thỏa hiệp để sống chung hòa bình, nới rộng dần những hạn chế đã ban hành trước đây. Điều khoản ghê gớm trong Hiến pháp là *quyền tự do không tín ngưỡng* của dân không áp dụng gắt gao nữa. Trước kia nhà chùa nhà thờ không được kéo chuông thỉnh chuông, tăng sĩ không có quyền truyền đạo, trong các trại cải tạo tín đồ không được đọc kinh lớn tiếng... vì làm như vậy là không tôn trọng quyền tự do không tín ngưỡng của những người dân khác. Chính quyền bây giờ tôn trọng các buổi lễ nghi tôn giáo, tín đồ được phép đến các nơi thờ phụng, nhưng chỉ trong phạm vi nhà thờ và chùa thôi. Những lễ rước cử hành ngoài phạm vi các nơi thờ phụng phải xin phép trước với thủ tục khó khăn. Đảng và Công an thôi không cản, không chụp mũ tiền C.I.A cho những ngân khoản hải ngoại gửi về để trùng tu các chùa, nhà thờ hay để giúp đỡ các tăng lữ đang gặp cảnh khó khăn. Ai đã tới Vũng Tầu, leo đường núi lên thăm tượng Chúa giơ tay, nhìn thấy dễ dàng các ghế xi măng đúc dành cho người đã mỏi chân ngồi nghỉ, đều có ghi tên họ và nơi ở ngoại quốc của người tặng dữ. Trước kia, là khỏi có, là phải dấu diếm. Đảng và Công an nhận thấy một giáo dân tôn trọng 10 điều răn của Chúa, một Phật tử thuần thành, sẽ là những công dân tốt ít phạm tội hình sự và về phương diện chính trị ít (chứ không phải là không) là vấn đề cho Đảng.

Đảng cũng nhận ra rằng các vị thần của Việt Nam xưa kia, từ thần hổ thần hoàng làng thần núi rừng (Đức Thượng Ngàn), thần sông nước (Thánh mẫu Thoải hay Thủy), thần Bà Đen, thần Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, thậm chí đến thần cây đa cây đề... đều là những thần tốt. Không có thần nào xúi dân làm ác cả. Dĩ nhiên cũng lác đác có một vài vị dâm thần, như một vị thần hoàng làng cô nào bà nào gánh hàng ra chợ bán, muốn bán chạy chỉ cần khi qua đình tốc váy cho thần coi cọp, là thần phù hộ cho liền (xưa kia phụ nữ Việt nam cũng như Nhật Bản, không mặc quần lót). Hoặc một vị thần thích đúng lúc giao thừa tắt hết đèn đuốc trong đình một thời gian để trai gái sờ soạng tìm hiểu nhau tự do, hay những ông thần thích dân mỗi năm cử lễ rước Nõ Nường (cơ quan sinh dục nam và nữ, làm bằng gỗ hay đất nung), hay cho trai gái rước kiệu chung một đêm, tha hồ xô đẩy nhau ôm nhau, như trong một hồi ký của Tô Hoài đã tả.

Bây giờ nhân dịp cổ võ bảo vệ và phát huy văn hóa dân tộc, Đảng cho phục hồi đủ loại phong tục xưa tại các làng xã, kể cả một vài vị dâm thần vui tính kể trên. Vào những ngày làng xã cử hành giỗ thần hoàng làng, nếu là một vị nổi tiếng như Phù Đổng Thiên Vương chẳng hạn, nhà nước sẽ nhúng tay vào tài trợ và tổ chức giúp thành một ngày hội lớn của nhân dân một vùng. Các nhà khảo cổ các họa sĩ được sử dụng để tạo dựng những bộ y phục đồng phục cổ xưa muôn màu muôn sắc ngoạn mục, các nhà du lịch nước ngoài và Việt kiều tha hồ quay phim. (Tôi tự hỏi các cô gái ngày xưa có mặc áo tứ thân bốn mảnh bốn màu với quần hay váy màu xanh, mầu hường như các họa sĩ ngày nay tưởng tượng hay không? Hỏi là hỏi vậy thôi, chứ tôi ủng hộ thứ quần áo nhiều màu nhiều sửa đổi, đẹp mắt và vui hơn).

Mặc dù cố gắng như thế làm đời sống xã hội vui hơn, nhưng chưa tạo dựng nổi một mẫu lương tâm nào cho dân cho lớp trẻ, nên vẫn chưa có một cái thắng nào hữu hiệu để cản những quốc nạn như tham nhũng... Cái thắng hữu hiệu nhất là lương tâm cá nhân của con người, Đảng vẫn còn ngần ngừ, vẫn coi đó là sản phẩm tiểu tư sản, chưa muốn thả lỏng cho dân tùy nghi tạo dựng cho nhau, nhất là cho con cháu.

Trong khi chờ đợi có thay đổi, vẫn đành phải chấp nhận là dân tộc Việt vẫn chỉ nổi tiếng thế giới vì đánh nhau giỏi, thế thôi, còn ngoài ra là chậm tiến và lạc hậu, và nhất là xét về tư cách công dân, dân Việt e rằng vẫn còn ở gần chót bảng xếp hạng. Tất cả chỉ vì một ngày không đẹp trời nào đó, trên núi rừng Việt Bắc những người lãnh đạo đảng Cộng sản chót xóa bỏ hai chữ lương tâm ra khỏi ngôn ngữ của mình.

1) *Người có quyền chức lớn che chở cho các đàn em.*

TƯ VẤN:

NGƯỜI VIỆT MẠNH YẾU CHỖ NÀO?

ĐỖ THÔNG MINH

Chuyện quá khứ thắng hay thua, không quan trọng bằng nhìn lại mình bây giờ để hướng vào tương lai. Trong chúng ta, chắc ai cũng có dịp nhìn lại mình, nhìn lại dân tộc mình. Vui buồn lẫn lộn bởi những xấu tốt do chính mình tạo ra và tự hỏi nguyên do từ đâu? Khi nhìn ra thế giới, nói chung, chúng ta còn thua kém nhiều dân tộc trên thế giới, thế nên, xin miễn được đề cao người mình, những cái hay cái tốt mà nhiều người đã nói tới, mà hãy cùng nhau nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình, để may ra có sửa chữa, thăng tiến hơn không.

*

Thấy người mà nghĩ đến ta, chúng tôi thấy chúng ta phải quan tâm nhiều hơn và đúng mức đối với vấn đề của dân tộc, vì rằng, nói chung dân tộc ta kém xa các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới. Còn lý do tại sao chúng ta kém, chúng ta cần thẳng thắn nhìn vào sự thực. Đã có hằng trăm cuốn sách khen người Việt rồi, nếu chúng ta tự mãn với những điều đó, liệu chúng ta khá lên không, hay từ bao trăm năm qua vẫn thế. Văn hóa Việt có những ưu khuyết điểm nào? Ai cũng biết một số ưu điểm, nhưng phải biết khai thác ưu điểm và quan trọng hơn là nhìn thẳng vào khuyết điểm lớn để sửa chữa ngay.

Ai chẳng tự ái, muốn bênh vực dân tộc mình, nhưng nhìn lại từ thời hữu sử tới nay đã hơn 2.000 năm qua, chúng ta chỉ có một số thời gian ngắn yên bình thịnh trị, còn hầu hết là chiến tranh, không nội chiến thì ngoại xâm. Nội chiến vì chúng ta chia rẽ, còn ngoại xâm vì chúng ta ở một vùng địa lý chính trị quan trọng mà lại không biết giữ. Tại sao dân tộc ta cứ mãi mãi lầm than, khốn khổ như vậy?

Học giả Trần Trọng Kim trong cuốn Việt Nam Sử Lược trang 6 đã viết: "Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quí sự lễ phép, mến điều đạo đức: lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm năm đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy, vẫn hay có tính tinh vặt, cũng có khi quỷ quyệt, và hay bài bác chế nhạo. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn có sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật."

Học giả Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu trong cuốn Đất Lề Quê Thói (Phong Tục Việt Nam) trang 68 cũng nhận xét rằng: "Người mình phần đông thường ranh vặt, quỷ quyệt, bộ tịch lễ phép mà hay khinh khi nhạo báng. Tâm địa nông nổi, khoác lác, hiếu danh..."

Chúng ta có rất nhiều gương bất khuất, dám hy sinh tính mạng để bảo vệ đất nước, dám vượt biển, vượt biên tìm tự do. Nhưng nói chung các hành vi ấy còn thụ động và tiêu cực. Không trực tiếp góp phần cụ thể trong việc phát triển đất nước. Chúng ta với những đức tính tốt, cũng đã có nhiều thành tựu, nhưng những tính xấu đã làm lu mờ hay làm tan nát ít nhiều những thành tựu đó.

Đã từng có cuốn "Người Nhật Xấu Xí," "Người Mỹ Xấu Xí" và mới đây có cuốn "Người Trung Quốc Xấu Xí" của ông Bá Dương, do ông Nguyễn Hồi Thủ dịch ra tiếng Việt, mà tạp chí Thế Kỷ 21 và một số người cho là chỉ cần thay chữ "Trung Quốc" bằng chữ "Việt Nam" thì cũng đúng thôi. Cuốn sách xuất bản ở Đài Loan và năm 2000 được in và phát hành tại Trung Quốc là điều chúng ta càng nên quan tâm. Tôi không đồng ý lắm với ông Bá Dương vì lối phê bình mang nặng tính tự ty mặc cảm, bài bác tất cả những gì của mình, trong khi mới nhìn của người một cách phiến diện mà đã khen ngợi một cách quá đáng. Năm 2001, có cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" của ông Nguyễn Gia Kiểng, cuốn sách đào sâu nhiều khuyết điểm trong văn hóa, lịch sử nhưng có nhiều dữ kiện khó xác định và đi quá xa gây ra nhiều tranh luận và cuốn "Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21" của bà Lê Thị Huệ đã nêu lên nhiều khuyết điểm của người mình. Năm 2002, nghe

nói ở Việt Nam cũng có cuốn "Người Việt Xấu Xí" của ông Trần Quốc Vượng...

Chúng tôi công nhận là họ đã can đảm nói lên những điều xấu của người mình, là một trong những điều tối kỵ, ít ai dám nói tới. Đôi khi chúng ta cần gạt bỏ tự ái để nhìn thẳng vào sự thật, cố gắng sửa chữa để tiến thân, cho mình cũng như cho dân tộc.

Chúng tôi thấy hơn bao giờ hết, đây là dịp người Việt thẳng thắn nhìn lại người mình, cởi mở và dọn mình để mang tâm thức lớn, cùng nhân loại bước vào thế kỷ 21. Nói vậy chứ cũng đã trễ lắm rồi, bây giờ mà sửa soạn thì may ra vài chục hay cả trăm năm sau mới bắt đầu có kết quả.

Người Việt có những tính tốt nào? Người Việt hiếu học ư, cũng hiếu học đấy, nhưng vẫn chỉ là một số nào đó, một số lớn vẫn ít học, cho là nghề dạy nghề, tức tùy tiện tới đâu hay tới đó. Mà đa số trong số hiếu học ấy vẫn mang nặng tinh thần từ chương, quan lại, trọng bằng cấp từ ngàn xưa. Họ học để tìm sự giầu có, phong lưu cho bản thân và gia đình hơn là giúp đời. Họ được gọi là trí thức, nhưng chỉ biết tri thức chuyên môn, hầu như họ sống cách biệt, không dính gì tới đại đa số đồng hương mà họ cho là thấp kém. Kiến thức tổng quát của họ là một mớ hời hợt, thường có được là qua những buổi trà dư tửu hậu, chứ không qua sách vở nghiêm túc. Nói chi tới dân thường, có nhiều người cả năm không mua một cuốn sách, một tờ báo. Họ chỉ thích nghe lóm và chỉ đọc sách báo khi có ai đó mua thì mượn đọc ké thôi. Người mình lại dễ tin, đọc một bản tin trên báo hay nghe truyền miệng mà đã tin, nên dễ bị kẻ xấu lừa.

Nhờ tới họ việc gì, luôn luôn họ giẫy nẩy lên trả lời là bận lắm, bận lắm; biết họ bận gì không? Họ bận kiếm nhiều tiền để mua nhà, mua xe, chứng tỏ sự thành đạt của mình với chung quanh. Để tỏ ra là cha mẹ có trách nhiệm, họ luôn luôn bận lo cho tương lai học hành của con cái, thúc đẩy con học những ngành yên ấm mà kiếm được nhiều tiền chứ không tạo cho chúng tinh thần xã hội, góp phần xây dựng đất nước... Trong khi họ mới lớp tuổi 40, 50 mà đã tự cho là "già rồi" không thấy tự học hành lo cho chính cuộc đời của họ và xã hội mà họ đang sống. Họ lúc nào cũng bận quây quần với vợ con, bận tụm đám bạn bè vui chơi!

Người Việt luôn nặng tình cảm, đôi khi đến độ che mờ lý trí. Chúng ta có được tinh thần gia đình thương yêu, đùm bọc khá cao, nhưng qua những cuộc đổi đời mới đây, một số gia đình cũng bắt đầu tan nát. Tinh thần hiếu khách, dù là nhà nghèo, nhưng hầu hết người Việt có gì cũng sẵn sàng đem ra cho khách dùng.

Người Việt có những tính xấu gì? Có thể nói là thiếu ý chí, thiếu sáng tạo, thiếu nghiên cứu, thiếu mạo hiểm, thiếu tầm nhìn xa, nói dối quanh, ít nhận lỗi, thiếu trật tự, thiếu nguyên tắc, thiếu tôn trọng của công, ăn cắp vặt, tự cao, tự ty, ỷ lại, thù dai, nặng mê tín, mau chán, thiếu tinh thần dân chủ vì độc đoán ít dung hợp ý kiến người khác, lúc nào cũng có cả trăm lý do để trễ hoặc không giữ lời hứa, nặng tình cảm mà thiếu lý trí, tinh thần địa phương, tôn giáo... Nhưng đáng kể là thói ích kỷ và nhất là đố kỵ làm trầm trọng thêm sự chia rẽ, đó là những cố tật lớn nhất đã làm cho người Việt không đoàn kết, hợp quần, tiến nhanh lên được.

Tại sao trong khi hầu hết người Nhật và Hoa thường tìm đến cộng đồng của họ thì có một số khá nhiều người Việt tìm cách xa lánh nếu không muốn nói là sợ chính cộng đồng của mình (trừ khi gặp khó khăn cần giúp đỡ)?

Chúng ta không thể thay đổi truyền thuyết chia ly giữa Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, hẹn khi cần mới gọi nhau hợp sức. Tức là bình thường thì chia rẽ, chỉ khi không sống được mới đoàn kết, rồi lại chia rẽ. Nhưng chúng ta, bằng lòng thành và ý chí phải vượt qua "định mệnh" không hay này.

Về bản thân người Việt, thân hình nhỏ bé, tuổi thọ thấp, sức lực kém, không bền bỉ, mà làm việc lại hay qua loa, tắc trách, đại khái nếu không nói là cẩu thả, nên nói chung năng suất kém.

Chúng ta thử nhìn xem, trong bất cứ một nhà ăn quốc tế như ở các trường Đại Học có nhiều nhóm người thuộc nhiều nước thì nhóm nào nhỏ người nhất, lộn xộn và ồn ào nhất có nhiều phần chắc đó là nhóm người Việt. Nhóm này còn thêm cái tật hút thuốc, xả rác khá bừa bãi nữa.

Nay đã là đầu thế kỷ 21, thử nhìn lưu thông ở các thành phố lớn Việt Nam xem. Thật là loạn không đâu bằng. Người ngoại quốc nào đến Việt Nam cũng sợ khi phải hòa mình vào dòng xe cộ đó, và nhất là khi băng qua đường. Tỷ lệ tai nạn xẩy ra rất cao, ai cũng ta thán, thế mà bao năm qua vẫn mạnh ai nấy chạy, mạnh ai nấy đi. Những ngã năm, ngã bảy xe đông nghẹt mà hầu như không chia làn đường, nhiều nơi không có bệ tròn để đi vòng, không cảnh sát hướng dẫn lưu thông. Từ mọi phía xe cứ đổ dồn thẳng vào rồi mạnh ai người nấy tìm đường tiến lên. Đã cấm đốt pháo

được mà sao tệ nạn lưu thông đầy rẫy, mỗi một chuyện cỡi xe gắn máy phải đội nón an toàn đã bao năm qua vẫn chưa giải quyết được. Sống trong xã hội mà dường như có rất đông người Việt hầu như không muốn bất cứ một luật lệ nhỏ nào ràng buộc mình. Cứ làm đại, làm càn rồi tới đâu hay tới đó!?

Chúng tôi vẫn nghĩ, một dân tộc có văn hóa cao, thực sự hùng mạnh không thể nào nẩy sinh ra lãnh đạo tồi và chỉ biết xâu xé nhau. Chính tính xấu chung của người Việt mới nẩy sinh ra lãnh đạo tồi và chia rẽ mà sinh ra chiến tranh, chiến tranh mới đào sâu thêm hố chia rẽ và làm lụn bại dân tộc. Thất phu hữu trách mà, vận nước hôm nay là trách nhiện chung của mọi người, không chỉ có người lãnh đạo mà người dân cũng chung trách nhiệm.

Thử nhìn các lãnh vực văn, thơ, nhạc của chúng ta mà xem, đâu đâu cũng than mây khóc gió là chính. Đồng ý là có nhiều chuyện buồn nên sáng tác nội dung buồn, nhưng buồn mãi vậy ích lợi gì, sao không tìm cách giải quyết cái buồn. Có biết đâu những tư tưởng yếm thế đó càng làm cho tình hình xấu thêm. Nếu có tư tưởng nào tích cực thì muôn đời vẫn chỉ thuần là tư tưởng, vì chính tác giả của tư tưởng ấy chỉ viết hay nói ra cho sướng, nói ra để lấy tiếng với đời, chứ chính họ không có trách nhiệm thực thi.

Những gì cụ Phan Bội Châu báo động, kêu than trong cuốn "Tự Thán" đã gần một thế kỷ qua mà như đang xẩy ra quanh đây thôi. Nếu chúng ta không có can đảm trị căn bệnh ngàn năm của mình thì dù có hết chiến tranh, dân Việt vẫn mãi mãi khó mà vươn lên được.

Chí sĩ Phan Bội Châu đã hy sinh cả cuộc đời vì nước, vào sinh ra tử không tiếc thân, thế mà trong cuốn "Tự Phán," cụ đã thẳng thắn nhận đủ thứ lỗi về phần mình. Cụ hối hận nhất là không đủ tri thức về ngoại ngữ và tình hình thế giới. Nhưng trong đó, cụ cũng không quên nêu lên một số khuyết điểm chính của người mình thời đó như người lãnh đạo không lo cứu nước, dân không lo việc nước. Chỉ tranh thắng với nhau trên bàn cờ, hay cốc rượu, mà bỏ mặc vận nước cho ngoại xâm dầy xéo...

Ai cũng biết, Nhật Bản là một đảo quốc, đất hẹp, dân đông, nhưng người Nhật đã khéo léo thu thập tinh hoa thế giới để bồi đắp quê hương mình trở thành một cường quốc, đôi khi vượt qua cả những nước bậc thầy của họ trước đó. Thật là hiện tượng hiếm có, không mấy dân tộc nào làm được. Nhật Bản có thể ví như một nhà nghèo mà đông con, thế mà đã nuôi được cho tất cả các con ăn học thành tài. Nên đây thật là tấm gương lớn cho người Việt chúng ta học hỏi vậy.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, Việt Nam và Nhật Bản thời cận đại và hiện đại đã có những chọn lựa hướng đi khác nhau.

Khi Pháp đòi Việt Nam mở cửa và đe dọa bằng cách bắn phá đồn Đà Nẵng năm 1856, Việt Nam đã chủ trương bế môn tỏa cảng. Thế nên năm 1858, Pháp đem 14 tàu chiến và 3.000 lính đến bắn tan đồn lũy Đà Nẵng. Phía Việt Nam chống cự đến cùng, để rồi bị thua và toàn quốc bị đô hộ 80 năm. Chúng ta có tính can trường và bất khuất, nhưng thiếu khôn ngoan về một tầm nhìn xa cho đất nước chăng? Đặc biệt Việt Nam hầu như chỉ

dựa vào một cường quốc, khi sợ nước nào thì chỉ dựa theo nước đó, thiếu tầm nhìn toàn diện. Thật vậy, khi thấy Pháp Quốc mạnh thì bỏ Trung Hoa theo Pháp Quốc, rồi theo Nhật Bản, theo Hoa Kỳ hay Liên Xô. Theo đuổi chính sách như vậy, dễ bị một cường quốc lấn át và khi các cường quốc này yếu đi thì hoang mang, không biết trông vào đâu. Sau Thế Chiến Thứ 2, thế giới có phong trào giải thực, hàng chục quốc gia được độc lập một cách dễ dàng, riêng một số nhà lãnh đạo Việt Nam chọn con đường chiến tranh, hy sinh khoảng 4 triệu người và 30 năm. Điều này đã khiến quốc gia bị tụt hậu, trở thành chậm tiến và nhất là phân hóa, chưa biết bao giờ mới hàn gắn được.

Tại sao Việt Nam ở bao lơn Thái Bình Dương, vị trí địa lý chính trị cực kỳ quan trọng như vậy mà chỉ trở thành mục tiêu cho các đế quốc xâm lăng, còn không học hỏi để tự vươn lên được? Tại sao các đế quốc nhìn ra vị thế quan trọng của Việt Nam mà chính người Việt lại không nhìn ra và tự tạo cho mình một vị thế tương xứng như vậy? Tại sao người Việt đã đầu tư quá nhiều vào chiến tranh mà chúng ta vẫn thiếu hẳn một đường hướng xây dựng, phát triển quốc gia thích hợp? Với lối phát triển quốc gia trong nhiều thế kỷ qua, bao giờ Việt Nam mới theo kịp các nước trung bình trên thế giới, tức ngang với tầm vóc đáng lẽ phải có về dân số và diện tích của Việt Nam?

Trong lúc đó, năm 1853, khi bị Hoa Kỳ uy hiếp, Nhật Bản cắn răng chịu nhục, quyết định bỏ chính sách bế môn tỏa cảng. Nhưng họ mở rộng ngoại giao, không chỉ với Hoa Kỳ mà với cả ngũ cường, thêm Anh, Pháp, Nga, Đức... mặt khác, họ cố gắng học hỏi ở các nước ấy, để 30, 40 năm sau vươn lên ngang hàng. Nhưng Nhật đã bắt chước các đế quốc, đi vào con đường chiến tranh sai lầm, góp phần gây nên Thế Chiến Thứ 2, hy sinh khoảng 3,1 triệu người và đất nước tan hoang. Sau Thế Chiến Thứ 2, Nhật Bản đứng trước một tương lai cực kỳ đen tối chưa từng có. Nhưng họ đã chọn con đường xây dựng quốc gia bằng hòa bình, cố gắng làm việc, chỉ 25 năm sau, Nhật Bản lại trở thành cường quốc.

Giờ đây, vận nước vẫn còn lênh đênh, mà người lãnh đạo lẫn người dân, nhiều người vẫn như xưa, chưa thức tỉnh. Đặc biệt, nay có cả mấy triệu người được ra nước ngoài, tri thức thăng tiến bội phần, nhưng chỉ có một phần nhỏ quan tâm tới cộng đồng và đất nước, còn phần lớn mạnh ai nấy lo làm giàu cá nhân... Thật là hỡi ơi!

Vài chục năm trước, chúng tôi có được đọc trong một cuốn sách, đại ý thuật lại lời một người trí thức Nhật với một người Việt ở Việt Nam ngay sau khi Thế Chiến Thứ 2 vừa chấm dứt năm 1945. Người Nhật ấy nói rằng, vì thua trận, từ nay đất nước Nhật Bản bước vào thời kỳ đen tối, còn Việt Nam sẽ thoát khỏi nạn thực dân, được độc lập và tương lai sáng lạn. Nghĩ vậy, thế nhưng người Nhật đã cố gắng phục hưng đất nước một cách nhanh chóng.

Trong khi đó, tình hình Việt Nam đã không diễn biến như hoàn cảnh thuận lợi cho phép. Tại sao có điều nghịch lý là sách giáo khoa Nhật Bản viết nước Nhật vốn "rất nghèo tài nguyên," mà nay người Nhật xây dựng thành "giàu có," còn sách giáo khoa Việt Nam có lúc viết nước Việt vốn "rừng vàng biển bạc" mà lại hóa ra "nghèo nàn"? Tại sao người Việt chỉ biết đem tài nguyên sẵn có và nông phẩm là thứ đơn giản và rẻ nhất đi bán? Dù ai cũng biết đây là thứ kinh tế mới chỉ ngang tầm thời trung cổ.

Ngay nước gần chúng ta như Thái Lan cũng ở tình trạng tương tự, nhưng khéo ngoại giao hơn, không tốn xương máu mà vẫn giữ được hòa bình để phát triển.

Do đó, điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là không chỉ thu học kỹ thuật của người, mà cần để ý đến văn hóa, là mặt tinh hoa tạo nên tinh thần người Nhật hay người Đức. Có tinh thần mạnh thì như họ, dù thua Thế Chiến Thứ 2, cũng nhanh chóng vươn lên. Tinh thần yếu thì dù đất nước có giàu có cũng sẽ bị lụn bại đi như nhiều đế quốc trước đây trong lịch sử.

Vậy người Việt bị thua kém, tụt hậu vì những khâu nào? Tại sao đa số người Việt mua thực phẩm là món ăn vật chất hàng ngày, có thể mua nhạc hàng tháng để giải trí mà có khi cả năm mới mua một cuốn sách là món ăn tinh thần? Tại sao, người Việt dù có hai triệu ở hải ngoại hay 80 triệu ở quốc nội, mỗi tựa sách (đầu sách) cũng chỉ in trung bình khoảng 1.000 cuốn? Như vậy người Việt có thực sự chăm tìm tòi, học hỏi không? Nếu bảo rằng sách đắt thì số người Việt tới thư viện sao cũng không cao.

Nói chung, không có dân tộc nào tiến mạnh mà sách vở lại nghèo nàn. Bởi chính sách vở là kho kiến thức, làm nền tảng để phát triển. Người Nhật tiến mạnh được là nhờ họ biết tích lũy kinh nghiệm. Người đi trước khi học hỏi, họ ghi chép rất cẩn thận, sau này nhiều người trong số đó

viết sách để lại cho người đi sau và cứ thế. Có những người Việt giỏi, nhưng không chịu khó viết sách để lại, nếu người ấy mất đi thì bao nhiêu kinh nghiệm tích lũy hàng mấy chục năm cũng mất theo luôn, thật là uổng phí. Hơn nữa, ai cũng rõ, nếu hiểu biết chỉ được thu thập thuần bằng kinh nghiệm chưa hẳn đã là chính xác và phổ quát, lúc viết sách, người viết sẽ phải tham khảo rất nhiều, khi đó, từ các suy nghĩ cho tới dữ kiện mới dần dần được hoàn chỉnh hơn.

Tại sao người Việt ở cả trong và ngoài nước được kể là học khá, nhất là về toán, mà không tìm ra một công thức hay có được một phát minh thực dụng đáng kể nào? Tại sao lúc nào cũng đầy người tụ ở quán cà phê và hiệu ăn mà không hề nghe có lấy được tên một nhà thám hiểm Việt Nam nào? Tại sao chúng ta thiếu hẳn óc tìm tòi, mạo hiểm, nhẫn nại và cố gắng? Người ngoại quốc nào nghe người Việt nói cũng thấy lạ, thấy hay, vì líu lo như chim, âm thanh trầm bổng như có nhạc. Bởi tiếng Việt có khoảng 15.000 âm với sáu dấu thinh/giọng, lên xuống như "sắc, huyền," uốn éo như "hỏi, ngã," rung động như "r"... thế nhưng, đa số người Việt không biết gì về nhạc cả. Trong khi tiếng Nhật rất nghèo nàn về âm, chỉ có 120 âm, mà đa số người Nhật rất giỏi nhạc, có nhiều nhạc trưởng hòa tấu hàng quốc tế, còn đi sửa các dàn organ cho cả Âu Châu... Người Việt hầu hết chỉ biết mua nhạc cụ chơi, tới khi hỏng thì chịu, thấy tình trạng bết bát quá, chính người Nhật phải qua sửa giúp nhạc cụ của dàn nhạc giao hưởng Việt Nam khoảng đầu thập niên 90.

Trong tiến trình phát triển quốc gia, cụ thể là trên bình diện kinh tế, từ khâu đầu tư, tụ vốn, lập công ty, khai thác nguyên liệu, nhiên liệu, nghiên cứu, sản xuất, cải tiến, quản lý phẩm chất, quản lý tài chính, quảng cáo, buôn bán, phân phối, bảo trì, tái biến chế, bảo vệ môi sinh... Tất nhiên làm ăn cá thể thì người Việt thường chỉ mạnh ở khâu buôn bán nhỏ hoặc kinh doanh hiệu ăn lấy công làm lời.

Ngay khâu buôn bán, người bán thường chú trọng mua hàng ngoại hạng nhất về bán kiếm lời và người tiêu dùng cũng lo bỏ ra thật nhiều tiền tìm mua hàng ngoại hạng nhất để khoe mà nhiều khi không biết dùng hoặc không cần dùng tới! Tại sao lại chuộng "hàng ngoại" đến như vậy? Hàng hóa ở Việt Nam ngày nay khá nhiều, nhưng người Việt không tự sản xuất lấy được khoảng 10% trong cấu thành sản phẩm đó. "Sản xuất" nếu có, "hàng nội" nếu có, thực ra chỉ là đốt giai đoạn, dùng máy ngoại quốc rồi nhập vật liệu và làm gia công. Sau này, khi máy hư hỏng thì lại mua máy mới, không dần dần tự chế máy thay thế như người Nhật hay Hoa được.

Cạnh tranh trong thương trường, người Việt thường tìm cách hạ nhau, coi thành công của người khác là thiệt hại của mình; như bầy cua trong rọ, cứ kẹp nhau để rồi kết quả là không con nào ra khỏi rọ được. Người Hoa Kỳ có châm ngôn làm ăn đại ý rằng: "Cạnh tranh là tự cải tiến sản phẩm của mình chứ không phải bỏ thuốc độc vào hàng của người khác." Người Nhật thì chủ trương: "Khách là nhất. Khách nuôi nhân viên chứ không phải chủ, phải làm sao cho vừa lòng khách."

Sự phồn vinh rất "giả tạo" hiện nay ở Việt Nam là do sự cởi mở về kinh tế, nhưng phần lớn là do tiền từ bên ngoài. Trong gần 30 năm qua, Việt Kiều gởi về khoảng 30 đến 40 tỷ Mỹ Kim, cộng thêm một số tiền đầu tư của ngoại quốc 40 đến 45 tỷ MK (trong các công trình hợp doanh, phía đầu tư của Viện Nam chỉ chiếm khoảng 10% số này). Với số tiền khổng lồ đó, nếu có chính sách giáo dục, kinh tế tốt hơn và nhất là không bị quốc nạn tham nhũng thì mức sống của người dân có lẽ đã gấp hai, gấp ba lần hiện nay, mức chênh lệch lợi tức giữa người thành thị và nông thôn sẽ không quá xa. Ở hải ngoại cũng vậy, với nhà cửa rộng lớn, xe hơi sang trọng tất nhiên do nhiều nỗ lực cá nhân, nhưng yếu tố chính cũng là do may mắn từ môi trường thuận tiện sẵn có, như thể "đẻ bọc điều, chuột sa hũ gạo," chứ xét về bản chất, không khác với người trong nước.

Phải chăng các điều trên chỉ là những câu hỏi luôn làm trăn trở, bứt rứt một số rất ít những người Việt có tâm huyết với sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. Phải chăng còn đại đa số thì không quan tâm và bằng lòng với công việc buôn bán nhỏ hay đi làm thuê hiện tại? Vì kiếm thật nhiều tiền cho mình và gia đình là quá đủ và hết thì giờ để nghĩ và làm thêm bất cứ chuyện gì khác? Thử hỏi như vậy Việt Nam sẽ đi về đâu?

Tất nhiên, đã là con người thì dân tộc nào cũng có đủ các tính tốt và xấu, nhưng người Việt dường như bị nhiễm nhiều tính xấu ở mức độ rất trầm trọng.

Chúng tôi xin mạo muội bầy tỏ phần nào những ưu tư đối với đất nước và dân tộc. Xin tất cả chúng ta hãy cùng thành tâm nhìn lại mình, vì tương lai đất nước, để thế hệ mai sau có được cuộc sống đáng sống hơn, hãy tự chế để bỏ dần các khuyết điểm mà tăng tiến các ưu điểm./.

SÓNG HẤP LỰC

NGUYỄN HÙNG VŨ

Khi Einstein qua đời vào năm 1955, ông để lại cho nhân loại một di sản khoa học vĩ đại trong lãnh vực vật lý. Trong số những khám phá lý thuyết quan trọng, một tiên đoán chưa được trực tiếp tìm ra là *sóng hấp lực (gravitational waves)*. Lý do chính: cho đến gần đây kỹ thuật hiện đại chưa chế tạo nổi những thứ máy đo tinh vi đủ bén nhậy để bắt được thứ sóng cực nhỏ như ông đã tiên đoán.

Nếu trong những tháng năm sắp đến sóng hấp lực được tìm ra, thì sau gần một thế kỷ, thuyết tương đối tổng quát của Einstein sẽ được công nhận là hoàn tất, toàn bích. Nếu không may sóng hấp lực bị phủ nhận thì thuyết tương đối có thể sẽ bị xem là bất toàn hảo và hậu quả có thể đưa đến những thay đổi khó khăn cho nền vật lý trong việc thiết lập một nền tảng tri thức khoa học về vũ trụ (Hầu hết những lý thuyết gia đều nghĩ sóng hấp lực có thật.)

Khác với những loại sóng điện từ (gồm sóng radio, sóng gamma, hay sóng X) sóng hấp lực có nguồn gốc và những đặc tính riêng. Những làn sóng điện từ như ánh sáng là sự truyền dẫn trong không gian, trong khi đó sóng hấp lực là sự chấn động và rung chuyển của không gian. Nếu địa chấn kế là máy đo năng lượng và cường độ của những cơn sóng địa chấn thì máy đo sóng hấp lực có thể tạm gọi là "không chấn kế."

Tìm ra nguồn gốc và giải thích được loại "không chấn" này, nền vật lý hiện đại sẽ trả lời được nhiều câu hỏi lớn thuộc vũ trụ học, thiên văn học, những câu hỏi mà những thứ viễn vọng kính dùng quang phổ điện từ không thể trả lời được như sự hủy hoại của những lỗ đen, sự hiện hữu của một số những định luật vật lý, nguồn gốc của BigBang, sự hiện diện của những lỗ đen khổng lồ tại trung tâm điểm những thiên hà. Có thể xem nó là một thứ viễn vọng kính nhìn thấu được những bức màn che bao phủ những bí mật đầu tiên trong giây phút tạo thiên lập địa hay thời điểm cuối cùng của những lỗ đen.

Vì tầm quan trọng, một số lý thuyết gia và nhà thí nghiệm vật lý của thuyết tương đối đã trường kỳ nỗ lực trong những thập niên qua trong lãnh vực lý thuyết cũng như mặt kỹ thuật để tìm cách khám phá ra những gợn sóng li ti cực nhỏ này.

Lý thuyết gia Kip Thorne, nhà vật lý hàng đầu về sóng hấp lực, quan niệm rằng, "*tìm ra sóng hấp lực, chúng ta sẽ làm một cuộc cách mạng về cách chúng ta hiểu vũ trụ và lỗ đen. Chúng ta sẽ chứng kiến những hiện tượng vật lý chúng ta chưa bao giờ từng chứng kiến.*"

Vậy sóng hấp lực từ đâu đến và vật lý gia hiện đại đã chế tạo ra những thứ máy thí nghiệm nào để dò tìm? Đó là câu chuyện khoa học hôm nay, câu chuyện về những bộ máy dò sóng đắt hơn 500 triệu đô-la.

1. Sự hiện thực và ý nghĩa vật lý của không gian

Theo thuyết tương đối, không gian và thời gian *không* có tính chất tuyệt đối như trong cơ học Newton. Không gian ba chiều và thời gian một chiều được xem là một thứ "thiên la địa võng" vô hình có thể co dãn và trở thành "lồi lõm" vì ảnh hưởng của vật chất và năng lượng. Theo hình học Euclid phẳng cổ điển, không gian tượng trưng như một tờ giấy nằm trên mặt bàn phẳng, nhưng theo thuyết tương đối, không gian đó có thể bị nhăn nhúm như tờ giấy đã được vo tròn vì ảnh hưởng của vật chất. Một đường thẳng kẻ trên tờ giấy trên mặt bàn sẽ là một đường thẳng, nhưng nếu tờ giấy bị uốn thành một cái phễu thì đường thẳng đó cũng tùy thuộc vào tờ giấy mà trở thành đường tròn. Đó là lý do trái đất quay chung quanh mặt trời. Khối lượng khổng lồ của mặt trời đã làm cho vùng không gian chung quanh nó bị lõm và trở thành tròn. Quả đất quay chung quanh mặt trời không phải tại vì "sức hút" của mặt trời theo

luật hấp lực của Newton, mà là tại vì mạng lưới không gian chung quanh mặt trời bị đè lên và tạo thành một vùng trũng, cũng giống như hòn bi thả vào trong một cái chén sẽ di chuyển theo đường tròn. Einstein đã cắt nghĩa hấp lực chỉ là một thứ lực tưởng tượng Newton toán học hóa được nhưng chịu thua không biết giải thích nguồn gốc ra sao. (Những toán gia nổi tiếng như Henri Poincaré cũng đã thấy được khuyết điểm của cơ học Newton trong những áp dụng vào lý thuyết điện từ trường của Maxwell nhưng Einstein là người đã tìm cách giải thích bằng thuyết tương đối.)

Qua thuyết tương đối tổng quát, không gian "hóa thân" thành một thực hữu, bác bỏ thứ suy luận siêu hình như Leibniz hay Kant đã suy tư. Kant cho không gian là một quan niệm, một thứ trực giác tiên nghiệm, Leibniz đưa ra một số định nghĩa triết lý về hư vô và hiện hữu khi quan sát không gian và những vật ở trong không gian.

Einstein, trái lại, đã đưa quan niệm "trường" (dịch từ chữ fields) vào thuyết tương đối của ông, sau những khám phá nền tảng về từ trường và điện trường của Faraday vào thế kỷ 18.

Quan niệm trường đưa thuyết tương đối trở thành một trong những *field theories* của vật lý hiện đại. Cũng có thể nói rằng Einstein đã thành công trong việc "hình học hóa" một cách có hệ thống thế giới chúng ta đang ở, và đây là một ước mơ từ thời xa xưa của những triết gia Hy Lạp.

Chứng minh được rằng không gian có một ý nghĩa thực hữu, trở thành một môi trường *tác động hổ tương và dẫn truyền* chi phối bởi trường-fields, Einstein cho thấy không gian còn có thể bị bóp méo vo tròn như cao-su. Ông tìm ra trên lý thuyết sự co dãn và chấn động của nền không gian và vận tốc di chuyển của chấn động này. Sóng hấp lực có vận tốc của ánh sáng.

Những khám phá cách mạng của thuyết tương đối cho thấy không gian trở nên một khối "rắn chắc" hơn cả... sắt, thép, kim cương. Một quả bom nguyên tử nổ chỉ làm chấn động không khí và ảnh hưởng đến bầu khí quyển cũng như phá hoại vật chất nhưng không gian tự nó không hề hấn gì. Sự kiện chúng ta có thể di chuyển đây đó không có nghĩa là không gian "mềm" hay "lỏng."

*

Đến đây, tôi xin bàn qua về những giai đoạn khó khăn của thí nghiệm khoa học hiện đại, trong đó đài đo sóng hấp lực là một tiêu biểu.

Trong thời đại "big science-đại khoa học," những thí nghiệm vật lý rất tốn kém và công phu, đòi hỏi ngân sách quốc gia phải chi những phí tổn khổng lồ (mỗi chuyến phóng phi thuyền con thoi tốn sơ sơ khoảng nửa tỉ đô-la), không như những phòng thí nghiệm cá nhân thời Faraday.

Những thí nghiệm vật lý trong cuối thế kỷ 20 sang thế kỷ 21 đòi hỏi nỗ lực của hàng trăm, hàng ngàn chuyên gia vật lý, computer, kỹ sư, trên mọi lãnh vực trong hàng nhiều năm. Nhiều chương trình thí nghiệm đòi hỏi sự cộng tác của nhiều quốc gia (như phòng thí nghiệm vi hạt CERN tại Geneva ở Âu Châu).

Sửa soạn cho những thí nghiệm vật lý có thể tạm chia ra làm những giai đoạn sau:

-Lý thuyết đòi hỏi một hiện tượng vật lý phải có mặt và hiện tượng ấy phải được đại đa số lý thuyết gia đánh giá tầm mức quan trọng đủ để thí nghiệm (ví dụ như hạt neutrino đã được Pauli nghĩ ra mấy thập niên trước nhưng mới được tìm ra gần đây).

-Xác định khả năng "có thể thí nghiệm-test-ability" một hiện tượng vật lý bằng kỹ thuật hiện đại (kỳ báo trước ông Nguyễn Đức Tường đã bàn qua về thuyết chuỗi sợi. Kỹ thuật của thế kỷ 21 không thể làm thí nghiệm nổi vì siêu chuỗi quá nhỏ).

-Kế hoạch hóa những công việc phải làm với những dữ kiện thu thập được (khoa học gia có thể tốn nhiều năm trời chỉ để bù đầu vào những việc đong, đo, phân loại những mớ dữ kiện khổng lồ).

-Điều trần trước quốc hội để xin ngân khoản nếu chi phí cao.Vấn đề này không thuộc phạm vi kỹ thuật, nhưng yếu tố chính trị/tài chính không thể bỏ qua trong thời đại big science này. Viễn vọng kính Hubble tốn kém hơn 2 tỉ đô-la là một bài học đắt tiền cho nền khoa học Mỹ. (Năm 1994, quốc hội Mỹ bác bỏ một đài gia tốc vi hạt tốn hơn 4 tỉ mỹ-kim, hậu quả là nhiều chuyên gia vật lý vi hạt phải bỏ nghề.)

-Xây cất đài thí nghiệm để thu dữ kiện. Công việc này có thể kéo dài nhiều năm.

-Sau khi hoạt động, thu lượm dữ kiện và nắm được dữ kiện trong tay, công việc của các chuyên gia chỉ mới hoàn tất được một nửa, vấn đề còn lại là: làm sao để hiểu ý nghĩa những gì họ thu thập được trong những núi dữ kiện? Đây là công trình giải mã rất tinh vi của các chuyên gia dựa trên tính toán của lý thuyết gia. Nếu không giải mã, thì những dữ kiện trong tay cũng như một mớ chỉ rối (Một ví dụ điển hình là những vi hạt được

khám phá như *J/psi* hay *top quark* đòi hỏi sự phân tích, so sánh, gạn lọc và kiểm chứng của hàng trăm chuyên gia vật lý trước khi công bố kết quả. Hạt *top quark* tốn mất 18 năm mới tìm ra vào năm 1994. Ý tôi muốn nói: không có lý thuyết làm đuốc dẫn đường thì thí nghiệm gia cũng tương tự như những anh mù sờ voi.)

Ngoài những vấn đề kể trên, lại còn vấn đề thời gian và kiên nhẫn. Có những thí nghiệm đòi hỏi khoa học gia phải chịu khó ngồi chơi xơi nước hàng chục năm, có thể cho đến mãn đời, mà kết quả có thể là zero (Ví dụ như trong những thí nghiệm tìm sự phân rã dương tử-*proton decay*, chuyên gia ngồi dài cổ chờ kết quả thí nghiệm đã gần hai thập niên mà chưa thấy gì. Việc này làm những lý thuyết gia về thuyết tổng hợp gãi đầu bứt tóc. Cách đây không lâu báo chí ước tính khoa học gia về SETI có lẽ phải ngồi chờ khoảng... 50 ngàn năm hay hơn mới có tí ti hy vọng mỏng manh là sẽ bắt được tin tức đến từ một loài có trí khôn như loài người trong vũ trụ.)

2. Nguồn gốc của sóng hấp lực

Phương trình của Einstein về trường hấp lực -*fields equations*- đòi hỏi sóng hấp lực phải có mặt ở trong vũ trụ, đặc biệt là ở những nơi có những lỗ đen gần sát nhau, hay những vùng không gian có hai vì sao di chuyển trong cùng một quỹ đạo -*binary star system*, hay ở những nơi nào có sự phát nổ của một siêu sao -*supernova implosion*. Khi những làn sóng hấp lực tản mác ra trong không gian với vận tốc ánh sáng, chúng mang theo một số năng lượng, và theo nguyên lý bảo toàn năng lượng, những lỗ đen hay những quỹ đạo của những cặp sao đôi sẽ theo đó mà thay đổi.

Những làn sóng hấp lực, sau khi di chuyển bốn phương tám hướng trong không gian hàng triệu năm ánh sáng, đã bị loãng đi và trở nên li ti cực nhỏ. Nếu chúng chạm phải trái đất sẽ làm trái đất co dãn méo mó, tương tự như những cơn sóng thủy triều làm trồi hay sụt mặt nước bể do sức hút của mặt trăng mặt trời gây nên. Tuy nhiên, vì sóng hấp lực quá yếu, chế tạo được một thứ máy đo có đủ bén nhậy để đo chính xác làn sóng này là một công trình lớn. Khó khăn hơn nữa là làm sao phân biệt được đâu là nhiễu loạn -*spurious noises*, và đâu là làn sóng thực sự muốn tìm. Những tính toán đã cho thấy sự méo mó của trái đất do sóng hấp lực tạo nên chỉ làm cho mỗi nguyên tử -atom- thay đổi chiều dài khoảng 1 phần 10.000, hay làm cho những tấm gương phẳng bị dao động khoảng 1 phần tỉ tỉ, những thay đổi này hoàn toàn vô nghĩa đối ví chiều kích con người.

Nắm bắt được sóng hấp lực và giải mã được mỗi cơn sóng sẽ là một công trình lớn đưa đến những phần thưởng tinh thần lớn. Với những trí tuệ sắc bén của vật lý, họ có thể tìm ra câu hỏi từ câu trả lời, theo kiểu "nhìn con biết cha." Họ có thể suy ra từ mỗi hình dáng, chiều kích của những gợn sóng nguyên nhân nguồn gốc của nó. Họ có thể "vật lý hóa" những câu hỏi vốn có mầu sắc siêu hình như "Vũ trụ từ đâu đến?" (phải chăng vũ trụ này là một hậu thân của một lỗ đen từ một vũ trụ trước?)

3. Giải Nobel Vật Lý năm 1993 trong một thí nghiệm gián tiếp chứng minh sóng hấp lực

Vật lý gia Joseph Weber được xem là người tiền phong trong việc dò tìm sóng hấp lực. Ông trực tiếp cộng tác với nhà vật lý nổi tiếng John Wheeler trong việc khảo sát sóng hấp lực (ông Wheeler được xem là đệ tử ruột Einstein).

Vào những thập niên 50, 60, kỹ thuật còn sơ khai, nhưng Weber đã biết dùng đến loại máy cảm thụ -sensor- dựa trên nguyên tắc *piezoelectric effect*, một loại cảm ứng điện tử, để tạo ra một bộ máy dò sóng hấp lực. Bộ máy của ông là một khối nhôm nặng một tấn có hình trụ tròn hai đầu có gắn sensors để đo cường độ sóng. Tuy khá tinh vi, nhưng vì sóng hấp lực quá nhỏ, máy của Weber không tìm ra gì được ngoài những nhiễu loạn không tránh được. Thất bại, nhưng công trình khảo cứu của Weber đã khơi mào và thúc đẩy được một số chuyên gia tham gia vào trong lãnh vực khảo cứu này.

Tháng 9 năm 1974, vật lý gia Joseph Taylor thuộc đại học Princeton và học trò ông là Russell Hulse khám phá ra một cặp sao trong đó có một sao là *pulsar* (tạm dịch là sao *mạch* từ chữ pulse). Loại sao mạch này thuộc loại *neutron*, tức là loại sao trung-hòa-tử có tỉ trọng khổng lồ (một muỗng sao trung-hòa-tử nặng hơn một tỉ tấn.)

Chúng quay tròn, có những ngôi dầy đặc từ trường. Chúng là hậu thân của những ngôi sao như mặt trời chúng ta sau khi đã đốt hết nhiên liệu *hydrogen* sau hàng tỉ năm phát ánh sáng. Điểm đặc biệt của sao mạch là chúng rất nhỏ, đường kính chỉ ngắn khoảng 10 dặm nhưng chúng quay rất chính xác và đúng giờ giấc. Phải nhấn mạnh là đúng "hết xẩy." Chúng quay vòng vòng, vừa quay vừa phát ra sóng radio. Ngôi sao mà

Taylor khám phá ra có chu kỳ phát sóng là .06 giây đồng hồ với chu kỳ quỹ đạo tám tiếng đồng hồ. Cặp sao này (mang tên Hulse-Taylor) thuộc loại *binary* -sao đôi. Trong hai ngôi sao, hai ông khám phá ra có một ngôi không phát sóng radio, và như thế không phải là sao mạch, chỉ là một sao trung-hòa-tử bình thường.

Đây là một cơ hội bằng vàng cho hai vật lý gia thuyết tương đối trong việc chứng minh một cách gián tiếp sóng hấp lực có thật. Bằng những tính toán dùng độ cong của nền không thời gian và chu kỳ vòng quay, và sau nhiều năm khảo cứu, theo dõi, đong đo khoảng cách quỹ đạo càng ngày càng nhỏ đi so với trị số lúc đầu, hai ông đã tìm ra số năng lượng bị mất đi của cặp sao một cách chính xác. Sự mất mát này chỉ có thể giải thích bằng một lý do duy nhất, đó là cặp sao đã "khuấy động" mạng lưới không thời gian chung quanh chúng và tạo thành những cơn sóng hấp lực. Những cơn sóng hấp lực đã lấy mất đi số năng lượng của cặp sao -*rotational energy*. Khi số năng lượng bị mất này được "tính sổ sách" vào trong những phương trình toán, những phương trình này cho ra đúng đáp số như hai ông đã tiên đoán! (mỗi năm, quỹ đạo của bộ sao đôi này co rút lại khoảng 2.7 phần tỉ).

Bằng phương tiện gián tiếp dựa trên nguyên lý vật lý và quy tắc toán học, họ đã chứng minh sự có mặt của sóng hấp lực. Và tuy rằng không trực tiếp đo được những cơn không chấn, nhưng thí nghiệm lý thuyết của hai ông thừa sức bảo đảm rằng sóng hấp lực và không gian là những thực hữu như Einstein đã suy ra.

Trí tuệ và lòng kiên nhẫn của con người là hai yếu tố chính dẫn đến chân lý. Hulse và Taylor đoạt giải Nobel vật lý năm 1993 qua công trình thí nghiệm thành công này.

Một bài học ở đây: những ai vốn quan niệm rằng khoa học chỉ gồm những việc "cân, đo, đong, đếm" nên nhận định lại suy nghĩ nông nổi của mình.

4. LIGO (Laser Interferometer Gravitational-wave Observatory) Không Chấn Kế dùng tia sáng laser

Để tránh cho độc giả những chi tiết kỹ thuật phức tạp tuy quan trọng nhưng nằm ngoài phạm vi một tạp chí, tôi xin đơn giản câu chuyện: LIGO là một đài đo sóng hấp lực dùng những kỹ thuật đặc biệt sử dụng tính chất quang học của tia sáng laser.

Đài này có hình thước thợ, gồm có hai ống thép tròn rất dài, khoảng 2 dặm rưỡi mỗi ống, nằm thẳng góc với nhau. Trong mỗi ống là chân không và nhiệt độ cực thấp. Ở hai đầu ống là những khối kim loại có trọng lượng rất chính xác. Những khối kim loại này có gắn gương phản chiếu. Sóng hấp lực khi va chạm vào đài, sẽ làm một ống co lại và một ống dãn ra. Ảnh hưởng co dãn này làm mất đi sự thẳng tắp của tia laser phản chiếu trên mặt gương của những khối kim loại đưa đến những *phase shifts* -sự xê dịch của dạng sóng. Sự xê dịch này được phát hiện và ghi nhận bằng những máy dò cực kỳ tinh vi, được chuyển thành điện và thành tín hiệu điện tử và được các máy siêu vi tính giải mã.

Một điểm quan trọng: Vì trái đất bị ảnh hưởng của quá nhiều thứ chấn động và những loại sóng khác nhau, để tránh những dữ kiện giả do những loại sóng nhiễu loạn gây nên, hai đài dò sóng tương tự nhau đã được xây cất cách xa nhau hai ngàn dặm. Một đài được xây tại tiểu bang Washington và một đài tại Louisianna. Làm như thế để phòng ngừa những nhiễu loạn tại địa điểm của mỗi đài (local disturbances.)

5. Vật Lý Gia Kip Thorne

Ông là giáo sư vật lý tại đại học CalTech, Pasadena, miền Nam Cali và là sáng lập viên của đài LIGO. Ông năm nay 62 tuổi, dáng người dong dỏng cao, gầy, hơi còng, râu ria, để tóc dài cột giây sau gáy. Nếu không ăn mặc chỉnh tề, thoạt nhìn có thể tưởng ông là một tay hippie thời 60 hay một tay *homeless* từ Los Angeles đi lạc.

Sự nghiệp của ông gắn liền với những di sản của Einstein để lại. Ông được xem là nhân tố chính và là một trong những linh hồn đưa đến những thí nghiệm sóng hấp lực ngày hôm nay.

Một giai thoại nhỏ về ông: năm 1998, Carl Sagan qua đời. Sagan là một khoa học gia và là một người nổi tiếng về phổ biến khoa học cho đại chúng-*science popularizer*. Trong cuốn tiểu thuyết giả tưởng CONTACT nói về sự gặp gỡ giữa hai loài thông minh trong vũ trụ, Sagan đã gặp phải một khó khăn lý thuyết và Sagan đã nhờ cậy ông tìm cách đặt nền tảng câu chuyện trên những lý thuyết toán học về lỗ đen. Sagan không phải là một chuyên gia về thuyết tương

đối nhưng muốn áp dụng thuyết tương đối để cho tác phẩm có nền tảng toán học trung thực.

Sau một thời gian ngắn tính toán, ông đã tạo ra -dĩ nhiên là trên mặt lý thuyết- một thứ "cầu" bắc liền giữa hai lỗ đen dùng vật liệu *phản vật chất*, cho phép con người di chuyển theo đường tắt bằng cách xuyên qua mạng lưới không-thời-gian. Dĩ nhiên, chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra trên thực tế, nhưng câu chuyện cho thấy từ một ý nghĩ giả tưởng, một vật lý gia như ông cũng đã nghiên cứu cẩn thận và toán học hóa ý tưởng ấy.

Một chuyện như thế cho biết ít nhiều về tư cách cá nhân và cách làm việc trung thực của ông. Khi ông được một số bằng hữu so sánh với tay tổ vật lý Richard Feynmann, ông đã khiêm tốn từ chối sự so sánh ấy và giải thích sự hiểu biết của ông là do cố gắng cá nhân mà nên, không như Feynmann có một trí tuệ thiên bẩm phi thường.

Ông nhấn mạnh về sự quan trọng của máy LIGO,

"Tìm ra sóng hấp lực là một biến cố lớn. Nhiều bí mật trong vũ trụ chỉ có sóng hấp lực mới có khả năng giải thích."

Tuy vui mừng về thành quả khoa học của đời mình, ông cũng lo ngại rằng sự tinh vi và độ nhậy của bộ máy đầu tiên sẽ chưa đủ sức để bắt được sóng, phải chờ đến những tiến triển của những đợt máy đời thứ hai.

Sau hơn 25 năm theo đuổi những làn sóng khó bắt, ít ra cuối cùng ước mơ của đời ông đã thành tựu. Viện Khoa học Quốc Gia (National Science Foundation) đã bỏ ra gần 400 triệu đô-la để thành lập hai đài LIGO. Hai đài sẽ hoạt động và sẽ bắt đầu thu nạp dữ kiện. Trong những năm tới, những nhóm chuyên gia sẽ tuyên bố kết quả về những làn sóng không chấn đến từ không gian mà người ta hy vọng hai đài sẽ bắt được.

Từ những khám phá ấy, hy vọng những bí mật tiên khởi của vũ trụ và sự tận cùng của những lỗ đen sẽ được tiết lộ ra và thế giới "hậu-Einstein" sẽ may mắn tìm ra những bí mật mà cổ nhân đã suy tư triết lý từ hơn 2000 năm nay.

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

Sách mới xuất bản

TÔ ĐÔNG PHA
Những phương trời viễn mộng
của TUỆ SỸ. Ấn bản mới với nhiều bổ sung của tác giả. 280 trang. Giá $14.00

CÁI CHẾT CỦA...
Truyện của DƯƠNG NGHIỄM MẬU
Bản in mới có tăng bổ. 180 trang. Giá $10.00

QUÊ DƯƠNG VÀ QUẢ ĐẤT
Bản dịch của NGUYỄN HỒI THỦ
Cuốn sách đề cập đến những vấn đề bức xúc của thời đại toàn cầu hóa. 300 trang. Giá$15.00

CÂU HÒ TIẾNG HÁT XỨ HUẾ
của BỬU BIỀN. 280 trang. Giá $12.00

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
của NGUYỄN ĐĂNG THỤC
480 trang. Giá $25.00

Khoa Cử Việt Nam THI HƯƠNG
của NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
460 trang. Giá $18.00

LỐI XƯA XE NGỰA... Tập II
của NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
332 trang. Giá $14.00

VIỆT LÝ TỐ NGUYÊN (Sách tái bản)
của KIM ĐỊNH 360 trang. Giá $15.00

NHÀ SƯ VƯỚNG LỤY
của TÔ MẠN THÙ - Bùi Giáng dịch.
274 trang. Giá $15.00

NIỀM YÊN LẶNG CỦA MÂY
Truyện ngắn TRẦN DIỆU HẰNG
260 trang. Giá $15.00

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
Nhà Phát Hành VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Wesminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

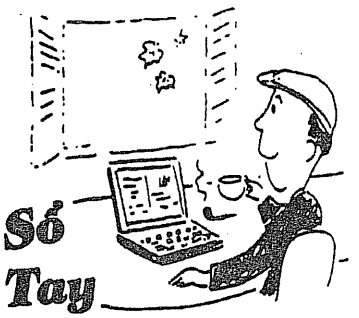

Dầu lửa nếu đánh Iraq

Từ hơn một năm qua giá dầu thô đã tăng gấp rưỡi mặc dù nhiều nước trong tổ chức OPEC đã xé rào bán ra nhiều dầu hơn hạn ngạch đã ấn định cho họ. Giá dầu trên dưới 30 mỹ kim một thùng, đáng lẽ phải thấp hơn khoảng 5 mỹ kim mỗi thùng; đó là "giá của mối lo chiến tranh" vì chính phủ Mỹ tuyên bố có thể đánh Iraq. Nếu không sợ có chiến tranh, giá dầu có thể xuống 25 đô la một thùng. Nếu có đánh nhau, giá có thể lên 40, 50 đô la hoặc hơn nữa. Ông Zaki Yamani, cựu bộ trưởng dầu lửa xứ Á rập Sau đi (trong thời khủng hoảng đầu thập niên 1970 mỗi lời nói của ông đều được lắng nghe) đã cảnh cáo rằng nếu ông Saddam Hussein bị Mỹ đánh, rồi nổi khùng tấn công các giếng dầu ở Á rập Sau đi và Kuwait, thì giá dầu thô có thể tăng lên 100 đô la một thùng.

Chuyên viên của Ngân hàng Deutsche Bank ở Mỹ tính toán rằng chỉ cần giá dầu tăng thêm một đô la mỗi thùng thì dân tiêu thụ ở Mỹ cũng phải chi thêm 12 tỷ mỹ kim một năm. Số tiền đó bay sang các nước bán dầu cho Mỹ, đứng đầu là Á rập Sau đi, rồi đến Canada, Mexico, vân vân. Người Mỹ sẽ nghèo hơn, chi tiêu ít đi. Hơn một năm qua dân Mỹ đã thấy họ nghèo đi vì mất hơn 5 ngàn tỷ trong tài sản, khi giá chứng khoán xuống mất hơn 7 ngàn tỷ mà giá nhà cửa chỉ lên được hơn hai ngàn tỷ. Lợi tức của dân Mỹ nói chung vẫn tăng (nếu quý vị thấy lương mình xuống cũng cứ yên tâm, lương một ông, bà hàng xóm nào đó có thể đã tăng nhiều hơn,) nhưng nếu cả nước mỗi năm phải chi thêm 12 tỷ đô la vào dầu nhập cảng thì chắc người ta sẽ bớt tiêu thụ đi. Và đó là điều đáng lo, vì người tiêu thụ đóng góp hai phần ba vào Tổng sản lượng Nội địa của Mỹ, họ bớt chi tiêu là kinh tế sẽ xuống.

Như vậy thì chính phủ Mỹ không nên đánh Iraq?

Không nhất thiết như vậy. Tất nhiên chính phủ Mỹ quyết định đánh hay không đánh tùy thuộc nhiều yếu tố chứ không phải chỉ có chuyện kinh tế hay giá dầu. Nhưng chỉ nói riêng về thị trường dầu lửa thôi, quyết định đánh Iraq sẽ gây khó khăn một thời gian ngắn, rồi thị trường dầu có thể sẽ biến chuyển có lợi cho nước Mỹ hơn.

Thế nào giá dầu thô cũng tăng lên nếu có chiến tranh, nhưng sẽ chỉ lên trong thời gian chiến sự – mà nhiều người cho là không quá ba tháng chắc quân Mỹ phải thắng (Năm 1991 đánh cũng lẹ như vậy, nước Mỹ bây giờ tính chiến tranh từng tháng thôi chứ không tính bằng năm!) Khi quân Mỹ làm chủ khắp mặt trận, trong đó có các mỏ dầu lửa của Iraq rồi thì, dù ông Saddam Hussein còn sống hay đã chết, thị trường sẽ nhìn thấy một triển vọng mới: Kho dầu lửa của Iraq sẽ mở cửa buôn bán làm ăn, không lo bị cấm vận nữa!

Số dự trữ dầu lửa của Iraq lớn hàng thứ nhì trên thế giới, chỉ thua có Á rập Sau đi. Sau Hussein các công ty dầu lửa Mỹ, Anh, Pháp, sẽ được mời đến đấu giá khai thác dầu. Điều này chính phủ Bush không bao giờ công khai nhắc đến, vì không muốn mang tiếng gây chiến tranh vì dầu lửa. Nhất là cả hai ông tổng thống và phó tổng thống đều xuất thân từ kỹ nghệ dầu lửa. Nếu Iraq thay đổi chủ, thì mỗi ngày sẽ có thêm 3 đến 5 triệu tấn dầu chảy vào thị trường thế giới, thay vì 1 triệu rưỡi khi bị cấm vận. Hiện nay nước xuất cảng nhiều nhất là Sau đi cho chẩy mỗi ngày 8.8 triệu thùng, Nga 7.1 triệu, Iran 3.7 triệu, Mexico và Venezuella hơn 3 triệu mỗi nước, sau mới đến Iraq và các nước nhỏ vùng Vịnh, 2.4 triệu; rồi tới Kuwait, 2.1 triệu thùng. Nếu Iraq sản xuất thêm 3 triệu, 5 triệu thùng thì thị trường sẽ dư dùng, giá dầu phải xuống!

Đúng lúc các nước OPEC đang phân vân suy tính thì ông Saddam Hussein đã tung ra hai chưởng. Thứ nhất là ông "chịu nhục" sẵn sàng đón các thanh tra vũ khí Liên Hiệp Quốc trở lại. Riêng điều này cũng khiến nhiều người hy vọng chiến tranh khó xẩy ra, thị trường dầu lửa bớt bị áp lực. Đòn thứ hai của ông Saddam Hussein là bãi bỏ "giá phụ thu" dầu lửa do Iraq xuất cảng, một biện pháp sẽ làm nhiều công ty dầu của Mỹ muốn trở lại mua dầu Iraq và khiến cho thị trường dầu thế giới có hy vọng không thiếu nữa. Tức là các nước OPEC hôm nay họp ở Nhật Bản sẽ thấy không cần tăng hạn ngạch sản xuất dầu nữa.

Món "giá phụ thu" là do chính phủ Saddam Hussein đặt ra để qua mặt Liên Hiệp Quốc. Sau khi chiến tranh vùng Vịnh chấm dứt năm 1991, Liên Hiệp Quốc hạn chế Iraq không cho tự do bán dầu, chỉ được bán một

số lượng vừa đủ cho việc nhập cảng các nhu yếu phẩm, thức ăn và thuốc men. Để bảo đảm điều kiện đó, ai trả tiền mua dầu của Iraq phải ký thác vào trương mục do Liên Hiệp Quốc kiểm soát. Liên Hiệp Quốc đóng vai bà mẹ chồng lo thu, chi thay cho các con! Để có tiền bỏ túi riêng, chính phủ Hussein bèn đặt ra thứ "giá phụ thu" (surcharges) yêu cầu những người mua dầu trả riêng cho họ, bên trên giá cơ bản mà Liên Hiệp Quốc ấn định theo tình hình thị trường. Mức "giá phụ thu" này thay đổi, từ 10 xen (xu Mỹ) một thùng đến 70 xen một thùng, trung bình 50 xen. Một ngày Iraq bán ra ngoài triệu rưỡi thùng dầu, thâu được hơn 700 ngàn đô la. Từ khi áp dụng chế độ đó Iraq đã thu vào 300 triệu đô la, chắc là để ông Saddam Hussein mua vũ khí qua đường buôn lậu.

Tại sao không nên đánh Iraq

Trong lúc Tổng thống Bush và Quốc hội nước Mỹ vẫn chưa quyết định đánh ra sao và lúc nào mới đánh thì hai chính trị gia lão thành thuộc đảng Cộng Hòa mới lên tiếng khuyên can.

Người thứ nhất là cựu Ngoại trưởng James Baker, đã phục vụ dưới thời cựu Tổng thống George H.W. Bush cũ, trong thời gian cuộc chiến Vùng Vịnh năm 1991. Ông nhấn mạnh mục tiêu của nước Mỹ bây giờ là chống khủng bố, ông nói, "Iraq nằm trong danh sách các nước bảo trợ khủng bố, nhưng chúng ta phải suy nghĩ kỹ trước khi đánh. Trước hết phải kết thúc công việc đang làm giở giang ở Afghanistan, với những nhóm Taliban và Osama bin Laden, rồi sau đó mới tiến sang giai đoạn thứ hai của cuộc chiến chống khủng bố. Nếu giai đoạn thứ hai là phải đánh Iraq thì có thể đánh.."

Người thứ nhì là Tướng Brent Scrowcroft, nguyên là cố vấn an ninh dưới thời hai vị tổng thống Cộng Hòa, Gerald Ford và George H.W. Bush. Ông cũng cho là ".. chúng ta phải thanh toán nhóm Afghanistan (Taliban) và Osama bin Laden trước đã để cho cả thế giới thấy rằng nước Mỹ hành động cẩn trọng chứ không làm bừa... Còn như đánh ngay bây giờ thì sẽ là một điều tai hại lớn."

Tướng Scowcroft đã phân tích vấn đề một cách đầy đủ. Ông cho là mục tiêu chiến lược mà ông Saddam Hussein theo đuổi từ lâu nay là khống chế vùng Vịnh Ba Tư, nằm giữa Iran với Á rập Saudi và các nước Á rập ven bờ vịnh. Ông ta muốn kiểm soát con đường thủy chở dầu lửa qua đó. Ông ta chiếm Kuwait năm 1990 là do mục tiêu chiến lược này và ông ta chống Mỹ cũng vì Mỹ ngăn cản. Ngoài ra ông ta không chia sẻ các mục tiêu của các tổ chức khủng bố. Ông Hussein không có lý do nào để cung cấp vũ khí tàn phá tập thể như bom hóa học hay vi trùng cho các nhóm khủng bố, để các nhóm này phá hoại và chính ông ta bị đánh trả đũa. Ông Scowcroft nhấn mạnh, "Nếu không vì (cùng chống lại) nước Mỹ thì chắc ông bin Laden sẽ đánh Saddam Hussein. Tại sao? Vì Hussein đứng đầu đảng Ba'ath của phong trào Á rập tách khỏi ảnh hưởng tôn giáo và theo chủ nghĩa Xã hội." Chúng ta đều biết ông bin Laden chủ trương đề cao Hồi Giáo như một hệ thống chính trị, chứ không phải chỉ thuần túy là một tôn giáo.

Tướng Scowcroft cho là sau khi thanh toán mục tiêu ưu tiên của nước Mỹ là phe đảng bin Laden thì lúc đó có thể coi Iraq là mục tiêu thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố. Nhưng cũng còn nhiều nhóm khác đáng coi là mục tiêu thứ hai, như nhóm Hezbollah, Hamas, họ đã tấn công người Mỹ và quyền lợi nước Mỹ ở nhiều nơi từ lâu nay.

Tướng Scowcroft nhấn mạnh đến dư luận quốc tế đối với ý định đánh Iraq của chính phủ Bush. Hầu hết các nước đồng minh của Hoa Kỳ đều không đồng ý việc đánh Iraq lúc này. Mà nước Mỹ không thể chiến thắng nếu không có sự hỗ trợ quốc tế, đặc biệt là về tin tức tình báo.

Nhưng hậu quả đáng chú ý nhất là ảnh hưởng của cuộc tấn công Iraq đối với cả vùng Trung đông. Các nước trong vùng coi Iraq chỉ là nỗi ám ảnh của riêng nước Mỹ, trong khi điều ám ảnh họ lại là cuộc xung đột giữa Israel và dân Palestine. Nếu nước Mỹ không thể ngoảnh mặt làm ngơ đối với mối quan tâm chính của các nước Á rập.

Hậu Saddam

Lật đổ ông Saddam Hussein xong rồi thì chính phủ Mỹ sẽ làm gì? Trong chính phủ Bush chắc hẳn người ta cũng đã đặt câu hỏi này rồi, nhưng họ chỉ tiết lộ những ý rất đại cương: Mỹ sẽ giúp Iraq có một chính quyền dân chủ, tôn trọng luật pháp quốc gia và quốc tế.

Đó là một lý tưởng rất đáng khích lệ, nhưng cũng rất khó thực hiện. Từ trước khi có ông Saddam Hussein, dân Iraq vẫn phải sống dưới quyền hành tuyệt đối của người cai trị chứ không ai cần biết luật pháp nào hết. Trên mảnh đất nay gọi là Iraq, lần sau cùng có một chế độ đặt ra luật lệ và tập cho mọi người tôn trọng pháp luật là vào thế

kỷ thứ 18 trước Tây Lịch! Đó là thời Hoàng đế Hammurabi, vị vua thứ sáu thuộc triều đại đầu tiên ở Babylon. Hoàng đế Hammurabi đã chinh phục cả vùng Lưỡng Hà, tập hợp những luật lệ cũ để ban hành Luật Hammurabi, một trong những bộ luật cổ nhất của nhân loại. Năm 1901 người ta đã tìm ra những tảng đá đen khắc luật Hammurabi. Những câu như "Mắt đổi lấy mắt, răng đổi lấy răng" mà ngày nay chúng ta còn nghe, nguồn gốc từ đạo luật đó mà ra. Nhưng, cho đến đầu thế kỷ 20 miền đất này chưa bao giờ là một quốc gia. Suốt lịch sử, đó là con đường qua lại của các đạo quân chinh phục thế giới, được sáp nhập vào các đế quốc, từ Hy Lạp, Ba Tư (nay là Iran), kể cả đoàn quân Mông Cổ đã qua đây năm 1258, rồi đến Thổ Nhĩ Kỳ và Anh quốc từ thế kỷ 17. Năm 1922 đế quốc Anh công nhận một vương quốc đặt tên là Iraq, năm 1932 vương quốc này độc lập.

Nếu quân Mỹ tiến vào Baghdad lật đổ ông Saddam Hussein xong rồi, thì cả thế giới sẽ coi như nước Mỹ là chủ nhân miền đất này. Tự nhiên chính phủ Mỹ phải gánh lấy trách nhiệm "lập quốc" cho một xứ Iraq mới. Phải tái tạo và trùng tu một quốc gia, không những xây dựng về vật chất mà còn phải thiết lập những định chế dân chủ ổn định và tồn tại lâu dài.

Nhưng lịch sử xứ Iraq gần đây cho thấy đó sẽ là một cố gắng tuyệt vọng. Từ năm 1958 đến nay chính trị Iraq chỉ là những màn đảo chánh với những nhóm quân phiệt và đảng Ba'ath theo một thứ "chủ nghĩa Xã hội" đóng vai chính. Vua Faisall II thân Tây phương bị ám sát năm 1958 sau cuộc đảo chính của hội đồng quân nhân do tướng Kassim đứng đầu. Ông này lái Iraq ngả sang các nước cộng sản. Ông Kassim đã truất quyền của Salam Arif, một lãnh tụ đảng Ba'ath vì cho là quá thân Ai Cập. Saddam Hussein lúc đó đã tính ám sát Kassim nhưng không thành, ngược lại Kassim giết nhiều đảng viên Ba'ath. Salam Arif trở lại lật đổ và giết Kassim năm 1963; rồi tiêu diệt các đảng viên đảng cộng sản. Khi Salam Arif chết vì tai nạn, em trai là Rahman Arif lên thay cho đến năm 1968 thì bị lãnh tụ khác của đảng Ba'ath là Tướng Hassan al-Bakr lật đổ. Năm 1979 Saddam Hussein là một phụ tá của al-Bakr trong đảng Ba'ath lên thay.

Nhưng tất cả các tấn tuồng đảo chính đó diễn ra trong nhóm thiểu số người Iraq gốc Á rập, theo tông phái Suni của Hồi Giáo. Trong 23 triệu dân Iraq người Á rập chiếm gần 80% và người theo Hồi Giáo chiếm 97% nhưng chỉ có khoảng 32% là thuộc phái Suini, trong khi 65% theo phái Siai giống như người Iran. Dân Iran đã từng cai trị vùng này trong đế quốc Ba Tư thời Trung Cổ. Trong nước Iraq có 15% là dân Kurd, họ cũng là những nhóm thiểu số quan trọng ở Thổ Nhĩ Kỳ và Iran, tất cả nuôi mộng lập một quốc gia Kurdistan thống nhất. Chưa kể những nhóm thiểu số gốc Syrie và Thổ mà lòng trung thành với chính phủ ở Baghdad rất đáng nghi ngờ.

Có thể ví Iraq như một xứ Nam Tư cũ, nhiều giống dân, nhiều tôn giáo, mới được ghép lại thành một quốc gia từ khi người Anh cai trị, và việc cắt đất phân giành có phần gượng ép. Cũng giống như Nam Tư được thống nhất sau đại chiến thứ hai với một đảng cộng sản độc tài và chế độ Tito không chấp nhận bất cứ hình thức đối lập nào; Iraq còn là một quốc gia là vì có chế độ Saddam Hussein dùng sắt và máu. Sau khi nước Nam Tư tan rã vì đảng cộng sản bất lực chịu thua, chúng ta đã chứng kiến cảnh phân liệt, nội chiến, và thú tính con người được thả ra phóng túng, gây nên bao cảnh chém giết ghê rợn. Liệu Iraq có thoát khỏi một tình trạng tương tự hay không?

Một Balkan mới

Một ký giả báo *New York Times* đã đi qua nhiều thành phố ở Iraq nơi đa số dân là người theo phái Si Ai đạo Hồi. Những gì ông ta thuật cho thấy sau khi chế độ Saddam Hussein bị lật đổ, đất nước này có cơ sẽ loạn, gọi là Balkan hóa.

Ông Saddam Hussein và những thủ lãnh trước ông ta cầm quyền dựa trên những người theo giáo phái Suni, và đảng Ba'ath theo một thứ cũng gọi là chủ nghĩa Xã hội. Người Si Ai chiếm từ 60% đến 65% dân số, phần lớn sống ở phía Nam. Từ khi Iraq độc lập, họ chưa bao giờ được nắm quyền trong bộ máy hành chánh, quân sự hay cảnh sát. Nhiều người đang cổ động thành lập một quốc gia mới với chế độ thần quyền giống như ở Iran, một xứ đa số cũng theo phái Si Ai Hồi Giáo.

Tại thành phố Najaf, ký giả Nicholas D. Kristof đã nghe kể lại những thảm cảnh do chế độ Hussein gây ra. Lính của ông Hussein đã bắt một thủ lãnh Si Ai, ông Muhammad Bakr al-Sadr, tra tấn bằng cách đốt râu của ông ta. Ông bị bắt buộc phải chứng kiến cảnh em gái của ông bị làm nhục rồi giết chết. Sau cùng chính ông al-Bakr bị đóng đinh lên đầu cho đến chết. Người Si ai ở thành phố này chỉ chờ ngày chế độ Hussein sụp đổ là họ sẽ trả thù những gia đình có người trong chính quyền và trong đảng Ba'ath.

Năm 1991 quân Mỹ đang đánh đuổi đám tàn quân của

Saddam Hussein từ Kuwait chạy về, dân Si Ai ở thành phố Basra nổi dậy, phong trào nổi loạn lan như cháy rừng sang các thành phố khác. Tại Najaf, dân chúng tấn công trụ sở đảng Ba'ath, ném những cán bộ và đảng viên qua cửa sổ để đám đông dưới đường chém giết. Cả đàn bà, trẻ con cũng giết để bị trả thù thế mạng chồng, cha. Hai tuần sau, khi Mỹ ngừng tiến quân, Saddam Hussein cho lính của ông ta đến đàn áp dân Najaf. Họ đốt nhà cửa, chợ búa, trường học, nhà thương. Nhiều người dân theo đạo Si Ai bị treo cổ lên cột đèn, nhiều người bị buộc dây kéo sau xe thiết giáp cho đến chết. Quân đội Mỹ đứng ngoài, mặc dầu trước đó dân Si Ai tin rằng Mỹ khuyến khích họ nổi lên chống Saddam Hussein. Chính phủ của cựu Tổng thống Bush không khuyến khích mà cũng không ngăn cản. Họ ngưng tiến quân, chỉ đòi hỏi ông Hussein ký hiệp ước trong đó có điều khoản phải tôn trọng những vùng có dân Si Ai sống. Những lãnh tụ người Si Ai đã chạy sang Iran, chờ ngày trở về phục hận. Thủ lãnh Si Ai của Iran, Ayatollaah Khomeini khi trốn chế độ Sa hoàng đã tị nạn ở thành phố Najaf suốt 13 năm trước khi đổi sang ở Pháp rồi trở về lật đổ Sa hoàng.

Nếu Mỹ không khéo thì sau khi lật đổ Saddam Hussein, một quốc gia Hồi Giáo theo giáo phái Si Ai sẽ ra đời, và trở thành đồng minh số một của Iran. Hồi thập niên 1980 chính phủ Mỹ đã giúp Iraq khi ông Saddam Hussein gây chiến với Iran, Mỹ bán các nguyên liệu chế tạo vũ khí sinh học (vi trùng) cho ông Hussein vì chế độ thần quyền ở Iran đáng ghét hơn. Hiện nay Iran, Iraq đều được Tổng thống Bush đặt coi là thù địch trong Liên minh Tội ác, nhưng nếu Mỹ đánh Iraq thì Iran sẽ hưởng lợi.

Ở phía Bắc Iraq, giống người Kurd cũng được Mỹ bảo vệ trong hiệp ước đình chiến, nhưng đã có lần bị quân đội của Saddam Hussein tấn công khi hai đảng của người Kurd đánh lẫn nhau. Trên lãnh thổ của người Kurd có vùng mỏ dầu hỏa, nơi quân của Saddam Hussein kiểm soát. Người Kurd vẫn muốn thành lập một quốc gia riêng bao gồm cả những khu có người Kurd sống tại Thổ Nhĩ Kỳ và Iran. It nhất, họ muốn có một vùng tự trị trong xứ Iraq để đòi lại tài nguyên dầu lửa. Khu vực này cũng bị Thổ Nhĩ Kỳ nhòm ngó, những người Kurd ở Thổ muốn chia phần.

Một khi chính quyền Saddam Hussein bị lật đổ thì nhiều nhóm người Kurd sẽ nổi lên đuổi quân Iraq. Họ sẽ tranh giành ảnh hưởng coi ai kiểm soát các mỏ dầu, không tránh được đổ máu. Một số nhóm Kurd đó có thể được Iran hay Thổ Nhĩ Kỳ trợ giúp. Trước tình hình rối loạn, Thổ và Iran đều có thể đem quân vào, để "tự vệ", ngăn không cho phong trào nổi dậy lan sang hai nước họ. Hai nước có thể tiến quân vào xứ Kurd dựa theo lý thuyết "tiên hạ thủ vi cường" của chính phủ Bush. Nga hiện đang đe dọa sẽ áp dụng lý thuyết này ở Georgia, một nước thuộc liên bang Xô viết cũ. Tổng thống Putin nói rằng ông có quyền truy tầm những tay khủng bố Hồi Giáo chạy từ Chechnya trốn sang Georgia, mặc dù Tổng thống xứ này, vốn là ngoại trưởng Nga dưới thời ông Gorbachev, cực lực phản đối. Năm 1974 Mỹ và Israel còn là đồng minh của Iran dưới triều Sa hoàng; khi ông Saddam Hussein tấn công lãnh thổ Kurd thì Iran đã đem quân cứu, tấn công Iraq, sau cùng Hussein phải chịu thua.

Tất cả những dữ liệu trên không phải là lý do để thuyết phục chính phủ George W. Bush không nên đánh Iraq. Họ có những lý do mạnh mẽ để tấn công trước khi ông Saddam Hussein đủ sức phá hoại các quyền lợi của Mỹ ở Trung Đông. Nhưng các sự kiện kể trên cho thấy việc thiết lập một chế độ dân chủ theo quan niệm của người Mỹ trên một mảnh đất như Iraq là điều rất khó khăn. Dân Iraq có nhiều điều kiện để xây dựng một thể chế dân chủ, pháp trị: Nước này nhiều người biết chữ, có một lớp trung lưu với trình độ học vấn cao, xã hội được tổ chức tách ra khỏi thần quyền. Những phong trào Hồi Giáo cực đoan không có chỗ đứng ở Iraq vì họ là đối thủ cạnh tranh với đảng Ba'ath. Chỉ có một điều thiếu trong xã hội Iraq là suốt trong lịch sử họ vốn không quen sống với tinh thần trọng pháp và một xã hội công dân để làm nền tảng cho một chế độ dân chủ. Trong lịch sử gần đây các nước Nhật và Đức đã được tái thiết và dân chủ hóa là nhờ họ đã quen sống trong pháp luật và xây dựng những xã hội công dân qua mấy thế hệ.

Ký giả Kristof đi thăm mấy thành phố Iraq đã gặp một người bạn rất hiểu biết. Ông bạn nói rằng một ngày sau khi quân Mỹ tấn công Iraq thì dân chúng xứ này sẽ hoan nghênh họ đến lật đổ một chế độ độc tài tàn bạo, và chế độ Hussein sẽ sụp đổ rất nhanh. Nhưng nước Mỹ phải chuẩn bị sẽ làm gì ngày hôm sau? Nếu may mắn, sẽ có một nhóm tướng lãnh Iraq đứng ra cầm quyền dưới sự bảo trợ của chính phủ Mỹ. Chế độ quân phiệt sẽ được các cố vấn Mỹ giúp xây dựng kinh tế và chuyển dần dần sang một chế độ dân chủ. Ngược lại, nước Iraq có thể rơi vào bàn tay Mỹ với những mảnh vụn không cách nào gắn lại, và dân Mỹ sẽ phải lo ghép các mảnh đó vào thành một

quốc gia mới. Cho đến nay công việc lập quốc của Mỹ ở Afghanistan vẫn còn dang dở. Hoa Kỳ có sẵn sàng chi phí cho một công trình dựng nước mới ở Iraq hay không?

Khi đặt những vấn đề khó khăn đó chúng ta hiểu được tại sao dưới thời cựu Tổng thống George Bush ông đã ngừng tiến quân không đánh tới thủ đô Baghdad để lật đổ ông Saddam Hussein. Ông Bush già đã từng làm một nhà ngoại giao, một đại sứ, một giám đốc CIA, và làm Phó Tổng thống tám năm, rất nhiều kinh nghiệm. Năm 1991 Liên Hiệp Quốc chỉ trao cho Mỹ sứ mạng giải cứu Kuwait đang bị Iraq xâm chiếm. Trước khi Mỹ tấn công quân Iraq ở Kuwait, Ngoại trưởng James Baker đã đưa một tối hậu thư cho Ngoại trưởng Iraq, ông Tariq Iziz, ở Genève. Chính phủ Mỹ dọa sẽ có "hậu quả trầm trọng" (ý nói dùng bom nguyên tử) nếu ông Saddam Hussein phạm một ba điều: dùng vũ khí hủy diệt tập thể, phá các giếng dầu ở Kuwait, và cho khủng bố phá hoại ở nước Mỹ. Lần này chính phủ Mỹ khó đưa ra một lời đe dọa như vậy. Vì ông Saddam Hussein biết trước ý định của chính phủ Mỹ: nhất định lật đổ ông ta. Trước cảnh đường cùng đó, ông ta có thể làm bất cứ điều gì. Bắn hỏa tiễn sang Israel? Israel sẽ trả đũa nặng hơn? Phá hoại các giếng dầu ở Kuwait và Á rập Su đi? Dùng vũ khí sinh, hóa học

Bầu cử

Đầu tháng tới, dân Mỹ sẽ bỏ phiếu bầu Quốc hội. Tại Thượng viện hiện nay đảng Dân Chủ chiếm đa số mỏng manh, 50/49, với một Nghị sĩ Cộng Hòa đã bỏ đảng ra đứng độc lập. Các cuộc nghiên cứu dư luận cho thấy không thể biết cán cân có thay đổi hay không sau ngày 5 tháng 11 sắp tới. Còn tại Hạ viện, hiện nay đảng Cộng Hòa có 223 ghế Dân biểu chiếm đa số so với 209 ghế của đảng Dân Chủ (một Dân biểu độc lập nhưng luôn luôn bỏ phiếu cùng đảng Dân Chủ, 2 ghế trống, cho nên đảng Cộng Hòa chỉ có đa số 13 phiếu.) Trong cuộc bầu cử tháng 11 này nếu đảng Dân Chủ thắng thêm 7 ghế thì họ sẽ kiểm soát Hạ viện.

Nhưng cuộc tranh cử thực ra không diễn ra sôi nổi ở tất cả 435 đơn vị bầu cử. Có thể coi như gần 400 đơn vị đã biết chắc đảng nào sẽ thắng, chỉ có khoảng 40 đơn vị là có cuộc tranh đua thật sự gay go, đến giờ vẫn chưa đoán được ai sẽ thắng. Năm 2000 đảng Dân Chủ đã thắng tại hầu hết các đơn vị có tranh cử gay go. Theo kinh nghiệm lịch sử, trong những năm giữa nhiệm kỳ của một tổng thống, đảng nào đang kiểm soát tòa Bạch ốc thường bị mất bớt ghế ở Quốc hội. Kể từ năm 1932 chỉ có một lần đảng đang nắm quyền Hành pháp lại thắng thêm ghế ở Hạ viện, đó là năm 1998.

Cách đây một tháng thì đảng Dân Chủ có thế lên, vì lúc đó dân Mỹ đang chú ý đến những vấn đề quốc nội hơn là chuyện khủng bố hay chiến tranh. Nếu cuộc tranh cử đặt trên các đề tài nội trị thì đảng Dân Chủ có lợi hơn. Hồi cuối tháng Tám, dân Mỹ lo lắng về phục hồi kinh tế nhiều hơn lo khủng bố, với tỷ lệ 38%/30%. Ngoài ra, họ lo lắng những chuyện như bảo vệ quỹ hưu bổng công cộng, chi phí y tế sức khỏe, và cải tổ giáo dục. Đó là những đề tài mà đa số dân Mỹ cho là đảng Dân Chủ chú ý đến và cách giải quyết hợp với ý nguyện đa số dân thường hơn.

Nhưng kể từ ngày 11 tháng 9 đến giờ, tâm trạng dân chúng đang chuyển hướngvì chuyện Mỹ đánh Iraq đang sôi nổi. Từ nay cho đến đầu tháng 11 có thể còn nhiều biến chuyển mới. Chỉ cần một hai vụ khủng bố xẩy ra ở nước Mỹ hay đánh vào một cơ sở Mỹ ở nước ngoài là tâm trạng dân chúng sẽ quay về phía vị Tổng thống thuộc đảng Cộng Hòa, và các ứng cử viên của đảng này sẽ được lợi. Nếu chính phủ Iraq ngoan ngoãn chịu cho các thanh tra Liên Hiệp Quốc kiểm soát vũ khí hoạt động tự do, và các tay khủng bố chịu nằm im trong sáu tuần tới thì dân Mỹ lại lo lắng về thị trường chứng khoán và tình trạng thất nghiệp hơn.

Cuối tháng Chín đảng Dân Chủ thấy dư luận quan tâm về chiến tranh và khủng bố nhiều quá, sau cùng họ đã phải lấy ngay đề tài chiến tranh Iraq để bắt đầu tấn công Tổng thống Bush. Sau khi thủ tướng Đức Gerhard Schroeder thắng cử nhờ chống chủ trương đánh Iraq của Mỹ, đến lượt các nước Nga, Pháp và Trung Quốc trong Hội đồng An ninh Liên Hiệp Quốc tỏ ý không thuận với lời lẽ trong nghị quyết về Iraq của Mỹ và Anh. Ngay tại Anh là nước ủng hộ Mỹ mạnh mẽ nhất trong vụ Iraq, cũng có hàng trăm ngàn dân biểu tình chống đối. Quốc hội Mỹ có khuynh hướng muốn ràng buộc quyết định đánh Iraq với nghị quyết của Liên Hiệp Quốc. Dư luận dân Mỹ trong Tháng Mười này sẽ là yếu tố quyết định trong cuộc bầu cử tháng tới. Dư luận đó cũng tùy thuộc các hành động của ông Saddam Hussein, hòa hoãn hay là hiếu chiến hơn? Chưa bao giờ ông Saddam Hussein lại có ảnh hưởng đến lá phiếu của cử tri Mỹ như vậy!

HẠNH PHÚC HIỂU THEO KHOA HỌC

THANH THẢO

Sau biến cố khủng bố 11 tháng 9, người Mỹ nói chung có hai quan niệm chính về ảnh hưởng của biến cố này. Một cho rằng 11 tháng 9 thay đổi hẳn cách sống của người Mỹ. Nhóm thứ nhì tin là nỗi thương tâm còn in đậm nét trong lòng đa số chúng ta nhưng nói chung không ai thay đổi lối sống bao nhiêu. Khác chăng là người ta chú tâm hơn đến hạnh phúc, thứ cảm xúc khó định nghĩa từ lâu đời.

Thay đổi nhiều hay ít vì biến cố 11 tháng 9, người Mỹ nay công nhận những thứ thuốc như Prozac, sức khỏe dồi dào, tiền bạc dư thừa không nhất thiết mang lại hạnh phúc. Trái lại, hình như khi chúng ta không chạy theo tìm cách định nghĩa, thì chúng ta lại tìm thấy hạnh phúc. Trường hợp bà quả phụ Jacqueline Gavavan, 36 tuổi, cư dân New York là một bằng chứng điển hình.

Trước ngày 11 tháng 9 năm ngoái, nếu nhìn theo cái nhìn chung của đa số, bà Gavaran, một bác sĩ chuyên khoa tâm thần, là một trong những người hạnh phúc nhất. Chồng bà, ông Donald, làm việc tài chính, bán trái phiếu trong tòa nhà Mậu Dịch Quốc Tế. Ngoài hai con nhỏ bà còn trông chờ sự ra đời của người con đã thành hình 7 tháng. Vậy mà sáng 11 tháng 9, thế giới của bà hoàn toàn thay đổi. Chồng bà bị vùi thây dưới hàng vạn tấn gạch, sắt vụn. Con bà ra đời không biết mặt cha. Bà trở thành quả phụ phải nuôi dạy ba con trong đó có một cháu mang bệnh tim bẩm sinh. Nhưng thay vì đau khổ than thân trách phận, bà Jacqueline Garavan đã ngẫu nhiên tìm được hướng đi mới mang cho bà hạnh phúc không ngờ.

Ngay trong tang lễ chồng, bà Garavan đã kêu gọi mọi người hãy cùng tưởng niệm chồng mình bằng một sự đóng góp. Nhắc lại chuyện con trai bà đã được chữa lành tim, bà xin những người yêu thương chồng mình (và những nạn nhân khác) đừng mua hoa mà hãy góp tiền để trả chi phí giải phẫu chữa tim cho một trẻ em bị bệnh tim mà cha mẹ không thể lo nổi. Thấy đủ tiền đóng góp, tháng Tư năm nay bà Garavan đã nhận bảo trợ chữa tim cho một em bé từ Kosovo. Trong khi em bé may mắn này được giải phẫu tại bệnh viện New York, bà mẹ nhận được sự an ủi của bà Garavan. Niềm hạnh phúc lớn lao của bà Garavan là khuôn mặt rạng rỡ của cậu con trai ba tuổi khi được phóng viên hỏi "Ai trả tiền chữa tim cho em bé từ Kosovo?" Em sung sướng nói "Tất cả những người từng yêu thương bố!"

Những câu hỏi liên quan đến lý do bà Garavan có đủ nghị lực và ý chí biến nghịch cảnh thành nguồn hạnh phúc đã từ lâu được chuyên gia y khoa bàn luận đến. Những người như bà Garavan sống cho lý tưởng gì? Chúng ta chữa bệnh tâm thần là để không có bệnh hay để tìm một lý tưởng cao đẹp hơn, vượt thoát đời sống tầm thường nặng nợ áo cơm? Và liệu lối suy nghĩ lạc quan có thể tập được không, hay chỉ những người may mắn mới được "Trời" ban sẵn tính này?

Sau gần một thế kỷ thinh lặng, một quyển sách mới về chân hạnh phúc, tựa đề "Authentic Happiness" vừa được tác giả, bác sĩ tâm thần Martin E.P. Seligman trình làng đang trình bày phần trả lời của các câu hỏi trên. Sách bán với giá $26 Mỹ kim, do nhà Free Press xuất bản, bàn về ý nghĩa cuộc sống vui theo chữ "the good life" của Aristotle bằng những chứng minh khoa học nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của suy nghĩ lạc quan, rồi từ khi nhận thức ảnh hưởng tốt đó, tập tạo thói quen sống với nghị lực và đạo đức.

Sách "Authentic Happiness" cho rằng có ba nguyên nhân chính khiến người ta tìm được hạnh phúc. Thứ nhất là di truyền tính. Những người lạc quan hoặc bi quan đa số có tính tình giống nhau, tạo sẵn bằng di truyền tính. Cuộc nghiên cứu nổi tiếng của 732 cặp song sinh do hai chuyên gia tâm thần David Lykken và Auke Tellegen thực hiện năm 1996 đã chứng minh điều này. Dù những người song sinh bị chia cách từ nhỏ, được nuôi dưỡng khác biệt về mọi mặt, quan niệm về hạnh phúc của họ khi trưởng thành gần như giống hệt nhau.

Điều thứ nhì được sách

"Authentic Happiness" nhấn mạnh đến là hoàn cảnh chúng ta không ảnh hưởng bao nhiêu đến mức độ hạnh phúc chúng ta cảm nhận được.

Tuy những người có vợ có chồng cho biết họ hạnh phúc hơn người độc thân trong cuộc thăm dò của tạp chí *Newsweek*, nhưng những điều kiện khác như sức khỏe, tiền bạc, sắc đẹp bề ngoài... không là yếu tố đáng kể khi người được thăm dò tự đánh giá mức độ hạnh phúc của họ.

Điều mà giới chuyên khoa tâm thần gọi là "ý kiến chủ quan" về hạnh phúc của những người được thăm dò áp dụng chung cho cả những người vừa biết mình mắc bệnh nan y hoặc trúng số độc đắc. Sau sáu tháng, những người may mắn hay bất hạnh này trở lại mức độ cảm nhận hạnh phúc giống hệt lúc trước khi xảy ra biến cố trong đời.

Tuy công nhận những người nghèo khổ quá thường cảm thấy mình bất hạnh so với xã hội nói chung, tác giả sách "Authentic Happiness" đã dùng thí dụ điển hình cho thấy sau khi những nhu cầu tối thiểu được thỏa mãn, có nhiều của cải vật chất hơn không mang lại thêm chút hạnh phúc nào. Đó là điểm quan trọng thứ ba về hạnh phúc theo tác giả Seligman.

Thí dụ điển hình là người dân Nhật Bản nói chung, với khả năng mua sắm vật chất cao hơn dân lân bang Trung Quốc đến chín lần, mà mức độ hạnh phúc chủ quan lại thấp hơn người Trung Hoa rất nhiều.

Còn tại Mỹ, tuy lợi tức trung bình của một người đã tăng gấp đôi so với thập niên (19)60s, người Mỹ đa số có xe hơi, có tiện nghi trong nhà, có thể đi ăn tối tại tiệm ăn vào bất cứ lúc nào, nhưng mức độ hạnh phúc của người Mỹ (kể cả những người Mỹ gốc thiểu số) lại thấp hơn trước nhiều. Tỉ lệ ly dị hiện tăng gấp đôi thập niên (19)60s, nạn thanh thiếu niên tự tử tăng gấp ba lần và số trường hợp bệnh tâm thần tăng gấp 10 lần. Sự giàu có hơn đã không tăng được mức độ hạnh phúc. Nếu vậy điều gì mới giúp tăng hạnh phúc chủ quan?

Tác giả Seligman đã nêu bật yếu tố tăng mức độ hạnh phúc bằng lời khuyên chúng ta không cần phải tận dụng khả năng hoặc kiểm soát sự thay đổi tính tình. Trái lại, ông Seligman cho rằng chúng ta nên bớt chú tâm đến tình cảm nhất thời của mình về hoàn cảnh hiện tại mà hãy hướng nghị lực, năng lượng vào những mục tiêu cao cả hơn. Hãy dùng khả năng của mình (và những người đồng chí hướng) để đạt được mục đích chung giúp xã hội, giúp nhân loại. Theo ông Seligman, chỉ có khi tâm hồn hướng thượng của chúng ta được thỏa mãn, với kết quả cụ thể, chúng ta mới tìm thấy chân hạnh phúc.

Trở lại chuyện bác sĩ Garavan, vì bà vẫn tiếp tục nhận được tiền đóng góp giúp giải phẫu tim cho các em nghèo, bà đang tiến hành thủ tục bảo trợ giải phẫu cho em bé thứ nhì và có lẽ còn những em kế tiếp.

Nếu chưa tìm ra được lý tưởng nào cao đẹp để theo đuổi, thiết nghĩ quí vị cũng có thể dựa vào vài ý kiến nho nhỏ của tác giả Seligman để giữ hạnh phúc đang có.

Chẳng hạn, để giữ hoài tình yêu bồng bột dành cho người chồng hoặc vợ (hồi mới gặp nhau, cái thuở ban đầu lưu luyến ấy) thì chúng ta hãy tiếp tục ... "đi trên mây", cứ tiếp tục xem người chung sống với mình là thần tượng thuở nào. Điều này trái với suy nghĩ thông thường của chúng ta là sống chung mãi, chúng ta sẽ khó tránh khỏi mất dần thần tượng. Ông Seligman khuyên rằng nếu chúng ta cứ bỏ qua những khuyết điểm nhỏ hằng ngày của vợ hoặc chồng thì bảo đảm, khi "thần tượng" đó có nổi giận lôi đình chúng ta cũng dễ dàng tha thứ hơn nhiều.

Đây là một lời khuyên được chứng minh bằng khoa học hẳn hoi chứ không phải chuyện gẫu đâu. Không tin, quí vị cứ thử áp dụng xem. Có kết quả tốt nhớ cho Thanh Thảo biết nhé. Liên lạc bằng thư điện toán là dễ nhất:

tawnithanhthao@hotmail.com.

HIỂM NGUY CỦA MẠNG LƯỚI "CHỢ ĐEN"

THANH THẢO

Mới cách đây chừng ba năm mạng điện toán còn là một thế giới xa lạ với rất nhiều người, nhất là những người quen sống trong cộng đồng Việt Nam hoặc những cộng đồng thiểu số Á châu. Nhưng nay không mấy ai không biết đến siêu xa lộ điện tử và những tiện lợi mạng lưới này mang lại cho đời sống chúng ta.

Giống như đa số phương tiện khác, bên cạnh những ích lợi mạng lưới toàn cầu mang lại là những hiểm nguy ẩn trong những địa điểm điện toán (sites) nghe rất bình thường. Những địa điểm được mệnh danh là "chợ

đen" tạm dịch từ "black market."

Theo thống kê đăng trên tạp chí BusinessWeek, trong năm nay hoạt động của thị trường "chợ đen" trên mạng điện toán đã đạt đến con số $36.5 tỉ Mỹ kim. So với thương vụ trị giá $39.3 tỉ Mỹ kim trên tất cả các địa điểm điện toán hợp pháp, thương vụ của thị trường chợ đen gây quan tâm không ít cho ngành tư pháp và hành pháp. Làm sao kiểm soát cho nổi thị trường chìm trong đó chứa đựng bao nhiêu thứ cạm bẫy đợi chờ người tiêu thụ? Không có luật hẳn hoi dành cho cái thế giới "chợ đen" này liệu bao nhiêu người sẽ trở thành nạn nhân trong một tuần? Một tháng?

Mạng điện toán tạo cơ hội cho bất cứ người nào sử dụng mạng lưới toàn cầu đều có thể liên lạc với người khác tại những địa điểm cách xa cả nửa vòng trái đất, vào bất cứ giờ nào mà không cần rời khỏi nhà. Cùng lúc, mạng điện toán góp phần "nối giáo cho giặc" khi giúp phương tiện cho người nghiện bài bạc có thể tiêu hết tài sản gia đình, mang nợ ngập đầu mà khỏi cần đến la cà tại những sòng bài.

Bà Debi Baptiste, 40 tuổi, một người nghiện đánh bài nặng, là một trường hợp điển hình của tệ nạn này. Khi thấy vợ mình không bỏ nổi thói quen đánh bạc, ông John Baptiste đề nghị dọn nhà từ Portland, tiểu bang Oregon về San Jose, tiểu bang Califiornia để làm lại từ đầu.

Vào lúc đó, năm 1999, ngành điện toán đang phát triển cực mạnh. Ông John đã mua một máy điện toán cho vợ sử dụng để tìm hiểu thêm về thế giới mới mẻ trên siêu xa lộ điện tử và có thêm phương tiện hoàn tất công việc mang về nhà của một bí thư công ty. Ngờ đâu, tìm tòi, sưu tầm tài liệu không bao nhiêu, trái lại, bà Debi đã dùng mạng điện toán để tiếp tục tật đánh bài.

Lúc bà thua trên $50,000 Mỹ kim và mang thêm nợ nần, ông John đã dùng mật mã khóa máy điện toán ở nhà. Chứng nào tật nấy, bà Debi ở lại sở sau giờ làm việc để tiếp tục gỡ gạc thêm tại các sòng bài trên mạng điện toán.

Sáng ngày 5 tháng 10 năm 2000, ông John đi làm sớm, để lại đơn kiện ly dị vợ trên bàn bếp trước khi đi làm. Trong ngày hôm đó, bà Debi đã uống 40 viên thuốc an thần Vicodin, mang để đơn ly dị và hình gia đình vào xe đang đậu trong nhà xe rồi nổ máy. Ông John về đến nhà đã thấy vợ mình chết ngạt trong xe. Với ông, đơn ly dị chỉ là một hành động thức tỉnh vợ, nhưng chiếc máy điện toán và những thị trường "chợ đen" chính là thủ phạm cướp đi người vợ mà ông vẫn còn yêu thương.

Mạng điện toán cũng là nơi giúp người muốn mua thuốc lậu, bị cấm bán, dễ dàng có được trong tay những sản phẩm bất hợp pháp. Cái chết của cậu Eric Perrin, 22 tuổi, một người thích tập tạo bắp thịt cho cơ thể vì uống thuốc dinitrophenol, gọi tắt là DNP, là một bằng chứng của tệ nạn này. Trong khi thuốc DNP được quảng cáo trên những địa điểm điện toán "chợ đen" là thuốc tăng cường bắp thịt, thuốc này bị cơ quan kiểm soát Thực và Dược Phẩm Liên Bang cấm dùng cho người vì độc hại.

DNP chỉ được cho phép dùng thoa trên đường rầy xe lửa để diệt nấm. Vào trong cơ thể con người, DNP hủy hoại gan, thận và phá hỏng hệ thần kinh. Sau nhiều ngày lén sử dụng DNP, cậu Eric, cư dân Baldwin tiểu bang New York, ngã bệnh. Cho đến khi thấy con trai mình nóng sốt nặng, bà Barbara đã phải đưa con vào bệnh viện. Nhưng Eric chết trong nhà thương trong lúc mẹ mình chờ đợi bác sĩ định bệnh.

Ngoài những thứ thuốc lậu, mạng điện toán là nơi nhiều "tiệm" dược phẩm bán thuốc hợp pháp nhưng vẫn phạm luật vì không có toa bác sĩ .

Những kẻ gian còn có thể dùng mạng điện toán làm nơi ăn cắp chi tiết lý lịch cá nhân của người sử dụng. Từ việc ăn cắp số an sinh xã hội để mạo nhận, xin thẻ tín dụng, đến việc dùng mạng điện toán gửi thông điệp bằng mật ngữ cho nhau, những kẻ gian phi đến những tên khủng bố đã tận dụng phương tiện mạng lưới điện toán tối tân này để đạt mục tiêu đen tối.

Chưa kể đến giới bệnh hoạn dùng siêu xa lộ điện tử để mua bán hình ảnh khiêu dâm của thiếu nhi hay những trung tâm làm bằng lái xe hay giấy thông hành giả bán với giá khoảng $200 Mỹ kim quảng cáo nhan nhản trên những ngang cùng ngõ hẻm tối tăm của cái thế giới rộng lớn này.

Theo nhân viên an ninh, cứ mỗi 44 giây đồng hồ một vụ gian lận hay một hành động bất hợp pháp lại xảy ra trên mạng điện toán. Điều đáng sợ là hiện nay không có luật nào hay cơ quan chính thức nào có trách nhiệm làm sạch thế giới này.

Những cơ quan hành pháp

khác khu vực càng làm vấn đề phức tạp hơn khi quy trách nhiệm cho lẫn nhau.

Thời gian gần đây, những nhà làm luật đang ráo riết tìm biện pháp kiểm soát thế giới mới này. Biện pháp đầu là tăng hình phạt dành cho tội phạm.

Hồi tháng 12, 2001, hệ thống chuyên ăn cắp tài sản trí tuệ hoạt động khắp thế giới tên DinkorDie đã bị phá vỡ. Theo Sở Quan Thuế, công ty này đã sang lậu những đĩa nhạc và nhu liệu điện toán trị giá đến $100 triệu Mỹ kim. Người điều hành công ty phi pháp này lãnh án 46 tháng tù. Đây là hình phạt nặng nhất từ trước đến nay dành cho tội danh này.

Ngày 15 tháng Bảy 2002 vừa qua, Hạ Viện Quốc Hội Liên Bang đã chấp thuận hình phạt tù chung thân dành cho những kẻ dùng phương tiện điện toán gây nguy hiểm sinh mạng người khác.

Trong khi chờ đợi sự bảo vệ của luật pháp dành cho những tội khác chắc còn cần nhiều thời gian mới được thi hành chúng ta có thể tự bảo vệ thành viên trong gia đình mình. Cách thứ nhất là theo sát sinh hoạt của những người trong nhà, đặc biệt trẻ em. Đặt máy điện toán ở một nơi nào người nào trong nhà cũng dễ dàng nhìn thấy là một cách kiểm soát nhẹ nhàng. Tập sử dụng máy điện toán để soát lại xem con em mình vừa "đi thăm" địa điểm điện toán nào là cách khác.

Nói chuyện đều và hướng dẫn con em về những hiểm nguy khó lường của cái thế giới đầy cạm bẫy này cũng là cách tạo sự thông cảm nhau để tránh cho con em mình trở thành nạn nhân.

CHỦ ĐỘNG ĐỜI SỐNG GIÚP CHO SỨC KHỎE TỐT HƠN

QUỲNH ANH

Một cuộc nghiên cứu mới đây đã cho thấy sự lợi ích của quyền chủ động đời sống đối với sức khỏe con người. Tiến sĩ Judith Rodin và Ellen Langer, hai nhà tâm lý xã hội hiện làm việc tại hai đại học danh tiếng Yale và Harvard bên Mỹ đã tiến hành cuộc nghiên cứu này với những cụ già sống trong viện dưỡng lão. Với sự hợp tác của các nhân viên trong viện dưỡng lão, tiến sĩ Rodin và Langer chia các cụ già thành hai nhóm. Hai nhóm này tương đối giống nhau trong những đặc tính sau: số người nam và người nữ, tuổi tác, mức độ trầm trọng của căn bệnh, loại bệnh. Sau đó một nhóm các cụ được khuyến khích để tự lấy quyết định về cuộc sống của mình trong viện dưỡng lão. Các cụ trong nhóm này quyết định xem cụ muốn tiếp khách ở phòng nào, cụ muốn đi xem phim vào giờ nào. Đối với nhóm thứ hai, các cụ được khuyến khích nên để cho nhân viên giúp các cụ lấy quyết định, thay vì tự mình quyết định. Trong cuộc nghiên cứu, mỗi cụ cũng được tặng một cái cây để trong phòng. Với nhóm trên, mà chúng ta tạm gọi là nhóm chủ động, các cụ được cho biết là Cái cây này là để cho phòng cụ tươi đẹp hơn. Bây giờ cái cây thuộc về cụ và nó sống hay chết là trách nhiệm của cụ. Cụ tự quyết định lúc nào cần tưới nó và đặt nó ở đâu trong phòng. Đối với nhóm thứ hai mà chúng ta tạm gọi là nhóm thụ động, các cụ được cho biết là cái cây này là để cho phòng cụ tươi đẹp hơn. Nhưng cụ không phải lo, không phải tưới nước hay chăm sóc nó, vì sẽ có người khác lo hộ cho cụ.

Tiến sĩ Rodin và Langer khám phá thấy rằng khoảng một năm rưỡi sau, một số cụ trong cả hai nhóm qua đời, một chuyện bình thường trong viện dưỡng lão. Nhưng điều đặc biệt đáng chú ý là số người qua đời trong hai nhóm khác nhau. Nhóm người thụ động qua đời cùng mức độ với mức độ qua đời bình thường của viện dưỡng lão. Ngược lại số người qua đời trong nhóm chủ động chỉ bằng nửa số người qua đời thuộc về nhóm thụ động. Tiến sĩ Rodin và Langer kết luận rằng khi con người được quyền chủ động nhiều hơn trong cuộc sống của họ, dù là chủ động những việc nhỏ như tưới cây lúc nào, coi phim lúc nào, tiếp khách trong phòng nào, quyền chủ động đó bảo vệ họ không chết sớm.

Một cuộc nghiên cứu khác của tiến sĩ Kobasa cũng đi tới kết luận tương tự là những người có khả năng chủ động trong cuộc sống thường có khả năng chịu đựng được những căng thẳng trong đời sống nhiều hơn hẳn những người khác. Tiến sĩ Kobasa tiến hành cuộc nghiên cứu với những người có nhiều căng thẳng trong cuộc sống như các giám đốc thương mại, các luật sư, những người lái xe buýt hay những người làm việc trong các hãng điện thoại. Trong số những người này có những người bị bệnh vì công việc quá căng thẳng và những người vẫn khỏe mạnh dù là họ phải chịu cùng một mức độ căng thẳng như nhau. Bà tự hỏi không biết những người khỏe mạnh có một số đặc tính tâm lý chung nào bảo vệ họ không bị những tai hại của việc làm quá căng thẳng hay không. Bà khám phá thấy rằng những người khỏe mạnh

có một đặc tính mà những người đau ốm không có. Bà gọi là đặc tính đó là khả năng chịu đựng cao. Tiến sĩ Kobasa thấy rằng những người có khả năng chịu đựng cao có ba đặc t tâm lý: họ chủ động, họ tận tụy trong công việc và họ nhìn khó khăn như những thách đố giúp họ tiến lên. Những người có tâm lý chủ động tin tưởng rằng họ có thể thay đổi hoàn cảnh chung quanh họ và họ có thể làm cho một số việc xảy ra. Một lần nữa, khả năng chủ động trong cuộc sống giúp cho tinh thần cứng cáp hơn và chịu đựng được nhiều sự khó khăn, căng thẳng hơn. Hậu quả là những người chủ động thường có sức khỏe tốt hơn, ít bệnh tật hơn, sống lâu hơn.

Những nghiên cứu kể trên trong ngành tâm lý xã hội và y khoa cho thấy tầm quan trọng của quyền chủ động, của quyền tự do lấy quyết định cho cuộc sống của mình. Nó cũng là căn bản của nền giáo dục dân chủ. Dân chủ có nghĩa là người dân được làm chủ, được quyền quyết định về mô thức xã hội mình sống, quyết định ai được bầu vào các chức vụ lèo lái quốc gia, quyết định về các đạo luật chi phối đời sống qua các vị dân biểu đại diện cho mình. Dân chủ bắt đầu với tính tự chủ. Tự chủ là có khả năng suy nghĩ độc lập, khả năng và tự do lấy quyết định về cuộc sống của mình, khả năng và phương tiện để thay đổi hoàn cảnh chung quanh mình.

Điều này cũng đòi hỏi là cơ cấu xã hội, chính trị và kinh tế chung quanh tôn trọng và khuyến khích quyền chủ động đó. Ví dụ như nếu các nhân viên trong viện dưỡng lão khắt khe, thì các cụ không thể nào chủ động được trong việc chọn giờ xem phim hay tiếp khách ở đâu. Ví dụ khác là ở Nam Úc, các phụ nữ sinh đẻ chỉ có một chọn lựa là sinh trong bệnh viện. Một số phụ nữ muốn được có tự do chọn nơi họ sinh con và đòi hỏi bộ y tế phải cho họ quyền sinh con tại nhà với sự giúp đỡ của một cô đỡ. Sau một thời gian lâu dài tranh đấu, bộ y tế đã phải đồng ý nguyên tắc tự do chọn lựa nơi sinh con của người dân và tài trợ cho một cơ quan đảm trách dịch vụ sinh con tại nhà an toàn cho phụ nữ. Các phụ nữ ở Nam Úc đã hành xử quyền làm chủ của mình và được sự tôn trọng và đáp ứng của nhà nước. Nền giáo dục dân chủ phải đào tạo được những con người tự chủ, những công dân tự chủ thì đời sống dân chủ mới có thực.

Nước Việt Nam đã và đang sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ tiêu diệt một cách có hệ thống và phương pháp ý chí tự chủ của người dân. Chế độ này muốn thu tóm mọi quyền lực về nhà nước và quyết định hết mọi chuyện thay cho người dân. Do đó, nhu cầu phát triển tính chủ động của người dân cấp thiết hơn bao giờ hết. Khi người dân thực sự có quyền chủ động trong đời sống của họ, chủ động trong mọi sinh hoạt kinh tế, y tế, chính trị, xã hội, họ sẽ phát huy được tối đa tiềm năng của họ. Và khi dân mạnh, đất nước mới phát triển và tiến bộ được theo kịp đà thế giới.

Tài liệu: Full Catastrophe Living, Jon Kabat-Zinn, Delta 1990

Buổi hòa nhạc Cung Tiến

THU ẤM HƯƠNG ĐỜI

Giàn nhạc **Houston Civic Symphony Orchestra** với guest conductor ***Khánh Hồng*** và các ca sĩ nổi tiếng Việt Nam: ***Mai Hương, Lệ Thu, Bích Liên, Nguyễn Thành Vân và Lê Hồng Quang.***

Hai nữ dương cầm thủ **Bằng Lăng** và **Vương Hương**, với ban hợp xướng **Hoài Hương (Houston)**

- Phần hòa tấu: Trích đoạn Tổ khúc *Chinh Phụ Ngâm* viết cho giàn nhạc giao hưởng thính phòng
- Phần ca khúc: *Thu vàng, Hoài cảm, Nguyệt cầm, Mắt biếc, Lệ đá xanh, đêm, Hoàng hạc lâu, Bản Tango cuối, Vết chim bay, Đi núi*

...

Do Hội Văn hóa Khoa học Việt Nam tại Houston, Texas tổ chức tại:

Cullen Performance Hall, Đại Học Houston

ngày 17 tháng 10 năm 2002

TỰ DO VÀ THÂN PHẬN

BÙI BÍCH HÀ

Chúng tôi được học truyện Kiều từ lớp đệ ngũ hay đệ tứ bậc trung học đệ nhất cấp, ở lứa tuổi mười lăm hoặc mười bẩy. Thầy giáo dạy vỡ lòng chúng tôi môn học này là giáo sư Phạm Ngọc Hương, hiện còn tại thế và đang cư ngụ tại tiểu bang Virginia.

Như tôi đã thưa một lần nhân dịp ôn lại kỷ niệm cũ trong truyện ngắn Hương Dạ Lan, đăng ở tuyển tập Buổi Sáng Một Mình, Người Việt xuất bản năm 1989, từ vốn học ban đầu thuở ấy, cộng thêm một số lớn năm tháng trải nghiệm riêng mình trên dòng đời, câu hỏi không ngớt ám ảnh tôi, cho tới nay, suy từ truyện Kiều như một minh chứng hùng hồn và cụ thể, là "liệu con người có thực sự tự do trước Thượng Đế vạn năng (có người dùng danh từ Con Tạo, Trẻ Tạo hoặc đơn giản hơn, định mệnh, số phận) hay không?"

Nếu dàn trải từ câu đầu đến câu cuối truyện Kiều là một chuỗi chứng nghiệm đau lòng, thể hiện hết sức rõ nét những nỗ lực cực kỳ gay gắt của Thúy Kiều, thậm chí quyết tâm tự hủy mình nhiều phen để từ chối những cảnh ngộ bất như ý, bị áp đặt, bị xô đẩy vào, thì đó đây, trong truyện, cụ Tiên Điền đưa ra một lập luận khác *Có Trời mà cũng có ta; xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều...* Ngay cả ở phần kết, đoạn trên vừa xác nhận quyền năng vô hạn của ông Trời *Ngẫm hay muôn sự tại trời, Trời kia đã bắt làm người có thân, Bắt phong trần phải phong trần, Cho thanh cao mới được phần thanh cao* (ngụ ý con người là nạn nhân của một định mệnh ngoài nó, bất biến, không cách nào thay đổi) thì ở vài câu cuối, cụ lại hạ bút viết *Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa, Thiện căn ở tại lòng ta...*(ngụ ý thiện chí hay lòng lành của con người mới là yếu tố quyết định cuộc đời nên hư sướng khổ của nó).

Tôi trộm nghĩ, mâu thuẫn trong nhận định nói trên không chỉ thấy nơi Truyện Kiều hoặc qua luân lý truyện Kiều, phản chiếu cái tâm tư tưởng chừng như thiếu nhất quán của tác giả mà đó còn là câu hỏi lớn, là nỗi dằn vặt khôn nguôi nằm trong thân phận, khơi mở đường đi cho triết học thế giới nhằm giải phóng con người ra khỏi cuộc chiến tranh nội tâm bức xúc, vô vọng, đòi hỏi lời giải đáp thỏa đáng cho những nghịch cảnh bất ưng mà nó phải gánh chịu bên cạnh ý niệm về tự do, về trách nhiệm, thụ đắc từ riêng mối đạo lý xã hội, cũng đè nặng trên hai vai nó không kém phần nặng nhọc. Đã có một lúc, triết học cận đại đặt ra câu hỏi *"Đời đáng sống hay không đáng sống"* (Camus trong Le Mythe de Sisyphe) như một biểu lộ quyền năng tuyệt đỉnh của con người trong định đoạt thân thế mình, tuy rằng, từ căn bản, đối lập với quyền sống, hành vi tự tử chỉ là sự đầu hàng, sự từ chối tiêu cực một hay nhiều bế tắc mà con người không đảm đương được.

Tạm thời, một cách cắt nghĩa phải đạo nêu ra phép ứng xử dung hòa, thêm vào phần lý luận sẵn có, chút màu sắc của lương tâm. Người ta bảo nhau, *tận nhân lực, tri thiên mệnh* nhưng cách cắt nghĩa này mắc nghẽn ở chỗ cái *tận nhân lực* không có thước đo chính xác, không có cùng giới hạn giữa những cá nhân khác nhau chưa kể rằng phán xét từ người trong cuộc và người ngoài cuộc luôn có tính chủ quan để bênh vực cách nhìn hay cách cảm nghiệm của chính mình. Nan đề vẫn còn nguyên: hết sức người có chữa được (tốt hơn nữa, tránh được) bất hạnh hay không?

Ở tuổi học trò niên thiếu ngày xa xưa ấy, lớn lên trong không khí sùng mộ lễ bái của gia đình, được nhìn thấy những ông bà thầy bói là cố vấn tin cậy của cha mẹ khi bàn chuyện tương lai, chúng tôi đứa nào cũng tuyệt đối tin chắc rằng Thúy Kiều là nạn nhân của một ông xanh trớ trêu, khắc nghiệt, đã khiến nàng tan tác mối tình đầu tha thiết với chàng Kim, đã xô đẩy nàng vào chốn ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh, *thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*. Thế nhưng, thầy giáo Hương của chúng tôi trong thập niên 50, thì không tin như vậy. Dưới mắt Thầy, Thúy Kiều đã tự nguyện bước vào truân chuyên đời nàng do sự thúc bách của cái bản chất lãng mạn, đa tình ẩn dấu bên trong, được tháo cũi xổ lồng bởi phán quyết tình cờ của ông thầy tướng số, một hôm nhìn thấy nàng lúc còn thơ dại *Tình anh phát tiết ra ngoài, nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa*. Lời tiên đoán nghiệt ngã này trở thành một ám ảnh đeo đẳng, theo nàng bước vào tuổi dậy thì

Rằng quen mất nết đi rồi, tẻ vui âu cũng tính trời, biết sao! nên khi biến cố gia đình xảy ra, bị thằng bán tơ xách nhiễu, giữa trăm ngàn giải pháp khả thể khác, dễ nhất như gửi người đưa tin về Liêu Dương cho Kim Trọng để chàng cùng lo liệu (ngay sau đó, khi khóc nhờ em gái thay mình trả nghĩa tình quân, chính Kiều cũng biết nàng đã bỏ qua một việc có thể làm để xoay chuyển tình thế *Trời Liêu non nước bao xa, Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!*) thế mà Thúy Kiều đã chỉ vội vàng chọn lấy cảnh ngộ bán mình đầy bất trắc, quả nhiên sẽ đưa nàng vào nơi gió bụi.

Cứ nhận là Thúy Kiều đã tự ý làm quyết định sai lầm đầu tiên mua giây buộc mình này, (tuy rằng xét một cách rốt ráo, quyết định sai lầm ấy há đã chẳng bắt nguồn từ sự an bài còn đầu tiên hơn nữa, mà Thúy Kiều thực sự chẳng có một trách nhiệm gì, khi số phận - có phải số phận không ?- xui khiến cho ông thầy tướng số từ đâu đến, ngẫu nhiên nhìn thấy nàng và nói ra những điều không ai hỏi, không ai tìm kiếm hay chờ đợi, cũng không chắc có thật như thế không, để chúng vận vào, in những vết mực đen lên tâm hồn non nớt của Thúy Kiều chắc là mới ở tuổi mười ba! *Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay!*) thì từ đây về sau, nàng quả đã bao phen chứng tỏ hết sức tận nhân lực để ứng xử với nghịch cảnh nhưng nghịch cảnh không ngớt vùi dập nàng, thậm chí có muốn chết để chấm dứt cuộc sống bất xứng cũng không chết được. Đoạn đường từ Mã Giám Sinh trải về sau, độc giả biết rằng Thúy Kiều trở thành nạn nhân, lăn lóc trong bàn tay cay nghiệt của một định mệnh đầy quyền năng, ở ngoài, ở trên, chấp hết mọi nỗ lực hoàn thiện của con người, như nàng đã có lúc ý thức không một chút hồ đồ *Đã sinh ra phận long đong, Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?*

Thương ôi tài sắc bậc này,
Một dao oan nghiệt dứt dây phong trần!

Hụt chết lần này, nghĩa là nàng còn phải tiếp tục sống nốt phần số con rối, uất ức nhận chịu sự đầy ải của Tạo Hóa trước khi được hẹn hò một lần chết khác *Số còn nặng nợ má đào, Người dù muốn quyết, trời nào đã cho ! Hãy xin hết kiếp liễu bồ, Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau.* Tính chất phi lý nằm trong sự bất lực của kiếp người là bi kịch lớn mà triết học và tôn giáo muốn đi tìm lời giải đáp. Nếu triết học được quan niệm là một chuỗi tìm tòi, suy tưởng, hành vi hay thái độ của con người đối diện với cuộc sống bí nhiệm, mặc dù triết học đã nới rộng biên cương đến những tầng vô thức sâu thẳm hoặc cõi siêu thực, là sản phẩm của con người, nó vẫn mặc lấy tính cách hữu hạn của con người, lơ lửng trong một không gian huyền hoặc, một thời gian không có trước sau. Có lẽ ở chỗ khiếm khuyết này, tôn giáo, đặc biệt Phật giáo, đã nhận lấy vai trò của mình, đưa ra được, một cách tương đối hợp lý tuy căn bản của tôn giáo là một bí nhiệm khác giải thích bằng đức tin, câu trả lời nhằm cắt nghĩa hiện tượng *ý trời và ý người*, một mặt, công nhận, khuyến khích nỗ lực hướng thiện của con người như một hình thái tự do đem lại lòng tự hào và phẩm giá cho chính nó, mặt khác, để trật tự xã hội được bảo vệ và tồn tại trong cái trật tự sẵn có, lớn hơn, kiên cố, khuôn định đời người, gọi là số phận.

Vừa qua, tôi tình cờ đọc được câu nhận định sau đây, đăng trên một tạp chí Mỹ: "Man's character is his fate." Hóa ra, xét về nguyên nhân siêu hình đưa đến những sự việc xảy ra trong đời một người, Đông và Tây có chỗ gặp nhau, *thiện căn ở tại lòng ta*. Cũng theo hiểu biết và cảm nhận rất thô thiển của tôi, Phật giáo không có tham vọng cắt nghĩa nguồn gốc nguyên thủy của sự sống mà, thực tế và tích cực hơn, nó giúp chúng sinh vận dụng được phần năng lực nội tại tinh hoa nhất để đối phó hữu hiệu với những vấn đề *xẩy ra trước mắt*, là cái tạm có hình tướng, nhìn thấy, nắm bắt được, một lúc nào đó trên dòng đời vô thủy vô chung. *Tâm tính của một người làm nên số phận của người đó* hay thiện căn ở tại lòng ta là kết quả tạo thành lực đẩy của hằng hà sa số những lượn sóng ngầm tác động bên trong mỗi người, cuốn nó đi. Phật giáo gọi tác động này là nghiệp lực, tích lũy qua hằng hà sa số kiếp, không ý thức được nó là vô minh, tỉnh thức để nhận diện được nó là minh triết. Nghiệp như gai nhọn, như bông hoa thối rữa, bắt đầu cấy vào lòng người từ đâu, từ bao giờ, không biết, cũng không cần biết, cùng lắm là từ tiền kiếp. Hãy bắt đầu từ chỗ nhổ những cái gai ấy đi, thanh tẩy mùi uế tạp, dọn dẹp cho thần thức trong trẻo để nhận biết khả năng làm chủ vô hạn bên trong thân tứ đại mong manh, đó là bước đầu ứng xử của con người nhằm hóa giải khổ đau trong cuộc đời, vượt ra ngoài kiềm tỏa và thực sự đạt đến ý niệm Tự Do.

Giữa hai vế hành trì của Phật giáo, tạo nghiệp và giải nghiệp, tôi yêu cái ý niệm giải nghiệp

mặc dầu, trong hiểu biết hạn hẹp của tôi vì sở học kém, tôi nghĩ hai vế này không tách rời nhau. Không tạo nghiệp giữa đời này, có khi là ngừng sống (nếu nhân vật Thúy Kiều, trước sau, chỉ là âm bản của sư bà Giác Duyên, tôi chắc nhân gian làm gì có truyện Kiều mà đọc?) thế nhưng sống là không ngừng giải nghiệp, như người đi lạc vào rừng phải tả xung hữu đột, phát quang cây cỏ mà tìm đường ra và viết thành chuyện kể đời mình. Sau mười lăm năm luân lạc, trong đêm tái ngộ chàng Kim, khi tiếng đàn bạc mệnh của Thúy Kiều ngày nào nay nghe *Khúc đâu đầm ấm dương hòa, Ấy là hồ điệp hay là Trang Sinh? Khúc đâu êm ái xuân tình, Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên, Trong sao châu nhỏ duềnh quyên, Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông*, khi Thúy Kiều nại tình em gái *Cửa nhà dù tính về sau, Thì còn em đó, lọ cầu chị đây*, thuyết phục chàng Kim đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ, nghĩa là Thúy Kiều quyết tâm không tạo nghiệp nữa, tấm màn nhung bắt buộc phải đóng lại, ngót ba ngàn câu thơ của Đoạn Trường Tân Thanh bắt buộc phải ngưng tiếng.

Có vẻ như đến đây, Thúy Kiều đã chủ động giã từ cõi mưa mù gió lộng, từ nay sẽ bước vào một cảnh sống êm đềm, nhàn nhã. Tuy nhiên, gấp sách lại rồi, lòng tôi vẫn còn chút băn khoăn, không biết nàng có thực sự tự do lựa chọn *nhớ lời, lập một am mây* hay, sau cùng, với quyết định tối hậu dường như từ chính ý chí của mình, trước sau, Kiều vẫn chỉ là một con rối, nay càng thêm sợ hãi và muốn trốn chạy, trong vở tuồng số phận đã viết sẵn cho nàng với rất nhiều bất công và oan trái?

Tự Do, ước mơ thiết thân của nhân loại, tựu chung và ngẫm cho cùng, liệu có phải chỉ là thứ tự do đối phó, trên những đường quĩ đạo đã vạch sẵn, là sản phẩm tội nghiệp của tâm thức con người miệt mài, chua xót, đi tìm một vị thế xứng đáng cho nó trên dòng đời *Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn, Bóng chiều như dục cơn buồn...*

9/ 02

CUNG DIỄM

BÀI CHO MỘT NGƯỜI BÊN ĐÓ

Bây giờ bên đó trời chưa sáng
Trăng hạ tuần chưa gác mái tây
Ai vẫn còn say bên gối mộng
Xin đừng để cánh mộng xuân bay

Bây giờ bên đó trời chưa sáng
Đêm nhả hương yêu gió gợi tình
Khe khẽ quỳnh khuya hoa trở giấc
Thẹn thùng nhẹ hé cánh băng trinh

Bây giờ bên đó trời chưa sáng
Thao thức bên thềm dế nỉ non
Trăng ỡm ờ soi chăn gối lệch
Môi đào xin chớ nhạt màu son

Bây giờ bên đó trời chưa sáng
Con nước vơi đầy bịp trở canh
Ta bóng mây xa trời tám hướng
Sông hồ gợi nhớ mắt ai xanh

Bây giờ bên đó trời chưa sáng
Ta muốn thành chim vượt gió mây
Bên gối nhẹ nhàng đôi cánh mộng
Vỗ về cho giấc ngủ ai say!

NHẤT LINH, XÓM CẦU MỚI

THỤY KHUÊ

Ở Nhất Linh, mỗi tiểu thuyết là một chặng đường, với *Xóm Cầu Mới* Nhất Linh tổng kết những chặng đường nghệ thuật và tư tưởng, đem hết kinh nghiệm sống và viết của đời mình để tạo nên tác phẩm. Ở đây không còn chủ đề, không còn đấu tranh xã hội, cũng không phơi bầy một triết lý sống nữa, mà chỉ có đời trần trụi. Đời sống. Trong *Xóm Cầu Mới*, Nhất Linh đã đạt đến cái đích của tiểu thuyết mà ông mong muốn *«không phải là sự diễn tả đời sống nữa, nó chính là đời sống, đời sống rung động và hồi hộp, mà không chỉ là đời sống bên ngoài mà còn là đời sống bên trong, đời sống bí ẩn của tâm hồn.»*(1) Nhất Linh tạo không gian nội tâm và ngoại giới của mỗi nhân vật và đi sâu vào không gian ấy như thể ông bị nhân vật lôi cuốn đi, từ Mùi, Siêu, đến những người xung quanh như Tý, Bé, Triết, Mạch, ông Lang Hàn, U già, vợ chồng bác Lê, Nhỡ, Đỗi, Bà Chủ Nhật Trình, ông Năm Bụng, cậu Ấm, cụ Án v.v...

Nhất Linh không xây dựng nên nhân vật nữa mà chính những nhân vật dựng nên cõi viết Nhất Linh. *Xóm Cầu Mới* bắt đầu bằng những hàng:

Mùi sực thức giấc nhưng còn mơ màng chưa tỉnh hẳn. Tiếng gió trong lá cây, ở xa xa, không biết nàng nghe thấy thực hay chỉ là tiếng trong giấc mơ; tiếng lá loạt soạt làm nàng cảm như đâu đây có ai vừa kéo chăn đắp cho khỏi lạnh, tay nàng bất giác kéo một góc chăn phủ lên chỗ ngực để hở. Một nỗi vui lành mạnh thấm nhuần khắp thân thể và hình như người nàng vẫn vui suốt cả đêm qua, bây giờ hơi tỉnh nàng mới nhận thấy: «Ban đêm mình nằm mê thấy một chuyện gì chắc vui lắm.» (Xóm Cầu Mới, Phượng Giang, 1973, in lại ở Hoa Kỳ, không đề năm, không đề nhà xuất bản, trang 13)

Nhận xét đầu tiên là tất cả những động tác của Mùi ở đây chỉ làm nổi bật phần cốt yếu là sinh hoạt tâm linh của Mùi. Hành động đáng chú ý nhất là «kéo chăn» lên đắp trên ngực, cũng không phải do chủ đích của Mùi mà là vì Mùi *cảm* thấy như đâu đây có ai kéo chăn đắp cho khỏi lạnh, cho nên tay nàng bèn «bất giác» kéo một góc chăn lên để đắp chỗ ngực để hở. Vậy ngay đến hành động kéo chăn lên đắp ngực của Mùi cũng là một hành động mơ hồ, như trong vô thức. Và trong 50 trang tiếp theo là hồi ức của Mùi về những việc xảy ra hôm qua, từ khi nhận được thư Siêu báo tin sẽ về *Xóm Cầu Mới*, xa hơn nữa đến thời tuổi thơ của Siêu và Mùi, những giận dữ, những trò chơi và cái hôn đầu của tuổi mười ba. Rồi khi Siêu đi xa, Mùi vả tay vào dậu găng cho chảy máu để ăn vạ v.v...

Tất cả những động tác, những ký ức và hồi tưởng chạy dài trong đầu khi Mùi nằm trên giường còn ngái ngủ. Trước *Xóm Cầu Mới* dường như chưa có tiểu thuyết gia Việt Nam nào sử dụng «hồi tưởng» lâu như vậy. Ở đây có một sự êm ả rất Đông phương và một táo bạo rất Tây phương.

Tưởng tượng thêm một chút nữa, người đọc có thể thấy một mối tương quan nào đó giữa chương đầu *Xóm Cầu Mới* và chương đầu của *A la recherche du temps perdu Đi Tìm Thời Gian Đã Mất* của Marcel Proust. Đoạn *«Một Buổi Sáng»* trong *Xóm Cầu Mới* có gì giống như đoạn Combray của Proust, cậu bé Proust thao thức trên giường với tiếng gọi của kỷ niệm, của suy tưởng. Tất nhiên không có gì chứng minh Nhất Linh chịu ảnh hưởng Proust. Trong tập tiểu luận *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* cũng không thấy Nhất Linh nhắc đến Proust mà ông khâm phục Tolstoi. Nhưng cách xây dựng tiểu thuyết của Nhất Linh không giống cái «không khí» Tolstoi nữa, tức là đã ra khỏi thế kỷ XIX để bước vào thế kỷ XX mà hồi tưởng, mơ mộng và ký ức được tận dụng triệt để với Marcel Proust. Nhất Linh trong *Xóm Cầu Mới* sử dụng hồi tưởng và ký ức như một lợi khí mới của văn học. Và nếu có mối tương quan nào giữa Nhất Linh và Marcel Proust thì chỉ ở chỗ sử dụng những yếu tố đó và chỉ ở chỗ đó mà thôi vì sự khác biệt của họ rất rõ ràng: văn phong của Proust dồn dập, nhiều dòng, nhiều trang, như một hơi thở tràn đầy

âm điệu, hình ảnh, mầu sắc v.v..., Proust là người «dụng văn» trong khi Nhất Linh ngắn, gọn, đơn giản, ông chủ trương không làm văn (nữa), tức là bỏ lối viết văn chương của thời lãng mạn để trở về với lối viết *nguyên thủy* «có lời là vì ý, được ý hãy quên lời» rất *Nam Hoa Kinh* mà những nhà văn lớp sau như Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Võ Hồng đã ít nhiều chịu ảnh hưởng. Riêng Võ Phiến, trong lối mô tả chi tiết và hay nhắc đến lời Nhất Linh khuyên những ai muốn viết tiểu thuyết hay đừng quan tâm tới câu văn hay (trong *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết*). Ở đây chúng ta nên để ý: lời khuyên của Nhất Linh chỉ có tính cách tương đối vì một người không theo «trường phái» Nhất Linh như Vũ Khắc Khoan vẫn được Nhất Linh cảm mến.

Trở lại với cái chung giữa Proust và Nhất Linh, chúng ta thấy cả hai đều cho người đọc cái ấn tượng an lạc, hạnh phúc trong những giây phút sống lại kỷ niệm. Ở Proust là chiếc bánh madeleine chấm nước trà bất hủ. Ở Nhất Linh là dậu găng, là những cánh hoa mộc, là những chiếc bánh gai, những ngày lụt lội, những con ma ở gốc đa, ở lăng cụ Quận, những con lợn của bác Lê và những cái cốc đầu con của bác ấy. Là thằng Tý thông minh, là U già lẩm cẩm hay nói ngang phè mà có lý, là bà ký Ân Chủ Nhật Trình hay nõ mồm, mở mồm ra là «người trần mắt thịt ơi!», là ông giáo Đông Công Ích Tin Lành vừa buôn đạo vừa buôn công phiếu. Là ông Năm Bụng giắt nắm chai rượu lậu trong bụng, cụ Án bắt ruồi, cậu Ấm nói dối vợ đi bắn vịt trời để hút thuốc phiện v.v... Cái thế giới ấy đã qua như một thời vang bóng, được Nhất Linh dựng lại như một thế giới đang còn sống bây giờ, một xã hội bắt đầu nghiêng xuống, một xã hội về chiều. Tính chất nghiêng xuống ấy là nòng cốt tác phẩm. Nghiêng xuống mà không bi quan, vẫn hóm hỉnh và có hạnh phúc. Chúng ta thử đọc trích đoạn cụ Án kho cá và bắt ruồi sau đây:

Cụ Án nghiêng người nhấc cái vung nồi cá kho dứa đặt trên cái hỏa lò con nhìn vào trong nồi và hít mũi mấy cái. Lứa cá kho này cụ thấy ngon hơn mọi lần. Trong đời cụ, cụ chỉ thích nhất ăn cá kho dứa, mùa nào không có dứa tươi thì cụ nấu cá với dứa hộp và Hải đi Hà Nội mua đạn bao giờ cũng nhớ mua mấy hộp dứa biếu cụ. Độ trước khi cụ Án ông còn sống bắt cụ rời nhà quê lên ở trên tỉnh, cụ được nếm đủ các thứ sơn hào hải vị nhưng cá kho dứa cụ vẫn thấy ngon nhất. Cá kho ăn lại đỡ tốn, mỗi miếng cá bé tý cũng ăn được bao nhiêu là cơm. Biết tính cụ nên có ai biếu cụ là biếu cá và phải là cá còn tươi nguyên. Cụ tự tay kho lấy và kho xong thì cụ treo ngay trên giường cụ ngồi, vừa tầm tay với.

Cụ đậy vung nồi và tay lại cầm lấy cái que đập ruồi. Chỉ trừ lúc giã trầu ở cối, còn thì lúc nào tay cụ cũng cầm que đập ruồi. Cụ ghét và sợ ruồi lắm. Nhưng ở chung quanh chỗ cụ ngồi thì lại có đủ các thứ để nhử ruồi đến thật nhiều; ngoài nồi cá, lại có những xâu cá mắm, những chai mật ong và những quả chuối bao giờ cũng chín đen chín nát. Vì cụ bại một chân đi phải chống nạng nên ít khi cụ đi lại. Giang sơn cụ và cả đời cụ vì thế thu hẹp trong phạm vi cái giường cụ ngồi. Tất cả những thứ gì cụ cần dùng đều để ở trên giường và ở cái tủ chè cạnh giường. Chỉ trừ có số tiền cụ để dành được là cụ dấu ở chỗ khác.

Vì cụ không đi lại được nên chỉ đánh được những con ruồi ở trên giường. Để bắt ruồi chung quanh giường cụ nuôi cò ruồi, nhưng con cò không được bắt ruồi trên giường. Có con ruồi nào vừa bay đến đậu trên chiếu mà con cò định mổ thì cụ đã nhanh tay đập trước; đập xong cụ hất ruồi xuống đất cho cò ăn. Lần nào con cò nhanh hơn mổ cướp của cụ một con ruồi trên chiếu là cụ lấy cán que đập ruồi đập vào đầu con cò một cái để phạt nó hỗn. Có một con cò lâu dần hiểu được chỗ đó nên không bao giờ mổ tranh ruồi của cụ; cụ thích lắm và khoe với tất cả mọi người, nhưng

HUỲNH LIỄU NGẠN

CHỊ TÔI

chị tôi gánh thúng qua làng
mua thêm chút mộng mấy chàng trai bên
tôi ra ngồi đợi ngoài hiên
nắng trưa dọi mỏng chiều êm xuống dần
chợ tàn mây khói phân vân
chị tôi quên guốc đeo chân ra về
tôi nhìn tận cuối chân đê
hình như đâu đó tôi nghe ai cười.

sau con ấy bị chó cắn chết mất. (trang 288, 289, sđd)

Qua những hàng trên đây, Nhất Linh đã viết nên những nét bi hài của một cụ Án về già, của một thời đã mất, từ một cụ Án bà quyền quý, có thể đã có thời dựa vào uy thế cụ ông, hét ra lửa, vậy mà bây giờ giang sơn cụ thu hẹp lại còn có cái giường, mà cũng không phải cả cái giường, các thứ lủng củng chiếm đến nửa, phần còn lại cụ ngồi chung với ruồi, cụ đập ruồi, tranh với cò, bên cạnh nồi cá kho, xâu cá mắm ... Hoàn cảnh cụ không khác gì lắm với gia đình bác Lê, những ngày nước lên phải ngủ chung với lợn. Nhưng cảnh cụ còn đau thương hơn, vì cụ có con cò tâm đắc nhất thì nó lại bị chó cắn chết.

Không thể biết rõ *Xóm Cầu Mới* ở vào thời nào, chỉ biết mang máng như là khoảng nửa đầu thế kỷ XX, mang máng bản đồ *Xóm Cầu Mới* giống bản đồ huyện Cẩm Giàng, Nhất Linh cố ý làm bàng bạc thời gian, tạo nên tính chất vô định của tất cả những thời đại đang suy tàn. Mà thời đại nào rồi cũng phải suy tàn, như câu thơ của Vũ Đình Liên *những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ*. Đó là lý do tồn tại của những kẻ như Proust, như Nhất Linh mải *đi tìm thời gian đã mất*.

*

Viết *Xóm Cầu Mới*, Nhất Linh đã sử dụng tất cả những kinh nghiệm viết của mình, những kinh nghiệm mà ông đã ghi lại trong cuốn tiểu luận *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết*. Nhưng đó không phải là cốt yếu. Điều cốt yếu là Nhất Linh đã tạo dựng lại một thời đã mất và làm chúng bất tử với những nhân vật đang sống, đang suy nghĩ, với những thèm muốn, những tính toán, những hồn nhiên của họ, tạo ra mối tương quan giữa con người với nhau cũng như những tương quan giữa những cô đơn với nhau. *Xóm Cầu Mới* là một xã hội có giai cấp mà lại như không còn giai cấp, các giai cấp đã lộn tùng phèo, chỉ có tương quan giữa người và người: giữa hai bác Lê và thằng Tý, tương quan giữa cụ Án và những con ruồi, con cò, nếu có thể nói ruồi, cò cũng là người, so với một cụ Án đã hoàn toàn mất địa vị. Giữa Mùi và U già, U già luôn luôn ở thế mạnh hơn Mùi, tương quan giữa Bé và Đỗi, tương quan giữa bác Lê gái và bác Lê trai, v.v... và trong những tương quan ấy, phái mạnh, hay phái khỏe, thường có vẻ kém thế trước phái yếu... Nhất Linh tạo ra những cái tên, những khuôn mặt như bà Chủ Nhật Trình, ông Năm Bụng, ông giáo Đông Công Ích Tin Lành... như một khởi thủy, vì trước ông, chưa thấy ai đưa ra một «hệ thống» đặt tên như thế và sau ông, có những ông Ba Thê Đồng Thời, anh Bốn Thôi, ông Năm Tản, chị Bốn Chìa Vôi... của Võ Phiến, đó là một nối tiếp «truyền thống» Nhất Linh, hay chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên? Có điều rằng trong những tác phẩm đầu của Võ Phiến, xuất bản những năm 56-58, chưa thấy xuất hiện cách đặt tên như vậy. Nếu có một sợi dây liên hệ giữa Nhất Linh và các tác giả đến sau thì không chỉ dừng ở mức đặt tên mà còn ở cả lối mô tả nhân vật, như bà Chủ Nhật Trình luôn luôn mở miệng ra là *«người trần mắt thịt ơi»*. Cách xác định cá tính nhân vật bằng một nét cố hữu này Nhất Linh đã chịu ảnh hưởng của Tolstoi và có lẽ từ Nhất Linh, Nhật Tiến đã tìm được cách mô tả nhân vật cực kỳ sống động trong *Thềm Hoang* với những cô Huệ mở mồm ra là *«khỉ gió đừng lăn!»*, cô Đào mở mồm là *«khắm chửa!»*

Nhất Linh không chỉ ảnh hưởng đến những người đến sau bằng cách đặt tên, hoặc sống động hóa nhân vật mà còn ở cả lối nhận xét chi li, và nhất là cách mô tả toàn cảnh bằng một chi tiết mà sau này người đọc cũng tìm thấy lại trong các tác phẩm của Võ Phiến, Võ Đình. Biện pháp hoán dụ này chỉ dùng một chi tiết va chạm thể xác như đụng chạm ngón tay, bàn chân hoặc đôi khi không đụng chạm mà chỉ nhìn trộm hoặc dùng khứu giác để miêu tả những mãnh liệt của nhục cảm trong đầu các nhân vật. Nhất Linh đã dùng thủ pháp này từ *Bướm Trắng* trong hai xen độc đáo: Trương nhìn trộm bàn tay của Thu trên tấm chăn và Trương với chiếc áo cánh của Thu úp vào mặt. Trong cả hai xen đều không có «công-tắc» thể xác trực tiếp, nhưng Nhất Linh đã diễn tả một cách tuyệt vời lòng ham muốn và động lực tính dục trong con người. Ở *Xóm Cầu Mới*, biện pháp này còn đa dạng hơn nữa, Nhất Linh đưa ra rất nhiều xen để mô tả cái tính «đĩ ngầm» của Mùi: Mùi «ngủ» với lá thư của anh Siêu, Mùi quất tay vào dậu găng cho chảy máu, hai lần Mùi rửa chân với anh Siêu ở hai «nồng độ» khác nhau, mưa lụt, Mùi bắt anh Siêu bế, Mùi nằm đắp chăn trên giường của anh Siêu, ... Hoặc Đỗi dẫm lên chân Bé (để tỏ tình), ông Giáo Đông «cầm nhầm» cái khăn che mắt của Bé lại hí hửng tưởng là khăn mùi-xoa của Mùi, chỉ có Nhỡ là yêu Mùi thầm kín nhất... Ở *Xóm Cầu Mới* Nhất Linh đã trình bầy những dạng thức biểu lộ tính dục của con người, tùy theo giai cấp, một cách nhuần nhuyễn

và đa dạng và chắc chắn là những người tinh tế viết sau ông đã tìm được những ảnh hưởng đích đáng.

Nhục cảm (sensualité) là một đề tài khó viết, khó nói, viết dở sẽ trở thành thô, viết hay, xưa nay chưa có nhiều nhà văn đạt được. Nhất Linh đã vượt được giới tuyến này bằng những thủ pháp nguyên thủy.

Chuyện đôi con dì yêu nhau là một sự loạn luân cấm kỵ. Vậy mà Nhất Linh đã phiêu lưu vào thế giới cấm kỵ ấy một cách thản nhiên, bình dị trong *Xóm Cầu Mới*. Một Nhất Linh hoàn toàn tự do, biết mình nắm trọn mọi nhu yếu cần thiết của kỹ thuật và nghệ thuật viết văn, biết mình có thể vững vàng ở những khoảng trời bão táp. Nhất Linh đưa hết sở trường của mình vào tác phẩm. *Xóm Cầu Mới* đi từ chân dung người con gái tên Mùi, chân dung ấy phát xuất từ điểm: Mùi tỉnh dậy, sau một đêm hạnh phúc ngủ chung với lá thư của Siêu, người anh họ, Siêu vừa gửi thư báo cho nàng biết sẽ về ở chung với gia đình Mùi. Nhất Linh, trong những trang đầu, đã đưa ra táo bạo thứ nhất: «*Mùi nằm ngủ một đêm với bức thư của anh Siêu.*» Đó là nhục cảm đầu đời của Mùi như một Eva ăn trái cấm. Và từ đó phát xuất cá tính của Mùi, một cô gái quê, con một cụ Lang, sống hồi đầu thế kỷ. Mùi có quán bán nước, bán thuốc, bán bánh cuốn, bán gạo. Mùi là hình ảnh cô gái quê tần tảo, một bà Tú Xương tương lai, một cô hàng xén trong truyện của Thạch Lam hay cô hàng xóm trong thơ Nguyễn Bính. Đó là phần hình thức. Về mặt tư tưởng, Mùi táo bạo hơn nhiều. Mùi mới hơn cả Loan trong *Đôi Bạn*, *Đoạn Tuyệt*, khác hẳn Nhung trong *Lạnh Lùng*, và có lẽ còn mới hơn nhiều cô gái tỉnh thành thời nay. Nàng dám để cho nhục cảm dẫn dắt, không lúc nào Mùi thấy có mặc cảm hoặc tự kiềm chế. Mùi biết tình yêu của nàng với Siêu là cấm kỵ:

«Mặc dầu Siêu với nàng là đôi con dì không lấy được nhau nhưng cái mãnh liệt của tình yêu ấy không mảy may làm nàng sợ hãi; nàng lại thấy mừng không ngờ mình yêu đến thế. Nàng đón lấy nó như hiện giờ này nàng đón lấy cơn gió lạnh sắc đương quất vào hai bên má. (trang 19, sđd)

Trong Văn Học Việt Nam ít có cô gái quê nào tự do như Mùi. Có thể có cô Huệ trong *Thềm Hoang* của Nhật Tiến. Nhưng cô Huệ nửa tỉnh nửa quê. Mùi tự do và biết mình tự do vì Mùi tạo nên hoàn cảnh mà không phải chạy theo hoàn cảnh. Tình yêu của Mùi và Siêu đậm dấu ấn thể xác nhưng lại là thứ thể xác não thùy, phát xuất từ tình yêu nguyên thủy, xẩy ra ở trong óc nên không thể phạm tội. Không riêng về tình yêu nhục dục mà tất cả những nhân vật hay những bối cảnh mà nhân vật tạo ra trong *Xóm Cầu Mới*, đều ít nhiều nằm trong trạng thái nguyên thủy. Ví dụ về trí thông minh của thằng Tý, Nhất Linh cũng đi từ những nhận xét nguyên thủy: tại sao lại biết nó thông minh mà mẹ nó lại cho nó là ngớ ngẩn? Tại vì mới chín tuổi nó đoán được ý bố nó, nó đoán được ý con lợn, nó tìm những giải pháp lô-gích đo quần áo mà mẹ nó không nghĩ ra v.v... Tình yêu của Đỗi và Bé cũng là một tình yêu nguyên thủy: Cặp trai gái làng này tỏ tình bằng cách dẫm chân lên nhau, rồi những ngón chân ấn lên một tý, mỗi lần ấn là một lần tăng nồng độ tình yêu. Nỗi buồn của Triết, em trai Mùi, cũng là nỗi buồn nguyên thủy, Mùi không biết tại sao em mình hay *ngồi buồn*, cả đến việc chơi bươm bướm của Triết, Triết chơi với những con «bươm bướm ma,» và đó lại là một lối *chơi buồn* mà chính Triết cũng không biết là mình buồn. Tính lẩm cẩm của U già cũng là một thứ lẩm cẩm nguyên thủy: Thật ra U già không lẩm cẩm, u còn lô-gích nữa là khác, nhưng nhà vắng quá, thỉnh thoảng Mùi phải tìm cách cãi nhau với U già cho có tiếng nói, và U già mỗi lần thấy Mùi gắt là u lại nói ngang phè. Bác Lê mỗi lần say rượu đánh vợ, đánh con, cũng là những cơn say nguyên thủy, bởi bác biết trước là uống rượu vào sẽ đánh vợ đánh con, nhưng bác không thể tránh được, bác cố nhịn, nhưng đến phút chót cái thèm vẫn ăn đứt bác và bác lại chịu thua cái thèm...

Trong *Xóm Cầu Mới*, Nhất Linh đã đưa ra những con người trong trạng thái *nguyên thủy*. Nhất Linh tìm đạt đến cõi rễ của cá tính, của bản ngã, như thể ngòi bút của ông đã là nhân vật; rồi lại chính nhân vật đã đưa ngòi bút đi để tạo nên những cuộc đời *chưa thành hình*. *Xóm Cầu Mới* là tác phẩm dang dở, hình như Nhất Linh mới viết được có một phần ba, cũng là một tác phẩm chưa thành hình. Ngòi bút vừa xây nên nhân vật vừa từ nhân vật đi ra, tự nhiên như không phải tả gì cả. Có thể là Nhất Linh đã tìm được nguồn cội của hành vi và cảm giác của mỗi con người và có lẽ đó là sự thành công sâu sắc nhất của Nhất Linh.

Paris, tháng 5/2002

(1) *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết*, Nhất Linh, nhà xuất bản Đời Nay, 1969, trang 69, câu này Nhất Linh trích từ lời của một nhà phê bình viết về cuốn Anna Karénine của Tolstoi, mà Nhất Linh cho là một mẫu mực của tiểu thuyết.

NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI CẦN THỐNG NHẤT QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ VỀ BIÊN GIỚI VIỆT –TRUNG

TRƯƠNG NHÂN TUẤN

Hai phía Việt-Nam và Trung-Hoa từ khi lập quốc đã có những xung-đột thường-xuyên về bờ cõi. Ý nghĩa của biên-cương, biên-ải... nói chung những vùng biên-giới, đối với người dân Việt-Nam từ lâu đã ít nhiều mang thêm ý-nghĩa của việc chống giặc xâm-lăng, chiến-đấu bảo-vệ quê-hương, giữ-gìn bờ cõi ... Lịch-sử biên-giới Việt-Nam là lịch-sử của chiến-tranh đánh đuổi giặc xâm-lăng. Sử-sách đã để lại cho hậu-thế thấy rõ ràng điều đó.

Cho đến hậu bán thế-kỷ XIX, sức mạnh khoa-học kỹ-thuật của Tây-Phương đã chặn đứng bản-năng bành-trướng tự-tại của đế-quốc Trung-Hoa. Đế-quốc Pháp đã vào xâm-chiếm Việt-Nam, đặt nền-móng hành-chánh thực-dân tại đây, chấm dứt chế-độ thần-phục (suzerainteté) của triều-đình nước Nam đối với thiên-triều là nước Trung-Hoa. Đồng-thời việc nầy cũng kềm-hãm bước chân xâm-lược về phía Nam của Hán-tộc. Biên-giới trên bộ Việt-Trung và trong vịnh Bắc-Bộ nhân-dịp nầy mới được phân-định rõ-rệt (qua các công-ước 1887-1895). Trên biển Đông cũng được Pháp xác-định lằn mức lãnh-hải phù-hợp luật biển thời đó (năm 1926) là 3 dặm và năm 1936 đổi lại là 10 dặm. Vịnh Thái-Lan cũng được quan Toàn-Quyền Brévié định-phân ngày 31 tháng 1 năm 1939. Đường ranh hành-chánh nầy cũng gọi vì vậy là đường Brévié. Riêng quần đảo Hoàng-Sa là đất lịch-sử của An-Nam, thì nhà Thanh đã hai lần tuyên-bố không nhìn nhận chủ-quyền các đảo nầy vào các năm 1895 và 1896. Pháp cũng đã thay mặt Việt-Nam pháp-lý-hóa chủ-quyền của Việt-Nam tại quần-đảo nầy và sát-nhập hành-chánh vào tỉnh Thừa-Thiên.

Khi Pháp rút khỏi Đông-Dương, bản-chất xâm-lăng, bá quyền của Tàu cũng được hồi-sinh. Lần đầu biểu-hiện qua việc đánh chiếm Hoàng-Sa (mà họ đã hai lần không thừa-nhận) của VNCH năm 1974. Lần sau là "cuộc chiến bài học". Quân Trung-Cộng tràn qua biên-giới Việt-Nam, phá nát nhiều tỉnh, quận, huyện vùng biên-giới phía Bắc năm 1979. Có nhiều vùng hiểm-yếu thuộc Việt-Nam đến nay Trung-Cộng vẫn không chịu rút quân về.

Đường biên-giới pháp-lý theo công-ước Pháp-Thanh 1887-1895 chưa bao giờ được phía Tàu tôn-trọng. Trong suốt những năm Pháp-thuộc, Tàu luôn dời cột mốc lấn chiếm đất đai của Việt-Nam. Sau khi Pháp rút quân thì Tàu chính-thức phản-đối không công-nhận công-ước nầy. Điều trớ-trêu là phía CSVN đôi lúc cũng có cùng quan-điểm chính-trị về biên-giới với Tàu. Họ cũng gián-tiếp phủ-nhận các công-ước Pháp-Thanh về biên-giới.

Cho nên dầu xung-đột đôi khi đến đổ máu, hai bên cộng-sản Việt và cộng-sản Tàu ít nhất có chung một quan-điểm chính-trị: cùng phản-đối các di-sản hành-chánh từ thời Pháp để lại. Điển-hình là nội-dung các Công-Ước về biên-giới là Công-Ước Thiên-Tân, ký giữa nhà-nước bảo-hộ Pháp và triều-đình nhà Đại-Thanh vào các năm 1887 và 1895. Điều ngạc-nhiên hơn là hai bên Việt-cộng và Trung-cộng cùng cho rằng các công-ước đó đã ký trên tinh-thần bất-bình-đẳng.

Các lý-do chính-thức, phía Trung-cộng cho rằng nhà Thanh đã ký hiệp-ước Thiên-Tân với Pháp trong lúc Pháp ở thế mạnh. Nhà Thanh vì bị Pháp cưỡng-ép buộc phải ký. Tuy-nhiên trong những lần phản-đối, không thấy Tàu công-bố bằng-chứng cho thấy là họ đã mất những phần đất nào. Ngoài ra thì là luận-điệu cho rằng Việt-Nam là một xứ đã bị Tàu đô-hộ hàng ngàn năm. Tàu đòi hỏi Việt-Nam phải phân-định lại biên-giới.

Phía CS Việt-Nam thì từ 1954 cho đến nay dường như họ không có một lập-trường chính-trị nhất-quán về đường biên-giới. Quan-niệm của CSVN về đường biên-giới thay đổi tùy theo sự liên-hệ ngoại-giao thân-thiện hay thù-nghịch với Trung-cộng. Năm 1978 thì họ phủ-nhận công-ước Pháp-Thanh và lên tiếng đòi lại vùng Tụ-Long rộng khoảng 720 Km2 mà Pháp nhượng cho Tàu trong lúc phân-định biên-giới năm 1887 để được ưu-đãi về kinh-tế. Đây là khoảng thời-gian CSVN thân Nga chống Tàu. Tranh-chấp đất đai giữa hai đảng CS chỉ là một cái cớ để che dấu những tranh-chấp về ảnh-hưởng giữa Nga và Trung-Cộng.

Xen vào đó Cam-Bốt cũng có cùng quan-niệm chính-trị với Bắc-Việt và Trung-Hoa về biên-giới. Họ cũng không chấp-nhận di-sản hành-chính của Pháp để lại và lên tiếng đòi những vùng đất mà Pháp đã sát-nhập vào Nam-Kỳ, gọi là vùng Khmer-krom. Họ cũng phản-đối VNCH điều-chỉnh lại đường hành-chánh trong vịnh Thái-Lan để mở rộng lãnh-hải vùng đảo Phú-Quốc. Nhưng

những yêu-sách của Miên về biên-giới đều bị bác bỏ cho tới khi VNCH bị sụp-đổ ngày 30 tháng 4 1975. Điều đáng ghi-nhận là Cam-Bốt luôn là một con cờ của Trung-Cộng. Do sự xách-động của cộng-sản Tàu mà bọn Khmer đỏ hoặc nhóm Sihanouk luôn chủ-trương chống Việt-Nam để đòi lại những vùng đất đã bị sát nhập vào VN.

Cuối cùng thì hai đảng cộng-sản Việt và Hoa đều đạt được ước-nguyện : Đường biên-giới trên đất liền cũng như trên biển đều đã được phân-định lại. Hiệp-Ước biên-giới trên đất liền được hai bên ký-kết vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 và được Quốc-Hội Việt-Nam phê-chuẩn ngày 9 tháng 6 năm 2000. Có thể gọi đây là sản-phẩm riêng-tư của hai đảng cộng-sản đang cầm-quyền tại Việt-Nam và Trung-Hoa. Giá-trị pháp-lý của các công-ước lịch-sử về biên-giới vì thế cũng chính-thức bị đặt thành vấn-đề. Việc đáng ghi-nhận là nội-dung của các Hiệp-Ước về biên-giới nầy đều được giữ kín trong một thời-gian dài. Văn-bản Hiệp-Ước về biên-giới trên đất liền chỉ mới được công-bố một cách hạn-chế và không đầy đủ vào ngày 30 tháng 8 năm 2002. Câu hỏi đương-nhiên mà những người quan-tâm đến đất nước đặt ra: Việt-Nam đã được những vùng nào và mất những vùng nào theo tinh-thần của hiệp-ước mới nầy ?

Đã có nhiều nghi-vấn đặt ra về việc đảng CSVN bán đất và nhượng biển cho Trung-Cộng để được sự bảo-vệ của quan thầy. Cũng có nguồn tin cho rằng chính Trung-Cộng đã gài người làm nội-gián vào đảng CSVN để khuynh-đảo, làm chuyển-đổi khuynh-hướng chống Tàu của đảng này ngay sau khi Liên-Xô sụp đổ. Mục-tiêu của Tàu là nhằm chiếm-đoạt và pháp-lý-hóa những vùng đất và biển có tầm kinh-tế chiến-lược và địa-lý chiến-lược quan-trọng của Việt-Nam bằng phương-pháp nhẹ-nhàng hơn, đó là bằng áp-lực và thương-thuyết.

Quyết-định phân-định lại biên-giới vì thế là một quyết-định có tầm-cỡ quốc-gia, phải có một sách-lược nghiên-cứu sâu-xa và cẩn-thận về đủ mọi mặt, vì việc nầy có ảnh-hưởng lớn-lao lên dân-chúng đang sinh-sống trong vùng cũng như quyền-lợi kinh-tế muôn đời của đất nước. Đối với Việt-Nam thì những vùng thuộc chủ quyền VN mà Tàu đang tranh-lấn và đang tìm cách hợp-thức-hóa, là những vùng có tầm kinh-tế chiến-lược và địa-lý chiến-lược cực-kỳ trọng-yếu cho tương-lai phòng-thủ quốc-gia và nền-tảng phát-triển kinh-tế quốc-dân của Việt-Nam. Đó là các quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa, lãnh-hải trong vịnh Bắc-Bộ... Đây là những vùng hải-sản dồi-dào cũng như rất phong-phú về dầu-khí. Hoặc những vùng phòng-thủ hiểm-yếu chạy dài trên đường biên-giới mà Pháp đã bỏ công-lao rất nhiều để dựng nên. Đường biên-giới Việt-Trung là một đường biên-giới của phòng-thủ, do các tướng-lãnh Pháp nghiên-cứu và quân-đội trực-tiếp lãnh nhiệm-vụ phân-giới. Nhiều phần đất của Việt-Nam như Đèo-Lương bị nhượng cho Trung-Hoa vì vùng nầy ở bên kia con sông. Lý-do giải-thích theo quân-sự là "không giữ được" nếu có chiến-tranh. Nên phải bỏ. Đường biên-giới nầy cũng phản-ảnh thực-tế lịch-sử của dân-tộc ta. Hàng ngàn năm ông cha ta giữ được nước là nhờ các nơi hiểm yếu ấy.

Công-nhận hay phủ nhận các công-ước Pháp-Thanh về biên-giới vì thế cũng là một quyết-định chiến-lược. Đặt lại vấn-đề hợp-lý hay bất hợp-lý di-sản hành-chánh do Pháp để lại ở biên-giới Việt-Trung, là mở đường cho việc đặt lại vấn-đề về pháp-lý ở toàn cõi biên-giới Việt-Nam. Lợi hay hại? Ta thấy rõ việc nầy hơn khi biết rằng Tàu và Miên từ bao nhiêu năm nay luôn phủ-nhận di-sản hành-chánh nầy và làm đủ áp-lực từ kinh-tế, quân-sự, chính-trị cho đến gài người làm nội-gián... buộc Việt-Nam vào thế phải ký lại hiệp-ước về biên-giới.

CSVN đã ký lại hiệp-ước với Trung-Cộng. Trung-Cộng chắc phải là rất hài lòng. Họ đã đạt được mục-tiêu. Hàng thế-kỷ nay họ chỉ mong ước bấy nhiêu. Và Miên cũng vậy. Họ cũng sẽ rất hài lòng. Họ cũng sẽ phân-định lại biên-giới. Nếu có sự trợ giúp của Tàu, họ sẽ lấy lại các vùng mà Pháp đã sát nhập vào Nam-Kỳ. Từ Darlac, Phước-Long, Tây-Ninh, cho đến Châu-Đốc, Hà-Tiên... đều là đất Khmer-krom. Riêng Việt-Nam, ta có lợi ở chỗ nào mà phải ký ?

Người ta đặt nghi-vấn CS Tàu gài người làm nội-gián vào đảng CSVN không phải là vô-căn-cứ. Về mưu-trí thì làm sao CSVN qua nổi CS Tàu? CSVN phải bỏ lập-trường chính-trị về biên-giới của Lê-Duẩn để lấy lại lập-trường chính-trị về biên-giới của Hồ Chí Minh. Tức lập-trường chính-trị của Việt-Nam từ 1950 đến 1974. Tờ báo Beijing Information số 7 năm 1980, trang 22 ghi: "Ngày 15 tháng 6 năm 1956 Ung Văn Khiêm, Thứ-Trưởng bộ Ngoại-Giao Việt-Nam tuyên-bố : "Theo những dữ-liệu mà Việt-Nam có được, các đảo Xisha (Hoàng-Sa) và Nansha (Trường-Sa), chiếu theo lịch-sử thì thuộc về Trung-Hoa." Ngày 4 tháng 9 năm 1958 là công-hàm của Thủ-Tướng Phạm Văn Đồng xác-nhận những chủ-quyền của Trung-Cộng tại biển Đông. Đây là lập-trường của Hồ Chí Minh. Cũng do thái-độ nầy của Bắc-Việt mà Tàu đã chiếm Hoàng-Sa của VNCH năm 1974 một cách không ngần-ngại.

Nhiều học-giả nước ngoài hiện nay đang nghiên-cứu về lòng ái-quốc của Hồ Chí Minh.

Nhưng thực-tế cho thấy những người tập-họp làm nên đảng cộng-sản Việt-Nam là những cán-bộ thuần-chất Agitprop - có nghĩa là xách-động và tuyên-truyền - do Liên-Bang Xô-Viết đào-tạo. Tất-cả các sử-sách nghiên-cứu có căn-bản khoa-học về con người của Hồ Chí Minh đều cùng đồng-ý ít nhất ở một điểm: Hồ Chí Minh là một cán-bộ Agitprop. Tức họ Hồ chuyên về xách-động và tuyên-truyền . Có những học-giả mất thời-giờ năm bảy năm, đi khắp nơi tìm tài-liệu để nghiên-cứu về lòng ái-quốc của cán-bộ cộng-sản quốc-tế chuyên về xách-động tuyên-truyền nầy. Nhưng thiển-nghĩ không thiếu những cuộc nghiên-cứu đã đi lầm đường. Bởi vì trước khi đi sâu vào chủ-đề "lòng ái-quốc" của Hồ Chí Minh, và suy rộng ra cho những người đồng-chí của ông ta, việc cần nên xác-định là người nầy có quan-niệm thế nào về đất nước.

Cái sai lầm của những nhà nghiên-cứu về lòng ái-quốc của Hồ Chí Minh là họ đã nghĩ rằng họ Hồ có chung một "standard," chung một kích-cỡ của khái-niệm về đất nước như họ. Nghĩ như vậy là sai. Hồ Chí Minh và các đảng viên của đảng CSVN đều có chung khái-niệm rất phong-kiến về đất nước. Phong-kiến vì họ tự xem đảng CSVN như vua, đất nước là của riêng của ông vua. Cũng như Mặc Đăng Dung, khi cần thì bán nước để cứu lấy mạng. Hôm nay CSVN cũng bán nước để cứu lấy mạng.

Việt-Nam sẽ bị đe-dọa mất nước nếu nước nầy có quá nhiều những con người có tấm lòng ái-quốc theo kiểu-mẫu Hồ Chí Minh . Riêng trong đảng CSVN, cánh nào chủ-trương theo ái-quốc kiểu nầy ?

Lê Công Phụng, Thứ-Trưởng bộ Ngoại-Giao, Trưởng-Ban Phân-định biên-giới phía Việt-Nam, mới đây lại lên tiếng chính-thức qua báo-chí nói về biên-giới. Lần nầy ông Phụng chứng tỏ cho mọi người thấy là ông thông-hiểu công-việc biên-giới nhiều hơn kỳ nói chuyện trước. Nhưng qua hai lần nói chuyện của ông, những vùng mờ trên biên-giới lại càng mờ thêm. Các nghi-vấn chưa kịp lắng-đọng theo thời-gian, lại càng trở nên những vấn-đề ray-rứt.

CSVN có nhượng đất và biển cho Trung-Cộng hay không? Câu trả lời chắc-chắn là có. Ở đâu? Dĩ-nhiên ở rải rác cùng khắp vùng biên-giới trên đất liền, trong vịnh Bắc-Bộ và trên biển Đông. Việc khám phá những vùng đất bị mất tuy chậm, vì bị CSVN dấu giếm và cản trở, nhưng người ta cũng lần hồi thu-thập được những bằng-chứng cụ-thể về việc CSVN nhượng đất và biển. Một bản tổng-kết các vùng đất bị mất sẽ được người viết bài nầy công-bố trong những ngày sắp tới. Ai chủ-trương nhượng đất và vì sao nhượng? Người hay những người chủ-trương nhượng đất đương nhiên là những người của đảng CSVN. Họ là những người lãnh-đạo đất nước từ mấy mươi năm nay. Vì lý-do nào thì có nhiều giả-thuyết đã đặt ra.

Cho nên hầu-hết các tuyên-cáo, kháng-thư... của các đảng phái chính-trị, cộng-đồng Việt-Nam hải-ngoại... đều phủ-nhận hiệp-ước biên-giới đã ký giữa CSVN và Trung-Cộng. Họ có lý và họ có đầy đủ lý-do để biện-minh cho việc lựa-chọn chính-trị nầy. Đồng-thời họ cũng biết rằng việc phân-giới giữa Việt-Nam và Vân-Nam là công-việc giữa hai "phiên-bang," trực thuộc một bên của Tàu, một bên của Pháp. Hãy nhìn lên bia đá phân-giới Việt-Nam và Vân-Nam thì sẽ thấy điều đó. Và nhất là họ cũng biết rằng vào năm 1916, Vân-Nam đã tuyên-bố là một nước độc-lập. Vân-Nam đã từng là một nước độc-lập. Dân Vân-Nam hiện-tại cũng rất muốn độc-lập như các vùng Tân-Cương, Mãn-Châu, Tây-Tạng, Nội-Mông và có thể kể cả các tỉnh Quảng-Tây, Quảng-Đông... Những yếu-tố nầy cho thấy công việc đòi lại đất tổ-tiên ta ở vùng Tụ-Long vẫn còn có hy-vọng, chứ không phải vô-vọng như ngày hôm nay vì trở-ngại một nước Tàu quá mạnh và quá hung-hăng. Mặc khác, họ cũng nhìn thấy một cách mơ-hồ, khái-quát thế nào là những điểm chính trong sách-lược của Hoa-Kỳ về vấn-đề Trung-Cộng. Người Việt hải-ngoại vì thế cần nên có một thái-độ chính-trị khôn-ngoan và thống-nhất về biên-giới để có thể cùng nhau bảo-toàn được phần đất do tổ-tiên để lại. Ái-quốc, tức yêu nước, là làm mọi cách để giữ nước. Đôi khi phải hy-sinh thân-xác. Không thể lấy đất nước ra để mà làm phương-tiện để đạt được mục-tiêu chính-trị. Đó là ngụy ái-quốc. Thực-tế sau khi cân nhắc cái lợi và cái bất lợi, ta thấy không lý-do gì Việt-Nam phải phân-định lại đường biên-giới Việt-Trung. Tàu và Miên muốn vậy thì kệ họ. Việt-Nam đã có chỗ dựa pháp-lý là các công-ước Pháp-Thanh về biên-giới 1887-1895. Các công-ước nầy nếu không ký các hiệp-ước khác thay thế, theo các nhà luật-học, thì chúng vẫn còn hiệu-lực.

Tài-liệu tham-khảo: **La frontière sino-vietnamien de 1895-1896 à nos jours** (Biên-Giới Việt-Trung từ 1895-1896 cho đến ngày nay) của tác-giả **Antoine DAUPHIN**; **La frontière maritime du Vietnam** (Lãnh-hải của Việt-Nam) **của Pierre-Bernard LAFONT**; **Les Archipels Paracels et Spratley** (Un Conflit de frontière en Mer de Chine Méridionale) (Quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa – Cuộc tranh-chấp lãnh-hải ở Biển Đông) của **Pierre-Bernard LAFONT; La frontière entre le Cambodge et le Vietnam du milieu du XIXe siècle à nos jours** (Biên-giới Việt-Miên từ giữa thế-kỷ XIX cho đến ngày hôm nay) của tác-giả **Pièrre-Lucien Lamant**. Các tài-liệu trên đây tìm thấy trong quyển **Les Frontière du Vietnam**, NXB Harmattan, Paris 1989; **Vietnam-Cambodge-Chine: La guerre des frontières** (Việt-Nam-Cam-Bốt- Trung-Hoa : Chiến-tranh biên-giới) của **Daniel HEMERY** (CAOM, mã-số Br-11.613-C).

ĐỌC THƠ NGUYỄN TẤT NHIÊN

VĨNH HẢO

Anh nổi tiếng rất sớm. Vì thơ anh đi sớm hơn bước chân còn ngại ngùng bỡ ngỡ của thế hệ trẻ thời ấy trước sự tràn ngập của văn hóa phương Tây, qua hình ảnh người lính viễn chinh Mỹ, và qua phong trào hiện sinh mô phỏng trễ tràng trên đất nước đói nghèo, chiến tranh. Anh mạnh dạn nói được tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ với sân trường, kỳ thi, chiến tranh, mất mát, hoài vọng, tuyệt vọng... Chẳng phải sớm gì trong thể loại thơ, mà sớm trong phong cách biểu hiện. Anh dùng thứ ngôn ngữ của thời đại, rất hiện thực, không đẽo gọt; vậy mà thứ ngôn ngữ ấy bỗng nhiên mới, lạ, và được đón nhận nồng nhiệt. Bắt được giọng thơ tươi rói và đầy sức thu hút của anh, một nhạc sĩ tài danh phổ ngay thơ của anh thành nhạc, làm rung động bao trái tim cuồng nhiệt yêu đương thời chiến loạn. Vậy rồi thơ anh cất lên thành cơn sóng lớn, vượt bờ. Không ai mà chẳng biết thơ anh, không ai mà không hát nhạc phổ thơ của anh.

Hãy đọc một số bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc mà ai cũng biết; và nên nhớ rằng lúc ấy, Nguyễn Tất Nhiên chỉ mới xấp xỉ ở tuổi hai mươi, để thấy cái tài hoa dị thường của anh:

Khúc Buồn Tình

1.
Người từ trăm năm
về ngang sông rộng
ta ngoắc mòn tay...
trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mòn chân
nào hay đời cạn!
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đổ
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)

2.
thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vồi vội
trên ngọn lông măng
(người từ trăm năm
vì ta, phải khổ!)
(1970)

Trong tình yêu, thơ anh táo bạo vay mượn những hình ảnh thánh thiện để ví von mình, ví von người tình. Có thể nói lối vay mượn này là bước khai phá có một không ai của anh vào thời ấy, khiến thơ anh càng thêm phần đặc dị, ngời sáng, mà lại gần gũi biết bao với tâm tình giới trẻ.

Ma Seur

đưa em về dưới mưa
nói năng chi cũng thừa
phất phơ đời sương gió

hồn mình gần nhau chưa?
tay ta từng ngón tay
vuốt lưng em tóc dài
những trưa ngồi quán vắng
chia nhau tình-phôi-thai

xa nhau mà không hay
(hỡi em cười vô tội
đeo thánh giá huy hoàng
hỡi ta nhiều sám hối
tính nết vẫn hoang đàng!)
em hiền như "ma s ur"
vết thương ta bốn mùa
trái tim ta làm mủ
"ma s ur" này "ma s ur"!
có dịu dàng ánh mắt?
có êm đềm cánh môi?
ru ta — người bệnh hoạn
ru ta suốt cuộc đời
(cuộc đời tên vô đạo
vết thương hành liệt tim!)

đưa em về dưới mưa
xe lăn đều lên dốc
chở tình nhau mệt nhọc!

đưa em về dưới mưa
áo dài sầu hai vạt
khi chấm bùn lưa thưa...
đưa em về dưới mưa
hỡi em còn nít nhỏ
chuyện tình nào không xưa?
vai em tròn dưới mưa
ướt bao nhiêu cũng vừa
cũng chưa hơn tình rụng
thấm linh hồn "ma s ur"...
(1971)

Linh Mục

1.
dĩ vãng là địa ngục
giam hãm đời muôn năm
tôi — người yêu dĩ vãng
nên sống gần Sa-tăng
ngày kia nghe lời quỷ
giáng thế thêm một lần
trong kiếp người linh mục
xao gầy cơn điên trăng!

2.
vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang!
vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian
nên không có thánh kinh
nên không có bổn đạo
nên không có giáo đường
(một tín đồ duy nhất
vừa thiêu hủy lầu chuông!)

vì tôi là linh mục
phổ lời tình nhân gian
thành câu thơ buồn bã
nên hạnh phúc đâu còn
nên người tình duy nhất
vừa thiêu hủy lầu chuông!

vì tôi là linh mục
không biết mặt thánh thần
nên tín đồ duy nhất
cũng là đấng quyền năng!

3.
tín đồ là người tình
người tình là ác quỷ
ác quỷ là quyền năng
quyền năng là tín đồ
tín đồ là người tình
thiêu hủy lầu chuông tôi
(vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian!)

4.
vì tôi là linh mục
không biết rửa tội người
nên âm thầm lúc chết
tội mình còn thâm vai...
(1970)

Đụng chạm, lôi kéo những biểu tượng linh thiêng, đưa vào thơ và đưa vào tình yêu đời thường. Vậy mà anh chẳng làm mất lòng ai. Người ta vẫn cứ thích thú ca hát lời thơ của anh:

Hai năm tình lận đận

1.
hai năm tình lận đận
hai đứa cùng xanh xao
mùa đông, hai đứa lạnh

hơi thở dài như nhau (?)
hai năm tình lận đận
hai đứa cùng hư hao
(em không còn thắt bính
nuôi dưỡng thời ngây thơ
anh không còn luýnh quýnh
giữa sân trường trao thư!)
hai năm tình lận đận
hai đứa đành xa nhau
em vẫn còn mắt biếc
anh vẫn còn nôn nao
ngoài đường em bước chậm
trong quán chiều anh ngóng cổ cao...

2.
em bây giờ, có lẽ
toan tính chuyện lọc lừa
anh bây giờ, có lẽ
xin làm người-tình-thua
chuông nhà thờ đổ mệt
tượng Chúa gầy hơn xưa
Chúa bây giờ, có lẽ
rơi xuống trần gian, mưa
(dù sao thì Chúa cũng
một thời làm trai tơ
dù sao thì Chúa cũng
là đàn ông... dại khờ!)

anh bây giờ, có lẽ
thiết tha hơn tín đồ
nguyện làm cây thánh giá
trên chót đỉnh nhà thờ
cô đơn nhìn bụi bặm
làm phân bón rêu xanh
(dù sao cây thánh giá
cũng được người nhân danh!)

3.
hai năm tình lận đận
em đã già hơn xưa!...
(1972)

Anh thoát ra khỏi những hình ảnh và ngôn ngữ thơ chắt lọc, sang cả quí phái của nền thơ truyền thống. Thơ anh, không cứ là trăng là gió, là bến nước, bờ mây, tóc thề và áo dài bay tha thướt, mái tranh, cây đa hay gốc chuối... (như thể là người thơ cứ suốt đời ở nhà quê, cảnh cũ!) mà thay vào đó là những hình ảnh rất thực của thị thành với "tóc demi garcon", tóc bính, cột điện, với xe đạp, cà phê, cà phê đá, rạp cải lương, nhà ga và toa tàu, mùa thi với văn bằng... Tự ví mình như là một gã ngông cuồng, là người phá phách, là người vô đạo, là sa-tăng ác quỷ... nhưng trên thực tế thì anh rất hiền, và trong tình yêu, thường là người thua cuộc, hoặc tự nguyện chịu thua cuộc. Trách người chỉ là trách nhẹ nhàng. Còn lại là trách mình.Thơ tình của anh vì vậy mà phổ cập, mà thành của chung. Ai đọc cũng thấy, cũng nghe được nhân dáng và kinh nghiệm của chính mình trong ấy. Từ thứ tình yêu reo vui, nhảy múa theo nhịp chân của "cô Bắc-kỳ nho nhỏ" cho đến tình yêu của người tuyệt vọng... anh nói thay mọi người bằng thánh ca của tình yêu.Nhưng đặc biệt là lúc khổ đau vì tình, thơ anh chùng xuống, gãy đổ, nát tan... và quả là anh đã đi thật sớm, trước thế hệ của anh, trong sự cảm nhận cũng như lối biểu đạt về tình yêu:

Thiên thu

sao thiên thu không là xa nhau?
nên mưa xưa còn giăng ngang
hồn sầu tôi đứng như cây cột đèn gẫy gập
và một con đường cúp điện rất lâu!

sao thiên thu không là chôn sâu?
nên nắng xưa còn hanh mái tóc nhầu
tôi đứng như xe tang ngừng ngập
và một họ hàng khăn trắng buồn đau!

sao thiên thu không là đường chim?
nên mây năm xưa còn trên tay phiền
tôi đứng như tường vôi luống tuổi
và những tàng xanh chùm gởi quê hèn!

sao thiên thu không là lãng quên?
nên tình xưa còn cháy âm thầm tôi
đứng như căn nhà nám lửa
và những người thân trốn chạy vội vàng!

sao thiên thu không là sương tan?
nên mặt trời xưa còn gượng huy hoàng
tôi đứng như dòng sông yên lặng
và những cánh buồm kiệt sức lang thang!
sao thiên thu không là thiên thu?
nên những người yêu là những ngôi mồ
tôi đứng một mình trong nghĩa địa
và chắc không đành quên khổ đau!
(1970)

Trong thơ lục bát, anh vẫn theo vần nhịp cũ nhưng lối diễn đạt rất là thảnh thơi, thoải mái, tự nhiên như nói chuyện. Đây, vần lục bát của hơn

30 năm trước:

Nên thời gian ấy ngùi trông

giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa
hơi tàn tro ấm lần đưa
ba năm khơi lại cũng vừa đủ đau!
sớm, trưa, chiều, tối, ra, vào
người chưa yên nỗi thầm xao xác lòng
nên thời gian ấy ngùi trông
khô như hạt bụi trưa ngừng ngập bay...
ba năm vuốt sợi tình dài
từ, tôi còn vụng ngón-tay-dậy-thì
thuở nào sầu đã lâm ly
giờ thêm già héo (nhiều khi hận thù!)
lửa đom đóm mỏi mòn, lu
nhưng tôi buồn cứ vi vu thổi hoài
mưa thì mưa thả phai phai
rồi sau đó sẽ một vài tang thương
bởi quen cầm lược soi gương
biết ai ôm gối mộng thường lâu chăng?
giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa...
(1970)

Hôm nay

khi không tình não nùng buồn
gót chân ai bỏ con đường nhớ nhung
gót chân ai nhẹ vô cùng
dẫm lên xác-lá-tôi từng tiếng kêu
gót chân ai bước, nhẹ hều
bước qua tôi, bước, hư nhiều thói quen!
khi không tình não nùng buồn
nhớ hôm qua vẫy tay ngừng ngập xa
tóc ai ngắn ngắn, như là
suốt đời chưa chịu thiệt thà chấm vai
suốt đời khét nắng rong chơi
kể như hơi hướm bàn tay tôi, thừa!
mừng em sớm biết lọc lừa
biết ngây thơ giả — biết đùa với đau!
biệt ly dù ở ga nào
cho tôi ngồi một toa tàu lãng quên...
(1974)

Đó là Nguyễn Tất Nhiên của tuổi hai mươi, với TÌNH qua tập *Thơ Nguyễn Tất Nhiên*; và bây giờ hãy đọc Nguyễn Tất Nhiên với TÂM qua *Tâm Dung*. Tập trước được xuất bản năm 1980 (gom lại những bài thơ cũ trước năm 1975 và một số ít cuối thập niên 70) khi anh mới vượt biên ra hải ngoại; tập sau được xuất bản 9 năm sau đó. Tựa tập thơ là *Tâm Dung*, bao gồm nhiều bài thơ bắt đầu bằng chữ TÂM (như Tâm khai, Tâm sân, Tâm hoa, Tâm xuân, Tâm hồng, Tâm hương, Tâm mưa, Tâm sương, Tâm ca, Tâm cảm...) được chính tác giả mở đầu bằng một đoạn rất thâm trầm về tư tưởng Phật giáo, khiến người đọc có cảm tưởng là sẽ được đọc một tác phẩm về Thiền vậy:

"Dung, theo nghĩa dung chứa.

Năm lần Phật chỉ cho ngài A Nan, tâm là cái thấy.

Lấy cái thấy phân biệt để chỉ cái thấy vô phân biệt, lấy cái tâm vọng để chỉ cái tâm chơn, lấy ngón tay phàm phu để dụ như ngón tay Phật chỉ trăng. Kẻ trèo đèo này chỉ mong góp một cỏn con Phật sự, vọng động chăng?

Chỉ mong quí thiện hữu niệm tình: vọng mà biết mình vọng, còn hơn không."

Nguyễn Tất Nhiên
(Westminster, CA, ngày 12/01/89)

Nhưng không. Dù mào đầu như thế, dù chọn lựa chủ đề và tựa đề như thế, thơ anh vẫn cứ là thơ, không phải là tập giáo nghĩa khô khan, cứng nhắc. Chỉ khác là anh đã chững chạc hơn (dĩ nhiên!), bớt bông đùa hơn, và trải đều lên những trang thơ là cõi lòng bát ngát của anh.

Tâm nguyệt

từ gót sen hài em hút dấu
sầu tôi như lá thẫn thờ bay
ví dù lá ngập đường em bước
lá cũng xin đừng bận gót ai...

từ mắt chia lòng sông cách núi
sầu tôi như bụi khắp không gian
ví dù bụi ố hoen màu trắng
bụi cũng xin đừng vương mắt xanh...

từ tóc bay xuôi dòng quá khứ
sầu tôi như bóng lặng lờ trôi
ví dù bóng đẳng đeo tròn kiếp
bóng cũng xin dòng tóc thảnh thơi...

từ hơi thở của không gian khác
sầu tôi như lịch nhẩn nha rơi
mỗi ngày thiên hạ hồn nhiên xé
lịch mới, như tờ-thương-nhớ-tôi!
từ hoa môi của bình minh khác
núi đồi vắng cả tiếng thông reo
chim thôi cười chúc mừng hoa lá

thành-phố-tôi già ho động cơ

từ vỡ, lành trăng lồng bóng nước
từ em là nguyệt lộng đời sông
từ tôi là một dòng tâm nguyệt
sông có trăng cười sông xóa trăng...
(06/01/1989)

Tâm duyên

1.
mùa hè anh lên núi
thấy tóc em lành nhiên
cười theo chiều, gió tối
trời đi vào giấc yên
cho sự sống duyên hiền
từng búp hoa huệ nhỏ
cho sự sống hương êm
từng thoảng hoa huệ thở
sự sống trắng tinh im
từng nụ quan-âm nở
im lặng là xin dâng
tặng đời bông hoa nữa...
mùa hạ anh ra đường
thấy mới tinh tất cả
thấy nắng nôi dịu dàng
đang vuốt ve cây cỏ
thấy cây cỏ dễ thương
đang làm duyên, tóc xõa
thấy lửa trời nung ngon
chín bòn bon sự sống
thấy sự sống nhịp nhàng
theo đỏ, vàng, xanh, đỏ...
thấy phố xá từ tâm
đèn cười hoa ba đóa...
(17/01/89)

Rõ ràng là anh đã học ở đâu, từ những vật vô tri, từ người tình, từ cuộc đời, từ nỗi buồn đau, từ cơn thất chí, từ niềm tuyệt vọng, từ cơn bệnh tưởng, từ một nền đạo lý hun đúc tâm anh, hay từ tất cả những thứ trên: đức khiêm nhẫn và lòng tha thứ, chịu đựng vô cùng:

Tịnh khúc

buồn ơi...
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thinh của ghế bàn
ghế bàn không sẻ chia sầu thảm
nhưng biết làm thinh lặng cảm thông
bàn ghế đâu như người vui nhảm
tọc mạch đời nhau để miệng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
chịu đựng đời không biết thở than!
buồn ơi...
tôi bỏ tôi tàn tạ
lạy đời xin một bận ngó lơ
lần té nặng này tôi muốn giữ
cho tim đừng hối hận trèo cao
lần té nặng này tôi muốn sống

buồn ơi, đừng giết chết tình nhau
buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống
dù môi nhầu nứt nẻ thương đau!
buồn ơi...
tôi bỏ tôi ngây dại
có phải thu-bồn chở tóc ai
có phải lần run tay vuốt đại
là lần đời biết thứ tha tôi
có phải lần xin tay nắm... đại
là lần té gập dưới bàn tay?
buồn ơi, tôi muốn dâng đời sống
một đóa hồng đau đớn tuyệt vời!
buồn ơi...
tôi bỏ tôi rời rã
bất lực làm sao trước cuộc đời
ừ nhỉ, trước giờ tôi chiến đấu
cho niềm bất lực buổi hôm nay!
ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết
ghế bàn nên kính trọng như thầy
bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục
cdạy tôi bình thản thứ tha đời
bàn ghế có bao giờ bất lực
có bao giờ biết đợi trông chi
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
thương đời như thể bỉ khinh thôi!
buồn ơi...tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sứt trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?
buồn ơi...
trong đám đông tàn nhẫn
một người chứng kiến đủ cho tôi
nhờ ai, tôi đã thành tâm nhẫn nhờ ai,
tôi phục dưới chân đời
buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
cay đời như kẻ thích ăn cay!
buồn ơi...
tôi có tôi-bàn-ghế
nguyện hiến cho đời một tấm lưng.
(13/01/89)

Điều anh học được, làm được, cũng cho ta học được. Một tấm lòng khiêm cung, khiêm nhẫn. Một

tấm lòng bao dung, tha thứ, và trên hết, vẫn tiếp tục yêu thương con người, yêu thương cuộc đời.

Sau đây là bài Tâm Dung. Tựa bài thơ được lấy đặt tên chung cho tập thơ. Bài thơ được đặt ở cuối tập. Không rõ sau bài này, Nguyễn Tất Nhiên còn những bài khác chăng. Nhưng đọc xong bài này, tôi nghĩ đời thơ của anh đến ngang đây cũng quá đủ rồi. Không cần phải thêm một bài nào nữa. Đây không phải là một bài thơ tuyệt tác của nền văn học nước nhà, mà là lời tỏ tình tuyệt vời của một tín đồ thuần thành của tình yêu, suốt đời chỉ tận tụy yêu, và tụng đọc bài kinh yêu. Sau đây là vài trích đoạn:

Tâm dung

1.

có thể nào trẻ thơ sống bên ngoài lòng mẹ? có thể nào anh sống ngoài tầm mắt em?

...

4.

vì người yêu thương trời đất cũng yêu thương, vì em đang ban phát yêu thương, vì anh cũng là thành phần muôn một của đất trời, nên cho dù em không hay không biết yêu thương vẫn thấm nhuần đều trên cuống đọt ngàn xanh dù em không biết không hay anh vẫn lan âm thầm khắp mặt địa cầu bất đồng khí hậu nhưng phải chăng em, nơi đá khô đất khó nào mà không diệp lục phải chăng em, đồng hoang man dã nào mà không có hoa chỉ tay em? vì em đang ban phát yêu thương nên anh khẩn xin là cọng cỏ được lần nào của chân em, tội nghiệp cho anh lòng còn ham muốn, tội nghiệp cho anh một đơn thân cỏ dại đòi chỉ riêng dành cho ngón ngón nhịp nhàng nhịp từng mỗi nhịp tim...

5.

tình yêu sao mà đau khổ với khổ đau, toại nguyện phải chăng là hạnh phúc? em lý lẽ gần nhau tình sẽ chết, vậy người ta sinh ra, sống, để làm chi?

6.

anh cô đơn ca hát vu vơ lời gì vô ý chỗ đám đông nơi con người dễ dàng phỉ báng kẻ điên khùng, ấy chết, anh chẳng thể viện lý do cuộc sống vắng em, dù em sẽ tin, nhưng thảm trải dưới chân có lời nào giải thích? dưới chân tình yêu, anh xin thành khẩn hứa chịu đựng ngang nhau hết thảy kẻ thân, thù

...

10.

anh muốn dụi tóc vào những ngón tay em cho hiện ra vài điểm bạc, cho thời gian đẹp phôi phai, cho sen lòng anh ngày mỗi thêm một đóa, cho hoa huệ hoa trang em đong đưa ngần ấy búp nhỏ đơm hương cho gió tình thơm tho không phân biệt chiếm hữu, tự do.

11.

mặt đất kia phù sa đắp bồi cho lúa no hạt mởn mơ bông, ruộng lòng anh đòng đòng tươm mẩn sữa vì em là mưa hạ nắng đông là suối sông nguồn lượng cho rễ ngon khoáng chất trẩy hoa cành, vườn lòng anh xanh ngát tận chân trời vì em là yêu thương không phân biệt hoa nào là hoa hạnh phúc quả nào là quả đau thương.

12.

buổi sáng tinh khôi bừng mắt dậy thấy hoa lá không tên bóng động hình bên cửa sổ đùa gió vui sương, môi cười theo hồn nhiên nụ, hoa cười hay anh cười? trưa trưa rực nắng chan vàng đồng hướng dương hực vàng một cánh ngút ngàn chân mây, những nụ cười hàm tiếu tròn đầy, anh cười hay hoa cười? chiều chiều nghiêng nghiêng nắng dịu nghiêng nghiêng mình chào người và người chào đáp lại, người cười hay tim cười? buổi tối anh ngon lành êm ả ngủ, thở đều hòa nơi một kẽ ngón chân em, em thở hay anh thở...

(19/01/89)

Sau đó không thấy thơ Nguyễn Tất Nhiên nữa. Rồi một hôm, nghe tin anh mất. Trên chiếc xe cũ, đậu dưới bóng cây, trong vườn một ngôi chùa. Đời anh, lúc nào cũng đi sớm hơn kẻ khác. Đời không ruồng bỏ anh, cũng chẳng người tình nào ruồng bỏ anh (không ai có thể ruồng bỏ một người đáng yêu như thế! mà cũng chẳng ai có thể ruồng bỏ được một gã yêu tha thiết, yêu miệt mài, yêu thủy chung suốt đời như thế!). Chỉ có anh, tự ý đi thật sớm, rời bỏ cuộc đời, để lại một cõi thơ bát ngát. Không cần phải tội nghiệp cho anh, và đừng tưởng anh khổ đau cùng tận! Anh là kẻ hạnh phúc vô cùng tận với tình yêu bất diệt và tấm lòng bao dung hiếm có. Và thơ anh, đã hóa thân khắp nơi khắp chốn: là ngọn cỏ mềm, là gió mơn man, là dòng sông êm, là bàn ghế lặng thinh, là đất trời mênh mang vô hạn... Nơi đó, có đủ hương vị của tình yêu cũng như những hỉ, nộ, ái, ố... bình thường của một con người, dù là con người thi sĩ, hay văn sĩ. Nhưng tất cả đều được dung chứa trong một cõi lòng thật rộng. Có thể nói, giới hạn giữa sống-chết, qua Tâm Dung ấy, không còn nữa./.

QUA ĐÈO

AN PHÚ VANG

Tôi có cái dở khi nhắc đến vai vế của những người trong họ, bên nội cũng như bên ngoại. Dở tệ! Chín mươi chín phần trăm tôi đoán và gọi trật thứ bậc họ hàng. Đã vậy lúc còn nhỏ lại hay bắt chước. Nghe ai xưng hô với nhau (như bác, chú, cô, cậu, dì) là cứ thế cứ lặp lại dầu nhiều khi tôi phải xưng khác đi. Má tôi có người thân là cô Năm. Tôi nghe bà nói nhiều về người này. Thế đó tôi cũng bắt chước gọi "cô Năm" tỉnh bơ. Tôi đâu biết mình thuộc hàng cháu phải gọi cô của má là bà. Nhưng người lớn đâu chấp nhất. Những ngày giỗ kỵ lớn họ hàng bà con gặp nhau, bận rộn quá không ai để ý giúp tôi sửa sai. Thế là trong đầu óc non nớt của thằng nhỏ thứ bậc của người trong gia tộc cứ lộn xộn.

Ở bên nội có người ông thương tôi lắm, có thể vì tôi "nhỏ cấp" nhất và mồ côi cha. Ông chỉ là anh em với ông nội tôi. Sau ngày chia đôi đất nước, nội tôi kẹt ngoài Bắc. Ba tôi, con trai độc nhất, lập gia đình, có tôi rồi qua đời. Khi về lại Huế thăm ông năm dưới mười tuổi, tôi thường được ông cho ngủ chung. Thằng cháu đích tôn của ông bị đi ngủ với mẹ ruột vì nó được ông cưng nhiều rồi. "Con thằng Vi (là tôi) ra bộ ngựa nằm với ông." Nhiều lúc ông nhìn tôi thật lâu rồi vừa nói vừa cười với mấy bác. "Thằng ni giống cha hắn quá. Tội anh... (tên ông nội ruột tôi) còn kẹt bên nớ. Mấy năm ni không biết tin biết tức chi hết. Còn thằng Vi cha hắn (ông đưa tay vuốt đầu tôi) rứa mà vẫn số." Tôi nằm yên nghe ông nói chuyện. Thỉnh thoảng không ai để ý tôi nhón tay lấy cục đường phèn của ông dùng khi uống trà bỏ vào miệng. Nhiều lần bắt gặp ông lại lấy cho thêm cục nữa. Tôi biết ông thương tôi nên làm tới. Một hai đây là nội của tao. Về tới Đà Nẵng kể chuyện Huế cho bạn bè cũng lại nội của tao. Thuở ấy ông còn khỏe, chiều chiều chèo đò đưa cháu đi chơi. Tôi ngồi đầu mũi nốt (chiếc thuyền) nhìn ông cầm lái phía sau khoan thai chèo nhịp. Ông mặc đồ trắng, đi chân, râu tóc bạc phơ bay trong gió. Đời sống êm ả như sông nước lặng lờ chảy. Bến bên ni qua tới bến bên chợ Nọ chừng ba trăm thước. Có chiếc cầu bắc ngang sông nhưng ông không đi. Ông lấy chiếc nốt, chèo chở tôi ra giữa giòng. Buổi chiều gió sông lồng lộng. Tôi cúi đầu soi bóng mình trên mặt nước, thích thú thò bàn tay nhỏ tạt nhè nhẹ. Ông đàng sau lái nói lớn: "Đừng hoang như rứa. Coi chừng rớt cái trốt (cái đầu) thằng cha mi bi chừ." Tôi lè lưỡi như sợ, ngồi yên một tí lại nghịch ngợm tiếp.

"Ôn ơi, mình đi mô bên ni?"

"Qua thăm nhà ôn khác."

"Răng mà nhiều ôn quá rứa ôn nội. Con nghe mấy bác cứ nói ôn ni ôn tê hoài."

Ông tôi cười hiền hòa. Nơi đây họ nội tôi lập nghiệp, đời này qua đời khác họ hàng như dây mơ rễ má. Có những đứa gọi tôi bằng chú lại lớn tổng ngổng, đứng hơn tôi cả cái đầu. Tụi nó ở đây, ngày ngày đi học trường quận, chiều về thả trâu ăn cỏ. "Nghé nghé ngọ ngọ" cho đến hoàng hôn thì dắt trâu về mẹp (dầm nước) ngoài bến. Cái bến nơi ông tôi đậu thuyền.

Quận lỵ thuở đó còn yên. Đồn phòng ngự, cũng là quận đường, sơ sài hàng rào tre vót nhọn bao quanh. Từ nhà ông tôi, theo con đường đất lác đác phân trâu đến hàng rào phòng thủ quận không xa. Cái lô cốt xây từ thời nào đôi lúc là chỗ đám trẻ chơi đùa. Thôn xóm chưa có tiếng súng. Người lính dân vệ gác để gác! Anh ôm súng ngồi, hút thuốc ngó làng mạc ruộng đồng.

"Ôn ơi chiều rồi."

"Con nhớ nhà phải hôn? Thôi mai mốt bác mi trở lại Đà Nẵng thì về trong nớ."

Tôi mà nhớ gì. Cảnh "chiều chiều ra đứng ngõ sau" chưa đến với tôi ở tuổi này. Lâu lâu ngồi nơi tam cấp nhà từ đường thấy mặt trời lặn, chim xao xác về tổ, tôi đứ đừ sau cả ngày rong chơi nên nín câm như buồn. Về quê nội khỏi phải đi học hè lại được ông để ý đến nên tôi hư ra. Tôi muốn ở lại đây đi chăn trâu!

Hôm qua đám nhóc bà con rủ tôi ra bến sông. Tới nơi đứa nào đứa nấy trụt quần nhảy tùm xuống nước. Làm cho lẹ không thôi người ta thấy... dầu rằng tụi con gái bà con ở nhà. Thằng nào thằng nấy tổng ngổng. Tôi ngồi tòng teng trên cành cây nhìn tụi nó thèm thuồng. Mấy thằng nhóc bơi như rái. Có đứa kêu tôi xuống cho biết nước sông Hương. Cho tiền tôi cũng không dám vì bơi là chìm. Nước sông Hương cũng như nước sông Hàn thôi, có gì đặc biệt mà bắt tôi xuống để chết trôi!

Mẹ tôi dặn trước khi về quê là không được tắm sông. "Sông có ma da, xuống đó bị nhận nước chết đó nghe."

Tôi muốn nhảy xuống nhập bọn mà không dám. Thằng Đơ hét lớn chọc quê.

"Bộ mi không dám cởi truồng hả? Có ai đâu mà sợ."

"Tao không biết bơi."

"Xuống đây tao chỉ cho. Bơi dễ ẹt. Bắt con chuồn chuồn voi cho cắn vào rốn là bơi được liền!"

"Tao nghe mấy thằng trong xóm nói vậy mà không tin. Chuồn chuồn cắn rốn đau chết thì có liên quan gì đến bơi với lội."

"Ai biết."

Tôi hỏi gặn nó.

"Mà mi có để rốn cho chuồn chuồn cắn chưa mà bơi dữ rứa?"

Thằng Đơ nhe răng cười. Nó chúi đầu xuống nước lặn một hơi ra giữa giòng. Tôi vai chú nó mà dở ẹt. Tự nhiên tôi tức. Sao tụi bà con tôi dưới quê trò gì chơi cũng trội cả. Chỉ có cái mã thành phố còn thua tôi chút ít. Chắc tối về nhà nội tôi phải cầu cứu anh Viên.

Anh Viên là con thứ bác tôi. Lúc đó anh mười bốn mười ba gì đó. Xong cơm nước buổi tối anh lặn mất tiêu như mặt trời. Không ai thắc mắc gì vì anh đã lớn. Làm lụng giúp gia đình cả ngày phải cho anh có chút thời giờ với bạn bè khi đêm đến. Nhất là những đêm trăng ở dưới quê, người ta còn sinh hoạt có khi đến khuya. Viên thường ra cái quán bên con đường lộ nối liền thành phố Huế với Thuận An, tụ năm tụ ba hút thuốc. Đám bạn dưới quê cũng như anh, ít có dịp đi xa. Họa hoằn lắm lên tới chợ Đông Ba trên phố Huế mua nhu yếu phẩm rồi về. Đà Nẵng với anh thì xa tít mù nói gì tới những tỉnh miền nam. Viên vào trường trễ hai năm, học xong tiểu học ở trường quận gần mười ba tuổi, anh ở nhà. Tuổi mười ba này chất phác như ngô như khoai, nhưng thi vị không kém. Quận lỵ chỉ có lớp tiểu học. Lên trên Huế thi vào trường trung học công lập là một vấn đề. Bác tôi không muốn con đi xa vì nhà cần người, lỡ gì mùa gặt mùa cấy. Trăm ngàn lý do để anh Viên thôi học. "... con sãi ở chùa lại quét lá đa." Nhưng cô nhỏ bạn học anh đậu vớt vào trường Đồng Khánh kỳ thi đệ thất. Viên dậm chân tại chỗ làm nông dân. Tình đầu của hai đứa học cùng lớp như "hai đường thẳng song song." Viên mới biết tới đó. Anh chưa có dịp ngồi lớp cao hơn để nghe thầy giảng phần còn lại "không bao giờ gặp nhau tại một điểm."

Trong mớ quà mang về biếu bà con dưới quê má tôi có gởi vải cho ông và mấy bác. Viên năn nỉ ông nội xin xấp vải trắng may áo. Ông cho. Anh mang qua bên kia chợ Nọ đặt may, về mặc với quần tây trông kẻng lắm. Mận nhìn em cười tủm tỉm. Chú Viên đã biết diện rồi khi con Tịnh, bạn học Viên bắt đầu để tóc, mặc áo dài trắng đi học. Nhà ba má Tịnh cách nhà ông tôi một hàng chè tàu. Nhiều lúc chị Mận đứng bên này rút rơm chụm bếp nói chuyện với Tịnh bên kia. Hai người quen thân nhau từ nhỏ, lúc Tịnh còn đi qua nhà mượn này mượn nọ cho mạ hay rủ chị Mận đi giặt đồ ngoài bến cho có bạn. Tịnh đi học đúng tuổi nhưng con gái mau lớn, đã biết thẹn thò lúc Viên thấp thoáng bên hiên nhà ông tôi nhìn qua vườn nhà cạnh. Tịnh biết nhưng giả vờ cúi đầu vào cuốn tập hoặc cắm cúi làm việc nhà.

Trước khi về Đà Nẵng anh Viên cứ dặn tôi hoài. "Mi về nói thím cho tao cái đồng hồ. Sang năm ra nghỉ hè mang cho tao. Đừng nói cho ôn hay bọ biết. Tao bị la." Tôi hứa mấy lần mà Viên không yên tâm. Anh sợ tôi quên nên buổi tối trước ngày tôi đi, Viên nhét cái thư anh viết gởi mẹ tôi để xin quà vào xách tay. "Tao để bên dưới lớp áo quần. Mi nhớ đưa cho thím nghe."

Ba năm sau tôi trở về Huế. Anh Viên mười sáu tuổi, người vạm vỡ như Vọi của Trống Mái. Nhìn anh đánh trần, tay cầm đòn sóc bên những giạ lúa nặng chịch tôi tưởng tượng đến những nhà tập thể dục thẩm mỹ hay các tay hảo hán trong phim quyền cước. Ngó vậy nhưng anh hiền. Hôm tôi đến nhà ông nội Viên mừng quá, kéo ngay ra góc nhà hỏi có quà của má tôi cho anh không. Tôi lấy trong túi đưa cho Viên cái đồng hồ rồi tặng thêm anh cuốn sách sưu tập những lá thư tình hay nhất thế giới. Anh lật qua lật lại, nhìn tôi tẽn tò.

"Mi cho tao cuốn ni làm chi?"

Hỏi rứa chứ anh cất liền. Tối đó Viên nói tôi ngủ chung. Anh hỏi mãi chuyện trong Đà Nẵng, chuyện bác ruột anh (ở cùng khu phố với ba mẹ tôi) mở hiệu đóng bàn ghế. Viên tò mò hỏi tôi có bồ chưa. Chuyện này tôi dấu. Tình đầu mà. Một lúc vui miệng anh nói về Tịnh. Cô ấy đã học đệ tứ trên Đồng Khánh. Hai buổi đón xe lên phố đi học rồi về. Viên nói say mê.

"Kỳ trước nhà Tịnh bên nớ có giỗ, tao mặc bộ quần xanh áo trắng như dân đi học, theo ôn nội qua ăn cỗ. Con Tịnh mà thấy chắc lác mắt."

Tôi ừ ừ hử hử để anh có hứng kể tiếp.

NGŨ HÀ MIÊN

Người Xưa

Tặng Kim Mỹ

Người xưa, quê cõi U Minh
Có đôi mắt biếc, yêu tinh gọi về
Người xưa sóng đổ tóc thề
Tơ vò từng sợi, chẳng hề chiêm bao.
Người xưa hoạn hải ba đào
Thân ta cát bụi, trải bao ta bà
Người xưa cư ngụ tim ta
Một mai ta chết, hồn là về đâu?

"Không thấy hắn mô nhưng mà thấy cũng nói không được. Đến lúc người bừng bừng vì chén rượu đế, tao ra sau hè định tìm hắn nói vài lời thì ôn biểu về. Uổng quá!"

"Mà anh định nói cái chi với chị Tịnh?"

Viên đưa tay vò tóc.

"Tao thương nó nhưng không biết nói như thế nào. Mi nghĩ tao nên nói cái chi?"

Nghe anh hỏi ngược tôi bí. Sực nhớ đến cuốn sách tôi nói anh nên viết thư cho Tịnh, có gì tôi đưa giùm cho. Tôi biết giờ xe buýt trên Huế tới chợ Nọ. Tịnh vẫn về chuyến ba bốn giờ. Chịu khó chờ ngoài đường lộ chắc tôi giúp Viên "gởi thư tình" được. Tịnh biết tôi là em bà con với Viên; đi theo đưa thư chắc không khó.

Anh Viên bỏ ba bốn ngày không viết xong cái thư. Cuốn tập xích lô trăm trang cứ mỏng dần vì Viên xé, vò, đem xuống bếp đốt bởi không dám vất bậy bạ. Anh có nguyên cuốn sách những lá thư tình hay nhất thế giới làm bùa mà không ứng dụng được. Có thể thư trong đó được viết với bối cảnh thành phố, có ngôi biệt thự réo rắc tiếng đàn dương cầm? Viên loay hoay xem cẩm nang vài bữa cuối cùng xoay qua hành tôi.

"Mi viết giùm tao cái thư?"

"Mô được. Bồ của anh chứ đâu phải của tôi. Tôi viết sạo sạo rồi chị Tịnh thương tui sao?"

Viên xuống nước.

"Viết thư cho tao đi rồi tao chỉ mi bơi. Tao dạy không cần cho chuồn chuồn cắn vào rốn."

Anh nhớ lại chuyện cũ nên dụ tôi liền.

"Khỏi cần. Tôi bơi chỉ làm sông Hương cạn nước vì có thằng uống hết!"

"Viết giùm tao nghe."

Tôi gật đầu đồng lõa.

Đến lúc tôi vò đầu bứt tai viết thư tình để Viên gởi cho Tịnh. Tên anh họ không cho tôi đầy đủ chi tiết về cô láng giềng. Chỉ biết Tịnh học trường Đồng Khánh, lớp đệ tứ. Con gái học trung học đẹp nhất là năm đệ ngũ. Qua đệ tứ đám tóc dài đến tuổi trăng tròn, không còn cái đẹp đang tới dầu vẫn đủ sức để đánh ngã những chị học trên lớp. Mấy thằng bạn lớn trước tuổi của tôi nghe ai nói lại rồi chiêm nghiệm ra điều đó. Tôi làm đệ tử tụi nó khi có tình đầu. Thư tình đã viết, xé, vò rồi đem đốt. Cũng như Viên lúc này, không ai đẹp hơn bồ mình, nhưng tôi may mắn hơn là viết được thư cho con bé bên trường nữ. Viên đặt tôi vào thế kẹt. Đã vậy anh cứ hối hoài làm tôi hoảng. Túng quá tôi lấy thơ của "tình đầu tôi", đổi ngôi thứ, bối cảnh, tên người, tên thành phố để thanh toán cho xong món nợ lỡ hứa. Con nhỏ viết cho tôi ở Đà Nẵng, tôi đổi thành Phú Vang, Huế. Trường Nữ Trung Học Hồng Đức được phịa thành Đồng Khánh. Hai dãy kiền kiền trước trường bồ tôi, trong thư viết giùm Viên trở thành hàng me xanh lá lủng lẳng những con sâu đo... Chiều đó tôi rủ anh ra bến đò đọc thử. Viên chịu quá tối về thắp đèn chép lại. Tôi thở phào trút được gánh nặng. Không ngờ mang theo cái thư con bé lại giúp tôi nhiều thế.

Tịnh nhận được thư của Viên. Chị ấy cầm cuốn sách, trong đó tôi kẹp lá thư viết giùm anh họ mình, đỏ mặt hỏi tôi.

"Vang cho tôi mượn cuốn Tuổi Hoa loại hoa tím này hả?"

"Của anh Viên đó. Anh nhờ Vang mua trong Đà Nẵng để tặng chị Tịnh."

Tôi láo như miệng có thoa mỡ.

"Hồi mô chị muốn đọc sách chi thêm nói anh Viên nhắn em mua dùm cho."

"Hồi mô Vang đi vô trong nớ?"

"Hết hè."

"Có gì cho chị gởi chút quà cho người bà con."

Tôi nhận lời liền. Đến lúc này tôi mới hết run. Chỉ sợ chị Tịnh không nhận lời thì uổng công tôi cắm cúi viết thư mấy ngày. Tôi chào chị rồi chạy một mạch trở ra đường lộ, tìm lối khác về nhà

ông nội. Tôi sợ đi ngang nhà Tịnh vì biết chị đẹp.

Tối đó Viên rủ tôi đi chơi. Anh hỏi lui hỏi tới cử chỉ của Tịnh khi tôi đưa thư như sợ thằng em mình quên đi vài chi tiết quý giá. Tôi kiên nhẫn tả khuôn mặt Tịnh lúc nhận cuốn sách có nhét phong thư (Tịnh lật thật nhanh rồi nhét vào cặp); lập lại những điều Tịnh hỏi về Viên. Ông anh họ tôi đang say men tình đầu nên quay tôi như chong chóng. Tôi chỉ mong anh đừng nhờ tôi viết thêm lá thư hồi âm nếu Tịnh trả lời.

Viên chẳng cần tôi cố vấn nữa. Hai tuần sau chị Mận thấy Viên và Tịnh cầm tay trong vườn sắn sau nhà. Chị định đi kiếm ít rau về luộc nhưng bỏ ngang. "Đi ra ngoài nớ tụi nó biết tội nghiệp." Từ đó chị Mận có vẻ săn sóc Tịnh những lúc có dịp gần nhau. Mận hỏi xa hỏi gần "Tịnh định học tới đâu? Học xong lên ở luôn trên Huế hay ở dưới quê?" Toàn những câu thăm dò. Tôi biết anh Viên không nói với ai trong nhà về Tịnh. Anh giữ kín mối tình đầu với cô bạn thuở nhỏ ngoại trừ tôi.

Anh Viên theo người cha đi hơn nửa tháng, vượt đèo báo tin ông nội chết. Phải đi bộ, lần mò dọc đường xe lửa theo đoàn người bỏ Huế trong tết Mậu Thân. Ông tôi chết không đúng lúc. Bác con cả ở xa. Huế tạm thời không có phương tiện di chuyển đến những tỉnh lân cận. Viên và người cha quyết định theo đoàn người chạy nạn, vượt Hải Vân bằng chân, báo hung tin cho bác cả. Hai cha con đi vẹt cả giày mới đến Đà Nẵng.

Anh em tôi gặp nhau ở nhà bác cả. Câu chuyện xoay quanh cái chết của nội. Bác cả tôi phải đi Huế gấp vì xác ông tôi cần liệm. Viên lại theo cha và bác cả về Huế. Trước khi đi anh nói nhỏ tôi biết chút ít tin chị Tịnh. Viên còn dự định vào Đà Nẵng theo bác học nghề thợ mộc để sinh sống. Ở Huế mãi làm sao mà sống nếu "không đi học rồi đi dạy học".

Bác cả tôi là tay đào hoa. Ông có vợ ngoài làng, đi làm ăn xa gặp thêm người nữa. Người đang chung sống với ông ở Đà Nẵng là bà thứ. Anh Viên học nghề với bác ruột không đến nổi bị bạc đãi. Nhưng vợ bác tôi dùng anh như người sai vặt trong nhà. Nhà bác ở cạnh nhà mẹ tôi. Nhiều lúc nghe bác gái nói cạnh nói khoé đứa cháu mẹ tôi lắc đầu. Mẹ tôi vẫn thương anh Viên. Với tôi anh lúc nào cũng hiền hòa như thời gian nghỉ hè ngoài quê nội. Về sau Viên nói cho tôi biết Tịnh chuyển vào học trong Đà Nẵng. Thỉnh thoảng chị ấy về Huế, ghé qua nhà nội tôi chơi với chị Mận. Tịnh đổi chút ít nhưng Viên không nhận ra. Ông anh tôi lụy với mối tình đầu nên như con ngựa thồ bị che mắt rồi.

Nơi tôi ở người ta phải đi lấy nước uống hơi xa. Giếng chùa Tân Ninh, sau lưng trường tôi học nổi tiếng nước ngọt. Mùa hè múc một gàu, uống vài hớp mát rượi cả người. Bác gái tôi thích nấu trà với nước giếng chùa. Anh Viên là người cáng đáng việc đó. Một lần tan học về, gặp Viên đang loay hoay gánh nước tôi thương anh quá. Tôi biết anh quê khi tụi con gái tan học nhìn anh lạ lùng. Chẳng có gì là mệt nhưng Viên ngại ngùng gánh tiếp đôi nước về nhà. Tôi đi theo anh nói chuyện tầm phào nhưng biết anh không vui. Viên vẫn tiếp tục học nghề thợ mộc; bị bác gái dùng như một người ở không công trong nhà. Về sau đi gánh nước ở chùa, anh tránh giờ trường bãi học. Tôi hiểu vì sao anh làm như vậy. Trường hợp tôi như anh chắc phải độn thổ khi gánh nước mà bị chọc. Khổ nỗi những đứa chọc là con gái đi học, khoảng tuổi Tịnh.

Tôi đề nghị mẹ tôi cho Viên mượn chiếc xe đạp để đi chở nước uống. Chỉ cần một thanh gỗ cột ngang chỗ chở người với bốn cái móc nhỏ, Viên có thể móc được hai thùng nước, nhẹ nhàng chở về nhà. Viên biến chế xe đạp của tôi thành "xe thồ nước", đi về giữa nhà bác và chùa Tân Ninh vài ba bận mỗi tuần.

Sân bóng rổ trường tôi đối diện với chùa. Hôm Viên đi chở nước thấy tôi đang tập đánh banh anh ghé coi. Ở ngoài quê Viên chưa thấy người ta chơi bộ môn này. Gần trưa hai anh em tôi về. Hình như ai như Tịnh ngồi Honda vụt qua. Người chở là một tên học hơn tôi hai lớp cùng trường. Viên cũng thấy. Chỉ Tịnh vô tình cười nói, tựa sát lưng tên con trai. Người anh họ hỏi tôi đột ngột.

"Vang, mi có tiền không cho tao mượn một ít?"

Tôi ngạc nhiên.

"Chắc hỏi mạ thì có. Mà anh cần tiền làm chi?"

"Tao mua vé xe đò về Huế."

Hai anh em tôi im lặng hết đoạn đường về nhà. Dựng chưa xong chiếc xe, Viên ngã lăn ra đất mặt tái xanh. Có tiếng bác tôi hốt hoảng.

"Cái chi rứa. Thằng Viên bị cái chi rứa?"

Người ta xúm vào giựt tóc mai cho anh tỉnh. Mẹ tôi lấy đồng tiền cạo gió anh tơi bời. Bà quýnh lên sợ Viên chết. Tôi vực Viên dậy. Anh đùa đùa bảo tại vì đang đói bụng mà "hút thuốc năm chục đồng ba điếu" bị phê. Khi mọi người tản mát, anh hỏi nhỏ tôi về số tiền hỏi mượn mà mất buồn vô hạn.

"Tao muốn qua đèo về sống ngoài quê. Mi chưa biết chuồn chuồn cắn rốn như thế nào nhưng tao vừa thử. Đau lắm Vang ơi!"

31 tháng 7,1998

Phỏng Vấn

Luật sư HOÀNG CƠ THỤY
Tác giả bộ VIỆT SỬ KHẢO LUẬN

TỪ NGUYÊN, Paris

Được tin Nhà Xuất Bản Nam Á phát hành Bộ Việt Sử Khảo Luận* dày gần 4 000 trang, Từ Nguyên đã gặp và phỏng vấn tác giả bộ sách là LS. Hoàng Cơ Thụy tại Thành phố Antony, ngoại ô phía nam Paris.

Luật sư cạnh các Tòa Thượng thẩm từ năm 1938 cho đến 1969, Đại sứ VNCH tại Vương Quốc Ai Lao từ năm 1969 đến năm 1975, Luật sư Thụy nay đã ngoại cửu tuần nhưng vẫn còn minh mẫn, khỏe mạnh.

Trong câu chuyện, tác giả cho biết lý do, mục đích của việc biên soạn bộ sử này, những khó khăn trong việc sưu tập tài liệu cũng như sự ủng hộ của thân hữu, độc giả khắp nơi.

«Tôi nhắm tới ba mục tiêu trong khi làm công việc này,» ông nói. «Thứ nhất là tái lập lịch sử, thứ nhì là kể rõ tội ác của Việt Cộng và thứ ba nữa là, do việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam, đem ra nghĩ coi có mưu kế gì để chống lại Việt Cộng.»

Mưu kế đó nằm trong tài liệu mang tên là "Chiến lược toàn quốc bất hợp tác" để sớm chấm dứt chế độ Cộng sản tại Việt Nam. Đó là bản «di chúc» của tác giả để lại cho hậu thế (1).

Nội dung cuộc nói chuyện được ghi lại như sau:

Từ Nguyên: *Trước hết xin luật sư cho biết lý do thúc đẩy ông khởi công biên soạn bộ Việt Sử Khảo luận vừa được Nhà Nam Á xuất bản?*

Luật sư Hoàng Cơ Thụy: Thật sự, tôi không phải là một sử gia. Tôi là một luật sư, rồi được cử làm đại sứ trong thời Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa. Cả hai công việc đó đều rất là bận bịu. Đọc sách, tôi có đọc nhiều nhưng viết sách thì chưa. Đến lúc về hưu, tôi cũng chưa nghĩ đến chuyện viết sách. Nhưng có hai biến cố khiến cho tôi bắt qua chuyện này. Trước hết là có dư thì giờ vì nhà tôi mất vào tháng chạp năm 1983. Bà mất, tôi mất một người bạn quý nhưng lại dư thì giờ.

Đến đầu năm 1984, có cuốn phim *Vietnam : Television History* của hai ông Stanley Karnow và Henri de Turenne cho phổ biến trên đài truyền hình Pháp A2. Tất cả người quốc gia đều uất hận bởi vì phim đó thiên về ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam. Phim này đã gây ra phong trào chống đối. Trong phong trào chống đối đó có anh Phạm Hữu, chủ nhiệm tờ báo *Chiến Hữu* viết rằng : *Khốn nỗi, chúng ta chẳng có ai viết sách, sử để mà bênh vực các chiến sĩ quốc gia cả. Ai viết, bao giờ viết ?* Điều đó làm cho tôi công phẫn, vì phim đó với lời khiêu khích của anh Phạm Hữu, tôi nghĩ bụng nhưng không nói ra : *Tôi làm, và ngay bây giờ.*

Bắt đầu từ giữa năm 1984 đến giờ là 2002, tôi cặm cụi viết sử chứ không làm gì khác cả. Vậy thì viết sử đối với tôi không phải là một nghề nhưng là một nhu cầu chống lại những sự ngoan cố, bóp méo lịch sử của Việt Cộng và những người thiên Cộng, nhóm Henri de Turenne và Stanley Karnow. Đó là động cơ thúc đẩy tôi viết sử. Không những để tái lập lịch sử, chuyện đó là của sử gia, còn tranh đấu chống Việt Cộng, chuyện đó ngoài nhiệm vụ của sử gia, mà là của một người chiến sĩ. Trong tinh thần của một chiến sĩ nhưng cũng phải nén để viết cho được công bằng.

Vậy thì gần như có ba mục tiêu về viết sử : Thứ nhất là tái lập lịch sử, thứ nhì là kể rõ tội ác của Việt Cộng, và thứ ba nữa là do sự nghiên cứu lịch sử Việt Nam hay dở của tiền nhân đem ra nghĩ coi có mưu kế gì để chống lại Việt Cộng. Không phải chống bằng mồm, như ta gọi là đánh võ mồm trong 27 năm nay, đồng bào đã làm nhiều rồi, phải tìm ra một chiến lược để lật đổ họ một cách hữu hiệu, một cách ôn hòa. Vì thế mà sau khi viết sử rồi, tôi mới đưa ra chiến lược gọi là *Toàn quốc bất hợp tác*.

Hỏi: *Các nhà cách mạng lão thành hay những người trong một thời gian trong chính trường thường viết hồi ký. Luật sư lại viết sử, không viết hồi ký. Viết sử khó khăn ở chỗ phải có tài liệu nhiều. Ở hải ngoại, rất khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu thế nhưng như trong thư mục, ông tìm kiếm được rất nhiều. Ông đã trải qua khó khăn như thế nào?*

Đáp: Tôi không là một sử gia, chuyện viết sử là chuyện rất khó. Hồi còn ở Việt Nam, tôi có đọc nhiều sách của nhiều nước nhưng tất cả thư viện của tôi mất hết. Đến lúc sang đây, bắt đầu năm 1984 tôi phải đi kiếm lại trong các thư viện của Pháp, Bibliothèque Nationale, Centre Pompidou... tất cả các thư viện đó trong ba năm liền tôi cố ráng đọc sách. Ngoài ra, tôi còn mượn của những người bạn. Trong số các vị đó ông Thái Văn Kiểm giúp tôi được nhiều lắm. Ông sưu tầm được cả sách của Việt Cộng, sách lịch sử Việt Nam do Việt Cộng viết ông gởi cho mượn, nhờ vậy tôi được đọc cả. Tôi cũng cố gắng mua được một ít, với tất cả các sử liệu đó, tuy rằng khó khăn thật, đối với tôi, tôi cho là tạm đủ để viết.

Dù sao, tôi cũng công nhận rằng sự khảo cứu của tôi cũng chưa được hoàn tất. Còn thiếu nhiều lắm. Sử liệu, nghĩa là tài liệu chính thức của các chính phủ, tài liệu bí mật, mình chưa được coi, nên tôi xin thú thật rằng bộ sử của tôi chưa được hoàn bị cho lắm.

Hỏi: *Khi luật sư đọc các cuốn sử đó thì thấy như thế nào? Có nhiều sử gia viết, chính ông đã viết rõ trong sách:* kẻ thiên vị, người thì nhút nhát, người thì ngây thơ, mù quáng...*Xin ông cho biết một vài trường hợp như thế nào mà ông đã nhận định là như vậy .*

Đáp: Tôi không dám tự nhận là hơn mọi người. Thế mà tôi dám chê một số sử gia tiền bối hoặc là thiên vị, nhút nhát hoặc là mù quáng thì cũng là hơi thái quá. Nhưng, đối với tôi, tôi nghĩ rằng cần tái lập sự thật lịch sử và nhiều khi giữa bạn bè, ví dụ như ông Hoàng Xuân Hãn, chắc quý bạn biết tiếng cả, vừa mới mất, là bạn của tôi. Ông viết sách cũng nhiều, trong đó có nhiều chỗ ông ngây thơ, tôi vạch ra mà nói rằng anh này ngây thơ quá! Ông rất giỏi, ví dụ như cuốn Lý Thường Kiệt, chuyện đời xưa, rất giỏi.

Về chuyện đời nay, ông viết cuốn sách gọi là Hội Nghị Đà Lạt, trong hội nghị đó ông Hoàng Xuân Hãn đi theo ông Nguyễn Tường Tam dự hội nghị của Việt Minh với Pháp, họ họp nhau ở hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Chính phủ của Hồ Chí Minh cử một phái bộ đến đó, đứng đầu là Nguyễn Tường Tam, chủ tịch, có Võ Nguyên Giáp, Hoàng Xuân Hãn và thêm dăm mười ông nữa. Lên đến Đà Lạt tháng tư năm 1946, ông Hãn sau này, năm 1971, có viết cuốn sách hồi ký về hội nghị Đà Lạt, trong đó có vài chỗ hơi ngây ngô. Các ông Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp cả hai người đều chống Pháp cả, cùng đồng ý với nhau nhưng không phải vì thế mà có thể đi được với nhau! Ông Nguyễn Tường Tam trong một buổi tối chuyện trò cùng với Võ Nguyên Giáp, Hoàng Xuân Hãn nói, "chúng mình bây giờ mới hiểu nhau và bây giờ có thể đoàn kết với nhau được. Cộng sản, quốc gia có thể đoàn kết với nhau được."

Ông Hoàng Xuân Hãn viết hồi ký đó năm 1971 nghĩa là 25 năm sau, ông nói thêm rằng lấy làm tiếc không thể đoàn kết được. Thành ra, ông chẳng hiểu gì cả. Năm 1945, 46 ông Nguyễn Tường Tam và Hoàng Xuân Hãn còn tin rằng Võ Nguyên Giáp nói đoàn kết không hiểu rằng trong bụng Võ Nguyên Giáp nói đoàn kết là đoàn kết giai đoạn chứ không phải là đoàn kết thật. Ngay tháng 5. 1946, ông Hồ Chí Minh đi Fontainebleau, Võ Nguyên Giáp ở nhà thay thế diệt quốc gia rất nhiều, khiến Nguyễn Tường Tam và nhiều người phải bỏ chạy sang Tàu, Hoàng Xuân Hãn mất chức. Vậy mà tới năm 1971 ông Hãn vẫn còn tin, tôi bảo anh này ngây thơ quá.

Viết như vậy không phải là biết suy nghĩ. Có lập trường chống Cộng không bao giờ mình tin như vậy cả.

Hỏi: *Nhiều người phe quốc gia cũng viết hồi ký. Ông nhận xét ra sao về các hồi ký của những người này, nhất là những cuốn mới được xuất bản gần đây...*

Đáp: Tôi có nói qua trong bộ VSKL tập số 13. Trong giai đoạn áng chừng từ năm 1960 trở đi, các người trí thức, thiên Cộng, quốc gia hay viết hồi ký, các vị nghĩ rằng đó là những điều quý báu để lại cho hậu thế. Xét chung, các ông người quốc gia viết hồi ký như ông Trần Văn Đôn, ông Nguyễn Trân, ông Đỗ Mậu... chỉ biết nói về chuyện nội bộ của Việt Nam Cộng Hòa, chính trị, xã hội là cùng. Chuyện quân sự, chuyện Cộng sản đang đánh mình từ bắc vào nam các ông không viết, các ông không nói trong hồi ký. Đó là điều thiếu sót. Nhưng cái hay của các ông là các ông kể cho mình nghe chuyện chính trị nội bộ.

Hồi ký của người Pháp, như Olivier Todd, Jean Lacouture, các ông chỉ nói chuyện đánh nhau,

chuyện quân sự: Việt Minh đánh quốc gia, đánh Mỹ ra sao... Rất hay. Nhưng lại không nói đến chính trị của ông Diệm, của ông Thiệu ra sao. Một là họ không biết, hai họ cho là thứ yếu, không cần để ý đến. Dù sao cũng có cái hay là họ kể cho chúng ta nghe vấn đề về quân sự, chỉ có vấn đề chính trị nội bộ họ không biết. Sau này họ có bộ sách gọi là NAM, hay lắm. Tôi cũng dựa vào những tài liệu đó.

Bộ VSKL của tôi gồm cả hai lĩnh vực đó, cả về quân sự lẫn chính trị, có thể gọi là bao quát được.

Còn sử gia Việt Cộng : Lúc nào cũng khoe «bác» làm hay, «đảng» tốt lắm... không nghĩ chuyện làm cho dân chúng khổ sở 25, 30 năm trời. Mình dựa vào đó để biết về phía Cộng sản, để dùng trong bộ VSKL của tôi nhưng mà, không thể nào tin được!

Hỏi: *LS đặt tên là VSKL, có ý nói rằng trong khi viết sử, luận bàn luôn, không phải viết sử như cụ Trần Trọng Kim...*

Đáp: Nhận xét của tôi là các sử gia Pháp, không muốn nói hẳn là thực dân, nhưng dù sao cũng bênh người Pháp, bênh chính phủ Pháp, các sử gia Việt Cộng, bênh đảng VC với Xã hội chủ nghĩa. Còn tôi, người quốc gia, tôi bênh tự do dân chủ. Thành ra tôi lấy tự do dân chủ làm trung tâm, dân tộc Việt Nam làm đầu, làm sao cho dân tộc Việt Nam có tự do dân chủ, thịnh vượng, mới xứng đáng một chính khách : thực dân không xứng đáng, Cộng sản cũng không xứng đáng, quốc gia mà độc tài cũng không xứng đáng. Thành tôi phê bình hết, tôi cũng không nhất thiết bênh phe quốc gia.

Nói về các chính khách quốc gia, các ông đều chống Cộng nhưng mà ông nào cũng có tình ý riêng. Ông Diệm lo cho gia đình họ Ngô Đình, làm sao giữ được cho gia đình họ Ngô Đình cầm quyền mãi, tôi gọi đùa là «ái gia», «ái quốc» mà còn «ái gia» nữa, «ái gia» này nhiều khi còn mạnh hơn là «ái quốc». Ông Thiệu, không hiểu anh em như ông Nguyễn Văn Kiểu có tham nhũng hay không, không bao giờ thấy nói đến cả, có điều ông nghĩ đến mình nhiều hơn. Mục đích của ông, bà Thiệu là làm giàu, tôi gọi đùa gọi là « ái kỷ ». Hồ Chí Minh thì « ái đảng », Ngô Đình Diệm thì « ái gia », Nguyễn Văn Thiệu thì « ái kỷ», cả ba đều không «ái quốc».

Tác Giả HOÀNG CƠ THỤY

Sinh năm 1912 tại Làng Vẽ (Đông Ngạc) tỉnh Hà Đông, Bắc Việt. Lập gia đình năm 1943, có 7 người con.

Luật sư cạnh các Tòa Thượng thẩm, 1938-1969 - Đại sứ VNCH tại Vương Quốc Ai Lao, 1969-1975.

Tham gia toàn dân kháng chiến giành độc lập (Chánh án Tòa Sơ thẩm Bến Tre, 1945)

Ba lần tù : 1945 (Việt Minh), 1946 (Thực dân Pháp), 1964 (chính phủ quân nhân Miền Nam V.N.). Một lần bị tử hình khiếm diện (1963).

Hai lần lưu vong: 1960-63 tại nhiều quốc gia vì phản kháng chế độ "gia đình trị". Từ 4.1975 đến nay vì Cộng Sản cưỡng chiếm Sài gòn và áp đặt chế độ độc tài đảng trị lên toàn cõi Việt Nam.

Đó là lời phê bình chung của tôi đối với cả ba người.

Hỏi: *Lúc làm đại sứ của VNCH tại Ai Lao, là đại diện cho tổng thống VNCH, LS có gặp khó khăn gì không ?*

Ông nói sao khi báo chí chỉ trích T.T. Thiệu?

Đáp: Đứng về mặt ngoại giao, báo chí nếu có chỉ trích chuyện của ông Thiệu là chuyện ngoài thẩm quyền của tôi. Tôi là đại sứ của VNCH hay nói một cách xác thực nữa là của tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đi, thì tôi đứng về mặt ngoại giao, liên lạc với chính phủ Ai Lao mà thôi.

Đại sứ tại Ai Lao khó lắm vì Ai Lao có đường mòn Hồ Chí Minh, tôi phải đứng về mặt quân sự thêm vào mặt ngoại giao. Nó khó ở chỗ đó. Phải lo về ngoại giao làm sao lấy lòng của chính phủ

Lào, phải lo làm sao kiếm được tài liệu để báo chính phủ VNCH biết về mặt quân sự.

Vì chính phủ Ai Lao trung lập, cho phép mở hai tòa đại sứ Cộng sản Bắc Việt và VNCH. Áng chừng năm 1972, 73, Bà Nguyễn Thị Bình còn xin lập thêm một tòa đại sứ nữa, tòa đại sứ trung lập của Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam (Mặt Trận Giải Phóng), với tư cách đại sứ VNCH tôi đã phản đối, xin chính phủ Ai Lao bác đơn của bà Bình đừng chấp nhận. Vì vậy mà VC không lập được tòa đại sứ.

Đối với ông Thiệu, độc tài, có ; tham nhũng, có, bà Thiệu tham nhũng có, bốn ông tướng : Thiệu, Khiêm, Viên và ông Đặng Văn Quang, và cả bốn bà tướng nữa, đều là tham nhũng tất cả nhưng đó là vấn đề chính trị nội bộ VHCH. Tôi là đại sứ, tôi là đại diện ngoại giao đối với vấn đề ngoại giao thành ra ông Thiệu không làm khó dễ gì đối với tôi cả. Báo chí có chỉ trích ông Thiệu thì đó là chuyện của báo chí, tôi không dính líu gì cả.

Tôi xin kể một chuyện buồn cười : Tôi có ông anh là Bác sĩ Hoàng Cơ Bình. Lập trường của ông Bình chống Cộng mạnh lắm, ông còn hăng hơn tôi. Ông chống cả ông Thiệu. Là đại sứ của ông Thiệu, nhiều lần tôi được triệu hồi về Sài gòn để tham khảo về vấn đề Ai Lao, có lần ông Thiệu hỏi : Tại sao ông Bình ông chống tôi thế ? Tức cười, tôi bảo : Thưa tổng thống, ông chống cứ để cho ông chống. Ông có làm gì được tổng thống đâu ? Có thế mới là dân chủ. Nói đến thế là cùng, không thể nói gì hơn nữa.

Phải công nhận ông Thiệu đối với tôi rất tử tế, lễ phép nữa là khác. Thành ra giữa tôi với ông Thiệu về liên lạc cá nhân hay liên lạc sự việc đều là hoàn hảo hết.

Nhân tiện, xin kể một chuyện nữa là đến năm 1973, LS Vương Văn Bắc được mời làm tổng trưởng Ngoại giao cho ông Thiệu. Sau khi mất nước, tôi gặp lại ông Bắc ở Paris, ông Bắc kể cho tôi nghe rằng hồi đó, ông có đề nghị với Ông Thiệu rằng ở Thái Lan khó lắm, nên xin để ông Hoàng Cơ Thụy làm đại sứ Thái Lan hay để ông kiêm nhiệm cả Ai Lao và Thái Lan thì càng hay. Ông Thiệu bảo không được. Ông Thụy đang làm đại sứ ở Lào ông được chính phủ Ai Lao trọng, ông giúp cho được nhiều việc lắm, không thể nào đưa ông đi. Ông Bắc kể cho tôi nghe như vậy đó.

Hỏi: *Thưa ông, với tình thân đó, có hôm nào luật sư nói với ông Thiệu rằng: thôi, xin tổng thống bớt đi một chút kẻo mang tiếng tham nhũng quá... có hại đến uy tín...*

Đáp: Không, không bao giờ tôi đề cập đến các chuyện đó với ông Thiệu cả.

Hỏi: *Nhưng dù sao đó cũng ảnh hưởng cả chế độ. Trong đoạn cuối, Ls nói rõ : giai đoạn 1954-75 trong nam là quân phiệt, tham nhũng...*

Đáp: Đúng. Tôi viết trong bộ VSKL đúng như vậy.

Hỏi: *Thế hồi đó Luật sư không có phản ứng gì?*

Đáp: Không tôi không phản ứng. Tôi đại diện cho VNCH, tôi bênh vực quyền lợi của VNCH với Ai Lao, không có gì khác cả. Hai chuyện đó khác nhau.

Hỏi: *Nhưng dạo trước, luật sư tham gia đảo chánh lật đổ ông Diệm, tới đây không còn làm như vậy nữa?*

Đáp: Không làm được như vậy nữa. Làm đại sứ trên Lào, tôi liên lạc được với ai? Hồi ông Diệm khác nghe. Hồi đó, tôi xin kể năm 1955, chính tôi đề nghị truất phế Bảo Đại, ủng hộ chí sĩ Ngô Đình Diệm để mà chống Cộng. Khi ông Diệm thắng thế rồi, cả gia đình nhào ra để mà ăn có, với sự dung túng của ông Diệm. Sau này tôi đọc sách của Ông Đỗ Mậu hay của vài người khác nữa, ông Diệm cũng có một phần huê lợi chứ không phải không có.

Thế nhưng, thấy ông đi vào con đường độc tài gia đình trị tôi phải chống. Bắt đầu tôi lập Khối Dân Chủ, đối lập công khai bất bạo động là chuyện khó khăn lắm. Thời đệ nhất Cộng Hòa từ năm 1957 đến 1960 khó khăn lắm mà tôi dám làm. Làm đối lập công khai, bất bạo động không thành công, gặp được hai anh trung tá của QL/VNCH là Trung tá Nguyễn Triệu Hồng, cháu tôi và Trung Tá Vương Văn Đông muốn đảo chánh bằng quân sự. Trước họ định nhờ ông Lê Quang Luật lo về mặt chính trị, sau thấy có vấn đề khó khăn không dám nhờ, mới liên lạc với Hoàng Cơ Thụy, vì Hoàng Cơ Thụy là cậu của Nguyễn Triệu Hồng. Tôi nhận vì không thấy có cách nào để lật đổ được ông Diệm để mà chống Cộng. Mục đích của tôi là làm sao lập được một chính phủ mới, hoàn toàn tự do dân chủ, hoàn toàn lo cho dân, nước để có sự hậu thuẫn của dân chúng để chống Cộng. Chuyện đó, chính phủ Diệm đã không làm được, chính phủ Thiệu sau này cũng không làm được.

Hỏi: *Nếu LS không làm đại sứ thì thế nào cũng có người mời làm đảo chánh?*

Đáp: Nếu tôi ở Sài gòn, hồi đó ông Nguyễn Cao Kỳ muốn lật đổ ông Thiệu đó. Nếu tôi ở Sài gòn, có lẽ thế nào cũng có người mời, và với chữ nếu, không hiểu sẽ đi đến đâu. Tại tôi đang ở xa là một chuyện, làm đại sứ nữa thì không ai dám nghĩ đến tôi cả.

Hỏi: *Để kết thúc cuộc phỏng vấn, chúng tôi xin LS đôi lời với độc giả tương lai của bộ sử, ông có nhắc nhở chi thêm?*

Đáp: Tôi viết bộ sử này bằng tiếng Việt với mục tiêu là để cho người Việt đọc, tôi có thể viết bằng tiếng Pháp, nếu tôi viết bằng tiếng Pháp thì nhiều người Việt Nam không đọc được, không biết nói gì trong đó. Và bắt đầu cho người Việt ở hải ngoại, nghĩa là cho các anh các chị. Khi nào Việt Nam được giải phóng, Cộng sản bị lật đổ, các con tôi sẽ đem bộ sách này về ấn hành tại Việt Nam cho đồng bào ở Việt Nam, con cháu của chúng ta, đọc để hiểu rõ sự thật của lịch sử ra sao, nhất là sai lầm của Cộng sản ra sao, tội ác của Cộng sản ra sao.

Như vậy mục đích của tôi là tái lập sự thực cho người Việt đọc và như tôi vừa nói ban nãy, làm sao, kiếm được một giải pháp gì để lật đổ Cộng sản. Giải pháp đó, tôi đề nghị là : *"Chiến lược toàn quốc bất hợp tác"* mà Nhà Xuất bản Nam Á đã có nhã ý đăng ngay vào trong tập VSKL này.

Như tôi đã nói, tôi không phải là sử gia mà là một chiến sĩ, tuy già nhưng vẫn còn lo cho đất nước, cố gắng làm một chút gì có lợi cho đất nước. Cũng không phải chỉ đánh võ mồm. Chiến lược này là để lật đổ Cộng sản một cách hòa bình, bất bạo động. Đó là mục tiêu cuối cùng, là di chúc của tôi để lại cho hậu thế, cả hải ngoại lẫn quốc nội. Đó là chiến lược, còn chiến thuật phải nhờ đến tất cả đồng bào, hải ngoại lẫn quốc nội, nam và nữ lo cho.

Xin trình cùng quý vị như vậy.

Từ Nguyên: *Xin cảm ơn Luật sư Hoàng Cơ Thụy, và xin ân cần giới thiệu bộ VSKL cùng bạn đọc.*

* VSKL bắt đầu với thời thái cổ cho tới năm 1975, trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử và được chia thành sáu thời kỳ, đặc biệt là thời kỳ đệ nhất và đệ nhị Cộng hòa là những thời cận đại chưa được các nhà khảo sử viết đến bao nhiêu. Thứ tự sáu cuốn đó như sau :

- *Cuốn 1* : Từ thái cổ đến Lê Lợi bình Minh
- *Cuốn 2* : Từ Nhà Lê đến thuộc Pháp (1427-1885)
- *Cuốn 3* : Từ thuộc Pháp đến Nhật bản đảo chánh (1885-1945)
- *Cuốn 4* : Từ đế quốc Việt Nam đến trận Điện biên phủ (1945-1954)
- *Cuốn 5* : Hội nghị Genève và Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963)
- *Cuốn 6* : Quân phiệt và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa (1963-1975)

Nhà Xuất Bản Nam Á : Tại Hoa kỳ : M. MAI TINH TÂM, 4144 Yupon Ridge HOUSTON TX 77072 USA

ĐT (281) 575 6088-Tại Pháp : 44 avenue d 'Ivry 75013 PARIS FRANCE Đ.T.: 33 1 45 84 81 87.

Sudasie@wanadoo.fr Giá trọn bộ : 245 euro hay 220$

Ghi chú thêm :

(1) Lúc ra về, LS Thụy đã cho một tập "cảo luận", Phụ Biên 2 (VSKL tập 17) do Hoàng Cơ Thụy và Nhóm Khởi Hưng soạn, Hội Văn hóa Hải Ngoại ấn hành, nhan đề : "Làm Sao Cứu Quốc và Hưng Quốc?" và một trang ghi "vài thí dụ về các sử gia bóp méo lịch sử," trích từ bộ VSKL.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

PHỐ MỘNG

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Tặng bạn học cũ Nguyễn Thanh Văn,
tác giả tập truyện "Bài ca buồn gửi cố hương"

1.

Nguyễn Hiển Linh nằm trên giường. Giường già tuổi, thọ tương đương với khoảng thời gian Linh ngơ ngác đến sống ở phố Mộng này. Mười hai mùa tuyết đổ, không chừng dưới mặt nệm cũng hỏng mất mười hai cái lò xo. Độ nhún vẫn còn, có điều nó phát tiếng khi bị oằn thân, giảm êm ái. Nó kháng cự bằng cách riêng của nó, phản ứng ấy làm Hiển Linh đau hai đầu gối, một đôi khi.

Buổi chiều chóng qua, màu nắng vừa bôi một vệt vàng trên khung cửa mới đó đã lặng lẽ bỏ đi. Cửa không buông màn, trời vào thu mang heo may giá lạnh đứng thập thò ở ngoài bắt đầu quay lưng, vất lại trong mắt Hiển Linh một vuông màu bẩn; sáng không sáng, tối không tối, lem luốc chẳng trông rõ hình dáng bóng cây ngã thân bên cửa. Rồi nó sẽ trụi lá, rồi tuyết sẽ đổ xuống và cái thân cây sần sùi cong cớn kia sẽ chịu phơi trần tựa hình thể một cái dấu hỏi. Một dấu hỏi trân tráo, đen đúa cắm giữa tuyết trắng, ngó bất an.

Hiển Linh trở mình, với tay mở ngọn đèn trên đầu chỗ nằm. Bóng tối đang ngậm lấy tường vôi đục màu sữa vội nhả ra, bày rõ bức hình treo trên vách. Bức hình chụp đôi vợ chồng, cả hai quàng vai bá cổ dính nhau như sam. Tất cả cùng cười, tuồng đang hạnh phúc. Người đàn bà trong bức ảnh phóng lớn ấy còn trẻ. Rất trẻ. Tóc cắt ngắn, áo lụa vàng, da mặt trắng, môi son hồng, mắt đen láy. Cô ta không hẳn đẹp hoàn toàn, nhưng thứ nhan sắc đó dễ hớp hồn những thằng thanh niên vụng dại, những đứa trung niên ưa nếm thêm mùi đời. Người ta có thể đưa ra một nhận xét ban đầu, rất chóng vánh: "Coi kìa, giời ơi, con bé nào mà lẳng thế!" Hiển Linh luôn yêu sự lẳng lơ có nơi đám đàn bà con gái, nhưng lại sợ hãi và căm ghét nếu vợ Linh thuộc týp người đó. Đừng bắt Hiển Linh giải thích. Đó là thứ tâm lý rất đỗi bình thường, chớ nhọc lòng gạn hỏi lôi thôi.

Hiển Linh vớ lấy một cuốn sách. Từ đây tới mười hai giờ khuya, Linh nên thiếp đi một giấc ngắn và sách truyện luôn là liều thuốc ngủ khá hiệu nghiệm. Những con chữ quái đản ấy sẽ nhảy muá làm đôi mắt sợ hãi, võng mô thu nhỏ, nhòe đi và sau cùng dọn đường cho một cơn mộng tới. Có nhiều ví von: "Sách là người bạn trung thành." Có lắm so sánh: "Đàn bà tựa một cuốn sách rất khó đọc." Gì thì gì, Linh chẳng để tâm vào những

thứ tào lao vô bổ ấy. Linh mở sách ra xem và năm bảy phút sau, nó sẽ rời tay cầm rơi xuống nền nhà. Linh sẽ há miệng ra ngủ. Ngủ như một đứa bé con.

- Chào ông Linh.

- Dạ chào bác.

- Gớm, mới sáng sớm đã quần quật thế kia.

- Sao ạ?

- Cắt cỏ thông thường người ta đợi tới chiều cho mát mẻ. Cái máy của ông dạo này kêu khá to đấy, châm dầu châm mỡ vào cho nó.

- Tôi đánh thức bác dậy đấy à?

- Không. Tôi lúc nào mà chả dậy sớm. Về già ông sẽ thấy, người ta ngủ ít hẳn đi.

- Vì sao vậy cà?

- Dào, ai mà biết! Chớ cắc cớ.

- Tôi biết đấy. Bố tôi bảo: Nó là điềm báo, nó dọn đường sẵn cho cái chết tới rước đi.

- Khiếp! Ăn với nói... Bố ông chết lúc mấy tuổi?

- Tôi không nhớ. Hình như hưởng dương ở con số 56?

- Ông có hiếu nhỉ?

- Không dám đâu. Hai vai trầy trụa đã nhiều. Bên này có lắm thứ để lo toan, bác không thấy sao?

- Thấy. Tôi thấy rất tường, thấy đủ điều. Đừng khi dễ đôi mắt của người già.

Hiển Linh đẩy máy cắt cỏ vào để ở góc sân, phủ tấm bạt lên. Nơi đó có robinet và cuộn giây nhựa quấn tròn nằm phục sẵn, tựa hồ con rắn lục dài một cách quái đản. Linh vật lộn với con rắn một chốc, xong rồi thì mở vòi nước. Người hàng xóm còn đứng nguyên vị. Những cọc gỗ, những lùm cây bụi cỏ chẳng che choán được cái hình thù thấp bé tọc mạch ấy.

- Này ông Linh. Vợ ông dạo này ít ra phơi nắng nhỉ? Chị ấy vẫn khỏe?

- Vâng, nhờ Trời vẫn thế. Chúa Phật độ trì.

- Thú thật tôi nhận không ra đấy. Chị ấy dường như ngày mỗi trẻ đẹp hẳn.

Vòi nước trong tay Hiển Linh vung vãi đi xa. Cỏ cây đầm đìa oằn thân đón lấy những giọt long lanh. Vợ Linh chưa thức giấc giờ này, cô làm ca đêm trong một quán ăn, mười hai giờ khuya tan việc và cô ta cần ngủ bù, chẳng phải hạng người chây lười, ưa nằm nán. Trẻ đẹp? Điều ấy Linh không nhận ra sự thay đổi. Tuy nhiên khi ôm ấp, những ngón tay Linh như nói cho Linh hay: Lóng rày vợ ta tự dưng đâm có da có thịt. "Khuôn ngực đầy đặn nét mông nở nang." Hiển Linh trình bày cảm tưởng: Làm nhà hàng thì em tha hồ ăn, có đúng không? Ngửi mùi đã ngấy, em ăn chẳng được nhiều. Em lên đứng trên bàn cân, con số 55 vẫn thủy chung dậm chân tại chỗ. Hiển Linh làm thinh, mũi ngửi ra một hương mùi rất lạ trên cơ thể vợ. Làm trong quán ăn, khói từ thịt cá chiên xào có thể lây lất tới bám vào chăng? Như yêu nữ vẫn thòm thèm thịt Tam Tạng thơm mùi hương hoa quả Phật. Linh hít lấy hít để, đói bụng, chảy nước dãi, thèm muốn... và tấm nệm lại có dịp truyền cơn đau lên hai đầu gối Linh. Linh như một đứa du kích, trong bụi trong bờ lâu lâu thò mặt ra bắn một phát. Nòng súng chưa nóng lại vội vàng rút đi. Người bị phục kích thường mất hứng thú. Trò chơi ấy không quang minh chính đại. Đánh đấm kiểu đó thật chẳng sướng. Chưa đến hẹn lại lên. Lên chưa xong đã xuống. Vợ Hiển Linh quây lưng lại, giấu tiếng thở dài, thu tay ở đùi nằm co quắp và Linh vật mình sang bên, không cần xem sách giấc ngủ vẫn đến, từ tốn, dịu dàng.

- Đêm qua bọn tôi đi ăn tiệm, ngậm tăm ra parking thì bất chợt trông thấy vợ ông. Cái chỗ đậu xe ấy tối tăm lắm ông Linh ạ.

- Vậy à? Bác ăn thứ gì mà có đôi mắt tinh tường đến thế?

- Con người kể cũng lạ. Khi tò mò tự dưng nhãn quan lại đâm ra sáng suốt một cách khó cắt nghĩa.

- Tò mò là tính xấu. Cách cắt nghĩa ấy bác thấy đúng hay sai?

- Ông Linh, hãy cho tôi nói hết đã. Mà thực bụng ông có muốn nghe không? Chuyện này có thể mất vui, mất hoà khí, gây xáo trộn; nhưng đã là chòm xóm láng giềng tôi không đành lòng ngậm câm như hến.

Nguyễn Hiển Linh nhìn người đứng bên kia biên giới. Những định nghĩa về đàn bà của bọn ác khẩu độc mồm thảy đều có thể đúng với trường hợp con mụ này. Đó là một nòng pháo có khả năng bắn tan những thành trì kiên cố, toang hoác một lỗ hổng mà kẻ bị nạn chẳng thể kiếm đâu ra thứ vật liệu hòng đắp đổi, chắp vá, sửa sang. Và hạnh phúc, nó vốn là cái gì đó rất dễ vỡ tan. Không phải sao? Nó mong manh hơn cả một cái màn trinh (nếu thật sự có thứ màn quái ác ấy!) Màn nhĩ thì cũng chẳng dầy dặn gì, đón nghe sự thật rót vào không khéo mà bị ù tai. Chữ điếc con rái vẫn còn tồn tại là bởi thế. Nghe lùng bùng.

Hiển Linh quay lưng:

- Cám ơn bà, tôi còn lắm việc để làm. Bà chẳng

có thứ gì để động tay động chân sao?

- Một lượng thông tin quý giá biết dường nào! Người hàng xóm nói, giọng pha chút tiếc rẻ. Tôi coi trong báo, đôi khi người ta phải tốn bộn tiền để nhờ tới thám tử tư!

2.

Bữa tiệc khá đông người. Cả thảy có tám nhân mạng. Bảo là đông, bởi vì lấy cái diện tích căn phòng chật bé ấy ra mà chứa đựng, người nầy sát vai kẻ kia, đi đứng di chuyển có thể đụng lưng va mông vào nhau. Người gầy ốm nhất, như Hiển Linh cũng không tránh khỏi thất lễ, mắt đặt rất gần bầu ngực phô trương của một vị nữ khách chưa chịu ngồi yên vị, mãi đứng xớ rớ. Hiển Linh là gia chủ nên luôn làm con thoi lòn lách từ bếp ra tới phòng khách, và ngược lại. Khi nước mắm, khi rau sống, khi rượu bia, khi thịt nướng... mang lên đặt đầy bàn. Lúc mà chẳng còn gì để qua lại trên lộ trình hình chữ chi đó, Hiển Linh đã no con mắt và từ một hoài nghi ban đầu, cuối cùng trí óc Linh đưa ra kết luận: thứ ấy là đồ giả! Tớ không có mấy kinh nghiệm, nhưng một bầu sữa bình thường nó không căng cứng như vậy được. Tớ luôn yêu mến sự thật, ghét dối trá, thù giả mạo. Vậy thì to hơn người, ngồn ngộn hơn thiên hạ phỏng có ích gì khi nó từng được qua phẫu thuật? Một mặt nó ưỡn ra khiêu khích và mặt khác nó ngầm cảnh cáo: xin chớ mó tay vào mà hỏng mất, bạc ngàn đấy chứ chẳng phải chơi!

Tiệc chưa khai mở được vì còn thiếu mặt một vị khách. Người Việt có một đức tính độc đáo, dù tha phương cầu thực đi bốn phương trời học hỏi điều tốt lành cũng chẳng thể cải thiện cho khá hơn: Sự sai hẹn. Người ta rất dễ nhìn biết nền văn minh của một bộ lạc: Kẻ tiến bộ là kẻ ấy luôn đến đúng giờ.

Sau cùng thì đứa lạc hậu đã tới. Hắn đến và không khí bỗng chốc nhộn nhịp hẳn. Một, hắn luôn là người ưa đùa nghịch bông lơn cốt tạo tiếng cười. Hai, người ta chỉ chờ sự hiện diện của hắn để nhào vào bàn ngồi ngấu nghiến. Mọi người ở đây có vẻ đồng thuận theo chủ nghĩa tiên vi khách hậu vi chủ. Và xem chừng triết lý của họ rất đơn giản: Có thực mới vực được đạo. Dưới mắt bọn họ chẳng có một Nguyễn Hiển Linh đang đứng kia, áo mão chỉnh tề, mà theo chương trình dự liệu Linh sẽ có đôi lời thưa thốt phút ban đầu: Nguyên do vì đâu mà chúng ta sum vầy bữa nay. Thôi, cũng tốt. Mọi cái xấu xa trên cuộc đời thảy đều phát xuất từ mồm miệng. Bớt nói lại, ngậm miệng lại thì... vô ngôn vô thực vô úy vô ưu. Chưa kể khi nói mà phải lươn lẹo tìm lời hay ý đẹp, chẳng thật bụng mình thì cái nói ấy in tuồng có dấu diếm đôi phần dối gian.

Hiển Linh đi ra sân sau kiểm soát lại lần chót, dập tắt lò than nướng thịt, đậy đẳng nồi bún riêu cua.

- Khiếp! Khói từ đâu mà ngào ngạt thơm điếc lỗ mũi!

- Chào bác. Bác vẫn còn đấy cơ à?

- Ô hay. Muốn trù tôi chết sớm hay sao?

- Không. Bác khỏe là tốt rồi. Hôm trước nghe té trật xương chân phải vào nằm viện.

- Ai đưa tin mà chóng thế? Gì mà phải ra nông nổi nằm viện? Muốn chết không phải là chuyện dễ đâu. Ông có đồng ý không nào?

- Nhất trí. Đời là bể khổ. Đã là người thì phải chịu ngụp lặn triền miên giữa cõi ta bà.

- Đừng triết lý ba xu nữa. Hôm nay làm đám giỗ gì mà linh đình thế? Kỵ ông bố đấy à?

- Kỵ giỗ gì đâu. Ở bên này thi thoảng ta nên làm một bữa tiệc kẻo bị chúng chửi, chỉ vậy thôi. Bác xơi một tô bún nhé?

- Không. Cám ơn ông Linh. Bác sĩ bảo tôi: Cụ phải tập kiêng cử, chớ dùng thức ăn lạ.

- Bún riêu là thực đơn của người Việt đấy, chẳng xa lạ đâu.

- Tôi biết. Lạ đây có nghĩa là chẳng phải chính tay mình đun củi, thêm thắt gia vị. Của bá tánh, của bàng quan thiên hạ thảy đều lạ tất.

- Vậy bác uống một chai bia nhé. Heineken hay Bud?

- Ấy chết, ông xem tôi là phường gì mà mời bia? Tôi bảo cho ông điều hay lẽ phải này, ông muốn nghe không?

Hiển Linh giật thót cả bụng. Lại parking tăm tối, lại đêm hôm khuya khoắt, lại trai đơn gái chiếc nữa chứ gì? Bà ta thì chỉ biết có mỗi một thứ ấy để làm đề tài. Trí óc bà lớn không hơn một cục nem chua.

- Ngạn ngữ của Nhật họ nói thế này mà tôi cho là chí lý: "Ly rượu đầu, người uống rượu. Ly thứ hai rượu uống rượu. Ly thứ ba rượu uống người." Uống cho lắm vào để nhà tan cửa nát.

- Vâng, để tôi vào trong nhà truyền đạt lại cho chúng nó nghe câu ấy. Bia dạo này chẳng hiểu sao mà lên giá tới độ cắt cổ. Uống nhiều thì tiền đâu mà chịu cho thấu!

- Ông Linh. Khoan đi đã. Thôi, tôi cũng không khách sáo. Xin ông cho tôi một chai bia, tôi tu ngay trước mặt cho ông xem. Bia giúp con người

lòng can đảm. Tôi chẳng đành tâm chôn cất một bí mật ở trong lòng.

Mẹ kiếp! Hiển Linh than thầm. Sao bà ta không viết nó ra, giấy trắng mực đen trên tờ di chúc nhỉ?

- Ông có bị chứng nhồi máu cơ tim không? Sét đánh ngang tai ông có bị xỉu vì yếu bóng vía không? Thông qua hai điều cơ bản ấy thì tôi sẽ đi vào cốt lõi vấn đề.

- Ở parking tăm tối, phải thế không nào?

- Ủa, ông đã hay chuyện rồi sao? Ông có bắt được tay day được cánh không?

- Tôi bắt tại trận bà ạ. Thế nên hôm nay tôi mở tiệc liên hoan ăn mừng thành quả.

- Ôi. Vậy thì ánh sáng bao giờ cũng thắng tối tăm mờ ám! Tôi thực bụng không muốn ông rơi vào trường hợp như thằng con tôi. Nó cứ bảo vì thành kiến, vì mẹ chồng con dâu nên không nghe lời tôi, đến khi vỡ lẽ thì đã quá muộn màng. Đâu, ông múc cho tôi một tô bún, thử xem tài nghệ ông đến ngang đâu. Giời ạ! Đàn ông giỏi việc nhà như ông chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Con gái nhà ai rơi vào tay ông thì thật khéo tu!

Nguyễn Hiển Linh xô cửa lưới vào nhà. Tiếng cười nói ồn ào có thể bật dội tới, tạo sức mạnh đóng ập lại cánh cửa. Một hai cái đầu ngoái nhìn.

- Hiển Linh bạn hiền. Vào đây ngay, thiếu mặt bạn quả là câu chuyện nãy giờ đã mất linh.

Lê Thông Suốt nói. Giọng to, lấn át. Nó phù hợp với vóc vạc của Suốt, ngồi chật cả một lòng ghế rộng, đường bệ. Thông Suốt là kẻ đến sau, là đứa nhiều tiền của. Hắn có điệu bộ của một thương gia, lượng định mọi thứ rất nhanh. Tất cả những uẩn khúc của cuộc đời, dưới mắt Suốt đều chỉ là một cuộc mua bán. Không phải sao, kẻ bất hạnh, trước tiên, đấy là một kẻ bị thua cuộc?

Người ngoài nhìn Suốt, cảm tưởng ban đầu là sự khó chịu. Một nỗi niềm bất an khó lý giải, và điều này gây cho họ cái tự kỷ ám thị. Đứng gần Suốt, tự dưng ta nhận ra có một khoảng cách khó kề cận. Nhưng dù sao, Thông Suốt đã là bạn thân của Hiển Linh, từng giúp Linh trong quá khứ, tỉ như chuyện bỏ ra hai lượng vàng cho Linh trôi nổi sang đây là một hành động cứu tử mà Linh chẳng thể vong ơn bội nghĩa.

- Moa nói mai đây rồi toa sẽ bán đi căn nhà này mà bằng hữu ngồi đây đều tỏ ngờ vực cả.

Thông Suốt nói, như thầy bói, với chút tự tin. Hiển Linh cũng ngờ vực, đưa mắt ngó tới vợ. Cô

TẠ KÝ

Hậu Sinh Ca

Ta hậu sinh hề vỗ bàn tay trắng
ca khúc bình sinh hề ngã nghiêng mùa hoa
Gió đi lỡ bước, hương còn chưa ngây
bướm vàng mỏi cánh mà hoa đương gầy
Đôi gã thư sinh hề mộng đời chất nặng
ta trót sinh sau hề kẻ trước mà xa

Sự nghiệp lênh đênh hề đôi câu thơ máu
mà nước mắt ta hề cho nguôi chi đây
Ta yêu người xưa: ảo vọng nửa mùa
ta thương người nay: đôi ván cờ thua!
Đất sạn mông mênh hề tìm châu báu
nằm giữa thế gian hề nhớ cánh chim bay

Từ thuở phong ba hề nhập hồn trong trắng
vọng bến Tầm Dương hề nước lên, trăng trôi
Lụa nào còn cương bên giòng sông biếc
lâm ly Tầm Cung mây nao phương trời!
rồi chậu sành hề người xưa cay đắng
phủ rêu thời gian hề ta cũng chơi vơi...

Ta chậm mười năm hề ai gò sự nghiệp
cho đời buông xuôi hề ta hỡi ta ơi!
áng tóc giai nhân chìm trong lửa thép
nửa ánh trăng vàng còn lả lướt rơi!
Ta lỡ tu hề không tròn mấy kiếp
chừ đau thương hề nói sao nên lời...

1952

ấy ngồi gần Suốt, cổ áo khoét sâu và dĩ nhiên kẻ mang tên Thông Suốt sẽ thấy tường tận mọi thứ. Vợ Linh không cần phải xài đồ giả, bản thân cô ấy mọi thứ đều bình thường, bình thường tới phi thường. Nhựa, cao su, silicon... đấy là những chữ vợ Linh chẳng hề biết tới, nghe qua. Cô có một thân thể tựa như thiếu nữ dân tộc miền núi. Khi nói tới cụm từ đó, người nghe dễ mường tượng ra cái săn chắc, sự dẻo dai cũng như tính tự nhiên và gần gũi với thiên nhiên... Cô sẽ tương phản với người đàn bà ngồi đối diện mà Linh đã ngầm quan sát phút ban đầu. Giờ này, ai xếp đặt chỗ ngồi mà khéo thế? Thông Suốt ngồi đầu bàn, chủ trì. Hai bên chia tả hữu là thật giả phân minh. Vợ Linh mắt ướt át, long lanh ngó về Linh như có điều gì nói không thành lời. Hãy phó mặc cho số phận, anh nhé!

- Moa nghĩ toa là một kẻ nhu nhược, đúng hơn là một người chẳng có khả năng làm việc lớn. Toa để cho vợ mình đi làm thứ công việc quá sức vất vả, chưa nói cái hiểm nguy khi đêm hôm khuya khoắt ra về đơn chiếc.

Mặt Thông Suốt chẳng lộ triệu chứng của một đứa say men bia. Hắn từng bị kẻ trộm vào nhà cuỗm mất cái túi xách chứa đựng hơn mười ngàn đô tiền tươi, khi thuật lại chuyện ấy bộ mặt hắn vẫn dửng dưng như giờ này. Đau thương, sung sướng, bỡn cợt giỡn đùa hay thành thật tâm sự thảy đều biểu tỏ bằng thứ gương mặt vô cảm đó.

- Một đứa tỏ ra yêu thương vợ mình là cái thằng đàn ông ấy phải đủ sức can ngăn không cho vợ nhúng tay vào những thứ lao động nặng. Toa thất nghiệp bấy lâu, sao lòng toa vẫn bình thản đến thế? Ai lại ngồi khoanh tay cho vợ tảo tần? Vợ đổi thái độ thì lỗi ấy do ai gây nên? Toa tự soi gương nhìn lại mặt mình thì tự khắc sẽ ngộ. Để moa dông dài thì câu chuyện mất hay.

Lê Thông Suốt dứt lời. Chai bia đổ ồng ộc khá lâu xuống cần cổ. Không những là thương gia, Suốt ưa tạo dáng vẻ một đại ca đứng ra xử những vấn nạn lẻ tẻ mà đàn em đang mắc phải. Mọi đứa ngồi quanh bàn ăn im thin thít. Câm lặng như đang thành tâm mặc niệm.

- Hôm nay thứ sáu mười ba. Em chọn ngày đầy ấn tượng ấy để nói cùng anh câu sau cùng: Chúng ta ly dị.

Hiển Linh giật mình, ngó chăm vô mặt vợ; phát hiện điều bà hàng xóm từng nhận xét là cả một sự thật: Gương mặt kia sao trẻ đẹp tới độ não lòng. Sắc sảo, lẳng lơ và tiềm ẩn điều gì gần như là gợi dục.

- Trong khi chờ đợi mọi thủ tục hoàn tất, moa sẵn lòng để vợ toa về trông coi hộ moa một cửa hàng ở dưới phố. Lương cao, việc làm nhàn hạ sạch sẽ. Tin moa đi, chưa bao giờ thằng Thông Suốt này xử tệ một ai. Cần nhắc lại ở đây không, căn nhà này cũng có chút tiền của moa bỏ ra.

Hiển Linh ù tai. Tụi nó bôi mặt diễn tuồng thật ăn khớp, tung hứng rất hợp ý nhau. Bày trò đấu tố trước mặt đám đông, xong thì chôn sống thằng Hiển Linh này mất rồi. Linh cắn chặt hai hàm răng, cầm khay đựng thức ăn ly tách muỗng đũa mang ra sân sau. Đồ sành, đồ thủy tinh đứng trên khay lẩy bẩy va vào nhau tựa hồ như đang có địa chấn. Như thể kẻ bưng khay đang bị động kinh, run bắn cả người.

- Bác ăn trước hay kể chuyện trước?

Người đàn bà đứng bên hàng rào ngó xuống tô bún riêu rồi lại trông lên khuôn mặt Linh. Nước trong tô sóng sánh màu đỏ thắm mà sắc diện đứa phục vụ thì chừng như đang đổ chàm, mặt cắt không còn hột máu.

- Chuyện gì đã xẩy ra? Ông muốn nghe chuyện chi?

- Chuyện kể một đêm không trăng sao ở bãi đậu xe.

- Xời, thật là lắm mồm! Sao bảo là đã bắt quả tang? Thì đầu đuôi nó như thế này nhé, có ông gì đó to lớn mập mạp tới đón bà nhà ở quán ăn. Tôi thấy họ đi ra chỗ đậu xe, bà vừa đi vừa cởi cái tạp dề, điệu bộ khẩn trương. Họ leo lên một chiếc xe Van và sau đó... Sau đó lũ con nó lôi kéo tôi đi, chúng nó bảo: Mẹ thật kỳ, họ làm gì mẹ không biết sao? Chiếc xe ấy đang nhún nhẩy, mẹ không trông rõ à?

Thắc mắc còn nhiều đành phải ngưng, chuyện vẫn chưa xong đành ngừng ở đấy khi người đàn bà có bộ ngực lớn vừa bước ra:

- Anh Hiển Linh à, một khi vợ mình đã tát cạn nước kiểu đó thì xem như mọi thứ đã hết phương cứu chữa. Bệnh tật, da thịt xương cốt con người còn có thể chắp vá chỉnh hình tùng xẻo sửa đổi nhưng chuyện tình cảm bạc như vôi thì đành phải chịu bó tay. Anh thấy không? Một tờ giấy đã vo lại thì làm sao mình trải nó ra cho thẳng thớm được như cũ?

Hiển Linh thở dài. Nếu thổn thức trong đau thương, liệu bộ ngực săn cứng ấy có biết rung động không?

3.

Tôi mua lại căn nhà ấy với giá rẻ. Một số tiền

phải trả quá đỗi tượng trưng. "Anh em với nhau mà, thắc mắc làm chi, dọn đến ở cho anh an lòng sớm được ra đi." Bạn hiểu không? Nguyễn Hiển Linh là anh ruột của tôi đó. Anh đi Alaska, anh bảo thế. Anh câu cua, bắt tôm, nuôi nghêu sò ốc hến. Công việc lam lũ cực nhọc của một người muốn tự hành xác, muốn vùi đầu tìm quên. Và Alaska tựa như vùng đất dành cho kẻ lầm lì ưa trốn xa đời thường. Một kẻ bị bạc đãi, chẳng cất tiếng than van. Anh đi, tôi điền vào chỗ trống. Tôi là đứa không rành phong thủy địa lý, là kẻ đặc biệt yêu thích cây cỏ thế nhưng việc đầu tiên khi dọn đến, tôi quyết định đốn cưa cái cây oằn thân đứng ám một bên cửa. Tự thân nó toát ra một vẻ bất thường, như một cái gai nhọn luôn nằm ngay trước mắt bạn. Tôi nhổ. Vợ tôi không có ý kiến, nhưng cô ấy sẽ toàn quyền trong việc chăm sóc vườn tược, lựa chọn những loại hoa sẽ mua về trồng, định đặt vị trí; và như thế, theo cách nói của vợ tôi: Hoa là linh hồn của vườn, vườn đầy hoa làm căn nhà có sinh khí. Đỡ quạnh quẽ.

Thỉnh thoảng tôi cũng siêng năng tự nguyện ra cắt cỏ, tiếng máy nổ nghe mệt tai làm khơi dậy sự chú ý của những người lân cận. Nhà hàng xóm có bà cụ Việt-nam cũng đã dọn đi, đôi vợ chồng người bản xứ điền thế và xem ra họ có vẻ tử tế. Một thứ tử tế nằm ở ngoài vỏ bọc. "Hôm nay đẹp trời nhỉ?" Ông chồng ngỏ lời. Bà vợ lân la thu ngắn khoảng cách: "Các bạn người Trung-hoa phải không?" Han hỏi và ngộ nhận. Nói chuyện tào lao và hiểu lầm. Mọi thứ ấy dập tắt dần dà những nụ cười xã giao. Có con bé khoảng mười tuổi thường ra sân phơi áo quần mà vợ tôi khen mặt nó đẹp tựa một con búp bê, liền đưa tay vẫy miệng thốt lời chào nhưng nó cúi đầu nhanh chân chạy biến mất tiêu. Có lẽ giáo dục nhà trường đã dạy cho nó bài học vỡ lòng: "Don't talk to stranger." Không tế nhị, chẳng lịch sự nhưng được cái an toàn, cẩn tắc vô ưu.

Chúng tôi sống khép kín, thầm lặng. Người đồng hương chẳng quen mấy ai để thảng hoặc mời về nhà làm bữa tiệc nhỏ chuyện vãn cho đỡ lạc lõng. Vợ tôi ước mơ có ngày trúng số 6/49 hoặc Super 7: "Mình sẽ về Việt-nam để sống, nếu có tiền. Hiu hắt quá cảnh sắc quanh đây!" Tôi làm thinh, bởi giản dị là làm sao mình có thể trông mong thần tài đến gõ cửa, ở cái mảnh đất mà họ bán ra những ba chục triệu cái vé số? Tôi làm thinh. Tôi không đành lòng nói ra điều tôi suy nghĩ. Hy vọng? Ừ, xin em đừng bao giờ đánh rơi nó. Người ta sống thở được đôi khi cũng do nương nhờ bởi một niềm trông mong, chắt chiu mộng ước dẫu biết nó có đôi phần hoang tưởng. Tôi vẫn ăn tôi vẫn thở nhưng bạn ơi, tôi chẳng có một niềm hy vọng nào hết ráo. Bởi dễ hiểu là tôi hoàn toàn không muốn mình bị thất vọng. Nguyễn Hiển Linh là một kẻ tuyệt vọng. Anh tôi là một người sa cơ thất thế, hiểu ở mọi nghĩa. Vợ anh ấy một thời, nghe đâu hiện đang làm chủ một quán Phở nức tiếng ở trên xứ Mỹ đầy cơ hội. Bà là vợ hai của ông Lê Thông Suốt và họ có với nhau một đứa con đặt tên là Lê Thành Công. (Sao không là Le Parking để đánh dấu cái đêm vũ bão ấy?)

Hôm dọn lại nhà kho, tôi nhặt được cuốn nhật ký của anh tôi mà qua đó tôi đã rút ra vài chi tiết để thuật lại bạn đọc như ở phần trên. Trong thùng giấy khác tôi tìm thấy một cái phong linh bằng kim loại chưa thực sự bị hoen rỉ. Tôi mang ra treo ở ngoài cánh cửa và hiện tại nó đang phát tiếng vui tai đùa nghịch cùng gió. Nắng buổi chiều tàn lụn nhưng chiếc phong linh vẫn bắt được ánh tà dương để hắt chiếu vào mắt tôi muôn ngàn điểm sáng, tựa hồ như phóng mắt ra một mặt sông đang gợn sóng với bóng hoàng hôn. Chói lòa, nhấp nháy, đau mắt. Tôi đi lại gần, vỡ lẽ; hoá ra vợ tôi đã móc ở bên dưới một tấm kiếng nhỏ. Bạn ơi, đó là kính chiếu yêu cô ấy thỉnh về từ chùa Quan Âm chủ nhật tuần trước.

Một tấm kính trừ tà! Bạn à, chẳng hiểu sao những kênh đài truyền hình ở phố Mộng này vẫn luân phiên trình chiếu mãi bộ phim Quỷ Ám?

01.09

Họa sĩ RỪNG
(Studio)

Phone: **(310) 644-3202**

Web: http://www.welcome.to/rung
<nguyentuankhanh.com>

ĐẠI GIA VÀ NHỮNG TÊN TRỘM NGỰA

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Có lẽ sót lại từ thời Hoa Kỳ bành trướng về Miền Tây, khi ngựa không những là phương tiện chuyên chở và mưu sinh mà còn là vấn đề sống chết đối với người dân khai phá, danh xưng 'tên trộm ngựa' có tính miệt thị, dùng để chỉ hạng người đê tiện nhất giữa những người đê tiện - *the lowest of the lows* - những kẻ có thể dùng bất cứ thủ đoạn nào để chiếm phần lợi cho riêng mình. Ngày nay xã hội cũng chẳng thiếu gì những 'tên trộm ngựa'. Hơn nữa, sẵn phương tiện truyền thông tiện lợi, họ có thêm một đồ nghề mới; nhiều người viết lách, tuyên ngôn, tuyên cáo đủ điều, truyền bá ngụy tín khắp nơi. Điều khá chắc chắn là, vì đã biết trước, khi đọc họ ta nhận ngay ra rằng những gì họ viết đúng là xuất phát từ... những 'tên trộm ngựa'.

Một câu hỏi đáng chú ý được đặt ra là: đảo lại, đọc một đoạn văn rõ ràng là văn 'trộm ngựa', ta có thể suy đoán ra tác giả của nó là một tên trộm ngựa được không? - Có lẽ được, nhưng phải rất cẩn thận.

Trước khi đọc thêm về chuyện trộm ngựa, ta hãy đến thăm một đại gia, một triều đại có một không hai trong lịch sử toán học.

Đại gia ...

Gia đình Bernoulli là một gia đình xuất chúng, có một không hai trong lịch sử toán học. Ba đời liên tiếp, gia đình này sản xuất tám nhà toán học lừng danh, vài người trong số đó thuộc loại siêu quần, hội viên của những hội trí tuệ hay thành viên của nhiều viện hàn lâm khoa học khắp Âu Châu. Tiếp đó những người này sản xuất một đàn con cháu mà quá nửa là những người lỗi lạc, nửa non còn lại đều là những người vượt xa trung bình. Ngày nay, con cháu truy theo phổ hệ của những Bernoulli chuyên về Toán, đếm được cả trăm, uyên bác mọi ngành: luật, khoa học, văn chương, hành chính và nghệ thuật. Không có người nào thất bại.

Một điểm rất đặc sắc của hầu hết những thành phần toán học thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba của gia đình Bernoulli là, vì lý do này hay lý do khác, họ đã không chọn toán khi bắt đầu, nhưng rồi muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, như những con cá hồi nghe theo tiếng gọi huyền bí của bản năng - hay của tông hay giống? - cứ đến hạn kỳ là lại bơi, nhảy ngược về nguồn.

Gia đình Bernoulli đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển toán vi tích phân - *calculus* - cùng những ứng dụng của nó vào thế kỷ thứ 17 và 18. Lịch sử toán học, ngay cả khi kể ngắn gọn nhất sự hình thành của nền toán học hiện đại, phải dành cho họ một chỗ đứng xứng đáng hơn là một chú thích. Thực vậy, gia đình Bernoulli cùng với Euler là những người lãnh đạo, đã hoàn thiện toán vi tích phân phát minh bởi Leibniz và Newton đến mức độ ngày nay những người rất bình thường cũng có thể dùng nó một cách dễ dàng trong những tính toán, phát minh, điều mà ngay cả các vĩ nhân Hy Lạp thời xưa cũng không thể làm nổi.

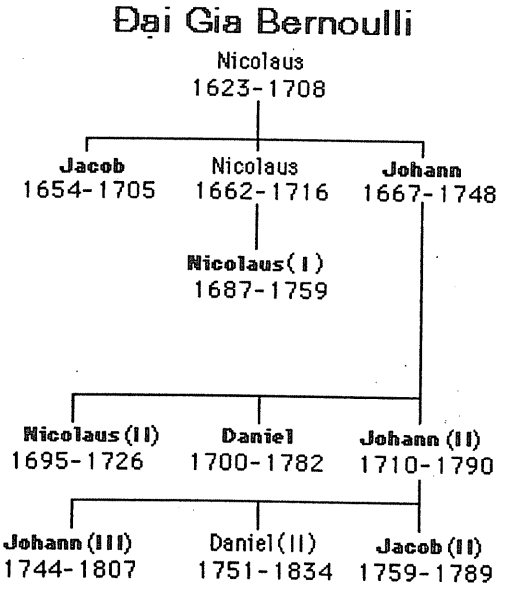

Người đứng đầu bảng phổ hệ Bernoulli trên đây là Nicolaus Bernoulli. Nicolaus thừa kế cơ sở thương mại buôn bán đồ gia vị của thân phụ ông, khởi nghiệp trước hết ở Amsterdam và sau đó ở Basel, một thành phố bên bờ sông Rhine, Thụy Sĩ. Gia đình Bernoulli là một trong những gia đình Huguenot, theo đạo Tin Lành, đến từ Antwerp vào năm 1583, chạy trốn cuộc tàn sát bởi những người theo đạo Cơ-Đốc. Thoạt tiên, gia đình đến Frankfort, Đức, sau đó sang định cư tại Basel. Nicolaus, người sáng lập 'triều đại' Bernoulli, là một công dân quan trọng của Basel, hội viên hội đồng thành phố và là một quan tòa. Ông kết hôn với con gái của một trong những gia đình cổ nhất của thành phố có nhiều thành viên là giám đốc ngân hàng hay thuộc đẳng cấp lãnh đạo thị xã. Gia đình Bernoulli, cả hai bên nội ngoại, đều có truyền thống buôn bán lớn nếu không nhắc tới vài trường hợp ngoại lệ cho thấy cũng có khi gia đình không theo truyền thống ấy mà lại đi vào y nghiệp. Tuy vậy, tài năng toán học có lẽ vẫn luôn luôn tiềm tàng đâu đó, trong gia đình phú thương tài ba này và khi nó phát hiện, nó phát hiện một cách mạnh mẽ. Ông già Nicolaus có ba người con: Jacob, Nicolaus và Johannes.

Con nhà tông

Một đề từ của Jacob là *Invito padre sidera verso* - Trái với ý muốn của cha tôi, tôi khảo cứu những vì sao. Đó là dấu hiệu đầu tiên về sự bột phát toán học trong gia đình Bernoulli. Bị cha mẹ thúc ép phải học triết và thần học, mặc dù miễn cưỡng, Jacob cũng tốt nghiệp Đại Học Basel với bằng thạc sĩ triết học (tạm dịch bằng 'thạc sĩ', Master of Science, M.Sc. hay Master of Arts, M.A.) năm 1671 và bằng cử nhân thần học năm 1676. Trong thời gian này, Jacob học thêm toán và thiên văn, trái với ý muốn của cha mẹ. Điều đáng chú ý là trước Jacob, gia đình không có ai sở trường toán học. Ông tự học một mình toán vi tích phát minh bởi Leibniz.

Sau khi học xong thần học, Jacob đi các nước Âu Châu trong nhiều năm rồi trở về Basel dạy Cơ Học vào năm 1683. Từ năm 1687 cho đến khi mất, ông được cử vào ghế giáo sư Toán tại trường Đại Học Basel, trường đại học đầu tiên của Thụy Sĩ, thành lập bởi Giáo Hoàng Pius II vào năm 1460. Jacob là người đầu tiên đem vào toán danh từ 'tích phân' - integral. Ông đã hệ thống hóa, làm phát triển xa hơn những phát minh của Leibniz, và áp dụng vào những bài toán mới. Những đóng góp của ông về hình học giải tích, lý thuyết xác xuất và phép tính biến thiên (calculus of variations) là những đóng góp có tầm quan trọng cao nhất. Vì phép tính biến thiên sẽ còn xuất hiện nhiều lần trong những công trình khảo cứu của Euler, Lagrange, Hamilton và vì nguyên lý biến thiên là một nguyên lý nòng cốt của Vật Lý lý thuyết hiện nay, ta hãy nói qua về phép tính này.

Phép tính biến thiên có nguồn gốc rất cổ. Theo một truyền thuyết, khi xây dựng Carthage, thành phố này được cho phép có một miếng đất mà chu vi là đường cầy của một người có thể cầy vòng quanh được trong một ngày. Tất nhiên người ta muốn có một miếng đất càng rộng càng tốt. Phát biểu theo toán học: cho một chu vi nhất định, ta sẽ phải chọn hình nào cho có diện tích lớn nhất. Lời giải là một hình tròn (coi bộ hiển nhiên tuy không dễ chứng minh). Jacob giải bài toán này và diễn dịch lý thuyết rộng thêm nữa.

Sau khi Jacob mất, luận án lớn về lý thuyết xác xuất của ông, *Ars Conjectandi*, được xuất bản vào năm 1713. Luận án này hãy còn chứa đựng nhiều giá trị về lý thuyết xác xuất cùng những ứng dụng cho các ngành bảo hiểm, thống kê và nghiên cứu toán học về di truyền.

Một khảo cứu khác của Jacob chứng minh ông đã đi rất xa trong toán vi-tích phân: tiếp tục công trình của Leibniz, Jacob khảo cứu hình dạng của một dây xích nặng được giữ cố định ở hai đầu. Bài toán này không phải chỉ là một tò mò bình thường. Ngày nay nó được áp dụng trong việc xây cất cầu treo và đường căng dây điện cao thế. Bây giờ, tuy chỉ còn là bài tập cho một lớp về vi-tích phân hay cơ học, vào thời Jacob, đó là một bài toán mới và khó.

Johannes, em của Jacob, không bắt đầu là một nhà toán học mà là một bác sĩ. Cha ông muốn sắp xếp ông vào công việc thương mại của gia đình, bắt chước anh, Johannes 'làm loạn', trước hết theo học nghề y và nhân văn. Ở tuổi 18, ông đã có bằng thạc sĩ. Sớm nhận ra rằng mình nhầm khi chọn nghề y, ông đổi sang toán, học với anh là Jacob. Năm 1695, ông được bổ nhiệm lần đầu tiên làm giáo sư Toán tại Groningen, Hòa Lan, sau đó, kế vị ghế giáo sư Toán tại Basel vào năm 1705, thay thế bào huynh vừa qua đời.

Năng lực sản xuất toán học của Johannes còn phong phú hơn cả anh ông, đã đóng góp rất nhiều trong việc truyền bá toán vi-tích khắp Châu Âu.

Ông nghiên cứu mọi thứ, ngoài toán, còn có cả vật lý, hoá học và thiên văn. Về phương diện ứng dụng, Johannes đóng góp nhiều về quang học, ông viết về lý thuyết cho nước thủy triều cùng cánh buồm cho tàu bè. Mạnh khỏe cả thân thể lẫn tinh thần, Johannes làm việc cho đến vài ngày trước khi mất ở tuổi tám mươi.

Nicolaus, em của Jacob và anh của Johannes, cũng là một nhà toán học xuất sắc. Cũng giống anh em ông, Nicolaus bắt đầu bằng một chọn lựa nhầm. Ông lấy bằng tiến sĩ triết học ở tuổi mười sáu tại trường Đại Học Basel, ở tuổi hai mươi có thêm bằng cao nhất về luật. Thoạt đầu, ông là giáo sư Luật tại Bern trước khi trở thành giáo sư Toán tại St Petersburg bên Nga. Ông được trọng vọng đến độ khi ông tạ thế, Nữ Hoàng Catherine đã cho phép cử hành tang lễ ông bằng công quỹ quốc gia.

Hay giống ...

Vẫn chuyện di truyền ở thế hệ toán thứ hai. Johannes cố ép người con thứ hai, Daniel, vào làm thương mại. Daniel nghĩ là mình thích nghề y và trở thành một y sĩ nhưng sau đó lại quay về nghiệp toán. Ở tuổi mười một Daniel bắt đầu học toán với anh là Nicolaus III, chỉ lớn hơn ông năm tuổi. Daniel và Euler là bạn rất thân, đôi khi cũng là đối thủ. Cũng giống Euler, Daniel Bernoulli thắng giải hàng năm của Hàn Lâm Viện Pháp đến mười lần (một vài lần được giải này cùng với những ứng viên khác, ta sẽ trở lại chuyện này). Một trong những công trình lớn của Daniel Bernoulli là về thủy động học, được phát triển đồng đều từ một nguyên lý duy nhất là nguyên lý bảo toàn năng lượng. Tại sao máy bay bay được mà không rơi hay lúc bạn rửa xe, muốn cho nước chảy mạnh hơn, bạn lấy ngón tay bịt bớt vòi nước lại; những hiện tượng này có thể được cắt nghĩa bởi nguyên lý Bernoulli (Daniel).

Năm 1725, ở tuổi hai mươi lăm, Daniel Bernoulli được bổ nhiệm giáo sư toán tại St Petersburg. Tình trạng kèn cựa, nghi kỵ ở đây khiến ông khó chịu nên ông trở về Basel tám năm sau mặc dầu lúc đó không có chỗ nào thích hợp cho ông. Ông nhận làm giáo sư cơ thể học và thực vật học trước khi chuyển sang vật lý. Công trình khảo cứu của Daniel bao gồm toán vi-tích phân, phương trình vi phân, xác xuất, lý thuyết về dây đàn, cùng nhiều vấn đề thực nghiệm khác. Daniel Bernoulli được coi là người mở đầu cho ngành toán vật lý (mathematical physics).

Nhà toán học thứ ba thuộc thế hệ thứ hai, Johannes II, em của Nicolaus III và Daniel, cũng bắt đầu nhầm lẫn như những người đi trước ông. Khởi sự học luật, ông trở thành giáo sư Luật tại Basel trước khi được bổ nhiệm vào ghế toán học, kế vị chức vụ của thân phụ ông. Khảo cứu của ông phần lớn chuyên về vật lý lý thuyết và đủ xuất sắc để được Hàn Lâm Viện Pháp trao giải đến ba lần.

Johannes III, con của Johannes II, vẫn lập lại truyền thống bắt đầu nhầm của gia đình. Cũng giống cha, ông bắt đầu bằng Luật và có bằng tiến sĩ. Năm 18 tuổi, ông đổi nghề, được cử vào chức Thiên Văn Hoàng Gia tại Berlin. Khảo cứu của ông bao gồm thiên văn, địa lý và toán.

Jacob II, một người con khác của Johannes II, cũng bắt đầu với Luật để rồi sau đổi sang Vật Lý ở tuổi hai mươi mốt. Quay lại với toán, ông trở thành thành viên của Viện Hàn Lâm St Petersburg trong nhóm Toán và Vật Lý, tương lai cũng đầy hứa hẹn nhưng tiếc rằng ta không biết gì thêm nữa vì ông bị chết đuối sớm, ở tuổi ba mươi.

Danh sách thành phần toán học của gia đình Bernoulli chưa hết, nhưng những người khác không xuất sắc như những thế hệ kể trên. Có người cho rằng tông giống di truyền sau mấy đời đã bị 'loãng' đi. Một quyết đoán khác cũng vững chãi không kém là với phát minh về toán vi-tích của Newton và Leibniz, bộ môn toán học bước vào thịnh thời sôi bỏng, đó là lúc những thiên tài như mấy thế hệ Bernoulli vào đó để vùng vẫy, vui chơi, sau đó tuy thiên tài vẫn còn đấy, nhưng họ đi tìm nguồn vui ở nơi khác, không nhất thiết phải là toán học.

Và những tên trộm ngựa

Ta đã thấy gia đình Bernoulli cho đến ngày nay, gồm toàn những người thành đạt, vượt xa trung bình, không có ai đi ăn trộm, nhất là ăn trộm ngựa! Vậy mà qua những trao đổi của vài thành viên Bernoulli toán, giáo sư E. T. Bell đã mô tả ngôn ngữ của họ 'lủa tủa những từ vựng dành cho những tên trộm ngựa' (Some of their letters about mathematics bristle with strong language that is usually reserved for horse thieves).

Không có lý do gì để nghĩ rằng giáo sư Bell cường điệu. Điều đó chứng minh hai việc: thứ nhất, người ta không nhất thiết phải thực sự đi trộm ngựa mới có thể trở thành một tên trộm ngựa; thứ hai, một nhà khoa học, dù là khoa học đại

danh gia như một vài Bernoulli, thì tất cả cũng chỉ là người, nghĩa là cũng yêu, cũng ghét, cũng cao thượng, cũng nhỏ nhặt, có thể rất rộng rãi mà cũng có thể rất biển lận, tóm lại rất có khả năng để làm... một tên trộm ngựa như một số người trong nhân loại thôi. Ta hãy xem.

Trong toán học, cũng như trong bất cứ hoạt động nào của loài người, ganh đua, kèn cựa là điều không tránh được. Thường thường, đó là những ganh đua lành mạnh, thân thiện, nhưng không phải lúc nào cũng được như vậy. Có những ganh đua rất bệnh hoạn.

Ta còn nhớ Jacob đã giữ ghế giáo sư Toán tại Basel khi ông dậy em là Johannes học toán. Tuổi trẻ tài cao (Jacob hơn Johannes đến mười hai tuổi), hai năm sau, Johannes không những đã theo kịp mà còn vượt cả tài anh. Hai người nghiên cứu chung toán của Leibniz và thường cùng khảo cứu những bài toán tương tự như nhau. Chẳng bao lâu, liên hệ giữa hai người đi từ chỗ cộng tác đến chỗ đối thủ. Là người dạy em học, ông anh không chấp nhận cho em cùng vai vế với mình về phương diện toán học. Khi Johannes giải được một bài toán phức tạp trước anh, Jacob nói Johannes là 'học trò' của mình, và tuyên bố những thành tích mà Johannes đạt được chẳng qua chỉ là lập lại những điều thày đã dạy. Đó là những lời tuyên bố rất bất xứng. Jacob Bernoulli tiếp tục tấn công em một cách không cần thiết và thật đáng xấu hổ như thế, nhất là từ sau năm 1697, khi ấy Johannes là giáo sư Toán tại Groningen. Có lẽ Jacob nhận biết giữa hai người, Johannes là nhà toán học giỏi hơn, do đấy ông luôn luôn cảm thấy bị xúc phạm.

Johannes rất ghét cách bị ông anh coi thường, hai người chỉ trích khảo cứu của nhau trước công chúng. Có những lúc thư từ trao đổi đầy giận dữ, qua đó, những câu lăng mạ nhau cũng có tầm cỡ ngang với bài toán đang được bàn cãi ('ngôn ngữ dành cho những tên trộm ngựa' như giáo sư Bell viết).

Phải nói thêm rằng trong cuộc cãi vã giữa hai anh em, Jacob không hoàn toàn đáng trách; thái độ hãnh tiến của Johannes là lý do đầu tiên khiến Jacob giận dữ. Những xung đột gia đình chưa chấm dứt ở đây. Thật khó mà tưởng tượng nổi Johannes nghĩ gì trong đầu khi ông kèn cựa với cả con trai của mình là Daniel. Năm 1734, Daniel dự thi lấy giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp. Kết quả trở thành đáng tiếc vì ông bố cũng dự thi, khi hai cha con đoạt chung giải, Johannes tức giận vì Daniel được chấm bằng ông. Từ St Petersburg trở về, Daniel bị bố cấm cửa không cho vào nhà.

Tồi tệ, nhơ nhớp hơn nữa là Johannes đã lấy công trình khảo cứu của Daniel rồi đem xuất bản dưới tên mình. Năm 1734, Daniel tuyên bố sẽ cho xuất bản *Hydrodynamica*. Thấy vậy, Johannes tuyên bố sẽ cho xuất bản *Hydraulica*, một công trình khảo cứu mà ông đã làm xong... từ hai năm trước. Khi rời St Petersburg, Daniel để lại bản thảo ở đó để in; mãi đến năm 1738, Thủy Động Học - Hydrodynamica - mới ra đời với đôi chút sửa chữa về hình thức. Đó là một trong những khảo cứu quan trọng của Daniel. Năm sau Johannes cho xuất bản Hydraulica, với nội dung giống hệt khảo cứu của Daniel nhưng Johannes đã cố tình làm ra vẻ như Daniel đã viết Hydrodynamica dựa vào Hydraulica, bằng cách để sai năm xuất bản sách của mình là 1732 thay vì năm thật của nó là 1739. Trong vụ này, Daniel hoàn toàn vô can, không có bằng cớ nào chứng tỏ rằng Daniel đã làm điều gì sai trái, bù lại, còn tỏ ra rất tử tế với cha: ở ngay trang đầu Hydrodynamica, Daniel đã ký 'Daniel Bernoulli, con của Johannes'.

Đôi khi người ăn trộm ngựa bị mất ngựa. Trong chuyến đi sang Pháp, Johannes gặp hầu tước de l'Hôpital, có lẽ là nhà toán học có khả năng nhất Paris lúc bấy giờ tuy không cùng tầm cỡ với Bernoulli. De l'Hôpital rất vui sướng thấy Johannes hiểu phương pháp toán vi tích của Leibniz lúc đó mới được phổ biến, bèn xin Johannes dậy phương pháp mới này. Johannes nhận lời cho de l'Hôpital thụ giáo tại Paris, rồi tại nhà ở đồng quê và tiếp tục đến khi về lại Thụy Sĩ vẫn cho bài hàm thụ. De l'Hôpital trả lương Johannes rất hậu, (có sách nói bằng một nửa số lương giáo sư của de l'Hôpital). Đây đúng là một 'cua pạc' nguyên thủy, cao cấp đầu tiên! Cuộc gặp gỡ này đem lại cho de l'Hôpital một chỗ ngồi trong lịch sử toán học khi ông này cho xuất bản cuốn sách *Analyse des infiniments petits pour l'intelligence des lignes courbes* vào năm 1696, viết dựa trên những bài học Johannes Bernoulli đã gửi. Ngày nay, nếu bạn đọc nào còn nhớ ở trung học đã dùng luật de l'Hôpital để tính giới hạn cho một dạng vô định thì nay biết thêm rằng luật đó chính là của Johannes Bernoulli.

Sau khi de l'Hôpital mất vào năm 1704, Johannes phản đối mạnh mẽ, đòi lại ngựa, nói chính ông là tác giả của *Analyse*... Tuy nhiên không mấy người tin, phải chờ đến năm 1922 mới có chứng cớ khi người ta tìm thấy một bản những bài học của Johannes tại Basel; nội dung của *Analyse* giống y hệt những bài học này tuy có khác ở chỗ một vài sai lầm đã được sửa chữa.

09/2002

NA UY: THIÊN ĐÀNG HẠ GIỚI?

QUỲNH ANH

Trong bản báo cáo mới đây của Liên Hiệp Quốc, Na Uy được xem là quốc gia có đời sống có phẩm chất cao nhất thế giới. Liên Hiệp Quốc đã định nghĩa ra một Chỉ Số Phát Triển Con Người, tiếng Anh là Human Development Index để lượng định sự phát triển của một quốc gia. Thay vì chỉ nhìn vào Tổng Sản Lượng Quốc Gia để đánh giá mức phát triển của một nước, Chỉ Số Phát Triển Con Người còn xét đến các yếu tố khác như tuổi thọ của người dân, trình độ giáo dục và lợi tức của họ. Về nhì sau Na Uy là Thụy Điển, sau đó là Gia Nã Đại. Nước Mỹ đứng hạng sáu chung với nước Bỉ và Úc. Trong số 162 quốc gia, nước Việt Nam đứng hạng 101 theo Chỉ Số Phát Triển Con Người. Các nước cuối bảng hầu hết là các nước Phi Châu. Hôm nay chúng tôi xin mời quý vị tìm hiểu Na Uy và hệ thống giáo dục của nước này.

Na Uy là một nước Bắc Âu với dân số hơn 4 triệu người. Na Uy nằm dọc bờ biển Bắc Hải và Bắc Đại Tây Dương ráp ranh với Phần Lan, Thụy Điển và Nga. Na Uy có khí hậu lạnh, có nhiều núi gập ghềnh, nhiều hải đảo và vịnh nhỏ dọc bờ biển. Nhận xét đầu tiên của người du lịch tới Na Uy là đời sống mắc mỏ quá. Một ly bia ở đây giá 56 Kroner Na Uy tương đương với khoảng 7 đồng rưỡi đô la Mỹ hay 114 ngàn đồng Việt Nam. Nhưng lương ở Na Uy cũng rất cao. Nhiều người cho rằng Na Uy là thiên đàng thế giới. Người dân được hưởng một hệ thống an sinh xã hội rất tốt phụ giúp họ từ lúc chào đời cho tới khi chết. Người mẹ sanh con được quyền nghỉ ở nhà và hưởng 52 tuần lương ở mức 80% của lương bình thường của mình hoặc bà có thể nghỉ tám tháng ở nhà với số lương trọn vẹn. Hệ thống giáo dục có phẩm chất rất cao, hầu hết là trường công, không có trường tư mắc mỏ dành cho con nhà giàu. Giáo dục cưỡng bách và miễn phí cho tới hết trung học. Đại học cũng miễn phí. Mục tiêu giáo dục là cung cấp cho người dân một dịch vụ giáo dục đứng hàng đầu thế giới và được hưởng bởi tất cả mọi người. 6.8% tổng sản lượng quốc gia đượoc bỏ vào giáo dục so với trung bình là 4.9% tại các nước phát triển khác. 54% người trẻ trên 16 tuổi đã học xong trung học và 26 % học đại học. Người thất nghiệp được hưởng trợ cấp khá cao, ngày nghỉ bệnh được cho rộng rãi và ai cũng được tiền cấp dưỡng trong tuổi già. Hệ thống lưu thông công cộng rất tốt. Xe lửa Na Uy còn có cả những toa dành riêng cho em bé dưới 2 tuổi với chỗ để thay tã. Nhưng ngược lại, người dân Na Uy phải đóng thuế rất cao, mức thuế ở Na Uy lên tới 50%. 60% giá một chiếc xe mới là do tiền thuế. Người dân Na Uy nói rằng họ đi làm để sống,chứ không phải sống để đi làm. Mục đích sống của họ là sống với thiên nhiên. 3g chiều ngày thứ sáu, thành phố Oslo vắng ngoe, vì mọi người đã vội vã ra khỏi sở để về miền quê. Miền quê là miền núi, miền biển, nơi người dân Na Uy chơi đủ thứ thể thao: trượt tuyết, trượt trên giày có bánh xe tiếng Anh gọi là skating, đi bộ, chèo thuyền, ngồi trên xe trượt tuyết do chó kéo v.v... Một bà bác sĩ Úc tới thăm một người bạn bác sĩ người Na Uy tại Oslo ngạc nhiên thấy người Na Uy sống trong những căn chung cư nhỏ hẹp trong thành phố. Bà bạn Na Uy trả lời rằng gia đình bà chỉ sống tạm trong thành phố để đi làm nhưng đời sống thật của họ là những ngày cuối tuần ở vùng núi. Nhiều người dân Na Uy có thêm 2, 3 nhà nghỉ mát khác ở vùng quê. Vào mùa hè tháng 7, thành phố Oslo rất vắng lặng vì hầu như cả nước đã bỏ về vùng quê. Ký giả Úc Paul Vallely đi thăm Na Uy kể lại rằng người Na Uy than giá cả sinh hoạt mắc mỏ nhưng cũng có tinh thần bình đẳng xã hội rất cao. Họ than rằng giá thức ăn cao nhưng như thế người nông dân được bảo vệ cũng tốt thôi. Luật lệ về uống rượu khắt khe đấy nhưng như thế cũng có điểm tốt. Hệ thống an sinh xã hội rất tốt khiến người dân phải đóng thuế cao, có thể làm cho một số người lạm dụng thiếu trách nhiệm nhưng cũng tốt thôi vì Na-Uy không bỏ rơi ai hết, không có người nghèo. Một nhà báo Na Uy nhận xét rằng: 'Xã hội của chúng tôi thật sự công bằng. Chúng tôi không có giai cấp quý tộc, không có một hệ thống tôn vinh vinh dự, không có trường tư trừ những trường tôn giáo hay có đường lối giáo dục đặc biệt như Steiner, Montessori. Lương bổng của chúng tôi cách biệt rất ít. Dân chúng tôi

không thích bất cứ cái gì đi ngược lại với cái ý là mọi người phải bằng nhau.' Tinh thần này có điểm tiêu cực và tích cực của nó, có thể thấy được trong ý niệm jante và dugnad của người Na Uy. Jante là lệ làng cho rằng người ta không nên vượt quá chính mình. Ý niệm này có thể cản trở tinh thần sáng tạo vì vậy mà người Na Uy cứ than rằng dân họ chưa ai được nhận giải Nobel. Dugnad là ý niệm Mình làm chung với nhau, mọi người đều phải đóng góp chung vào xã hội, hưởng cái vui cũng như cái khổ. Dugnad có nghĩa là hai lần trong năm ai cũng phải đến trường để lau chùi hay trang trí. Ông Jonas Gahr Stor, khi còn làm trưởng nhân viên cho Thủ Tướng Na Uy, khi tới phiên ông làm Dugnad vẫn tự nhiên ra về lúc 2g15 để đi thu dọn trường học. Ông nói rằng: 'Mọi người đều chấp nhận chuyện đó ngay cả trong những văn phòng quyền lực cao nhất, giống như việc mọi người chấp nhận chuyện người cha ra về lúc 4g chiều khi tới phiên ông ta đi đón học con.' Ông Gahr Stor thêm rằng mọi người không nghĩ rằng người cao cấp được miễn những việc này, mà còn nghĩ ngược lại đàng khác.

Nước Mỹ tự do tạo được phát triển kinh tế cao nhưng vẫn còn nhiều chênh lệch về lợi tức. Nước Na Uy thích sự công bằng và mô thức chính trị xã hội. Họ tạo được những thành quả gần như không thể tưởng tượng được: họ có mức sinh đẻ cao nhất trong các nước phát triển và số phụ nữ đi làm cũng cao nhất. Ông Gahr Stor, chủ tịch của Econ, trung tâm tư tưởng hàng đầu của Na Uy (gọi là think tank) nhận xét rằng: 'Chúng tôi giữ được mức cạnh tranh kinh tế của chúng tôi vì chúng tôi có được một lực lượng lao động có mức giáo dục cao hàng đầu trên thế giới. Lực lượng lao động này có thể thích ứng rất dễ với các kỹ thuật mới'. Nước Na Uy hiểu rằng khi họ đầu tư vào con người, điều này không những lý tưởng về mặt chính trị, đúng về mặt đạo đức mà còn rất khôn ngoan về mặt kinh tế. Nhưng ông Paul Sand thuộc viện đại học New Hampshire thì cho rằng sở dĩ Na Uy thực hiện được thiên đàng xã hội của mình là do lợi tức thu về từ tài nguyên dầu hỏa phong phú của họ.

Source: What is the greatest place on earth ?, Paul Vallely, The Week End Australian Magazine, Aug 31 and Sep 1, 2002.

LƯU HY LẠC

Ở KT.

Nghe đâu đó dường đầu cây
giọng tu hú đầy chén mây đêm trời,
mặt trăng/ sao túa nói cười
rót cơ man toàn những lời chứa chan.
đeo chi khẩm mũi đò ngang.

Lời tự tâm phơi một sàng
hoa màu rủ lòng sông làn khói nương.
mai này rồi ơi, trời sương !
ai thồ ngựa, ai đèm trường tĩnh tâm.
quảy chi nải kinh, hương trầm

Đi về thôi giờ quẻ xâm
ngồi lưng dốc mà mơ tầm nã nhau.
đã mười phương khua môi chào
chỉ bầy quạ đứng nguyên sào lặng yên,
tiếc chi lũ mèo trên hiên.

ĐỌC 'TUYẾT XƯA' CỦA TRẦN NGỌC NINH

LÊ BẢO XUYẾN

(Trình bày trong buổi ra mắt sách Tuyết Xưa tại Viện Việt Học, Nam California, ngày 29/9/2002)

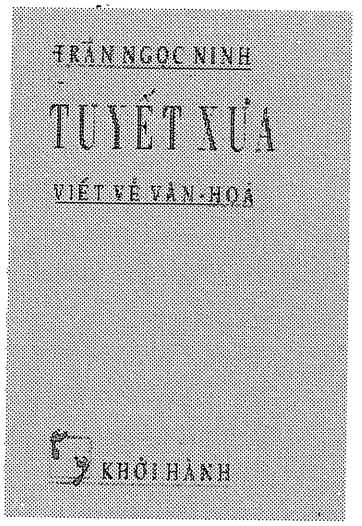

Đứng ở đây ngày hôm nay để nói chuyện với quí vị về một cuốn sách mới là một vinh dự đặc biệt mà tác giả, Giáo sư Trần Ngọc Ninh đã dành cho tôi.

Cách đây không lâu, tình cờ tôi gặp Giáo sư Ninh ở một Hội nghị. Chuyện trò tay bắt mặt mừng xong, G.s. Ninh giắt tôi đến bàn trưng bày sách y khoa VN, rút ra một cuốn sách mà G.s. vừa hoàn thành. Như một người ông nâng niu một đứacháu mới ra đời, Gs. đưa cho xem cuốn sách bìa màu xanh, bên trong giấy velun màu ngà, tựa đề in chữ bạc, đẹp giản dị, thanh nhã. Thấy hai chữ Tuyết Xưa, tựa đề của cuốn sách, tôi buột miệng kêu : "Đây là les neiges d'antan"! Thế là ngay tại chỗ, hai chữ "neiges d'antan" đã thành dây cảm thông giữa tôi và tác giả Tuyết Xưa.

Tuyết Xưa là một tập tản văn tác giả Trần Ngọc Ninh đã viết trong nhiều năm. Sau đây là một vài cảm nghĩ rất thành thật của tôi về tác phẩm.

Đọc một quyển sách là bước chân cùng với tác giả vào một cuộc phiêu lưu có hướng dẫn, đi tìm những cảm giác, những cảm xúc, cảm nghĩ mới lạ.

Mở Tuyết Xưa ra đọc, tôi thấy như một người bộ hành đột nhiên được đặt trước một phong cảnh mờ ảo có một sức thu hút lạ lùng. Tôi phải bước dật lùi để dần dần thu nhận: càng lùi thì phong cảnh càng mở rộng, càng thêm chiều sâu, càng thêm phong phú. Đến hết đường, ngừng lại. Trước mắt tôi là một bức tranh đẹp làm tôi rung động và bàng hoàng.

Bàng hoàng vì sự uyên bác của tác giả trong nhiều lãnh vực. Rung động bởi lòng thiết tha với dân, với nước, với văn hóa Việt Nam, bởi con mắt thẩm mỹ đặc biệt của ông, phong cách ông cẩn trọng và gần gũi độc giả, lời văn trong sáng và chính xác.

Hành trình xuyên qua "Tuyết Xưa" thật là hứng thú. Kể từ tựa đề Tuyết Xưa, cái tên đã làm cho tôi và một số bạn có nghe nói đến quyển sách đã lâng lâng ngâm nga : "Mais où sont les neiges d'antan?" ("Nhưng những tuyết xưa nay là nao?") Rồi đến cách tác giả "Việt hóa" bài thơ cổ thế kỷ thứ 15 của Francois Villon, bài thơ đã cho quyển sách cái tựa đề Tuyết Xưa. Trước hết tác giả phân tích quan niệm về **cái Đẹp** của thi sĩ Villon. Cái Đẹp với Villon có nhiều hình dạng. Có người đẹp lộng lẫy về dung nhan và thân hình như Flora

và Thais. Có người đẹp vì mối tình đẹp não nùng như Héloise. Còn có người đẹp vì cuộc đời đẹp oanh liệt như Jeanne D'Arc. Rồi tác giả dùng những mẫu hình đó ở Tây Phương để chuyển sang thơ Việt Nam với những người đẹp Đông Phương :

Chiêu Quân xưa Hán cống Hồ
Việt ***HuyềnTrân*** *lại Trà Bồ sang ngang*
Thái Chân *một giải lụa vàng*
Mị Châu *một kiếm đoạn trường chưa tiêu...*
Châu Phong dấy nghĩa ***Nhị Trưng***
Triệu Vương *nịt vú lấy lừng đầu voi.*

Nói tóm lại, tác giả đã mượn văn chương Pháp để tô điểm cho văn hóa nước nhà.

Trong chương đầu, tác giả cùng Francois Villon, Verlaine, Vũ Hoàng Chương v.v... say sưa nuối tiếc và nhớ nhung "cái thời xưa còn trẻ và còn trong trắng của mình, cái thời xưa không bao giờ có thể lấy lại được và không biết là đi đâu." Tuy vậy tôi vẫn thấy phảng phất một không khí lạc quan. Nuối tiếc nhưng không vô vọng như khi ta thấy tác giả lấy hai câu thơ của Nguyễn Du: "Hoa tàn mà lại thêm tươi/ Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa" để nói lên niềm tin rằng Đoạn Trường Tân Thanh, trong hậu thế sẽ còn đẹp hơn là trong thời trước, mặc dầu nước ta đang thoát dần ra ngoài vòng ảnh hưởng độc tôn của Trung Hoa để mở rộng ra tất cả thế giới của loài người.

Thêm nữa, đến cuối chương, tác giả không còn vọng quá khứ, ông đổi chiều hướng, nhìn vào tương lai các bài tản văn xưa của ông. Vẫn dùng hình ảnh tuyết, ông đã khéo léo chuyển hình dạng tiêu tan sang thực chất tồn tại của nó, tức là nước: "Nước ngấm vào đất để nuôi dưỡng sự sống của cỏ cây sinh vật." Tôi đánh bạo giải thích dụng ý của tác giả như thế này: văn chương rồi sẽ tiêu tan như tuyết xưa, nhưng tư tưởng chứa đựng trong đó là cái thực chất sẽ còn tồn tại để nuôi dưỡng các thế hệ mai sau.

Theo thiển ý, tác giả dụng ý đưa ra bài thơ Tuyết Xưa của Villon trong chương mở đầu tác phẩm để trình bày ba hình thái của cái Đẹp cùng với thực chất tồn tại của tư tưởng chứa đựng trong các bài tản văn để làm kim chỉ nam cho độc giả.

Tác giả đã viết văn, làm báo từ khi còn là một sinh viên Y khoa ở Hà Nội. Một số bài từ hơn năm mươi năm trước ấy đã được sưu tập lại, như những bài về Hà Nội bụi bậm, Hà Nội đường phố lồi lõm ổ gà, Hà Nội với những xe phân ban đêm v.v... Tôi đã chọn bài phóng sự Nuôi Con. Tôi cho là tựa đề Buồn và Đẹp – mượn của Kawabata – hoàn toàn thích hợp với thiên phóng sự này. Nuôi con đây không phải chỉ là nuôi nấng, dạy dỗ con, mà còn là thực tế nuôi dưỡng như đẻ nhiều, như mớm cơm cho trẻ sơ sinh. Người phóng viên trẻ tuổi điêu luyện tả một con bé mới sáu tuổi mớm cơm cho em. Bẩn thỉu, nhày nhụa, ghê tởm làm tôi rùng mình. Người sinh viên y khoa trong tiềm thức của người phóng viên, tuy ca tụng sự đẹp và cao quý của tình mẫu tử, đã chỉ trích nặng nề cách nuôi con dại dột, ngu dại, của các bà mẹ. Tôi nghĩ nếu chúng ta để sang một bên sự nuôi con thiếu vệ sinh này, thì chúng ta sẽ thấy lòng dũng cảm, tính kiên trì của các bà mẹ Việt Nam âm thầm đấu tranh với sự nghèo khổ, với những bất công của xã hội, để sinh tồn. Các bà mẹ này rất đẹp và đáng được ngang hàng với những người đẹp vì những cuộc đời oanh liệt. Đây là sự sống còn trong một môi trường rất ác nghiệt không khác gì thời con người còn sống với đoàn hầu nhân. Nhưng phải giúp cho toàn dân ra thoát sự nghèo khổ và ngu tối để những thế hệ trẻ trong tương lai có thể sống mạnh và sống vui.

Tôi nhận thấy là, nửa vô tình, nửa hữu ý, tôi vừa "mượn" một câu tác giả dùng khi ông lập luận về sự xuất hiện của văn hóa. Có lẽ tại vì tôi hãy còn ở dưới sức thôi miên của sách!

Đây là phần thứ hai của sách. Tôi đã say sưa đọc tài liệu nghiên cứu này như đọc một quyển tiểu thuyết, liên tiếp giở trang, không ngừng. Ngang hàng với sự uyên bác của tác giả, tôi khâm phục cách ông "tiêu hóa" công trình nghiên cứu sâu rộng về một đề tài phức tạp như tiền sử và nhân văn học, để trình bày vấn đề văn hóa dưới một hình thức dễ hiểu, mà lại không phải là giản dị hóa vấn đề. Phần tác giả viết về văn hóa là một kho tàng quí báu. Cho những ai trong chúng ta muốn tìm hiểu về văn hóa đại cương, lịch sử văn hóa Việt Nam, đây là một tài liệu rất đầy đủ, trình bày, như tôi nói trên, một cách giản dị, dễ hiểu, minh bạch.

Nhưng đặc sắc nổi bật của "Tuyết Xưa" là, mặc dầu tác phẩm này trình bày các vấn đề một cách nghiêm túc với những tài liệu rất mới của các khoa học xã hội, nhưng tác giả vẫn đưa lại cho độc giả nhiều thích thú. Cái gì ta yêu thích thì ta quí, cái gì ta quí thì ta gìn giữ lâu dài. Về điểm này, tôi mượn lời của Kléber Haedens, một nhà phê bình văn chương mới của Pháp : "Chúng tôi nghĩ ta không nên đến với văn học như đi vào một cái nghĩa địa" ("Nous avons pensé qu'il ne convenait pas de fréquenter la littérature comme

un cimetière"). Bình luận này cũng có thể áp dụng được cho nhân học văn hóa, như tác giả đã làm trong quyển Tuyết Xưa.

Tỷ dụ như, cái thú đi theo tác gia khi ông lập luận về sự chớm nở của văn hóa. Trong giai đoạn này, loài người vươn lên khỏi lối sống hoàn toàn theo sinh lý và thiên năng của các loài vật khác. Để sống còn và để đối phó với những thách thức và đòi hỏi của sự đổi đời, một sự sáng tạo lạ lùng đã được phát minh. Cơ cấu não bộ dần dần từ đời này sang đời khác sáng lập ra một chính sách **thông tin** đưa đến ngôn ngữ. Và dần dần dựng lên những **phân biệt** nghĩa là những **cặp đối nghịch** : cái sáng, cái tối; cái nhanh, cái chậm; cái ngọt, cái đắng; cái ta, cái không ta; cái ăn được và cái không được ăn. Giống hệt như trẻ con, lúc óc còn non nớt, tập sự trở thành người lớn. Có ai nghĩ đến rằng do nhu cầu **tổ chức** và sự chia ra từng "đàn" để phân công tự nhiên trong các bộ lạc và khóm, mà trong dân tộc Việt Nam thái cổ đã có sự phân cách Đàn ông và Đàn bà khác không? Trên toàn thế giới chỉ có văn hóa Việt Nam dùng danh từ đàn ông đàn bà để phân cách nam nữ. Tuy rằng sự phân cách này không còn nữa, hai danh từ vẫn tồn tại. Và như tác giả viết (trang 203): "Tôi không biết một ngôn ngữ nào của loài người có cái vinh dự ghi lại một điều đẹp như thế trong cơ cấu từ pháp." Sau hết, vì con người kém mạnh và kém nhanh, sự yếu kém này cần được bổ túc và trợ giúp. Một hoạt động tân kỳ đã được đặt ra để đáp ứng nhu cầu này: đấy là sự chế tạo ra những **đồ dùng.** Xin trích lời văn của tác giả: "Con người sơ thủy, trong sự phấn đấu liên tục để sống còn giữa một thiên nhiên khắc-nghiệt, đã xây dựng dần dần những mẫu hình hoạt động, gồm lại thành một nền văn hóa."

Để định nghĩa "Văn hóa là gì" tác giả đã tìm ra một côngthức thật ngắn, gỏn gọn có tám chữ : **"Văn hóa là cái mà ta khác họ."** Ông đã thận trọng cân nhắc từng chữ, ông đã dùng ngữ pháp để sáng tỏ nghĩa của hai chữ **Ta** và **Họ** . Ta là Tôi và tất cả những người có gì chung với tôi, Ta là cộng đồng Tôi. Họ là cộng đồng Nó, tức là toàn khối các Nó: nó, nó, và nó. Đối tượng của văn hóa là những hình thức sinh hoạt chung, đặc thù cho một nhóm người. Như vậy, **văn hóa là toàn bộ những khác nhau trong sự sinh hoạt của ta và sự sinh hoạt của họ.** Ta ăn họ cũng ăn, ăn không phải là văn hóa. Nhưng ta ăn cơm, họ ăn bánh mì , đó là một đề tài văn hóa. Ta và cơm bằng bát và đũa, chứ không ăn bốc, ăn xúc, với tay, với đĩa, đó là văn hóa.

Chữ **Văn Hiến** cũngtrở nên rất cụ thể và đẹp khi được tác giả nối liền với **Cái Bánh Chưng** và hai chữ **Cô Dâu, Chú Rể**. Huyền thoại **bánh chưng**, ai cũng biết. Nhưng cái mà nhiều người không biết là "**sự chia đất trong thời thái cổ được hình dung trong cách xắt bánh**". (Xin nhớ rằng trong những xã hội sơ khai, tất cả mọi công việc đều có có ý nghĩa tượng trưng). Ba cái lạt ngang và ba cái lạt dọc phân mặt bánh ra làm mười sáu ô. Mười hai ô ở bìa là ruộng tư, của dân. Ở giữa có bốn ô là ruộng công, chia ra làm bốn loại: **học điền** (giúp trẻ con làng đi học); **trợ điền** (giúp người nghèo trong làng, trợ cấp người già cả, đau yếu và những người lỡ độ đường); **lễ điền** (để lo việc thờ cúng, cầu an); **ruộng công** (việc thông tin, an ninh, trông nom nghĩa địa). Tác giả nghĩ rằng nền văn hiến bắt đầu từ đây. Tôi xin thêm rằng đây là một nền móng kiểu mẫu cho một xã hội lý tưởng, gần như một utopie, một ảo quốc mơ ước của một thời nông nghiệp.

Về **cô dâu, chú rể,** tác giả viết rằng **Rể** "là một từ-nguyên rất thú-vị mà chúng ta nhiều người không biết." Ông giảng nghĩa rằng các danh từ **Rẫy, Ruộng, Rể** đều cùng gốc với **Rễ**. Chú rể là người làm rẫy, rồi làm ruộng. Còn cô dâu là người trồng dâu. Con trai, con gái lấy nhau, gọi là **rể, dâu**. Như vậy thì sự trai gái lấy nhau có nghĩa là sự phối hợp của hai khả năng sản xuất tiêu biểu cho nền kinh tế nông nghiệp ở miền Nam của Trung Quốc, đặc biệt là ở Việt Nam là đất của huyền thoại **Cô Dệt lụa lấy Anh Chăn Trâu.**

Tác phẩm Tuyết Xưa rất đẹp, đẹp trong cả ba mặt: hình dạng, nội dung và tinh thần. Với quyển sách này, rất nhiều độc giả cũng như tôi, sẽ thú vị học hỏi thêm về văn hóa và lịch sử của thế giới nhất là của nước Việt Nam. Tôi tin tưởng rằng trong số này sẽ có nhiều em trẻ tuổi đọc xong quyển sách, tò mò muốn biết thêm về các vua Hùng Vương, về bản Bình Ngô Đại Cáo, về Hịch Chiến sĩ của vua Quang Trung, về tiếng Việt, về huyền thoại v.v... Thế là thực chất nước củaTuyết Xưa đã thành công trong sứ mạng của nó là "nuôi dưỡng sự sống của người và tất cả cỏ cây sinh vật."

Nhưng riêng tôi vẫn nghĩ rằng sau Tuyết Năm Nay, còn nhiều Tuyết nữa. Và cái đẹp của Tuyết cũng như của văn chương sẽ còn mãi mãi không bao giờ tan.

DẤU CHÂN THU

TÔN NỮ THU NGA

thân gửi chị Liên Hương / anh Châu,
cùng các bạn Hải Quân Thiên Xứng II

"Mỗi độ vào thu, lá California còn xanh ngắt, trời xám xịt khói xe thế nhưng lòng các nhà nhiếp ảnh đã nao nức tính toán các chuyến du hành chụp ảnh mùa thu." Nếu ngài Thanh Tịnh sống đến hôm nay và là một người chụp ảnh như tôi, có lẽ ông cũng viết những lời bên trên cho quý vị độc giả.

Cứ vào khoảng đầu tháng mười, chúng tôi chia ra làm nhiều nhóm đi chụp ảnh khắp bốn phương trời. Năm nay chúng tôi chia ra làm bốn nhóm đi Canada, West Virginia, Utah và Arizona. Có một cô bạn đồng nghiệp sững sờ nhìn tôi:

-Bạn lên tận trên ấy (West Virginia) chỉ để chụp hình mấy cái lá thôi đấy à?

Tôi mỉm cười:

-Chỉ có vậy thôi, chả có làm gì khác nữa!

Khi trả lời cô bạn, tôi sung sướng lắm. Hạnh phúc và niềm vui bay mênh mang như vạn chiếc lá thu nhẹ nhàng rơi trên con đường nho nhỏ, quanh co trong lòng rừng. Chỉ có vậy thôi bạn ạ, này nhé, nhắm đôi mắt lại, nghĩ đến một rừng cây trùng điệp, không chỉ lá xanh mà còn thêm những màu sắc khác như hồng, vàng, cam, đỏ, nâu nhạt, nâu đậm. Có cây nửa vàng nữa đỏ, có cây nửa hồng nửa vàng. Mon men đến một thân cây đen, dây leo lá đỏ quấn quít trang điểm trên thân, chú chim hoảng hốt bay vụt ra khỏi tàng lá, chàng chim gõ kiến gõ đều đều nhịp nhàng trên cành cây cao vòi vọi. Chú sóc tò mò nghểnh cổ nhìn rồi trốn chạy sau tảng đá. Con nai vàng ngơ ngác (chắc của cụ Lưu Trọng Lư ... vừa thả trong chuồng ra), bước đi những bước chân kênh kiệu vương giả trước mũi xe hơi, khi kiếm được cái máy hình lăn lóc dưới mấy tờ báo bừa bãi trong xe thì chú ta đã quay đầu vào bụi, chỉ còn thấp thoáng cái... mông.

Tôi miệt mài đi tìm nàng thu mỗi năm một chuyến. Nếu không vì miếng cơm, manh áo và nợ nần đòi như chúa chổm, tôi chỉ muốn lặn lội trong rừng thu từ khoảng giữa tháng chín cho đến hết tháng mười trên vùng đông bắc. Tháng mười một thì dành cho California và các vùng núi lân cận. Tôi vốn cầm tinh con ngựa nên chỉ muốn rong ruổi trên đường. Một hôm tôi nhìn quanh căn nhà rỗng tuếch của mình, trong lòng bỗng áy náy vì thấy sao trơ trụi quá, cái bàn ăn cũng không có, tủ chè chẳng thấy đâu, tấm thảm trải nhà trông xơ xác nên buột miệng: "Thôi từ nay không đi đâu nữa cả, ở nhà để sửa soạn nhà cửa." Ông chồng tôi cười khẩy, không thèm phê bình. Không thèm phê bình là phải vì ở với nhau mấy mươi năm, hai đứa tôi biết tánh nhau như biết những đường chỉ trên lòng bàn tay mình, hay những vết nhăn xuất hiện trên mặt mình. Biết mà không làm gì được!

Tháng mười, lại khăn gói lên đường, bạn bè lại thắc mắc: Bạn bay lên Washington DC ư? Vụ 9/11 vừa mới xảy ra có ba tuần, phi trường còn nhiều vấn đề xào xáo lắm mà không sợ à? Tôi chỉ mỉm cười: Đời ngắn lắm bạn à, không lẽ mình ngồi nhà để ôm nỗi lo sợ? Ngày ngồi trong phi trường, vừa gặm cái bánh big mac vừa nói chuyện với Julie qua điện thoại. Cô cho tôi biết rằng ngay trong sở, tinh thần mọi người căng thẳng lắm vì tổng thống Bush đang cho bom dội xuống Afgannistan sáng nay. Cô hỏi tôi có biết gì không? Tôi nhìn quanh hành lang phi trường, hành khách đang chăm chú theo dõi trận banh qua màn ảnh vô tuyến, trong một tiệm bia, có tiếng hét hò cổ võ các cầu thủ, tiếng ly chạm nhau, tiếng vỗ tay đôm đốp của khán giả. Tôi bảo cô: "Tôi quen với tin chiến tranh rồi, mà cuộc chiến này xa tôi cả một bán cầu chứ không như cuộc chiến tranh tôi đã trải qua trong quá khứ nên tôi không sợ hãi lắm." Phải chăng tôi là người Việt Nam nên tôi có được sự liều lĩnh và can đảm cần thiết để dìu mình qua đời sống thường nhật? Hay vì tôi có tâm hồn của đứa trẻ con như Tuấn thường bảo nên tôi đã để cho anh giữ các nỗi âu lo giùm mình?

Ngồi trên máy bay năm tiếng đồng hồ, khi còn tỉnh táo, tôi chăm chú đọc sách, lâu lâu ngó quanh, nhìn xem có tên nào mặt mũi giống không tặc, và tưởng tượng ra các thế võ của anh chàng

tài tử ngộ nghĩnh Jackie Chan biểu diễn trên màn bạc; phải chi có anh ta ngồi trên hàng ghế đầu thì an tâm biết mấy, tưởng tượng chán rồi ngủ.

Đến DC vào lúc mười giờ đêm, theo xe bus về Hilton ngủ qua đêm, sáng hôm sau chúng tôi lấy xe thuê, chuẩn bị lên đường thiên lý. Gọi anh Hoàng, bạn Tuấn, ở cách phi trường có năm dặm, rủ anh đi phố Việt ăn trưa. Lần đầu lái xe tại DC, chúng tôi bị lạc lòng vòng trong beltway và bị các anh chị Ấn Độ gác cổng thâu tiền mấy lần liên tiếp. Bực mình, tôi ra khỏi xa lộ, chạy đường phố, tuy xa và chậm hơn chút xíu nhưng chắc ăn và khỏi nạp tiền mãi lộ. Tội nghiệp anh Hoàng lo lắng chờ đợi gần nửa giờ trong khu đậu xe của tiệm ăn. May rằng chúng tôi có điện thoại cầm tay nên cứ lâu lâu liên lạc một lần với anh để nhận lời chỉ dẫn. Mười mấy năm trời mới được trở lại DC, thủ phủ đã thay đổi ngoài sự tưởng tượng của tôi, nhất là khu phố Á châu. Ngày xưa DC chỉ có lèo tèo vài ba tiệm chạp phô và quán ăn Việt, bây giờ vừa qua khỏi ngã bảy thì hoa cả mắt vì nhiều tiệm ăn quá, không biết phải chọn tiệm nào. Sau bữa cơm trưa thật ngon và vui với anh Hoàng, chúng tôi từ giã anh để lên đường đi Pensylvania. Dự tính của tôi là lặn lội vài ngày trong vùng quê Lancaster để săn ảnh dân Amish (1). Theo bản đồ, Lancaster chỉ cách DC vài giờ nên chúng tôi thong thả vừa lái xe vừa ngắm cảnh. Thấy các trường đại học nổi tiếng là lần mò vào xem ngay. Dường như giấc mơ được đi học và ước vọng được trau dồi kiến thức cứ ám ảnh tận một đáy sâu tâm thức nào đó không nguôi ngoai. Chiều hôm nay trời thu thật êm dịu, lâu lâu mới thấy một cây lá vàng nên chúng tôi hơi thất vọng. Chỉ mong vài hôm nữa vào sâu trong núi mới gặp được nàng thu.

Theo đường 270 rồi rẻ lên đường 15 hướng bắc, chúng tôi đi ngang qua Gettysburg, những cánh đồng cỏ hoe vàng mênh mang, lác đác những đám cây thấp nhỏ lưa thưa, xa xa các chòi lính canh ẩn hiện làm tôi tưởng tượng đến những trận chiến xảy ra trên chính phần đất này mấy trăm năm trước. Xe đang chạy ngon trớn trên con đường êm ả, trí óc tôi đang du hành vào quá khứ bỗng dưng có tiếng còi rú lên thê lương vang vọng làm tôi giật nảy cả người. Hai đứa chúng tôi bàng hoàng nhìn nhau, mặt mày tái mét, tưởng rằng chiến tranh thực sự vừa mới xảy ra tại thủ phủ thành ra còi báo động đang vang lên. Nhìn chung quanh, cảnh vật im lìm, chẳng thấy người chạy hốt hoảng, chó sủa, gà gáy chi cả, đường tỉnh lộ không có cái xe nào hết trừ xe chúng tôi. Trong tiếng còi dồn dập giữa chốn hoang vu đồng không mong quạnh ấy, chúng tôi tôi hồi hộp tiến vào thành phố cổ kính Gettysburg tiểu bang Pennsylvania. Té ra tiếng còi ấy chỉ là tiếng còi thường nhật của trại lính nào đó trong vùng. Thăm các di tích lịch sử tại công viên Gettysburg thật nhanh, chúng tôi luyến tiếc ra đi vì trời đã xế. Từ Gettysburg, dùng đường 30 về hướng đông, chúng tôi tiến về thành phố Lancaster. Khi làm chương trình cho cuộc du hành này, tôi nghiên cứu rõ ràng các khách sạn nào mình muốn ở, căn cứ vào giá tiền, địa điểm ... thế nhưng sau bao nhiêu năm đi du lịch, tôi biết rằng không phải lúc nào mọi việc cũng hoàn toàn xuôi chảy theo chương trình mình soạn sẵn. Trong chuyến đi này, tôi cũng soạn chương trình đàng hoàng nhưng quyết định không đặt chỗ ngủ trước vì muốn đi phiêu lưu, đến đâu hay đó. Tôi dự tính khi đến gần Lancaster, sẽ tìm đến một nhà trọ thật là thơ mộng tình tứ, được quảng cáo trong mạng lưới vi tính là nằm trong rừng, có suối chảy ngang...Gần đến nơi, tôi dùng điện thoại gọi vào, chủ nhà trọ cho biết họ còn phòng, trong lúc nói chuyện với chủ nhà, tôi nghe vang tiếng con nít la khóc, tiếng chó sủa mèo kêu ầm ĩ nên cũng hơi ngại. Sau khi bàn bạc với nhau, anh Tuấn đồng ý lái xe ngang nhà trọ xem thử, nếu thích thì ở lại. Theo lời chỉ dẫn, chúng tôi rẽ vào một con đường nhỏ hẹp và rất vắng vẻ. Băng ngang cái cầu gỗ, phía đồi bên trái tôi thấy một căn nhà giống như bức ảnh quảng cáo nhưng sao lại có vẻ nhỏ hơn nhiều và có vẻ cổ xưa nghèo nàn, nằm chênh vênh bên sườn đồi. Trong sân, vài chiếc xe cũ đầy bụi bặm, một đống gỗ để đốt lò sưởi nép bên hông nhà. Tôi bảo Tuấn:

-Tối nay mình ở lại đây đi, ít ra mình cũng biết được cách sống của người bản xứ.

Tuấn lắc đầu:

-Không được, ở đây buồn lắm, ban đêm tối đen dễ sợ, căn nhà này làm anh nghĩ đến căn nhà trong "đỉnh gió hú."

Tôi năn nỉ:

-Anh nhìn xem, con đường nho nhỏ trong rừng này thơ mộng hết sức, sáng mai anh dậy sớm, kê cái máy hình ngay cổng nhà, chờ mấy đứa trẻ con đi học hoặc các xe thổ mộ chạy qua, bấm máy hình lia lịa thì sướng biết mấy!

Anh một mực lắc đầu:

-Nhưng anh biết rằng anh sẽ không happy ngủ lại đây!

Tôi im lặng, nếu anh không vui thì làm sao tôi

vui được, cho nên tôi đồng ý tìm khách sạn trong phố. Tối hôm đó, sau khi lái xe hơn hai giờ đồng hồ quanh các thành phố nhỏ, chê khách sạn này dơ quá, khách sạn kia gần nghĩa địa quá, cuối cùng chúng tôi vào ở trong một khách sạn mới xây của thành phố Lititz, dĩ nhiên là sạch và vô duyên vì không có cá tính gì đặc biệt cả. Tuy nhiên anh Tuấn rất vui nên dẫn vợ đi ăn tối một cách hân hoan, anh gần như phải kéo tôi đi từng bước vì tôi chỉ muốn nằm vùi ngay xuống giường để ngủ.

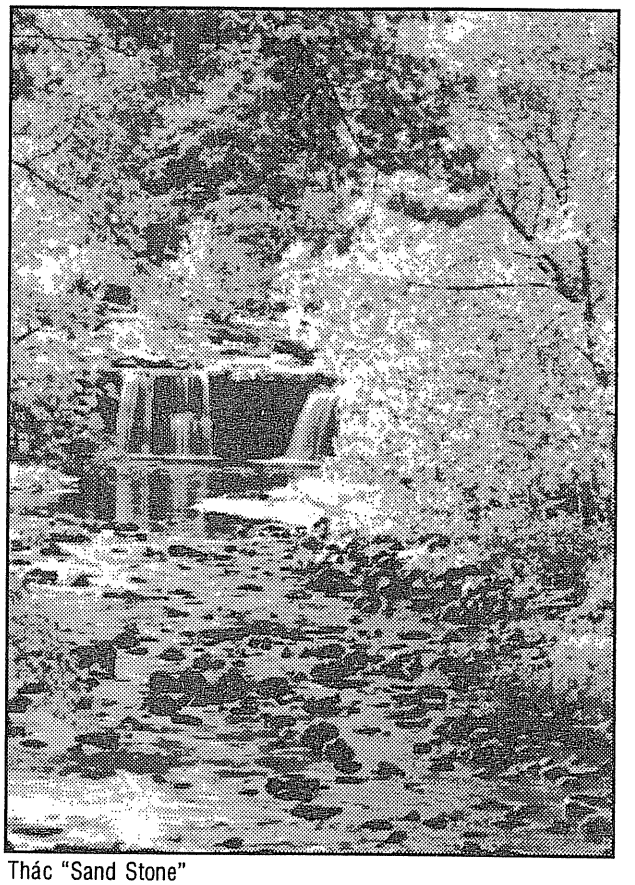
Thác "Sand Stone"

Đúng như các nhiếp ảnh gia gương mẫu tại miệt Nam Cali, chúng tôi ra khỏi giường thật sớm, làm vệ sinh cá nhân, nai nịt áo ấm quần dài, mũ ni che tai, vai vác máy ảnh, tay cầm chân ba càng, tay cầm ly cà phê bốc khói, miệng ngậm cái donut (cho răng khỏi chạm vào nhau vì khí lạnh)... âm thầm mở cửa hông khách sạn đi săn ảnh.

Anh Tuấn làm tài xế, tôi có bổn phận hướng đạo. Tôi rất có tài hướng đạo, chỗ nào chụp ảnh được là dường như cái ăn ten na trong đầu tôi nó chĩa về phía ấy. Con đường thứ nhất tôi rẽ vào có hàng cây xanh chạy dọc bên đường, phía bên kia hàng cây là nghĩa địa. Lúc này nắng mai chưa lên, sương còn giăng mắc la đà cho nên những mộ bia xám trông thật là ảm đạm. Nghe tiếng chân ngựa lóc cóc, máy hình chưa kịp lôi ra khỏi ba lô, chiếc xe ngựa với người đàn ông mặc bộ áo đen đã biến tăm cuối đường. Tôi quắt quay tiếc rẻ, nghĩ đến tấm ảnh mình không chụp được. Tấm ảnh người kỵ mã trên chiếc xe ngựa với con ngựa đen, phía sau là khu nghĩa trang với những tấm bia mộ xám im lặng dưới làn sương trắng mong manh. Tấm ảnh tuyệt vời chỉ có trong trí tưởng của tôi.

Tiếp tục ra đi, tôi chợt thấy những cánh đồng và các trang trại rộng lớn nên yêu cầu anh Tuấn lái xe vào cho tôi xem. Nào ngờ con đường chúng tôi vào là con đường các chủ trại đang di chuyển nông sản ra chợ. Ngừng xe bên đường, chúng tôi tha hồ chụp ảnh các xe ngựa kéo hàng hóa. Trên các xe gỗ thô sơ, các cô gái trẻ mặc bộ áo đầm dài đen tận chân, đầu đội mũ vải, ngoảnh mặt che giấu khi thấy máy hình. Có xe chở đầy bí đỏ, xe chở đầy hoa cúc, xe chở khoai, su bắp và có cả các đồ mỹ nghệ làm bằng gỗ. Dân Amish không thích bị chụp ảnh cho nên khi thấy du khách cầm máy ảnh thì phóng ngựa thật nhanh, đóng cửa xe thật kỹ, buông màn rủ trướng hay ngoảnh mặt quay đi nơi khác nếu không tránh được. Biết vậy nên thường thường chúng tôi lấy cảnh sau lưng họ.

Sau khi đi thăm những thành phố có các tên ngộ nghĩnh như "Intercourse" và "Bird-in-Hand", những thành phố này bị thương mại hóa nên tôi không thích lạ cà lâu lắc, chúng tôi quyết định rời Pennsylvania đi West Virginia. Trước khi rời vùng này, chúng tôi có thử một món bánh đặc biệt là món "Shoes Fly Pie", cho biết mùi vị.

Từ Lancaster, theo đường 283 về phía tây, tại Harrisburg, đổi qua 81 về phía nam, gặp thành phố Hagerstown, đổi qua 70 và 68 nhắm hướng tây đi thẳng qua Morgantown. Trên đường khung cảnh hùng vĩ nhưng không có gì đáng ghi vào phim ảnh nên chúng tôi đi thẳng. Ngủ đêm tại Morgantown, sáng sớm chúng tôi lái xe quanh phố, xem cho biết trường đại học lớn của West Virginia rồi tiếp tục lên đường xuôi nam.

Trên đường 79 về Fairmont, chúng tôi rẽ vào đường nhỏ 310 dẫn đến Valley Falls State Park. Trên đường lá đã thay màu, rơi như mưa mỗi khi có gió. Tiểu bang này thật là vắng vẻ hoặc là

những chốn chúng tôi tìm đến là những nơi chẳng ai muốn vào, cho nên xe chạy mãi mà chẳng thấy bóng người. Nhà cửa lưa thưa hoang vắng, nhỏ nhắn đơn sơ, mỗi nhà một kiểu chứ không rập khuôn như nhà tại Cali. Đi khoảng hai mươi dặm thì chúng tôi vào khu công viên tiểu bang. Trong khu đậu xe, có vài ba chiếc xe và thêm một nhóm người làm việc dọn dẹp vệ sinh nên tôi yên tâm hơn một chút. Vác máy móc xuống xe, đi bộ mấy chục thước qua cầu, tôi nhìn thấy thác nước bạc ào ào chảy trên ghềnh đá nên vui mừng lắm vì biết rằng thế nào cũng chụp được ảnh. Chỗ tôi đứng gần như trên phần cao nhất của thác nước, các mỏm đá tròn và phẳng là chỗ thật lý tưởng cho các cặp nhân tình hẹn hò. Có vài cặp nhân tình già thấy chúng tôi dựng máy ảnh, từ từ rủ nhau đi mất. Trên bờ thác, những cây phong, cây du mặc dầu còn nhỏ, lá cũng đã đổi màu thật đẹp. Cây màu vàng tươi, cây đỏ sậm, cây nâu nhạt và nhiều cây vẫn còn xanh. Lá cây lung linh ửng màu trong nắng sớm. Tôi lựa một góc cạnh, nhìn vào ống kính, ghi nhận một phần lá rụng trên cỏ, ba thân cây vươn cành yểu điệu với ba màu lá khác nhau chan hòa ánh sáng , xa xa là nước suối chảy dạt dào trắng bạc. Bên kia thác nước, rừng cây âm u huyền hoặc trong bóng tối. Muốn có tấm ảnh này tôi phải để khẩu độ nhỏ, thời gian thật chậm, và cầu nguyện cho gió đừng nổi lên bất tử cho lá khỏi bị nhạt nhòa. Anh Trịnh Nam Sơn khi đến xem ảnh, bảo rằng anh thích tấm ảnh này vì rừng cây ấy gợi lên một ý tưởng âm u và bí mật. Đúng vậy, nếu cảnh nào cũng phơi bày ra ánh sáng thì còn gì để cho trí tưởng của ta làm việc?

Rời Valley Falls, theo con đường nhỏ 250 xuống Elkins. Tại đây, bụng bắt đầu cồn cào vì đói, thấy có cơm Tàu, mừng quá nên ghé vào ngay. Đã mấy hôm dùng thức ăn Mỹ và Ý, cơm Tàu tại xứ khỉ ho cò gáy này dù có dở cũng thành ngon. Sau buổi trưa, chúng tôi lại theo đường nhỏ 219, còn gọi là 55 để xuống Beckley trước khi trời tối. Đường này là một con đường có nhiều cảnh đẹp, chạy bên sườn núi Allegheny Mountains, lá đã thay màu nhưng chưa rực rỡ lắm. Thỉnh thoảng chúng tôi dừng xe nghỉ ngơi, chụp hình cỏ cây hoa lá, núi đồi thung lũng, các con đường mòn quanh co dẫn đến một mái nhà thờ hiu quạnh hay trang trại vắng vẻ. Đi ngang qua hàng cây lá vàng rực rỡ chạy ven đồi, anh Tuấn ngừng xe, bảo tôi đi bộ lên đồi để anh chụp ảnh. Tấm ảnh này anh đặt tựa là "con đường xưa", tấm ảnh tôi rất thích vì những năm sau này trong đời tôi, tôi sẽ nhìn tấm ảnh để nhớ lại một ngày thu thơ mộng nào đó trong cuộc đời mình. Qua một triền núi cao tôi ngừng chân, gặp gỡ và nói chuyện với một người dân trong vùng. Ông đã từng tham dự vào chiến tranh Việt Nam. Ông bảo rằng chiều nào đi làm việc về ông cũng dừng lại chỗ này để ngắm cảnh thung lũng xa xa và cảm thấy lòng rất yên bình. Cảnh thung lũng dưới kia đẹp như tranh vẽ, mái nhà lác đác chen lẫn trong cây, khói trắng uốn éo bay lên từ các lò sưởi, cỏ vẫn xanh nhưng cây đã trở màu, xa xa những sườn núi tím chập chùng trong bóng chiều.

Theo đường 55, đến khi gặp xa lộ 64 chúng tôi đi về hướng Tây. Đêm ấy chúng tôi ngủ lại Beckley để hôm sau dậy sớm đi Babcock State Park (2).

Từ Beckley, theo đường 41 về phương bắc, chúng tôi may mắn đi lạc vào thác nước Kanawha. Thị trấn này nằm dọc theo bờ sông New River (3), chung quanh là những địa danh lịch sử như Gauley Bridge, chiến địa hiểm nghèo trong thời chiến tranh nam bắc. Tàn tích của chiếc cầu cũ bị phá hủy lúc quân miền nam rút lui có thể nhìn thấy được từ chiếc cầu mới bắc ngang dòng sông Gauley. Ngừng xe tại Kanawha park, chúng tôi giàn chân máy ra để chụp hình thác Kanawha hùng vĩ. Chung quanh tôi rừng cây mới vừa trở màu nên xanh nhiều hơn vàng, thế nhưng bên triền thác, một cây phong đã huy hoàng áo mới, lá lung linh trong nắng mai, anh Tuấn mải mê chụp ảnh, chạy hết chỗ nọ đến chỗ kia để chọn những góc cạnh ưng ý, anh để cả chân máy dưới nước làm tôi cứ phải nhắc nhở, sợ anh làm rơi máy xuống nước. Thế mà chính tôi lại bị rớt nắp ống kính xuống sông, phải tìm mãi dưới bùn lạnh cóng mới ra. Rời Kanawha, chúng tôi lên Hawk's Nest State Park. Đây là một địa điểm cao, xây bên triền núi nhìn xuống dòng nước xanh thẳm của New River. Quanh tôi lá vàng thật nhiều, lá rơi nhẹ nhàng trên lối đi lát đá, trên những bậc thềm quanh co, không khí mát và trong sạch mơn man trên mặt tôi. Chung quanh, tiếng chim chuyền cành, rúc rích gọi nhau, mấy con sóc nhỏ chạy qua đường, giương đôi mắt tròn đen nhánh nhìn rồi vội vã phóng nhanh vào bụi rậm, xa xa dưới chân núi, con sông xanh uốn mình chảy về phương bắc, mang theo những tàn tích chiến tranh từ mấy trăm năm cũ.

Qua đường 60, chúng tôi đi Babcock State Park. Địa điểm chính của chuyến du hành. Tôi mỉm cười thầm nghĩ: Từ một góc nhỏ của tiểu bang California, nhìn tấm bản đồ nước Mỹ, có khi nào

Gristmill tại Badcock State Park

trong trí óc của một người tầm thường như tôi lại lóe ra một ý định là: "trong tương lai, mình sẽ hiện diện tại Babcock State Park." Ai mà biết Babcock State Park là gì? Ở đâu? Có vui không? Cảnh đẹp không? Có xứng đáng cho mình bỏ công mua vé máy bay, thuê xe hơi, khách sạn, vượt núi băng rừng?

Thú thật, từ mấy năm nay, sau ngày đi xem cuộc chấm thi nhiếp ảnh của hội S4C (4) tại Pasadena, một tấm ảnh in dấu vào tâm tư của tôi mãi, sau này, tôi lại thấy tấm ảnh ấy được in trên lịch hoặc những tấm bưu thiếp. Có một điều lạ là các nhiếp ảnh gia không bao giờ tiết lộ địa danh tấm ảnh. Có ngài lại chơi xỏ, đề vào tấm ảnh một địa danh láo lếu nào đó chắc là để ngăn chận các nhiếp ảnh gia khác. Thế nên tôi quyết định kiếm tìm một cách rõ ràng hầu có dịp đến đây chụp ảnh.

Đường vào Babcock State Park thật tuyệt vời vì rừng cây chung quanh đã mãn khai sắc lá, gió ban mai rung rinh xào xạc, lá vàng rắc rơi đầy kiếng xe. Tôi mở cửa trần xe, đứng trên ghế, ngẩng mặt lên trời nhìn lá ửng màu trong nắng từ những cành cây cao. Bầu trời xanh thăm thẳm trang điểm bằng những cụm mây trắng xóa. Lá rơi trên tóc tôi, bay vào xe làm anh Tuấn bắt tôi trèo xuống và đóng trần xe lại. Vào chỗ đậu xe trong công viên, tôi mở cửa xe, từ từ bước xuống, lòng nao nức và bâng khuâng, những bước chân nhẹ như bước vào cõi mộng. Một giấc mộng phải chăng tôi đã cưu mang từ mấy năm nay. Trước mắt tôi, khung cảnh trong hình ảnh nay trở thành sống động với suối nước chảy qua triền đá, mây trắng trời xanh, cây lá đỏ vàng lao xao trong gió. Bên chiếc cầu gỗ nâu bạc cũ kỹ có nhà máy xay hạt, bánh xe quay nước im lìm bên bờ suối. Tôi đi qua cầu, trèo quanh các tảng đá, nhìn ngắm cảnh, chưa muốn cầm máy ảnh. Lòng bỗng nhiên ngại ngùng, không biết tấm ảnh mình chụp, sau này nhìn lại, có tàn phá mất giấc mộng đẹp lâu nay mình vẫn cưu mang? Tôi đi lòng vòng mãi không chịu chụp ảnh cho đến khi anh Tuấn chụp no nê xong anh nhìn tôi:

-Chụp ảnh mau lên kẻo trưa rồi, mình còn phải đi kiếm khách sạn cho tối nay nữa.

Khi ấy tôi mới mượn chân máy của anh, lấy Hasselblad (5) ra, trèo xuống giữa dòng suối. Mùa này suối cạn nên có chỗ đá khô và phẳng, tôi ngồi xuống thật thấp, lắp ống kính rộng, đóng khẩu độ thật nhỏ, tốc độ thật chậm, chụp sáu tấm phim vừa màu vừa đen trắng rồi dọn dẹp lên đường. Lúc này trời đã trưa, sắc độ tương phản quá nhiều rất khó chụp ảnh. Khí hậu oi ả khó chịu như sắp nổi cơn giông, lũ muỗi mòng bắt đầu bay từng đàn, tới tấp tấn công vào mặt mũi nên tôi không còn hứng thú chụp ảnh nữa. Tôi không nghiện nhiếp ảnh như anh Lưu Thanh Vương, giá có anh tại nơi này, thế nào anh ta cũng ở lại vài ba hôm để chụp cho đỡ ghiền.

Rời Babcock, theo đường 60, rẽ qua 20 về hướng nam, chúng tôi đi tìm thác nước Sandstone. Đường 20 rất nhỏ, chạy ngoằn ngoèo trên sườn núi, sâu bên tay phải là sông New, tay trái là rừng thu vàng lá. Chúng tôi ngừng xe tại một công

viên nhỏ, lá rơi ngập dày êm dưới chân. Công viên vắng không một bóng người, mấy cái bàn ghế trống trải hoang sơ. Xa xa tôi thấy suối Sandstone nước cuồn cuộn chảy, tiếng nước ào ào vang dội, lấy viễn kính ra nhìn vì thác còn ở dưới sâu và xa lắm, anh Tuấn sợ tối nên không dám mạo hiểm. Thế nhưng sau khi nhìn vào kính, cầm lòng không đậu chúng tôi lật đật phóng lên xe để chạy xuống trước hoàng hôn. Xe chạy băng qua thành phố Brooks và Hinton nằm dọc theo bờ sông, nhà cửa nho nhỏ nhiều màu sắc cao thấp chen nhau theo sườn núi. Tại Hinton, chúng tôi qua một chiếc cầu dài và rộng để đi ngược lên suối. Con đường làng rất thơ mộng vì sát ngay bờ nước, từ bờ này nhìn qua bờ kia thấy nhà cửa san sát chen trong lá cây, tháp chuông nhà thờ ửng sáng trong nắng chiều. Các dinh thự gạch thâm cổ kính lẫn trong mái nhà xanh, đỏ, vàng, nâu.

Đến Sandstone, chúng tôi khiêng chân máy, ba lô, hì hục chạy trên đường mòn ra suối. Trong bụng hơi run vì vắng vẻ quá nhưng sự cám dỗ của nhiếp ảnh thật là mãnh liệt nên đành van vái xin ông Kodak phù hộ cho dừng có tên gian tà ác tặc nào núp lén trong bụi hoặc con gấu nào lẩn quẩn đâu đây. Chạy một mạch ra cuối đường thì hai đứa nhìn nhau lắc đầu, cái suối còn xa lắc và đường ra đã hết. Chúng tôi bèn đánh bạo, tìm đường mòn, leo qua cả mấy trăm tảng đá, lội mấy vũng bùn ra tận mé sông. Công sức nhiều như vậy, quên dòm chừng mấy con rắn, vậy mà cái suối lại nằm một cách ngang ngược, vừa rộng lại vừa thấp, nắng chói chang đập vào ống kính. Thất vọng, nhưng chúng tôi cũng ráng chụp gỡ gạc vài cảnh nhỏ trước khi lủi thủi, mệt nhọc bò về chỗ đậu xe. Trên đường trở lên xa lộ 64 chúng tôi gặp một chiếc xe hơi chận ngay lộ làm anh Tuấn phải thắng xe thật gấp và tôi sợ quá thét lên. Lúc hoàn hồn ,anh Tuấn xuống xe hỏi thăm cô tài xế trẻ tuổi xem cô ta có cần giúp gì chăng? Thì ra cô vừa mới đụng phải một con nai chạy ngang đường nên cô vừa khóc vừa gọi điện thoại cho cảnh sát. Chàng hươu chắc chẳng bị gì nên chạy đâu mất, chỉ tội cô gái vừa sợ, vừa bị trầy xe. Tối hôm ấy chúng tôi ngủ lại Lexington một giấc thật ngon lành để hôm sau đi Blue Ridge Mountain.

Ca sĩ John Denver thường hát bài: "Country road takes me home to the place I belong ..." Trong bài hát ấy, ông hát về Shenandoah Valley, Blue Ridge Mountain... Bài hát này tôi được ông thầy dạy guitar hát cho nghe trong cuối thập niên 70. Thế rồi hơn hai mươi lăm năm sau, tôi bôn ba rong ruổi trên những nẻo đường quê của John Denver và miệng cũng nghêu ngao hát. Miền tây của tiểu bang Virginia được ngự trị bằng núi Allegheny, núi Shenandoah, thung lũng Shenandoah, núi Blue Ridge và sông James, một con sông nổi tiếng, đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử Mỹ quốc. Vùng này cảnh thiên nhiên hùng vĩ và tráng lệ nhất trong toàn quốc, đặc biệt là con đường Blue Ridge Parkway, còn gọi là Skyline thì tuyệt tác và được nhiều sách báo du lịch ca ngợi. Đường này dài khoảng 100 dặm nhưng không thể nào chạy hết đường vì còn dừng lại nhiều nơi để chụp ảnh nên tôi bỏ bớt mấy chục dặm hướng nam của thành phố Lexington.

Blue Ridge Parkway nằm chót vót trên đầu rặng núi, lên xuống tùy theo độ cao của từng ngọn núi. Qua những khoảng cây thưa hoặc đài quan sát, các thung lũng thơ mộng chập chùng trong sương.

Có bao giờ tim bạn tràn trề những niềm vui, những cảm giác "Almost heaven" như John Denver hát trong bài "Country road takes me home" chưa? Riêng tôi, hôm nay trên đường Skyline lá vàng trải lối, hồn tôi lâng lâng với cảm giác "Almost heaven". Đường này tráng nhựa, êm và tốt, không nguy hiểm dù hơi ngoằn ngoèo. Có nhiều ngả rẽ chạy xuống các làng mạc dưới chân núi. Chúng tôi ngừng xe nhiều lần để chụp ảnh. Trên đường nhiều người lái xe gắn máy Harley Davison, họ chạy theo từng đoàn rất oai vệ và lẫm liệt như các kiện tướng. Đẹp nhất là các "cua rơ" xe đạp, họ mặc áo quần chẽn thật sặc sỡ, đạp các chiếc xe mỏng và nhẹ, thân thể người nào cũng gọn gàng nhưng toát ra nhiều sức mạnh. Tôi và anh Tuấn cũng là dân "cua rơ" nên đứng nhìn họ đạp xe trên con đường tuyệt vời này mà thèm muốn chết.

Tại một khoảng khác, thấy có chàng nhiếp ảnh gia nhà nghề, để cái máy to tướng bên đường, chúng tôi ngừng lại thăm viếng. Té ra anh chàng này trước kia tốt nghiệp tại trường trung học gần nhà tôi ở Nam Cali, nay dọn về Maryland làm nghề nhiếp ảnh và mùa thu nào anh ta cũng lên Blue Ridge vài ba hôm để chụp ảnh. Anh chỉ cho chúng tôi đi viếng một thác nước trong vùng lân cận. Có đề tài hấp dẫn, chúng tôi cám ơn, từ giã người bạn mới và hớn hở lên đường.

Đường vào Crabtree Fall, chúng tôi qua một hồ nước phẳng lặng như tấm gương soi màu ngọc bích, một trang trại có hồ cá, lũng thũng mấy chú LLama(6) ngơ ngác chờ tôi đến chụp ảnh và phun cả nước dãi vào ống kính. Trong sân trại trang hoàng bằng các khối rơm và bí đỏ rất đẹp mắt.

Tại Crabtree Falls, tôi phải trèo núi một dặm rưỡi để lên đến cái suối đầu tiên. Tựa bên thành cầu, tôi nhìn dòng nước trong veo không mạnh lắm chảy từ trên cao xuống, chia thành từng nhánh nhỏ phóng mình xuống các mỏm đá trơn tru rêu mốc. Các cây táo dại, lá màu vàng tươi, lăn tăn rơi khắp chốn, điểm trang các mỏm đá đen. Toàn cảnh khơi động một tình thu êm ái dịu dàng trong ánh chiều vàng mơ và cơn gió thu mơn man ngọn cỏ. Cảnh đẹp quá làm tôi lưu luyến không muốn ra đi. Tuy đã đói bụng, anh Tuấn kiên nhẫn đứng chờ trong khi tôi ngồi bên bờ suối chăm chú chụp ảnh mấy cái lá rơi xoay xoay trong dòng nước. Ngừng lại một quán chạp phô nhỏ bên đường, chúng tôi mua thức ăn trưa: xúp gà, chili bean và bánh mặn. Những món này bình thường tôi không đụng tới nhưng giữa rừng thu hôm nay, bữa ăn ấy là một kỷ niệm tuyệt vời.

Sau sáu giờ đồng hồ du ngoạn, chúng tôi chỉ đi được hơn ba mươi dặm, chưa được một phần ba của Blue Ridge Parkway thế nhưng chúng tôi phải ngậm ngùi từ giã Skyline. Tại Waynesboro, theo xa lộ 64, chúng tôi chào nàng thu từ giã để về lại Richmond, với bữa cơm tối thịnh soạn đợi chờ chúng tôi tại nhà anh chị Nguyên, người bạn Hải Quân của anh Tuấn.

Hôm sau, chúng tôi chạy xe đi thăm các căn nhà lịch sử cổ xưa nằm bên bờ sông James, thăm trường đại học Williams & Mary và Virginia Beach. Về lại nhà anh Nguyên buổi chiều, chúng tôi lên DC để họp với các người bạn cùng khóa Hải Quân Nha Trang với anh Tuấn. Tình huynh đệ chi binh của các anh thật là cảm động. Hai đêm cuối chúng tôi ở lại DC với anh Thông và chị Cư, được hai anh chị chở đi viếng thủ phủ. Ngang qua Ngũ Giác Đài, tôi thấy nơi bị tàn phá ngày 11 tháng chín vừa qua. Lòng đau buốt, thương cho các đời sống mong manh không còn nữa. Tại đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, tôi ngồi xuống chụp hình những chiếc lá vàng rơi bên bức tường đá đen, người lính trẻ chiếc nón trong tay, trầm ngâm nhìn tượng đá. Anh Tuấn đưa ngón tay vẽ theo tên người tử sĩ, bóng anh phản chiếu trong bức tường oan nghiệt, sau lưng anh, lá quốc kỳ bay lồng lộng trên trời xanh. Tôi vội vàng lấy tay áo chận dòng nước mắt chảy trên má mình...

Ôm cái máy ảnh trong tay, tôi âm thầm cảm tạ thượng đế cho mình còn sống, còn cảm xúc và còn sức khỏe để hàng năm miệt mài theo đuổi dấu chân thu.

Mùa thu 2001

TÔN NỮ THU NGA

Đêm Đông Phương

Nàng thở dài trong đêm
chung quanh là bóng tối
mộng về qua tiếng gọi
âm thầm và dịu êm.

Nàng mỉm cười bên gối
nhớ mùi hương ngọc lan
thoang thoảng con đường nhỏ
đêm Châu Á mênh mang.

Nàng để tay lên môi
tim bỗng dưng bồi hồi
nụ hôn nào xa quá,
ngây thơ cũng mất rồi.

Năm ngón tay tê tái
vùi dập một đời buồn,
từng đêm qua, qua mãi
ôm nỗi sầu Đông Phương.

Nàng thẫn thờ cúi mặt,
gió mơn man tóc huyền,
thơm mùi hương Châu Á,
nồng nàn như hương sen.

Chú thích:

(1) Amish: Những người thuộc đạo Protestant, phái Mennonite. Họ gìn giữ phong tục xưa cũ ,đặc biệt trong ngành canh nông, họ không muốn bị ảnh hưởng về sự canh tân của kỹ nghệ. Dân Amish di chuyển bằng xe ngựa, y phục giản dị, không dùng nút, chỉ dùng móc và khuy, đàn ông để râu dài và tất cả đều đội mũ kể cả trẻ con. Phần lớn dân Amish sống tại Pennsylvania và không quá 50.000 người.

(2) Babcock State Park: 4 miles hướng tây nam của thành phố Clifftop. Trên đường State Route 41. Thị trấn lớn gần nhất là Beckley, tiểu bang West Virginia.

(3) New River: Mặc dù tên là "sông mới" nhưng dòng sông này là một trong những dòng sông xưa nhất tại bắc Mỹ. Không giống như những dòng sông khác trên thế giới, thường xuôi về miền nam. New River nước chảy ngược về hướng bắc.

(4) S4C: Hội nhiếp ảnh Southern California Camera Council Club

(5) Hasselblad: Máy ảnh loại trung, dùng phim 6cm X 6 cm.

(6) Llama: Một loại lạc đà nhỏ.

TÂM BỊNH

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Hải cảng Delta Rotterdam mới khánh thành vài năm gần đây. Kè đá, cần trục, xe vận tải... tất cả đều mới và sạch sẽ. Giờ làm việc không xôn xao bóng người, những chiếc xe không người lái chạy tới chạy lui lúc nhúc phát ra tiếng tíc tíc tíc... Cần trục di chuyển lên xuống đều đặn, nhanh chóng, không va chạm mạnh nên không gây ồn ào như những bến cảng khác.

Tôi lên căn-tin uống cà phê chớ không có ý gọi điện về thăm nhà, vì thấy hộp điện thoại treo bên vách mới toan, bóng loáng bèn gắn thẻ vô quay chơi. Nhưng Thanh, vợ tôi, không có ở nhà. Sẵn tay bấm số thăm người bạn. Bên kia đầu dây, vợ anh bạn bắt điện thoại. Nghe tiếng tôi, chị reo lên:

- Tấn hả, chừng nào dìa?

- Tuần sau chị.

Không đợi tôi hỏi thăm sức khoẻ gia đình, như nguồn thác đổ, chị sổ một tràng:

- Anh dìa lần nầy ở nhà luôn đi, tội nghiệp con Thanh, hôm trước mẹ con chở nhau lên tui nè, qua hồi nói chuyện, tui thấy hình như nó bị stress hơi nặng, anh mà đi hoài có ngày nó bị điên mất.

- Ừa chuyện gì cũng từ từ chớ chị, tánh tình vợ tôi khi mưa khi nắng, chắc hổng sao đâu chị.

- Từ từ gì, tại anh hổng biết tánh nó, hơn nữa anh đi hoài đâu thấy được nỗi cơ cực khi đàn bà có con nhỏ. Như tui đây nè, mới có một đứa vậy mà vợ chồng thay phiên nhau lo còn hổng xuể. Huống hồ chi con Thanh mình ên mà ôm tới hai đứa.

Trong lúc chị ngưng lấy hơi, tôi lái câu chuyện qua bằng cách hỏi thăm sức khoẻ gia đình chị. Như con tàu xuôi dòng gặp chướng ngại vật, chị trả lời qua loa ngắn gọn rồi lái lại câu chuyện. Một hai chị thuyết phục tôi phải bỏ việc làm dưới tàu về nhà sau chuyến đi nầy. Theo chị, qua bên nầy rồi không mần cũng có ăn, đi tàu làm chi xa nhà xa cửa bỏ vợ bỏ con... Chị nói trăng giang đại hải, tôi có muốn ngừng cũng không được. Cúp ngang thì mích lòng, tôi đành phải cầm chặt ống nghe nghe chị dạy bảo, tới khi điện thoại báo thẻ sắp hết, chị còn ráng thòng thêm một câu:

- Về bờ sống tiện tặng cũng được mà, anh coi trong nghĩa địa có ai chết vì bị thất nghiệp không.

Điện thoại cúp, hết sạch tấm thẻ mười đồng. Gác ống nghe, tôi ngơ ngẩn nhìn ra bến cảng. Những chiếc xe giống như những con bọ khổng lồ, cõng trên lưng vừa vặn một container hình chữ nhựt, từ dưới bến lần lượt bò ngay hàng thẳng lối lên sân rộng và dừng lại cho cần cẩu móc xếp ngay ngắn vô các ô đã vạch sẵn trên một khoảng sân. Tôi đương ở trong thế giới máy móc mới mẻ mà trước đây chỉ có trong những phim khoa học giả tưởng. Cho nên khi nghe giọng điệu của chị 'nó' gợi trong tôi nỗi nhớ nhung về những chốn xa xôi còn đương nghèo khổ. Ngay bây giờ, trên đất nước tôi, biết bao nhiêu người đàn ông đi làm ăn xa. Vợ ở nhà ôm con chờ đợi mau thì hàng tháng, lâu thì hàng năm, bảy năm nhưng khi chồng trở về, biết có tiền bạc để xây dựng gia đình hay chỉ là hai bàn tay trắng? Mỗi bận chồng ra đi vợ cứ nơm nớp lo âu, không biết ngày về anh có còn là chồng mình nữa hay không? Cực khổ trăm bề nhưng vẫn chờ vẫn đợi.

Việt Nam cũng có lúc thây người chết đầy đường vì thiếu ăn, Phi Châu người chết đói thây phơi như rạ khô trên cánh đồng sau mùa gặt, Bắc Hàn đói khát lạnh lẽo và nhiều nước nghèo mồ chôn tập thể vì nạn đói... Hổng biết chị còn nhớ hay không? Hơn hai mươi năm trước chị cũng nằm dài trong trại tị nạn thiếu ăn, thiếu mặc. Nếu không có những người hảo tâm trên thế giới nầy góp phần giúp đỡ và được vương quốc Hoà Lan cho định cư chắc chắn chị cũng bỏ thây trên hải đảo hoang vu nào đó trong vùng biển Nam. Người ta mời chị qua tị nạn chớ có phải mời qua tiệc tùng nào đâu mà ngồi ăn khơi khơi và còn lớn lối. Sống trên đất nước nạn thất nghiệp coi như trận giặc, người đông việc ít, có một việc làm đàng hoàng để khỏi sanh "giặc" là lương thiện lắm rồi. Nghề thủy thủ đâu đến nỗi bất lương nhưng không hiểu sao nhiều người gặp thủy thủ làm như gặp hải tặc không bằng.

Ba tháng trên tàu, tuần nào tôi cũng điện thoại về thăm vợ thăm con. Thỉnh thoảng tàu về Hòa Lan, Thanh cũng có chở con xuống thăm. Mới hôm kia điện thoại về mẹ con cười, nói vui vẻ và bàn tính chuyện qua Tây Ban Nha nghỉ hè sắp tới, tôi đâu nghe thấy triệu chứng tâm thần nào

đâu. Chẳng lẽ đương không nổi khùng bất tử. Hơn nữa Thanh có chuyện rắc rối hoặc tinh thần bất ổn thì điện thoại nói với tôi, có đâu chạy xe cả giờ đồng hồ lên nhà chị than thở. Nhà ở cách nhau cả trăm cây số, xuân, thu nhị kỳ mới gặp nhau, ăn một bữa, nói chuyện vài câu. Chị hiểu được gì mà quả quyết hiểu vợ tôi còn hơn tôi nữa.

Muốn bấm số gọi về nhà nhưng thẻ không còn. Hôm nay nắng đẹp, mới hơn mười giờ sáng, có lẽ Thanh vừa dẫn con đi chơi đâu đó. Tôi lững thững bước ra khỏi căn tin trong không khí đầu mùa hè ấm áp.

- Papa kìa.. papa kìa.. papa kìa....

Tôi day lại, ngạc nhiên thấy đứa con gái đầu lòng giọng đớt đát kêu Papa vừa a tầm phù chạy tới, con nhỏ mới hơn năm tuổi mà lanh quá chừng miệng tía lia. Tôi cúi xuống đón bồng nó lên. Thanh tay bồng đứa nhỏ, tay xách giỏ đồ đi tới:

- Anh thấy em tìm đường giỏi không?

- Ai chớ vợ anh là số một rồi.

Đứa con gái thứ hai cũng chồm qua đòi papa, tôi với tay ẵm nó luôn và dắt mẹ con xuống tàu. Mấy thủy thủ thấy gia đình tôi lục đục kéo xuống, có người chồm ra boong vẫy tay chào và hô lớn:

- Mày là thằng không tốt, vợ xuống thăm mà không cho biết.

Tôi nói:

- Tình cờ ông à.

Lisal thủy thủ người In đô chạy lên đón lấy giỏ đồ bắt tay chào và hỏi thăm sức khoẻ. Thanh nói với nó:

- Hồi nãy tôi có ghé tiệm Tàu mua cho mấy ông bịch ớt và mớ rau muống, định mua thêm mì gói nhưng tôi xách không hết.

- Bao nhiêu đó cũng đủ chúng tôi ăn tiệc lớn rồi.

Ban đêm trên tàu chỉ có tiếng rè rè của máy phát điện. Hai đứa con tôi nằm cạnh bên, bắt tôi gãi lưng cho chúng. Sau một hồi rờ mặt, móc mũi, móc mắt tôi đã rồi hai đứa mới chịu ngủ. Tôi nhìn hai đứa nhỏ ngủ ngon, con nít hồn nhiên, vô tư lúc nào cũng hiện lên trên gương mặt. Tôi nhớ ngày còn nhỏ, sống trong một xóm lưới nghèo ven biển, lòng con người ta thẳng như ruột ngựa. Ngôn ngữ của dân đánh cá dùng trao đổi, tâm tình hoặc khuyên bảo thậm chí họ chửi bới nhau cũng đâu đến đỗi khó nghe. Không lẽ sống trong xã hội càng văn minh ngôn ngữ và lòng dạ con người ta càng sanh ra phức tạp? Tôi kê gối, đắp mền cho hai đứa con, day qua hỏi vợ:

- Vừa rồi em có lên nhà chị Lắm phải không?

- Đâu có.

- Ủa.

- Sao anh?

- Vậy ai bị stress?

- Anh nói ai stress gì?

Tôi không muốn khui ra ba chuyện tào lao làm cho tổ ấm chúng tôi chộn rộn. Tôi bèn nói lảng sang chuyện khác.

- Anh nói với em tuần tới anh về, sao em còn chạy lên làm chi cho mất công?

- Mấy bữa nay Lệ đòi đi thăm anh, hôm nay trời nắng đẹp, biết tàu anh vô, em điện lên công ty hỏi. Họ nói tàu anh đậu lại đây mai mới chạy, em xin họ số bến cảng rồi sửa soạn đem con xuống cho nó chơi với anh. Người ta nhớ xuống thăm mà cũng cằn nhằn.

- Anh sợ em cực chớ cằn nhằn em đâu.

- Hồi nhỏ em theo má thăm ba cải tạo lên xe, xuống đò, đi ngày đi đêm nhịn đói, nhịn khát cực khổ trăm bề. Ở đây lên xe hơi nổ máy chạy có hơn giờ đồng hồ gặp anh sướng thấy mồ, cực khổ gì đâu.

Tôi lòn tay qua ôm và áp mặt vợ sát vô ngực mình. Cả hai yên lặng nằm nghe hơi thở của hai đứa con. Tội nghiệp, tôi làm ăn xa nhà, để một mình vợ ôm con xoay sở giữa cuộc đời đầy náo động. Dường như lúc nào gặp đồng hương, Thanh phải lắng nghe những lời dạy bảo. Có bà khuyên Thanh nên bỏ tôi đi cho rảnh cái nợ đời. May mắn cho chúng tôi, đã sống với nhau ngót mười năm nhưng chưa lần nào gặp sóng to gió lớn. Hạnh phúc được như vậy đúng ra tôi phải hãnh diện mà tin tưởng vợ. Nhưng không hiểu sao ôm cái hạnh phúc trong tay mà lòng tôi cứ ngai ngái lo cho những ngày sắp tới.

- Anh, anh.

- Gì em?

- Em thấy anh kỳ kỳ sao ấy?

Nghe giọng Thanh lo lắng, tôi giựt mình hối hận cho những suy tư vớ vẩn. Tôi xoa xoa lưng vợ nói nói như vỗ về:

- Anh đương nghĩ trong một xã hội quá an bình lại sanh ra nhiều chứng tâm thần, riết rồi anh không biết ai bịnh ai không.

Giọng Thanh có hơi trách hờn:

- Em dẫn con xuống thăm anh, anh không lo mà anh lo chuyện đâu đâu không, có ngày anh bịnh chớ ai.

- Ha ha ... em nói đúng, vợ anh lúc nào cũng đúng.

- Xạo nữa đi.

- Ý chết ! Chút nữa anh quên.

- Quên gì anh?

- Quên bổn phận của anh.

- !!!

Thứ tư, 03 tháng bảy năm 2002

TẦM QUAN TRỌNG VÔ CÙNG CỦA "F.O.B."

PHÙ ĐÔNG

Tôi không cường điệu. Cường điệu không phải là nghề của tôi. Khi tôi nói cuộc triển lãm "F.O.B." "quan trọng vô cùng," là thực sự tôi muốn nói nó "quan trọng vô cùng."

Nó là gì? Tại sao nó lại "quan trọng vô cùng"?

F.O.B. là một cuộc hội ngộ của 40 nghệ sĩ dưới 40 tuổi, hoạt động trong nhiều lãnh vực khác nhau như thơ, họa, điêu khắc, điện ảnh, biểu diễn, hí họa, "installation art," v.v. Họ trưng bày những tác phẩm, hay trình diễn những tiết mục nhắm về đề tài "F.O.B." – dựa trên một cụm từ miệt thị của người bản xứ gọi người Á châu, hoặc người qua trước gọi người qua sau, là "fresh off the boat," mà ông Hoàng Ngọc Tuệ tại buổi khai mạc F.O.B. dịch rất hay là "vừa dưới hầm tàu chui lên."

Nhìn quanh cộng đồng Việt Nam, khi bị chạm trán với thái độ này thì cộng đồng có nhiều giải pháp khác nhau. Thí dụ, hội nhập nhiều hơn để không còn có vẻ là F.O.B. nữa. Hoặc tự rút vào một vỏ sò (như phố Bolsa chẳng hạn) để, giữa F.O.B. với nhau, không ai chê ai là "mới qua" nữa. Hoặc chọn một lối đi nửa vời như hội nhập vào xã hội Mỹ trong một vài khía cạnh (như nghề nghiệp, chuyên môn, nhà ở, v.v.) nhưng vẫn giữ tâm hồn Việt Nam trong vài khía cạnh nào khác (như tôn giáo, đạo đức, thức ăn, tiếng nói, v.v.).

Nhưng những giải pháp này có thỏa mãn giới trẻ hay không?

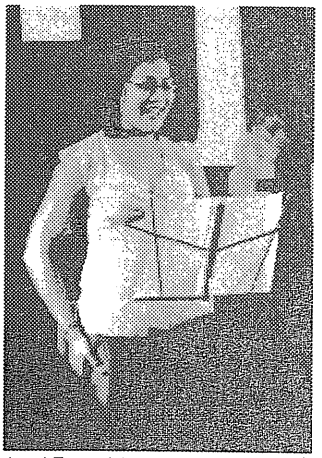

Jenni Trang Lê, một thi sĩ thuộc thế hệ thứ hai, diễn đọc thơ về sự xa cách giữa người trẻ với chính cha mẹ mình

Nên nhớ rằng giới trẻ có những ưu tư về "group/race/ethnicity identity" cao hơn những người sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Ở Việt Nam, mọi người đều yên chí rằng quanh ta đều là người Việt Nam, cụ thể là người Kinh, và không ai để ý đến vấn đề văn hóa, truyền thống, lịch sử, v.v. của người gốc Chàm, Hoa, Miên, Mường, Mán, Mèo. Đây là sự khác biệt về văn hóa, và nó phản ảnh ở chỗ chữ "identity" không có một chữ Việt nào tương đương để dịch một cách thỏa đáng.

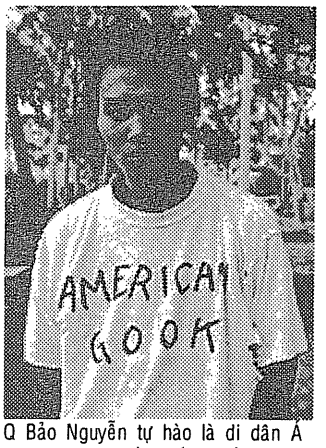

Q Bảo Nguyễn tự hào là di dân Á Châu trong miền đất huyền thoại Aztlán.

Hơn nữa, nước Mỹ là nước hợp chủng, mỗi nhóm dân đều đặt vấn đề "identity" nặng hơn ở các nước khác, kể cả các nước châu Âu. Bối cảnh này không có tại Việt Nam. Những ai suy nghĩ theo lối so sánh với Việt Nam ("ở Việt Nam mình thế này thế này") sẽ không tìm được chuyện tương đương để so sánh.

Đó là chưa kể những người trẻ, ngoài vấn đề identity của sắc tộc, còn có những ưu tư của tuổi trẻ, của tuổi mới lớn, của sự khẳng định về identity chính mình. Đây là những điều mà các bậc phụ huynh luôn luôn muốn biết, mà không bao giờ hiểu nổi.

Chương trình F.O.B. hữu ích ở chỗ đó. Nguyễn Hoàng Nam, 36 tuổi, là một trong vài ba nghệ sĩ "già" tham gia chương trình này. Anh nói, "cái F.O.B. này nó là cơ hội để mình biết mấy đứa em mình nó suy nghĩ gì, nó ưu tư cái gì."

Như báo O.C. Register trích lời Q. Bảo Nguyễn, 22 tuổi, sinh trong trại tỵ nạn tại Thái Lan, "I'd say, I am a F.O.B. and that's our history. We are immigrants." Bảo triển lãm một loạt hình Polaroid chụp người gốc Việt và người gốc Mễ đi xe bus, và anh gọi nó là "Family of Busriders" – F.O.B.

Lối tự khẳng định mình là dân "mới tới" một cách tự hào không ngượng ngùng, cũng được phản ảnh qua bài tâm tư của Bảo viết cho cuộc triển lãm: anh hòa đồng với người gốc Mễ khi khẳng định họ là "Chicanos y Chicanas" và khẳng định tính "di dân" của mọi người Mỹ khi anh gọi miền đất California bằng tên huyền thoại của nó,

Aztlán. Và anh tự gọi mình không phải là Vietnamese American mà là Vietnamese Aztlanian.

Đây không phải là giải pháp thường thấy trong cộng đồng. Khoảng cách giữa cộng đồng "già" và giới trẻ xa đến mức nào, khi mỗi bên tự nhìn mình khác nhau như thế?

Nói chuyện với cộng đồng, là một mục đích khá hiển nhiên của "F.O.B." Đây là những người trẻ quen sinh hoạt trong thế giới nghệ thuật Mỹ, quen triển lãm, trình diễn, v.v. trong môi trường Mỹ. Riêng việc họ đến với cộng đồng Việt Nam, triển lãm và trình diễn ngay trong lòng Little Saigon, đã là một lời mời với các bậc phụ huynh "Hãy nói chuyện với tôi".

Trong cuốn phim tài liệu "From Outside" của đạo diễn Tuan Andrew Nguyen, 25 tuổi, một anh sinh viên lần đầu tiên về Việt Nam thăm gia đình. Những đứa em họ gọi anh ta là "anh Bé Tí," và anh hòa đồng rất nhanh, rất vui với những thanh niên cùng trang lứa. Từ lúc trước khi đi đến khi về lại Mỹ, anh đều dùng chữ "going back to Vietnam", nhưng bỗng có lúc anh thốt lên, "I don't know why I keep saying 'going back' to Vietnam", và lần sau đó, sau khi nói "going back" (đi về), anh tự sửa, "I mean, going to Vietnam".

Một cách rất vô tư và không cố ý, "anh Bé Tí" đã khẳng định rằng quê hương anh không phải là phần đất cha mẹ anh gọi là quê hương. Tại sao? Và hai người, dù là mẹ con hay cha con, nếu không cùng quê hương thì có thể hoàn toàn cảm thông với nhau không?

Tony Lê Huỳnh, 19 tuổi, sinh tại Los Angeles, triển lãm một loạt tranh vẽ về xe hơi, về lối chơi xe Nhật của người trẻ. Hạ bánh thấp xuống. Thay muffler cho khỏi kềm máy chạy mau hơn (và tiếng kêu ồn hơn). Gắn stereo to hơn. V.v. Bạn tôi ở Costa Mesa có đứa cháu cũng làm thế, và chị bảo, "Bạn bè nó rủ rê thì nó thích vậy."

Nhưng Tony thì khẳng định không phải như vậy. Anh phủ nhận cái thuyết "peer pressure" mà các nhà sư phạm thường dùng để giải thích các hành động của người trẻ "teen-agers". Tony nói, "Anh chơi xe ngoại, và ham thắng những cuộc đua xe không phải vì bạn bè xúi dục hay để chứng minh cái gì hết, mà vì anh thích vậy. Anh thắng chỉ để thắng." Lối suy nghĩ rất cá nhân, rất Mỹ, lối khẳng định tham gia không phải để tham gia mà để thắng, có bao nhiêu bậc phụ huynh thông cảm được? Nếu còn tiếp tục đổ thừa các hành động của con em mình cho "peer pressure" thì có thực sự nói chuyện với họ được không?

Tony Lê Huỳnh tự xác nhận cá nhân mình qua những sở thích trẻ

Khoảng cách giữa hai thế hệ, giữa cha và con, giữa mẹ và con, được nói lên mạnh mẽ (như hầu hết các hành động của giới trẻ) trong bài thơ của Jenni Trang Lê, 22 tuổi. Jenni sinh tại Houston, nói tiếng Việt trôi chảy và luôn nhắc người khác viết tên mình phải có dấu mũ trên chữ "Lê". Cô viết về tâm sự một cô gái khi cha sắp qua đời bệnh phổi do hút thuốc, bài thơ mang tên "daddy":

Last year, I watched his health rapidly diminish
A cup of cháo *he could not finish*
I sat down for a heart to heart
And we stared at each other, generations apart, unable to start.
I waited for a sincere apology,
But his glazed eyes flashed adamantly.
Apparently daddy has made mistakes he still does not regret
Too stubborn, too proud—fuck those cigarettes

Nhưng Jenni còn viết thêm. Là một người đã lớn (xin nhớ lại năm mình 22 tuổi ta thấy mình lớn đến mức nào) Jenni sáng suốt nhìn thấy cả hai mặt của vấn đề, lỗi ở người cũng như lỗi ở ta:

Separation anxiety
Resounds in me
Hounds me
Surrounds me.
"Hễ mà ba mất đi, Trang có nhớ daddy không?"
—caught offguard I discovered I wasn't the only one
hurting for acceptance.
Remembrance.
Left unfinished is your song
You're gone.

Đó chính là tầm quan trọng vô cùng của "F.O.B." Không cường điệu đâu: Hai thế hệ không cảm thông được, không nói chuyện được với nhau, thì còn lại gì? Đối với cộng đồng, giờ này đã trễ chưa? Còn để trễ thêm nữa không?

NHẬN ĐỊNH VỀ VỞ KỊCH HỒ LY TINH / FOX DEMON

(Đã được trình diễn trong chương trình F.O.B tại Westminster, Nam California)

THƠ THƠ

Hồ Ly Tinh là một dạng kịch thử nghiệm nhằm tìm hiểu mối liên hệ phức tạp giữa những người phụ nữ, đặc biệt là giữa mẹ và con gái. Đây là một vở kịch nặng về tâm lý, xây dựng trên một cấu trúc đa hiện thực – trong đó thực tại xuất hiện chồng chất với những tầng ký ức của tiềm thức và vô thức.

Kịch bản xoay quanh vấn đề nữ quyền, những bất công và thành kiến xã hội đè nặng lên thân phận người phụ nữ, những bi kịch trong gia đình giữa mẹ và con. Chỉ có hai diễn viên là Lê Trâm và Huỳnh Uyên, thay phiên hóa thân thành những khuôn mặt phụ nữ khác nhau. Huỳnh Uyên đổi vai cả thảy bốn lần: người mẹ, người bạn tuổi thơ, bà dì, và người con gái giết mẹ. Lê Trâm thể hiện cả một cuộc đời từ bé gái thơ ngây, biến đổi thành thiếu nữ, thành người đàn bà với tâm địa hồ ly, và cuối cùng là cái chết .

Vì là dạng kịch tâm lý, kịch tuy có thời gian và không gian, nhưng không gian và thời gian ấy được xác định theo thứ tự của nội tâm hơn hiện thực. Mở đầu là cảnh gia đình, hai mẹ con cùng làm việc nhà. Con còn nhỏ, còn ham chơi. Khi mẹ đi chợ, con bỏ việc mẹ giao, gọi bạn hàng xóm qua chơi. Hai đứa bé chơi với nhau, rồi cãi nhau, đứa này gọi mẹ đứa kia là "hồ ly tinh". Đó là ám hiệu cho những biến cố xảy ra sau này. Đứng ngoài nhìn vào, đó là cảnh gia đình đầm ấm. Nhưng thật ra hồ ly tinh đã rình rập bên trong, người mẹ có thể biết nhưng không hề phản ứng.

Khi con gái lớn lên, hồ ly tinh đòi hút máu cô, nếu không nó sẽ ăn thịt cả hai mẹ con ngay lập tức. Để kéo dài sự sống, người mẹ khuyên con nên chấp thuận. Họ tưởng rằng cơ thể cô gái có thể tái tạo đủ máu để bù vào lượng máu đã bị hồ ly hút. Nhưng con gái ngày càng kiệt quệ cả tinh thần lẫn thể xác, thật ra là cái chết lần mòn. Cùng lúc cô bị lây độc, bản chất hồ ly bắt đầu bành trướng trong cô.

Người mẹ lúc này để lộ bản chất mâu thuẫn khắc nghiệt, ngược đãi con bằng hình phạt thân xác và những lời nói nghiêm cấm độc địa "Con gái lớn phải thế này, phải thế kia...", "Không được làm cái này, làm cái kia...", "Đồ hư thúi, đồ đĩ!...". Trong một cơn điên loạn, người mẹ đã mổ bụng và moi ruột con mình.

Người dì thấy cô gái nằm chờ chết ngoài đường, mang về băng bó những vết thương. Nhưng bà không ngừng ở đó, tiện tay bà lấy băng vải quấn chặt cả tay chân, cả thân hình, cả mặt mũi..., cho đến khi người con gái trở thành xác ướp (mummy). Vừa quấn bà vừa nói: "Con là con gái, con không được ăn nhiều, con không được lẳng lơ, con không được giỏi hơn chồng, con không được thở, con không được nói, con không được nhìn...". Xong việc, người dì bỏ đi. Hết màn một.

Màn hai, vẫn trong tình trạng xác quấn băng, cô gặp một người đàn ông, như là một lối thoát. Cuộc tình chóng vánh và ngắn ngủi. Một bé gái chào đời. Người đàn ông phủi tay trước trách nhiệm. Bây giờ cô rơi vào tình cảnh của chính mẹ mình ngày xưa, một mình nuôi con, chưa được trang bị khả năng làm mẹ. Trong tâm trạng tuyệt vọng và hận đời, người mẹ trẻ này đánh đập con tàn nhẫn, một cách vô thức đã lập lại những gì mẹ làm cho mình. Rồi đứa bé bị đánh cắp, cô mắc phải lời nguyền hóa thành hồ ly tinh, bị đày trong rừng thẳm. Lời nguyền chỉ hết hiệu lực khi chồn tinh biết yêu thương con mình.

Kịch bản sử dụng rất nhuần nhuyễn những hình ảnh ẩn dụ. Trong vở kịch này, các diễn viên dùng hình ảnh hồ ly tinh làm khởi điểm; để giải thích vì sao người phụ nữ Việt Nam- trong tâm trạng bị ức chế, nhiều bất an và mặc cảm; đã vô tình hay cố ý trút gánh nặng tinh thần và hệ lụy xã hội lên những người cùng phái. Chúng ta có thể hiểu ***hồ ly tinh*** đây là một ẩn dụ, ***hút máu*** cũng là một ẩn dụ. Xã hội và những luật định nghiệt ngã đã lấy đi phần tinh túy nhất của con người. Đó là trái tim, là linh hồn, là máu. Cảnh mẹ giết con là một cảnh vô cùng thương tâm, có thể hiểu là người mẹ không còn bình thường nữa, thật ra ngày xưa

mẹ cũng đã từng bị ép buộc lấy máu, và đã nhiễm độc trầm trọng. Con chồn còn ở bên trong người mẹ. Mỗi ngày nó hút đi một ít máu của người con. Có thể hiểu thêm rằng con người có thể hút máu người khác bằng những câu nói độc địa của mình. Ở đây, lời nói của mẹ gây oán hận trong lòng con - vì vậy độc như vết cắn của răng chồn. Ngược lại, người con không còn biết yêu thương mẹ, sẽ băng hoại tinh thần, sẽ băng huyết tâm hồn, sẽ sa đọa thân xác.

Tất cả những hành động kịch đều mang tính biểu tượng. Một hành động nhỏ nhặt như mặc thêm một cái áo, choàng vào một tấm khăn, gắn lên đầu đôi tai chồn..., đều chứa đựng những chuyển biến lớn lao trong đời sống. Dạng cô đặc khủng khiếp của sân khấu có thể làm người ta ngộp thở. Khi mẹ moi ruột con, moi sạch những gì trong bụng, trong đầu – kết quả là một thân xác không hồn. Khi dì băng bó cháu, ngoài mặt là cứu giúp, nhưng thực chất là trói buộc và áp đặt, không cho người phụ nữ quyền hạn gì đối với bản thân mình, kể cả quyền được sống – kết quả là một xác ướp vô cảm. Khi người đàn ông gỡ băng quấn để cởi trói cho cô, có thể tưởng anh đang tháo bỏ những ràng buộc nhằm nô lệ hóa người phụ nữ. Nhưng đó chỉ là ảo tưởng, bởi ngay lập tức ***đống băng vừa gỡ ra*** đã hóa thành ***đứa trẻ*** - một gánh nặng mới phải cưu mang. Chúng ta có thể nhìn thấy sự lặp lại của những vòng oan nghiệt - truyền kiếp từ đời này sang đời khác, không ngừng.

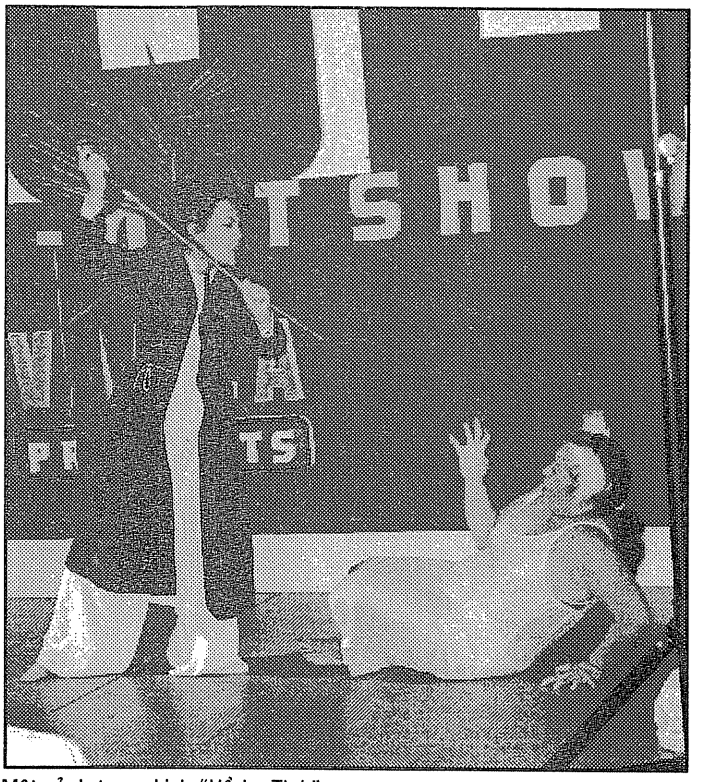

Một cảnh trong kịch "Hồ Ly Tinh"

Nhân vật kịch mang đầy dẫy những ám ảnh nội tâm. Họ vừa là nhân vật thực (mẹ, con, dì, bạn...), vừa là siêu nhân vật (chồn tinh, người giết chồn). Họ là hình bóng của nhau. Họ là những ám ảnh của ký ức, của thương tật, của bất lực, của ác mộng. Họ là phần khuất, là mặt tối, là âm bản của con người. Họ là những hình ảnh mà chúng ta đi tìm, chúng ta chạy trốn, chúng ta muốn nhớ, chúng ta muốn quên..., nhưng cùng tồn tại trong mỗi chúng ta.

Fox Demon/Hồ Ly Tinh đưa lên sân khấu tâm trạng ẩn ức của chính người đóng, những dằn vặt và những câu hỏi họ tự đặt cho mình. Đây là điểm khác với dạng kịch truyền thống, trong đó diễn viên phải nhập vai vào trong kịch bản của người khác. Ở đây, họ phải tự tách mình ra nhiều bản thể, nhìn vào những khuôn mặt bên trong, đối thoại với ***những- con- người-cùng-là mình***. Họ phải tự phơi bày những bí ẩn, phải bóc trần những sự thực có thể rất thương tâm, phải chịu đựng cảm giác trơ trụi và vắt cạn kiệt chính mình..., để cuối cùng soi rọi tất cả dưới ánh đèn sân khấu.

Cuối vở, khi người con giết mẹ, hay là giết con-chồn-trong-mẹ; cuối cùng cô hiểu được bi kịch của mẹ, nhìn ra mẹ bằng một cái nhìn rộng lượng và trọn vẹn hơn.

Thực ra, vở kịch này vẫn còn trên đà hình thành, chưa hoàn tất. Các tình huống và tâm lý vẫn cứ đang diễn tiến, và sẽ còn tiếp tục khai triển thêm. Người đóng trên sân khấu có thể đang đóng cuộc đời của chính họ, diễn lại và diễn tới trước những quan hệ của mình. Nếu quan hệ ngày càng chồng chéo thì vở kịch sẽ không bao giờ chấm dứt, cho đến khi có một người nằm xuống. Nhiều khi một người chết đi vẫn chưa xong câu chuyện, nếu tác động của quan hệ vẫn ám ảnh người còn lại. Tôi đoán – người ấy sẽ tiếp tục độc diễn vở kịch của riêng mình.

CON GÁI ÔNG ĐỒ

TRẦN THỊ VĨNH TƯỜNG

Hoạn vừa khua mái chèo vừa nhẩn nha nhìn lên trời cao. Ngày hôm nay là ngày gì thế nhỉ. Hoạn ngẫm nghĩ mãi không ra. Hoạn chắc lưỡi, "để tí nữa phải hỏi lại mẹ đĩ." Dù Hoạn biết mười mươi là vợ mình một chữ chẻ ra làm tư làm tám cũng không biết, nhưng vì nó được cả làng suốt ngày đón nó hỏi thuần những chuyện kiêng cử, bói toán khiến đôi khi Hoạn cũng quên béng đi là vợ mình mồm miệng trơn như mỡ chỉ được tài bịa là không ai bằng.

Hoạn lại chắc lưỡi "Chết thật, ngày nay là ngày gì mà mình đỏ thế nhỉ, mua được hai con lợn rẻ ơi là rẻ." Hoạn ngắm hai con lợn con tròn ung ủng đỏ hon hỏn nằm ngủ giữa khoan đò. Hai con lợn này vốn không phải Hoạn mua cho vợ con. Hai mẹ con nhà nó vừa dệt vải, vừa khóc mướn cũng đã tạm đủ ăn rồi. Hai con lợn này mua cho cô Niệm Thư nuôi để cô có cớ chạy ra chuồng lợn ban đêm ban hôm. Hoạn kinh ngạc thấy cô hiền lành chân chỉ chẳng biết nói dối nói giá bao giờ. Nhưng khi Hoạn còn đang lúng túng sợ sệt chỉ lo U già bắt gặp thì cô ung dung nghĩ ngay ra cái kế dựng một cái chuồng lợn bên cạnh ổ rơm. Hoạn kính cẩn nói thầm trong miệng "Niệm Thư, Niệm Thư." Cô bảo tên cô có nghĩa là "đọc sách." Con gái ông đồ có khác. Chết thật, tên đã đẹp mà người cũng đẹp. Cả đời Hoạn chưa gặp ai đẹp như thế cả. Hoạn ngẫm đi ngẫm lại lúc nào cô cũng đẹp cả... Hoạn cứ nghĩ là tóc của cô phải là tóc của cô tiên. Vì thế mới có hoa tóc tiên. Hoạn lại lẩm nhẩm "Nhưng mà tóc tiên lá xanh, hoa đỏ... Còn tóc cô Thư màu đen... Thôi kệ, tóc cô Thư nhất định phải là tóc tiên, không còn nói vào đâu được." Chẳng biết từ tóc hay từ người mà lúc nào cô cũng thoang thoảng mùi chùm kết. Ban đêm dù có trăng hay không có trăng, Hoạn cũng nhìn thấy rất rõ hai cánh tay tròn như dẫn mía từ từ giơ lên tháo rơi cái yếm xuống rồi chậm rãi kéo một món tóc che phân nửa ngực. Hoạn cũng nhìn thấy rõ cái môi dưới trễ ra trước khi cúi xuống cắn nhè nhẹ vào vai mình như thể con mèo con đùa với mèo mẹ. Hoạn cũng nhớ cả những tiếng thở rất dài của cô rên lên trong đêm vắng khiến đôi khi Hoạn hoảng cho sự táo bạo của cô. Hoạn nhắc cô là đừng có mà dại đánh thức U già dậy. Nhưng cô đoan chắc đã cho U uống một tí rượu thuốc thì U ngủ một mạch không vẫy tai cho đến sáng. Cô nói chắc như ăn bắp đến nỗi Hoạn cũng hết cả e ngại và quay sang ghì chặt lấy cái thân thể thơm ngát và cuồng nhiệt của cô vào người. Bao giờ Hoạn cũng ngạc nhiên là người cô nhỏ nhắn, nhưng mềm mại hầu như chỉ có thịt chứ chẳng thấy xương đâu cả. Người cô rất nhẹ nhàng nhưng cánh tay cánh chân của cô quấn chặt lấy Hoạn rất khỏe khiến Hoạn nghĩ giá cô đi làm thuyền chài thì không khéo kéo dốc hết

cả những tôm cùng cá lên trên thuyền cô ấy chứ.

Hoạn hớn hở gạt cho đò rẽ vào bến. Gọi là bến, chứ thật ra không phải là bến đò của làng, mà chỉ là bến đò của riêng Hoạn. Chẳng qua bờ có một nơi nước chảy ăn vào một khoảnh vừa vặn cho đò của Hoạn cặp vào. Ngay trên bờ có một gốc sung rất lớn, rễ bò xuống tận dưới nước. Thật là tiện lợi cho Hoạn buộc đò vào. Cái bến đò nhỏ xíu này cũng là nơi cho đám trẻ con nhà Hoạn và đám trẻ con bên nhà cô Niệm Thư ra tắm rửa, giặt giũ và kín nước nấu ăn. Trước kia, U già vẫn cho nhà Hoạn dùng chung cái ao sau. Nhưng kể từ khi có Hoạn qua lại thì cô Niệm Thư không muốn trẻ con dùng cái ao đó nữa, nói thác ao để nuôi cá chép, chúng nó khấy đục ngầu thì cá chết hết. Vì thế khi Hoạn buộc mấy thân cây tre thành một cái cầu ao thì đám trẻ ấy vui sướng lắm. Chiều nào chúng cũng nhảy xuống sông ầm ầm, bơi theo những đám bèo lững thững.

Hoạn với tay lấy cây sào dài cắm sào cho đò mình ngừng hẳn lại rồi nhảy lên bờ kéo đò vào. Hoạn không về nhà vội mà còn nhẩn nha ngồi nhìn ngó chung quanh. Ánh nắng dịu dàng yếu ớt của một ngày sắp tàn không mang niềm hiu quạnh như những ngày trước mỗi khi Hoạn chèo đò về gần nhà. Hoạn lẩm nhẩm hát "Giữa tối í cái đêm trăng rằm mà cái sáng í a giăng suông..." Hoạn bật cười thành tiếng "Suông đâu mà suông..." Đang định buộc đò, Hoạn chợt dừng tay nhìn cái hang đen ngòm. Đây là một hang ếch mới toanh vì hôm qua Hoạn cũng buộc đò mà có thấy đâu. Hoạn nhìn quanh, quả nhiên hai con ếch đang cặp nhau xế cửa hang. Giá ngày thường Hoạn đã giơ tay tóm cổ cả con đực lẫn con cái đem về cho mẹ Đĩ lột da nấu canh măng. Nhưng hôm nay... Không!!! Hôm nay nhất định là không. Nhất là hai con ếch cũng đang làm cái việc mà trai gái thường làm, giống như cô Thư và Hoạn. Hoạn không dám bắt chúng sợ phải tội. Hoạn ngồi yên ngắm hai con ếch. Cả con đực lẫn con cái đều hếch mắt lên, đúng là trơ mắt ếch. Hoạn thầm nghĩ sao con cái không kép bớt cái mắt trô trố của nó có phải trông đỡ... chướng hơn không nào. Con cái thè cái lưỡi dài ra, cái ức trắng điểm tí chấm nâu phập phồng lên lên xuống xuống rất nhanh, theo nhịp thở của con ếch đực đang đeo trên lưng nó. Hai chân trước của con ếch đực xiết chặt lấy con cái. Cái bụng căng tròn của nó ôm siết lấy cái lưng con ếch cái. Hoạn cũng thấy như bụng mình cũng nặng dần rồi bị xiết chặt lại. May quá, Hoạn đang cố chống chọi với cái cảm giác nằng nặng ấy thì con đực buông cổ con cái ra. Con cái vẫn trơ mắt ếch, nhảy tõm ngay vào hang ngập nước. Hoạn biết là rồi chị chàng sẽ đẻ một đám trứng trăng trắng dính với nhau thành chùm. Chúng nó sẽ nở thành nòng nọc rồi đến mùa thu năm sau, đuôi nòng nọc mới rụng và thành con ếch. Con đực lại bắt đầu đào một cái hang khác ngay bên cạnh cái hang kia. Vừa đào vừa kêu ồm ộp để kêu các con ếch cái khác... Hoạn bật cười giá mình cũng kêu ầm làng nước như con ếch đực thì làng bắt thả bè trôi sông mất.

Vợ Hoạn hồi còn con gái cũng duyên dáng đáo để. Tên chị chàng là Vấn. Vấn học khóc mướn từ bà mẹ. Đó vốn là nghề truyền lại từ mấy đời nay rồi. Từ ngày còn nhỏ Vấn đã thấy mẹ khóc rất giỏi. Đang cho con bú, thế mà có ai chạy đến thở hổn hà hổn hển "Này bác Hến, bà cụ Tú bắt đầu lạnh chân tay rồi đấy, ông Tú cho vời bác đấy, đến nhanh lên." Thế là bác Hến dứt ngay vú ra đưa em cho Vấn rồi tất tả chạy ra ngoài chụm nước rửa quàng cái mặt. Vừa bước ra khỏi ngõ bác Hến đã khóc than kể lể rồi. Những lần đầu Vấn rất sợ hãi tưởng trong nhà mình có người sắp chết khi nghe mẹ kể rất rành mạch "Ối đẻ ơi, con vừa định sang hầu đẻ, chưa kịp gì cả thì đẻ sắp bỏ con mà đi rồi. Ối giời ơi làng nước ơi, đẻ tôi bỏ tôi đây này, kể từ nay âm dương cách trở...", "Ối bà ơi, hôm nay là ngày Hành Khiển, Trực Khôn, kiêng tắm rửa, kiêng đào giếng, cữ đi xa mà sao bà lại đường mây nhẹ bước thế hả bà..." Có lần Vấn hỏi mẹ tại sao mẹ lại phải khóc ngay từ nhà mình khóc đi như vậy. Bác Hến bảo rằng bác giật mình thật ấy chứ lị. Cho nên tuy khóc được mười hào một ngày lại được ăn ngon thật nhưng cái sự bác buồn bã cũng là thật nốt. Bác Hoạn gái cũng bắt chước mẹ khóc rất nhập tâm. Vừa có ai đến gọi là bác đã khóc váng cả nhà lên rồi. Vừa khóc vừa gọi đứa này đứa kia ơi ới "Ối ông ơi, ông chẳng đợi con gì cả... mày cho thêm một búi rơm vào... ngày còn rộng tháng còn dài mà sao ông nỡ bỏ đi... Xem cơm chín chưa xới ra mà ăn với nhau... Từ nay chúng con biết trông cậy vào ai... bớt lửa đi khéo không thì khê cơm đấy, thôi u đi nhớ..." Đến đám nào bác cũng rẽ thẳng vào trong nhà, đến bên giường người bệnh, nắm chân tay xoa bóp rất chí tình. Nhiều khi gia chủ sợ hãi người chết chứ bác chẳng sợ gì cả. Nước mắt bác lã chã rơi, nhưng chỉ bao giờ thấy gia chủ giơ tay làm hiệu mới bắt đầu kể lể. Gia đình nào bác cũng quen từ khi còn bé nên bác sắm vai nào cũng được. Bà cụ Sâm khi còn con gái ở tận bên kia sông cơ. Thế mà bác khóc ngay "Ối bà ơi, bên này con sông bên nọ con sông.

Nước sông bên nọ lại theo dòng bên kia. Ối bà ơi, cả đời bà chẳng bao giờ quản sớm khuya. Bà gây bà dựng bà dãi nắng dầm mưa vì cả nhà..." Bác kể lể hay đến nỗi chính các con của cụ Sâm đáng lẽ chưa khóc cũng mũi lòng khóc theo. Ngay con trai cụ cũng ngạc nhiên tại sao bác lại nhớ cả đến làng mẹ ở bên kia. Trong khi chờ đợi bà em gái của cụ Sâm sang, bác lại sắm vai bà em ấy "Ối chị ơi, sao chị bỏ chúng em mà đi, bao nhiêu lợn gà còn sống đợi chị đây này. Hơ Hơ... Chị ơi chị ngồi dậy nấu cám thái khoai đâm bèo với em chị ơi là chị..." Nhiều khi bác đóng bộn vai một lúc. Một chốc một nhát lại có người đến rỉ vào tai "Này cô Cả còn phải chạy đi làm mũ mấn, bác khóc hộ cho cô Cả vài tiếng nhớ, cô đãi riêng bác năm hào," hay là "Này, lúc cụ ông còn sống, cụ chỉ thích ăn thịt chó, bác kể cho cụ nghe sướng tai cụ đi cho khỏe." Thế là bác vừa khóc vừa lăn đùng vừa kể lể "Ông ơi, rựa mận chả chìa đơm vào bát đây này, tiết canh hãm xong rồi, chưa kịp mang hầu ông xơi ông đã vội đi... Ông ơi, gan chó bọc lá chanh thơm điếc cả mũi sao ông không ngồi dậy ông ơi..." Bác kể mãi về cái món chả chó đến nỗi gia chủ phải đi lùng mua ngay một chú chó vàng về ngả cho tỏ lòng hiếu thảo.

Còn Hoạn ngày ngày vừa chèo đò, vừa bỏ nọc vừa hoạn lợn. Hoạn làm rất khéo đến nỗi được đặt tên ngay là bác Hoạn. Chứ thật ra tên Hoạn là Hoan cơ. Hoan có mẹo riêng là không cần phải hai ba người lực lưỡng đè nghiến con lợn xuống đất như những tay hoạn khác. Hoan chỉ cần cho con lợn uống hai ly rượu rồi lấy sáo ra thổi một bài tình tang chờ đợi con lợn chống kềnh ra nằm ngủ. Chỉ xoẹt một cái, một tay Hoan nhẹ nhàng kéo cái hòn ấy ra, tay kia dùng cái mảnh chai vỡ, sắc còn hơn là dao bài, xẻo nghiến một cái rồi dịt ngay một tí bồ hóng vào, thế là máu cầm tức khắc. Hoan thổi sáo rất hay. Đến ngày phiên chợ, Hoan mang cái sáo đến ngồi tựa gốc đa thổi vi vu cái bài "Giữa tối í cái đêm trăng rằm là cái sáng í a giăng suông. Sáng cả cái đêm trăng rằm. Nửa chăn là giương về sáng í, nửa chăn nữa giường về sáng í giăng bằng cái ngọn cây tre là anh có yêu em... " Cả chợ ai cũng thích nghe tiếng sáo của Hoạn. Họ bảo hôm nào dù không bán được hàng nhiều nhưng có tiếng sáo của Hoạn cũng thích lắm. Cô bán bánh dầy bánh giò, cô bán giầu bán cau, cô bán hàng xén thì thích mê tơi. Những ngày hội hè là họ cứ xoắn lấy Hoạn để hát đối với nhau. Các cô cứ tặc lưỡi "Giá mà anh Hoạn chưa có vợ nhẩy..." Mươi mười lăm ngày Hoạn thả đò trôi xuôi, thổi xáo véo von. Trẻ con xúm nhau lại nghe rồi gọi bố mẹ ơi ới, thế là nhà nào muốn hoạn lợn hay bỏ nọc đều đến gặp Hoạn cả.

Cũng tại bỏ nọc mà sinh sự sự sinh. Cách đây ba mùa trăng Hoan chèo thuyền mang con lợn giống ủn ỉn sang bên kia sông đến nhà bàc Làn thì cô Niệm Thư đã ngồi ở đó rồi. Hóa ra con dâu của bác Làn ra vườn trơn tuột ngã một cái oạch rồi chuyển bụng từ sáng đến giờ mà chưa đẻ được. Người ta cuống quít gọi nhau ơi ới và mời cả cô Đồ sang xin cô viết tên ông chánh trong làng, đốt ra cho sản phụ uống để đẻ cho dễ. Chẳng biết có đúng thế không mà vừa uống khỏi một chốc một nhát đã thấy vỡ đầu ối. Thế là cả nhà túi tít chạy ngược chạy xuôi đun nước đun non, đốt than đốt lửa.

Cô Niệm Thư xong việc của mình thì tò mò đi theo cái đám lăng xăng ở chuồng lợn. Cả đời chưa bao giờ cô thấy bỏ nọc cả. Con nái toàn thân màu hồng vừa đến thì lần đầu tiên, hai cái tai bé xíu vểnh lên, cái mũi hếch lên đánh hơi thấy mùi con đực thì giật lùi vào tận bên trong. Được một lát dường như nó cũng không thấy con nọc có gì nguy hiểm nên lại gần hít con này vài cái. Con nọc được tắm rửa sạch sẽ. Cái đầu nó to ra mà mắt ti hí, cứ tưởng nó không nhìn thấy gì cả. Nhưng thật ra nó nhìn thấy hết. Nó nhìn thấy cái hoa của con lợn nái nở to ra và sưng tấy lên, cái đuôi ngắn tun tũn của con nái cứ vung vẩy trước mặt nó làm nó ngứa mắt. Giá không có sợi dây buộc cổ thì nó đã xông vào cho ả ta một trận. Hoan từ từ lấy trong túi ra bốn quả trứng gà đập cả lòng trắng lẫn lòng đỏ vào cái bát, hòa với nửa cút rượu trắng, cho thêm một tán đường vàng rồi cầm tận tay cho con lợn liếm láp. Bác Làn cười vang "Gớm, bà nó ơi, ra mà xem này, nó sướng hơn cả tôi, mỗi lần tôi..." Bác định nói tiếp "mỗi lần tôi đạp mái, tôi có được bà cho ăn trứng gà đâu..." Nhưng bác ngưng lại kịp vì có mặt cô Niệm Thư ở đó. Nói ra những điều bất nhã thì thật là thất lễ với cô. Thật ra cô Niệm Thư không chú ý gì đến ai cả. Cô đang mải nhìn cái hoa của cái đỏ hon hỏn rồi nước nhờn bắt đầu chảy ra ướt cả chân nó. Nó tựa lưng vào chuồng gãi rồi nằm phục xuống đất. Hoan dắt con lợn giống lại. Con lợn này đã đánh hơi được mùi hăng hắc chứa chan ngay trước mũi. Nó đưa mõm sụt sịt vài cái rồi chồm lên mình con cái. Nhưng con cái to quá thế là con lợn đực lại trượt. Hoan giúp lôi hai chân trước con lợn đực cho trèo lên mình con cái. Cái giống con đực lúc này cũng đã nở đến cỡ, quệt tứ tung vào mình con cái khiến con này rùng mình

ủn ỉn vài cái và lại chúi cái mũi xuống mãi dưới đất như thể xấu hổ. Con lợn giống rùng mình một cái, húc thật mạnh vào con lợn nái. Chị chàng hực lên một tiếng, kêu thét lên như cháy nhà, nhưng không chạy đi đâu hết cả mà lại nằm phục xuống. Hai chân trước nó bám chặt xuống đất và chổng mãi cái mông trắng phếu lên để đón con đực, mắt lim rim còn mõm cứ rít lên ư ử. Con lợn giống của Hoan thật là khéo. Nó cứ nhịp nhàng lên xuống phủ lên con cái không hở cái gì ra ngoài cả. Hình như cái mùi hăng hăng trong hoa con cái chảy ra càng làm nó hăng hái xiết chặt con cái đến nỗi không thèm liếm hai quả trứng gà nữa. Hai con lợn mải mê nhau đến nỗi lết từ chuồng này sang chuồng bên kia. Lúc con cái dần dần bắn vào tận góc chuồng suýt đổ cả cái ang đầy cám, Hoan vội vàng đặt cái bát trứng gà xuống rồi nhảy vào chuồng đỡ cái ang. Con lợn cái õng ẹo tuồng như muốn hất con lợn đực ra, Hoan vội vàng gọi cô Niệm Thư "Cô ơi, cô, cô, giúp cháu một tay, cô lấy cái khăn phủ ngay vào mắt con lợn này cho cháu. Hễ nó không thấy đường là nó không dám đi đâu cả." Vừa nói Hoan vừa chỉ cho cô giữ chặt lấy cái khăn phủ kín mít mắt con lợn cái. Vô tình chạm vào tay cô đồ, Hoan giật mình thấy tay cô nóng như lên cơn sốt. Mặt cô đỏ bừng, mồ hôi trên trán rươm rướm như thể mùa hè. Hoan hỏi: "Chết chửa, cô... cô làm sao thế... Cô có khỏe không ạ?" Cô Niệm Thư không nhìn Hoan. Cô chăm chú nhìn vào hai con lợn đang phủ nhau. Một tay cô che mắt con lợn. Một tay cô xiết chặt cái yếm ngực. Hai chân cô khép chặt lại, đầu ngón chân cái bám sâu xuống nền đất. Cô cũng cảm thấy trong người cô đẫm cái mùi hăng hắc như cái mùi của con lợn cái. Mỗi lần con lợn đực húc con cái, là cả con cái lẫn cô Niệm Thư đều bị nẩy từ trước ra sau. Hoan ngây người ra nhìn cô Niệm Thư đến nỗi quên cả giữ cái ang cám. Mắt cô khép một nửa, gò má đỏ hồng. Tóc cô xổ tung ra nhưng cô không còn tay để vấn lại. Cô thở rất nhanh, ngực cô phồng lên xẹp xuống theo sức húc của con lợn đực. Lúc ấy con lợn giống kêu lên một tiếng và húc một lần cuối cùng thật mạnh vào mông con lợn cái. Con này cũng kêu lên và cuống cuồng nửa như muốn hất con đực ra, nửa như còn tiếc con lợn đực.

Hoan vừa buộc dây vào con lợn giống vừa hổn hển hỏi cô "Cô có về bên kia không, cháu rước cô về luôn." Thế là cô đồ cắp nón đi theo Hoan, chân cô loạng choạng bước xuống đò. Con đò chòng chành chao đảo như lòng cô Niệm Thư lúc bấy giờ. Hoan đưa tay ra đỡ cô ngồi xuống lòng đò bên cạnh con lợn giống đang lăn quay ra ngủ. Cô Niệm Thư cứ nắm chặt lấy tay Hoan mãi. Hơi thở cô ấm áp ngay bên má Hoan. Mùi bồ kết từ trong tóc thoảng ra làm Hoan rùng mình hít lấy hít để. Móng tay cô bấm vào tay Hoan đau điếng nhưng Hoan không dám kêu ca gì. Đùi cô nóng hổi áp chặt vào tay Hoan khiến Hoan tiếc rẻ không dám rời ra phải chèo đò một tay. Hoan đánh bạo để tay trên đùi cô. Cô nắm lấy tay Hoan để giữa hai đùi cô và khép chân lại. Cô lặng yên và cả hai không dám nhìn nhau. Đò Hoan cắm giữa sông vắng. Gió trên sông mát rượi nhưng cả Hoan và cô Niệm Thư vẫn cảm thấy hơi nóng của người kia có thể đốt cháy được mình. Giòng sông chảy cuồn cuộn, cuồng phóng và hoang dại như thân thể cả hai người lúc đó. Cả hai đều lặng im và chỉ muốn con đò trôi mãi. Lâu lắm Hoan mới run giọng hỏi "Hay là, hay là cô ạ, cô... để tối nay... tối nay cháu sang hầu cô nữa nhé. Cô nhớ ra chỗ đụn rơm ở ao sau ấy nhớ. Cháu chờ."

THU TỨ

THƯƠNG THẾ

Anh đã tưởng anh nhìn kín đáo
Những ngón tay thon chai bẩn
Màu da ngăm quá hẳn do dầu dãi
Mái tóc cắt cụt mới năm trước có lẽ dài
Năm giờ sáng
Đường ra bến xe miền tây
Em gái xinh căm cụi ngồi vá lốp

Anh đã tưởng anh nhìn kín đáo
Vỉa hè ghế bố qua đêm
Khúc bánh mì ăn vội
Quen chứ quen chưa
Mỗi bận khách ngắm mỗi lần đầu cúi

Phố bụi
Đời bụi
Kẻ dắt xe xẹp lốp buổi sớm
Lòng chẳng cán gì
Sao cũng xì hơi

Trò chuyện với tác giả của những tình khúc lãng mạn "Cô Đơn", "Buồn Ơi! Chào Mi", "Buồn Như... ", "Tình Khúc Chiều Mưa"...

NHẠC SĨ NGUYỄN ÁNH 9

Y-SA thực hiện

Y-Sa: Trước hết xin ông cho biết tại sao lại chọn bút hiệu "Nguyễn Ánh 9"?

Nguyễn Ánh 9: Khi bắt đầu viết ca khúc, mình phải có một bút danh. Tôi không thích lấy một cái tên mà không phải tên do cha mẹ đặt. Tôi đang phân vân, tình cờ đếm các mẫu tự trong "Nguyễn Ánh", thấy có 9 mẫu tự. Vậy mình lấy số 9. Đối với người Việt Nam, số 9 là số may mắn. Biết đâu nó sẽ đem may mắn đến cho mình. Mà tôi nghĩ nó đem may mắn đến cho tôi thực.

Y-Sa: Xin ông cho biết đôi chút về tiểu sử.

Nguyễn Ánh 9: Tôi sanh năm 1940 tại Phan Rang, lớn lên ở Nha Trang. Tôi theo gia đình vào Saigon sống từ năm 11 tuổi, nhưng lại học ở trường Yersin, Đà Lạt.

Y-Sa: Ông bắt đầu học nhạc từ bao giờ?

Nguyễn Ánh 9: Trong nhà tôi có sẵn đàn piano. Anh chị tôi được học, nhưng ba tôi lại cấm tôi học đàn, nhất định cách ly tôi với cây đàn và gửi tôi lên Đà Lạt học. Khi tôi lên Đà Lạt học, khu nội trú lại có cây đàn. Giờ ra chơi, trong khi bạn bè ra sân chơi, tôi ngồi vào cây đàn. Tôi bắt đầu tự học Methode Rose, rồi Classiques Favoris. Tôi có người bạn là Nhạc sĩ Hoàng Linh, tức Bùi Quang Linh, hiện là Giáo sư âm nhạc của Conservatoire ở Rome. Anh Hoàng Linh lúc đó đi đàn cho phòng trà, đại nhạc hội. Khi hè về, trong khi Hoàng Linh đàn thì tôi ngồi xem và "học lén". Về nhà, khi không có "ông già" ở nhà, tôi tập đàn. Hết ba tháng hè, trở lên Đà Lạt, tôi lại say mê tập đàn và tham gia văn nghệ trong trường, rồi thi hát – hát chứ không đàn. Tánh tôi ưa hài hước. Bây giờ tất cả dân Yersin cũ không kêu tôi là Ánh mà kêu là "Đồng Hồ."

Hơn 600 người đã ngồi chật kín vũ trường Majestic, thành phố Huntington Beach, trong đêm hội ngộ với Nhạc sĩ Nguyễn Ánh, vào ngày 2 tháng 8, 2002, nhân dịp ông sang Hoa Kỳ thăm thân nhân và bằng hữu. Mang chủ đề "Kỷ Niệm", đêm hội ngộ có sự góp mặt của các ca sĩ Lệ Thu, Tuấn Ngọc, Ý Lan, Thanh Lan, Ngọc Minh, Thanh Mai, Julie, Thái Thảo, Thái Châu, Kim Anh, Nguyên Khang, Nguyễn Hưng, Trần Quốc Bảo v.v. Trong đêm hội ngộ này, Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 đã đệm dương cầm một số tình khúc nổi tiếng của ông.

Y-Sa: Tại sao lại kêu là "Đồng Hồ"?

Nguyễn Ánh 9: Tại vì tôi hát bài "Đồng Hồ" của Trần Văn Trạch năm nào cũng đoạt giải nhất. Tụi bạn kêu tôi là "Đồng Hồ" luôn. *[cười]*. Bây giờ ra đường nếu có người kêu là "Đồng Hồ" thì biết là bạn học cũ, còn "Ánh" thì biết là

bạn bè khác hay người thân trong gia đình. Còn nếu kêu là "anh Chín" thì là khán giả.

Y-Sa: Ông bắt đầu sáng tác vào năm nào?

Nguyễn Ánh 9: Nhạc phẩm đầu tiên của tôi là "Không," viết vào năm 1970.

Y-Sa: Một bài hát mang tiết điệu rất vui!

Nguyễn Ánh 9: Không, lại "không" nữa rồi! *[cười]* "Không" không phải là một bài vui mà là một bài buồn, rất là buồn. "Không" cũng có nghĩa là "Có" rất nhiều. Tự khi nói "Không, tôi không còn yêu em nữa" có nghĩa là "tôi còn yêu em nhiều lắm." Điệu nhạc vui là vì sau này các anh em trẻ hát theo điệu disco, giật giật, chớ tiết tấu đầu tiên là slow rock, mà không phải loại slow rock chậm kiểu Việt Nam ngày xưa như "Thanh Thúy đi lấy chồng. . ." mà slow rock mang tiết tấu mạnh, mau hơn, tương tự như bài "Capri, C'est Fini!" hay "Fais La Rire." Elvis Phương khi đó hát nhạc ngoại quốc nhiều, thành ra bài hát này rất hợp với giọng của Elvis Phương. Nhưng người thâu dĩa bài này là Khánh Ly.

Để tôi nói lai lịch bài "Không" rõ hơn. Lúc đó ca sĩ Christophe đang hát bài "Non, Je Ne T'Aime Plus." Tôi rất thích bài này. Nó buồn nhẹ nhàng, tha thiết và không có gì oán hận. Trong tình yêu, mặc dầu một người bỏ đi, nhưng vẫn là một tình yêu trong sáng, dễ thương, và [hai người] chấp nhận điều đó. Tôi thấy tình yêu đó đẹp, và từ đó cho tôi suy nghĩ - sau này tất cả bài hát tôi viết - cho dù tình cảm có mất mát đi nữa, mình vẫn giữ điều đó làm kỷ niệm. Nó vẫn đẹp hoài. Mới đầu tôi tính đặt tựa là "Không, tôi không còn yêu em nữa" – "Non, je ne t'aime plus," nhưng sau thấy dài và hơi. . . "kỳ". Tôi cắt bỏ hết, chỉ giữ "Không" thôi. Khi giới thiệu bài "Không" ai cũng cười, vì chưa bao giờ có một cái tựa "kỳ khôi" như vậy. Sau đó tôi thấy khán giả hưởng ứng bài này. Tôi viết thêm bài "Trọn Kiếp Đơn Côi." Bài này tôi viết dựa trên tiết tấu của bài "Non, Je Ne T'Aime Plus". Thành ra từ bài "Non, Je Ne T'Aime Plus" tôi viết hai ca khúc.

Y-Sa: Ông theo học Yersin, có lẽ vì thế mà chịu ảnh hưởng của nhạc Pháp?

Nguyễn Ánh 9: Ảnh hưởng rất nhiều. Bài "Buồn Ơi! Chào Mi" là "mượn" của tựa sách "Bonjour Tristesse!" của Francoise Sagan. Nhưng mình chỉ "mượn" cái tựa thôi, còn mình viết theo suy nghĩ, tình cảm của mình.

Y-Sa: Những tình khúc lãng mạn của ông như "Ai Đưa Em Về," "Cô Đơn," Cho Người Tình Xa," "Tình Khúc Chiều Mưa," "Tình Yêu Đến Trong Giã Từ" . . . được gợi hứng từ đâu?

Nguyễn Ánh 9: Đương nhiên khi mình viết một ca khúc, mình viết với những cảm xúc thực sự của mình. Khi mình viết với những cảm xúc thực sự của mình, người nghe sẽ cảm xúc như mình, và dĩ nhiên sẽ để lại trong lòng người một chút gì đó. Tất cả những ca khúc tôi viết nằm chung một đề tài: một tình yêu đến với mình rồi đi. Suốt đời mình nhớ mãi tình yêu đó. Và khi bài hát này mình nói lên không hết, mình nối tiếp bài thứ hai, rồi bài thứ ba. . . Người ta gọi tôi là nhạc sĩ sáng tác, thực ra tôi nghĩ tôi là một nhạc sĩ piano, một nhạc công thôi. Về phần sáng tác, tôi chỉ ghi lại những xúc cảm của mình. Những sáng tác suốt cuộc đời của tôi, từ năm 1970, chỉ vỏn vẹn khoảng 20 bài. Tôi được may mắn là những bài hát này vẫn được nhiều thế hệ ca sĩ tiếp tục hát.

Y-Sa: Khi sáng tác, ông viết nhạc hay viết lời trước?

Nguyễn Ánh 9: Tôi viết nhạc và lời cùng một lúc. Tôi "hát" ra lời nhạc. Nó "tự động" ra như vậy thôi. Thí dụ, *[hát]* "Buồn ơi, ta xin chào mi, khi người yêu đã bỏ ta đi. . ." thì tôi viết ra liền. *[hát]* "Người hỡi, cho tôi quên đi kỷ niệm xa xưa. . ." Nhạc của tôi là "nói". Mình "nói" bằng nhạc. Từ đó tôi viết tiếp ra, chớ không viết lời trước, rồi đặt nhạc sau, hay ngược lại. Tiếng Việt có dấu sắc huyền hỏi ngã nặng, thành ra kiếm lời đặt cho dòng nhạc rất khó.

Y-Sa: Ông có bao giờ phổ thơ?

Nguyễn Ánh 9: Có. Thí dụ như bài "Thì Thầm", thơ của thi sĩ Mỹ Sơn, bài "Ngày Xưa Có Mẹ" của Thanh Nguyên.

Đối với tôi, bài "Ngày Xưa Có Mẹ" mang một kỷ niệm mà tôi nhớ mãi. Khi đó tôi đã thành danh rồi. Tôi đã có được sự yêu mến của mọi người. Tôi đã có cháu nội rồi. Mẹ tôi mới nói: "Con ơi, trong cuộc đời ca nhạc, nghệ sĩ của con, con viết rất nhiều cho tình yêu của con, cho tình yêu bạn bè, nhưng mà con chưa viết bài nào cho mẹ.". . . *[xúc động]* Tôi sực nghĩ ra rằng "những gì bên cạnh mình không bao giờ nhìn thấy. Mình chỉ lo bề ngoài, xung quanh thôi. Người sát cạnh mình, mình không nhớ tới. Tôi thấy mình rất là có lỗi với mẹ, người mẹ đã cưu mang mình từ nhỏ đến lớn. Bây giờ viết về mẹ, tôi biết viết thế nào? Anh Y Vân viết bài "Lòng Mẹ" quá hay rồi. "Bông Hồng Cài Áo" của anh Phạm Thế Mỹ đã nói tất cả rồi. May mắn cho tôi, tình cờ tôi đọc trên một tờ báo bài thơ "Ngày Xưa Có Mẹ" của nữ thi sĩ Thanh Nguyên. Lời thơ rất đẹp. Tôi phổ nhạc bài

thơ và sau đó tìm gặp cô Thanh Nguyên và xin phép mượn lời bài thơ viết nhạc. Tôi mới biết ra là cô Thanh Nguyên vừa mất mẹ, và bài thơ này làm sau khi mẹ mình mất. Tôi nói với Thanh Nguyên dầu sao tôi cũng còn diễm phúc là mẹ mình còn. Tôi nhờ Phương Hồng Quế hát tặng mẹ tôi bài này. Tôi làm việc này thực đúng lúc. Sau đó hai năm, mẹ tôi mất. Lúc nào tôi cũng cảm ơn Phương Hồng Quế đã thay tôi nói lên những điều tôi muốn nói với mẹ tôi.

Y-Sa: Là một nhạc sĩ piano đã từng đệm cho rất nhiều ca sĩ nổi tiếng như Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Elvis Phương. . . Khi đệm một bài hát, ông quan niệm như thế nào?

Nguyễn Ánh 9: Tôi rất trọng tác giả và ca sĩ trình bày bài hát. Tôi nghĩ rằng khi nhạc sĩ sáng tác nhạc phẩm đó, họ viết với cảm xúc thực sự, và ca sĩ cũng hát với cảm xúc thực của họ. Khi đệm đàn, mình phải tìm cách "theo" cho được [những cảm xúc] đó. Nhiều người cho rằng bài hát hay vì giọng hát hay, hoặc bài hát hợp với giọng ca sĩ. Nhưng họ ít nhắc tới người đệm đàn. Tụi tôi vẫn âm thầm làm đẹp cho bài hát, làm đẹp cho giọng ca. Đó là niềm vui của tụi tôi. Khi đệm một bài hát, ngoài những hợp âm phù hợp cho bài hát, tôi còn phải thuộc lời của bài hát. Mình thuộc lời của bài hát, mình mới biết tác giả muốn nói điều gì. Trong một bài hát hay, thường có một câu hát đặc biệt làm mình phải nhớ hoài. Mình phải biết chỗ nào là "cái đinh," là điểm chánh của bài hát. Câu hát nào, chữ nào, mình phải đàn cho ra. Tôi rất chú ý điểm này.

Y-Sa: Xin ông cho một thí dụ cụ thể. Thí dụ như trong ca khúc "Nửa Hồn Thương Đau" của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, câu nào ông cho là nổi bật để có thể lấy cảm hứng?

Nguyễn Ánh 9: Trong bài "Nửa Hồn Thương Đau" của Phạm Đình Chương, mới vào ảnh đã cho mình một cái gì xa xăm của dĩ vãng. "Nhắm mắt, cho tôi tìm một thoáng hương xưa. . ." Mình tưởng tượng trong một buổi tối, ngồi một mình rồi nhớ lại một cuộc tình đã qua chẳng hạn. Mới vào đầu, Phạm Đình Chương đã cho mình một khung cảnh, một không gian để mình hồi tưởng lại. Rồi câu tôi thích nhất trong "Nửa Hồn Thương Đau" là khúc giữa. "Có những người khóc lẻ loi một mình." Khóc đối với đàn bà rất dễ, nhưng khi người đàn ông khóc, phải đau lắm, phải xót xa lắm. Nếu người đàn ông nào "ngồi khóc lẻ loi một mình" thì rất là "thương đau."

[Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 đàn "Nửa Hồn Thương Đau"]

Y-Sa: Ông yêu thích đặc biệt dòng nhạc của nhạc sĩ nào?

Nguyễn Ánh 9: Tôi đặc biệt yêu mến dòng nhạc của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương – từ lời, từ nhạc, từ cách để hợp âm của ảnh. Anh Phạm Đình Chương là mẫu người nhạc sĩ mà tôi yêu mến và kính trọng. Khi tôi làm việc chung với anh Phạm Đình Chương ở Vũ trường Arc en Ciel với ban nhạc Phi Luật Tân Jimmy Bex, anh Phạm Đình Chương đàn guitare, tôi đàn piano. Anh Phạm Đình Chương đã chỉ cho tôi cách để hợp âm sao cho "lạ", dẫn dắt từ hợp âm này qua hợp âm khác. Để ý sẽ thấy tất cả hợp âm trong các bài hát của Phạm Đình Chương rất hay! Hay vô cùng! Dòng nhạc thứ hai mà tôi thích là của anh Ngô Thụy Miên. Lời anh viết rất dễ thương, và âm nhạc của anh bàng bạc tình yêu, dịu dàng mà gây cảm xúc rất nhiều. Tôi cũng rất thích những ca khúc của Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương, hay Vũ Thành An, Phạm Mạnh Cương. Và tôi rất thích bài "Mùa Thu Không Trở Lại" của nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu. Anh Cầu viết bài này theo tiết tấu slow rock 12/8, nhẹ nhàng, bàng bạc, dễ thương lắm, chứ không phải slow rock 4/4. Tiết tấu tương tự như bài "Tous Les Garcons Et Les Filles."

Y-Sa: Được biết trong buổi trình diễn sắp tới tại Vũ trường Majestic vào ngày 2 tháng 8, ông sẽ trình làng tác phẩm mới nhất, "Kỷ Niệm". Xin ông cho biết về nhạc phẩm này.

Nguyễn Ánh 9: Người vợ của bạn tôi từ thời học ở Yersin bị ung thư. Khi tôi đến thăm anh chị, chị ấy rất thích bài "Cô Đơn" của tôi. Chị ấy nói "Đồng Hồ đàn bài 'Cô Đơn' đi." Tôi đàn bài "Cô Đơn" cho anh chị ấy nghe. Sau khi tôi đàn xong, hai vợ chồng ôm nhau khóc. Tôi thấy hình ảnh quá đẹp. Tôi hứa với chị là lần sau tôi đến thăm anh chị, tôi sẽ có một bài hát mới. Và tôi đã viết bài "Kỷ Niệm." Bài "Kỷ Niệm" mang tiết tấu tương tự như bài "Cô Đơn." Tôi nói rằng khi một người ra đi, và một người ở lại, không biết người ở lại có nhớ những kỷ niệm hay sẽ quên. Không ai biết được điều này. "Kỷ niệm rồi lãng quên, đành lãng quên. . ." Câu cuối cùng tôi muốn nói là "và dấu yêu xưa rồi có nhạt nhòa. . . ?" Tôi đặt dấu hỏi. Có thể trong thời gian ngắn nó sẽ nhạt nhòa, có thể suốt đời sẽ không nhạt nhòa.

Y-Sa: Xin cảm ơn Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 đã dành cho chúng tôi cuộc nói chuyện ngày hôm nay./.

THOÁNG HƯƠNG XƯA

TRẦN HUY SAO

(Tiếp theo)

O đứng bên cạnh Ba tôi, trước mặt là người đàn ông lạ. Tôi chưa từng gặp ông bao giờ nhưng nhìn mặt thấy quen quen. Ông ta ăn mặc sang trọng và vẻ dáng có cốt cách của người giàu có. Cặp kính gọng vàng với hàng ria mép tỉa xén gọn gàng, cách biệt hẳn với nét thô sơ đơn điệu của người thường. Chính vì điểm đó mà tôi cứ hồi hộp theo dõi. Ba tôi mời ông uống trà, rồi nói:

- Thưa anh, tui có nghe em tui nói là anh muốn đem thằng Chắc về bên Nội. Anh vô đây không ngại đường xá nhiêu khê thì sẵn nói cho luôn. Đem hắn đi là ý ra răng, anh nói cho tỏ tường...

Ông khách lạ tằng hắng lấy giọng, đỡ lời :

- Thưa anh, chắc anh cũng biết. Tui là anh của thằng Niên, tức thị O Huê đây dù chi cũng là người trong nhà. Nói gần nói xa, chẳng qua nói thiệt. Em tui vắn số, bỏ lại vợ con nơi đất khách quê người. Là phận anh nên chi tui cũng có phần mô trách nhiệm. Tui vô đây tuy là đường xá xa xôi nhưng không hề quản ngại, đón mẹ con Thím hắn về để lo cho đầy cho đủ. Lời nói thiệt xin anh hiểu cho. Một ngày cũng là tình nghĩa, huống chi...

Nói tới đây, ông mủi lòng, sụt sịt . Ba tôi phải vội trấn an :

- Chuyện chi cứ thong thả nói. Dượng hắn là em rể tui huống chi anh em cũng đã một thời gắn bó, tui thương Dượng cũng như em tui rứa. Chẳng qua Trời không cho Dượng sống dai trăm tuổi để bảo bọc vợ con. Là phần số rứa thôi! Còn chuyện em tui thì anh cứ nói cho tỏ tường...

Lời động viên của Ba tôi làm ông khách lạ thêm hăng hái :

- Dạ, anh cho phép thì tiện đây tui cũng thưa luôn. Tui cũng đã bàn qua với Thím hắn rồi, là đem hai mẹ con về bên Nội. Đói, no chi cũng là ruột rà máu mủ nhưng mà Thím hắn đang phân vân không nghĩ ra được. Thím chờ ý anh. Dù chi anh cũng là người trên trước. Rứa ý anh răng, cho tôi xin...

Ba tôi cười có vẻ hài lòng, ngó qua O Huê:

- Rứa em nghĩ răng? Sẵn đây nói luôn để còn tính chuyện.

O Huê, mặt mày sầu thảm, thưa :

- Dạ thưa hai anh, em cũng nghĩ hung rồi. Chim có Tổ, nước có Nguồn. Đưa thằng Chắc về bên Nội là em ưng, nhưng còn em, thưa hai anh, em.. .em...

Tới đây thì O ngấp ngứ, bối rối thấy rõ. Ba tôi phải trấn an :

- Không việc chi phải ngại. Phần em ra răng cứ nói. Anh đây nì, rồi anh chồng em đó, có chi mà ngại hè! Cứ nói ra để mà tính luôn cho trót.

O nghĩ ngợi một đỗi lâu rồi dứt khoát :

- *Dạ, thưa hai anh, ý em là để thằng Chắc về bên Nội. Còn em, em ở lại đây. Em... em...*

Tức thì, ông khách bỗng cười lên sảng khoái. Ông không còn giữ gìn ý tứ, vỗ tay vào đùi ,lớn giọng:

- Thôi, tui biết rồi! Về bên kia thì xa lạ ngượng ngùng. Ở lại đây thì còn đầy kỷ niệm mà nhớ mà thương. Phải không đó, Thím Niên?

O tôi ngượng ngùng cúi đầu xuống, mặt đỏ hồng, buông một tiếng *"Dạ"* ngọt ngào. Ba tôi sửng người một thoáng, rồi ông cười buông thỏng một câu: *"Thì ra là rứa!"*

Tôi chỉ kịp nghe chừng đó rồi chạy vụt ra vườn sau. Buồn. Một nỗi buồn choáng ngợp cả hồn tôi. Rứa là tôi phải xa rồi, thằng Chắc, thằng bạn em cô cậu của tôi. Rồi tôi bật khóc ngon lành, thoải mái...

Chuyện chi đến rồi phải đến. Buổi chia ly sao mà buồn, mà ray rứt! Thằng Chắc bữa ni gọn gàng, tươm tất. Chiếc quần đùi kinh niên không còn nữa mà bây chừ là quần tây, áo chemise trắng nuốt. Đầu chải láng mướt, đẹp trai quá trời. Ngó hắn bữa ni đâu có phải là thằng Chắc của ngày nào. Hắn đã là người của quê xa, không phải gần gụi như hôm qua hôm kia mà cứ gọi là thằng Chắc, thằng Chắc của họ làng mình!...

Trong khi chờ chuyến xe xuôi về vùng duyên hải, hắn cầm tay tôi giọt vắn giọt dài :

- *Em đi nghe anh Cu. Biết khi mô mà gặp lại...*

Thì đúng là đường trường xa ngái, biết chừng mô mới gặp lại nhau. Tôi cầm tay hắn, bóp thiệt chặt, thiệt chặt như muốn chuyền cả nỗi nhớ niềm thương qua đó:

- *Em đi đi nghe. Chừng mô Ba Mạ anh về giỗ Họ dắt anh theo, lúc nớ anh em mình gặp được nhau.*

Hắn gật đầu, nước mắt chảy dài. Tự nhiên,

tôi nhớ tới một điều đã từ lâu tôi cứ hoài ray rức. Tôi vuột miệng hỏi hắn :

- À, anh quên hỏi em. Nói cho anh biết, em làm răng mà O Túy...

Chưa để cho tôi nói hết lời, hắn "suỵt" một tiếng khẽ, rồi ghé tai tôi :

- Có chi mô, anh. O đẹp như Tiên. Bữa đó, O tắm, em tò mò ngó vô. Thiệt đẹp. Em ngó hoài, ngó mãi. O nghiêng bên ni, ngã bên kia. O cười. O nhăn. O bĩu môi. O trợn mắt. Em cứ ngó hoài mê mải. Tới lúc Mụ Tất bắt gặp, nắm đầu em, em vùng ra được bỏ chạy mất tiêu. Lúc đó Ọ Túy biết chuyện, nhảy đựng nhảy đột, tru tréo om sòm Mụ phải dỗ dành hoài O mới chịu nín...

Buổi chia tay đang buồn não nuột mà khi tôi nghe hắn nói tôi phát giận. Mù-cha-tam-đợi, cái thằng...

Thương hải tang điền. Gia đình tôi trụ lại ở vùng rẻo cao đó một thời gian rồi cũng phải chia xa. Ba tôi nhậm chức ở một vùng cao, cao hơn nữa. Vậy là bỏ lại họ tộc mà đi. Tôi cũng bỏ lại sau lưng những tháng, năm đầy ắp kỷ niệm. Ngày gia đình tôi lên đường, Ôn tổ chức một buổi tiệc thiệt lớn, bà con trong họ tới đông đủ. Ôn nói :

- Việc nước thì to, việc nhà thì nhỏ, Ôn Đốc đi mô rồi cũng nhớ lại làng quê. Mấy cháu cũng đừng có phân vân. Họ nhà mình mấy đời quan viên làng nước. Miễn răng việc nước cố lo, việc nhà chớ bỏ...

Ôn nói dài, quá dài tôi nghe không tỏ. Lòng cứ bâng khuâng nhìn ra khoảnh sân rợp hàng dừa mà nhớ, thiệt là nhớ, thằng em cô cậu của tôi. Mi đi. Tao đi. Ở lại còn trơ trọi một nhúm đời quanh quẩn. Cũng Bác, Chú, O, Dì đó mà sao không có cách chi vui!

Vẫn là khu bến xe nhỏ bé này ngày đó hắn thì về xuôi bây giờ tôi lên ngược. Dòng đời đã rẽ nhánh chia hai. Tôi nhìn O Huê mà không cầm lòng, bật khóc muỗi mẫn. Ở nơi O, có một khoảng đời thơ ấu của tôi, có hình ảnh của hắn - thằng em mà cũng là thằng bạn - đã từng cùng tôi chia ngọt xẻ bùi... O phải cầm tay tôi, rồi ôm tôi vào lòng dỗ dành mãi. Xe lăn bánh, tôi còn thấy O vẫy tay... vẫy tay... Buồn nghiến ruột.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp và xa O!

Dòng đời cứ nghiệt ngã trôi đi. Nỗi nhớ thương cũng nguôi dần theo triền dốc mới. Năm, tháng dần qua, tuổi đời thêm lớn, nên chi những kỷ niệm nơi quê xưa chốn cũ chỉ là lúc nhắc nhớ ngậm ngùi. Tôi thật lòng quên đi một khoảng thời gian dài, quá dài,về những hình ảnh xưa mà trong đó có cả thằng Chắc, thằng bạn em cô cậu của tôi. Cuộc đời cứ tàn nhẫn đem ngày tháng trôi đi mà tôi thì cứ vô tình bỏ sót lại quá nhiều kỷ niệm. Ba Mạ tôi nay đã không còn nữa. Tôi thì theo bước Cha làm một ông giáo trẻ ở miền rẻo cao hẻo lánh, an phận với tháng ngày. Cũng không giấu lòng, thỉnh thoảng thơ văn chất ngất. Mượn hứng từ những tháng ngày xưa mà viết dăm ba bài gởi báo, cho đời có chút gì ý nghĩa, không chịu để tâm hồn trống trải vô duyên.

Cho tới một ngày bỗng nhiên tôi nhận được một lá thư. Thư không dài lắm nhưng đủ để cho tôi thao thức mấy đêm dài, nghĩ hoài mà không hết những tháng, năm xưa. Đó là thư của hắn, thằng Chắc, thằng bạn em cô cậu của tôi :

" Anh

Tình cờ em có đọc một truyện ngắn viết về một vài kỷ niệm sao mà giống của anh em mình, hồi đó. Qua Tòa soạn Báo em được biết địa chỉ của tác giả. Em ngờ rằng đó là anh. Còn em là thằng Chắc đây! Anh viết truyện, chắc anh phải nhớ. Nếu thiệt phải là anh thì dịp gần gũi nhất là sau Tết ni, mồng Mười tháng Giêng đó, giỗ Họ làng mình anh cố sắp xếp ra để anh em mình gặp mặt. Lâu lắm rồi anh, có bao nhiêu điều để nói khi tụi mình gặp lại. Còn nếu không phải là anh thì cũng xin cho biết được nguyên do nào có được câu chuyện về cuộc đời thơ ấu của tôi. Xin vui lòng gởi về địa chỉ ghi ngoài bao thư.

Kính thư.

Em: Phạm Huy Anh (thằng Chắc)

T.B: Nhưng mà em cứ tin là anh đó. Nếu quả thật là anh, anh cố gắng về. Em rất mong...

Lá thư chỉ có vậy thôi mà bắt tôi thao thức bao đêm. Đâu phải là chuyện đi hay ở mà cái chính là những hình ảnh xưa cuồn cuộn sóng trào trong lòng tôi. Để vơi bớt những xúc cảm dồn nén bao năm về hoài niệm xưa cũ, tôi thường tâm sự với nhà tôi hằng đêm chuyện thằng Chắc, thằng bạn em cô cậu của tôi, ngày nào. Nhà tôi nghe mà đâm ghiền chuyện làm tôi nhớ thiết tha tới Ôn Tất ngày nào. Cuối cùng, nàng tuyên bố:

- Cậu nớ rứa mà hay. Anh nên đi một chuyến, anh em gặp nhau cho bớt nặng lòng.

Vậy là tôi đi. Đúng, cho bớt nặng lòng.

Làng xưa đã đổi thay nhiều. Người xưa nay cũng đã kẻ mất người còn. Thế hệ Cha, Chú đã đi xa biền biệt. O Huê của tôi, cuối cùng O cũng về nằm yên ngủ nơi đây, trên mảnh đất họ làng. Rồi Ôn Mụ Tất, Mụ Quỳ, O Dung... tất cả đã trở về nơi-chôn-nhau-cắt-rún mà thở hắt một hơi thở cuối đời cho yên lòng mát dạ. Ôn Cả và Mụ tôi thì nằm lại ở mảnh đất rẻo cao ngày xưa. Ôn Mụ muốn nằm đó để nhìn ngó giang sơn của mình, để chứng kiến cảnh tre tàn măng mọc.

Về lại quê xưa, tôi chỉ còn có Dượng Lô, người-của-trăm-năm-cũ! Dượng bây chừ mắt mờ tay

yếu, ngồi yên một chỗ để nghe vọng cái sắc, không của cuộc đời. Buổi gặp nhau ở sân nhà Thờ Họ, Dượng cầm chắc tay tôi không muốn rời:

- Té ra đây là con anh Đốc. In như là thằng Cu Trọng hồi nớ, phải hè?

Tôi dạ. Dượng gật gật đầu, miệng cười mà nước mắt nhỏ dài. Tôi để yên bàn tay tôi trong tay Dượng. Bàn tay nhăn nheo gầy ốm làm tôi chợt nhớ in như đâu đó, còn có một bàn tay nữa! Đúng rồi. Bàn tay của O Huê tôi! Tự nhiên tôi xúc động, nắm chặt thêm tay Dượng, mắt kính bỗng mờ. Giọng Dượng nghe như văng vẳng từ nơi nào, xa xôi lắm :

- Mấy cháu về Dượng vui. Ngó qua ngó lại mà cũng mấy chục năm rồi hỉ! Thiệt là chim có tổ người có tông, ở mô êm ấm cho bằng nơi quê Cha đất Tổ. Cháu biết không? Nhà Họ làng mình mà khôn có anh Chắc giúp tay thì có mô mà được như ri. Hồi nớ là sập hết rồi, chiến tranh thiệt là vô hậu. May mà con cháu hắn còn tưởng tới làng họ, Ông Bà mới có được ngày ni. E con chưa gặp anh Chắc đó hỉ. Làm quan to lắm. Năm mô cũng rứa, bận việc nhà binh mà cũng về thắp nhang cúng Họ rồi đi.

Dượng nhấp nháy mắt, nghiêng đầu qua bên lắng nghe một đỗi, rồi trở giọng vui :

- Rứa, mới nhắc đã tới rồi tề. Nghe tiếng xe là biết...

Dượng buông tay, vin vai tôi đứng dậy. Có tiếng xe ngoài cổng lớn. Tôi nhìn ra, thấy chiếc xe *Jeep* nhà binh đậu lại. Đám con nít túa ra reo mừng. Trên xe một người đàn ông bước xuống, nhanh nhẹn gọn gàng. Dáng người to, cao, bệ vệ. Anh ta nhìn quanh, bỏ cặp kính đen xuống, dắt vào túi áo trên rồi rẽ đám con nít đang túi tít bu quanh người đàn bà đang bối rối chưa kịp xuống xe, hối hả bước vô nhà lớn. Tự nhiên, tôi cảm thấy hồi hộp và xúc động. Vừa đặt chân vào gian lớn đã nghe tiếng, có vẻ nôn nóng :

- In như là có anh Trọng về?

Tôi cố nén xúc động, bình tĩnh đáp :

- Đúng. Anh đây, cậu Chắc...

Hắn khựng lại, quay mặt về phía tôi, đôi mắt sáng lên nét mừng vui không giấu. Hai đứa tôi cùng bước tới, cùng đưa tay nắm bắt. Hắn nhìn tôi. Tôi nhìn hắn. Rồi cả hai ôm nhau, ghì siết. Tôi nghe cả tiếng đập rộn ràng của trái tim - nhịp đập của mấy mươi năm dồn nén lại. Khi niềm xúc động đã chìm lắng, hắn buông tôi ra quay người lại nắm tay người đàn bà tự nãy giờ im lặng cúi đầu đứng sau lưng hắn :

- Đây là Nhà em.

Tôi gật đầu: *"Chào Mợ."*

Người đàn bà cũng khẽ gật đầu, vẻ dáng dịu dàng đài các rất là Huế :

- Dạ, em chào anh. Nhà em cứ nhắc tới anh hoài, chừ mới gặp.

Tôi nghe tiếng hắn cười sảng khoái, quay qua Dượng Lô đang mải đứng ngóng chuyện :

- Thưa Dượng mạnh giỏi. Tụi con rứa là mấy mươi năm rồi mới được gặp lại..

Dượng cười, không dấu nỗi mừng vui:

- Thì rứa, gặp lại người mô hay người nấy. Thời buổi loạn lạc ni, dễ chi anh !

Vừa lúc đó, chiêng trống bắt đầu khua động để vào buổi lễ chính. Ai nấy đều tự về riêng chỗ của mình. Không khí trở nên nghiêm trang, bảng lảng khói hương trầm nghi ngút. Giọng Ôn Nghiêm xướng đọc tên tuổi từng người khuất mặt trong tông chi họ hàng nghe mà não nuột. Mấy O, Dì, Chú, Dượng trời cho còn sót lại, sụt sịt. Đám con nít lấm la lấm lét ngồi yên trên một hàng chiếu trải dài, không dám nhúc nhích.

Tự nhiên, sao tôi nhớ tới ngày xưa quá !

Trong đám trẻ nít ngày xưa đó, cũng có tôi với thằng Chắc, nhưng hắn có lúc nào ngồi cho yên! Lợi dụng phút trang nghiêm, hắn bắt đầu lén véo đứa ni một cái, ngắt đứa kia một cái làm cho cả bọn cứ nhìn nhau ngờ vực mà đố có dám la lên. Còn hắn thì cứ cúi mặt, che miệng cười hoài...

Bây chừ thì hắn ngồi đó, chững chạc không hề giống hình ảnh mà tôi tưởng tượng khi chưa gặp hắn. Bất chợt, hắn nhìn về phía tôi. Hai đứa nhìn nhau một thoáng rồi cùng nở một nụ cười đồng điệu.

Bữa đó, bà con ở lại chè chén thù tạc. Tôi thì xin phép Ôn Nghiêm, Dượng Lô theo vợ chồng hắn về, khoảng xế chiều. Đường xá gập ghềnh ổ voi ổ gà đầy dẫy. Xe phải chạy khoảng gần ba tiếng rưỡi mới tới nhà, một khu biệt thự rộng lớn có lính gác trong, ngoài

Đêm đó, hai anh em ngồi tâm sự. Một đêm thức trắng để bù lại mấy mươi năm xa cách. Hắn kể lại ngọn ngành cuộc đời hắn, một cuộc đời ba chìm bảy nổi. Hắn như cây cỏ dại tự vươn mình lên mà sống. Hóa ra, có chi là thơm thảo tình người! Ông khách lạ năm xưa tìm tới nói là đưa hắn về quê Nội để lo cho đủ cho đầy đó! Ba tôi thì ưng bụng, O tôi thì mát lòng chớ có biết đâu là đẩy đứa con rứt ruột của mình sớm lăn lộn ngoài sương gió cuộc đời ! Chuyện là như ri...

Ông bà ăn ở với nhau không có mụn con nào. Chồng thì siêng năng bài vở, có khi mô chểnh mảng chuyện nớ đâu! Rứa mà có hề. Mấy năm trời cứ vồ qua chụp lại, mặn nồng ân ái thì có mà răng hoài không thấy thằng cu, con gái chi chun ra cho vui nhà vui cửa. Lúc đó, vợ chồng

mới nhớ tới chú Niên. Ừ, thì chú lang bạt kỳ hồ hồi nớ nhưng mà nghe đâu có đứa con trai ở miền rẻo cao mô đó. Tại sao không kiếm hắn về cho vui nhà vui cửa. Rứa là thuận vợ thuận chồng. Đem được thằng Chắc về ông bà cũng cưng chiều đến độ. Thằng Chắc càng ngày càng béo tròn béo trục, sợ nắng, sợ mưa. Hắn quên cả rồi, cái quần đùi thâm căn cố đế của vùng rẻo cao xưa. Quên hàng dừa bóng mát mà hắn thường leo trèo như khỉ. Quên những dòng nước mắt chan hòa nỗi khổ của O tôi khi hắn bày ra vô số những trò nghịch ngợm. Chắc chắn là hắn cũng quên luôn anh Cu của một thuở đầu trần chân đất, gội nắng dầm mưa vui sống với nhau những ngày cùng khổ...

Đâu được chừng ba năm đủ thời gian cho hắn tập thói đỏng đảnh của kẻ sang giàu thì Bác gái hắn cũng bắt đầu thèm chua. Đi ngang về tắt đâu thì không biết nhưng Bác gái có triệu chứng sắp làm Mẹ. Bác hết thèm chua tới thèm ngọt. Hết ngọt rồi tới lúc cứ thèm nhâm nhi ba hột gạo sống. Mình mẫy bắt đầu nở nang, đầy đặn. Mặt đỏ hồng. Cổ có ngấn. Rồi năm đó một thằng Cu ra đời. Chuyện bắt đầu là vậy. Có mới thì nới cũ, huống chi ba cái của cũ mèm, tiếng là huyết thống nhưng mà có rứt ruột xót đau chi! Hắn bắt đầu tuột dốc thê thảm, trở thành kẻ tôi tớ trong nhà. Chuyện chi cũng một tay hắn, tối mặt tối mũi suốt ngày, lại còn thêm lời đay nghiến nặng nhẹ. Lòng người sao mà lạ, thay đổi thiệt mau. Ông Trời khi nắng chuyển qua mưa còn có dông có gió báo chừng, chớ lòng người thì vô hồi vô đối...

Hắn ở đợ không công hai năm, chịu không thấu. Chờ đợi hoài O Huê chẳng thấy về thăm con. Thì ra Bác hắn có viết thư cho O nói tốt đủ điều về cuộc sống của hắn. O mừng mà yên bụng với lại hồi đó chuyện đi lại nhiêu khê vất vả còn thêm tốn kém... Cuối cùng hắn quyết định bỏ ra đi nhưng hắn không về nơi chốn cũ mà lần vô tới Sàigòn - khoảng đất trời mà hồi nớ ai cũng từng mơ ước. Trong đầu óc hắn lúc bấy giờ, hắn muốn vươn lên thoát cảnh đời tăm tối, làm nên một-cái-gì-đó, lớn lao hơn. Tự nhiên tôi nghĩ tới Dượng tôi. Trong hắn còn đậm đặc dòng máu giang hồ phiêu bạt của Dượng.

Cuộc phong trần của hắn có quá nhiều sóng gió dập vùi. Hắn tự bươn chải kiếm sống bằng đủ thứ nghề trong vùng đất hoàn toàn xa lạ. Để có được như ngày hôm nay hắn đã chịu trăm cay ngàn đắng. Kể ra, thì quá dài cho một quãng đường đời trôi nổi phong ba, nhưng ngắn gọn một điều là tôi biết rất rõ thằng Chắc, thằng bạn em cô cậu của tôi, hắn có một cá tính rất mạnh. Hắn có thể đạt những gì hắn mơ ước, điều đó cũng không có gì lạ... Mừng một điều là O tôi còn nhìn thấy đứa con của mình thành đạt trong cuộc đời. Mẹ con còn sống bên nhau một thời gian trước khi O về với Dượng. Dù tôi đã không còn có dịp gặp lại O kể từ lúc chia tay ở bến xe miền rẻo cao ngày ấy nhưng tôi hình dung được khuôn mặt O lúc nào cũng rạng rỡ niềm vui. Ý nghĩ đó làm tôi vui lây và hãnh diện khi nhìn qua phía hắn. Hắn chững chạc bề thế trong vẻ dáng một người tự tin, hết sức tự tin, vào cuộc sống. Cái thằng Chắc nghịch ngợm, rắn mắt ngày xưa đã chìm sâu và chết đuối trong ánh mắt nhìn nghiêm nghị của hắn bây giờ.

Đêm đó, hai anh em tâm sự gần đến sáng mà không thấy mệt, vẫn còn háo hức nôn nả. Còn quá nhiều chuyện để nói cùng nhau, nhiều khuôn mặt gợi nhắc những kỷ niệm ngày xưa. Và, trong trí nhớ của hai đứa rõ ràng còn cả một khoảng mát bóng dừa sân nhà Ôn Cả. Rồi O Túy, Chú Tơ, Mụ Quỳ, Ôn Mụ Tất... Thậm chí còn nhắc nhớ chuyện con chuồn-chuồn cắn rún, những con dế đá đem bán cho Chú Tơ để lấy tiền mua kẹo kéo... Mỗi lần nhắc lại một chuyện gì bất chợt nhớ ra, hai đứa lại bật cười thoải mái. Chuyện nào cũng có hắn làm vai chính cả.

Cuối cùng, hắn đứng dậy, bùi ngùi nói với tôi :

- Anh Trọng, giờ em phải đi. Sẵn dịp về, anh ở lâu đi thăm bà con cho thỏa. Em đã dặn trước rồi, anh muốn đi đâu có người đưa đi, đừng ngại. Giờ em phải vào chuẩn bị...

Vậy là chúng tôi chia tay giữa trời mây nắng gió của chính nơi chôn-nhau-cắt-rún. Cái bắt tay chắc nịch và nụ cười pha chút bùi ngùi:

- Đáng ra phải ở với anh mấy ngày cho thỏa nhưng chuyện nhà binh mà, không thể hoãn được. Tình hình càng ngày càng xấu...

Hắn khẽ thở dài, ánh mắt thoáng vẻ buồn:

- *Chắc là không có dịp nhưng thỉnh thoảng em sẽ liên lạc với anh. Đừng để mất nhau nữa..*

Rồi hắn quay người đi mau về phía chiếc xe *Jeep* đang chờ sẵn. Dáng vẻ hiên ngang trong bộ đồ trận. Chiếc xe chạy thẳng ra cổng, hắn quay người lại, đưa tay vẫy. Tôi đứng lặng trong sân, cảm giác như vừa mất mát một cái gì đó rất gần gụi, rất thân quen...

Chắc ơi ! Đó là lần cuối cùng trong đời, anh gặp em!

Vậy mà đã mấy chục năm qua rồi, thời gian vùi dập những dấu vết thăng trầm ! Sao tôi vẫn mãi nhớ một vẻ dáng thân quen của ngày xưa ấy!

Tôi vẫn nhớ đến em, người-bạn-em-cô-cậu, nhớ đến thằng Chắc, người của họ làng mình....

QUẬN CAM

Họp mặt Ngày Truyền Thống Tưởng Nhớ Nhà Bác học Pétrus Trương Vĩnh Ký

Hội Ái Hữu trường Trung học Pétrus Ký Nam california đã tổ chức Ngày Họp Mặt Truyền Thống & Tưởng Nhớ Nhà Bác Học Pétrus Trương Vĩnh Ký tại nhà hàng Seafood Palace 1 vào trưa ngày Chủ Nhật Mồng 8 tháng Chín năm 2002 với sự hiện của khoảng 200 đại diện đoàn thể, hội đoàn cùng với thân hữu và cựu học sinh Pétrus Ký.

Ông nguyễn Thanh Liêm, cựu Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục VNCH đã nhắc đến công nghiệp của nhà Bác Học Pétrus Trương Vĩnh Ký trong nền văn hóa Việt Nam, người đã trước tác trên 100 tác phẩm, là người đã củng cố và tạo một căn bản vững chắc cho chữ quốc ngữ.

Trong dịp này, ban tổ chức có phổ biến một lá thư của cháu nội nhà Bác Học Pétrus Trương Vĩnh Ký là cụ Charles Trương Vĩnh Tống hiện ở Pháp. Trong lá thư gởi cho Hội, cụ Charles Trương Vĩnh Tống xác nhận cụ là con trai thứ 15 của cụ Nicholas Trương Vĩnh Tống, từng làm Bộ Trưởng ngoại Giao trong Chánh Phủ Nguyễn Văn Tâm vào đầu thập niên 1950. Cụ Nicholas Trương Vĩnh Tống là con út và cũng là thứ 10 của nhà bác học Trương Vĩnh Ký.

Cụ Charles Trương Vĩnh Tống có cho biết là cụ có về Việt Nam năm 1996 để tìm kiếm gia phả và mồ mả của dòng dõi họ Trương Vĩnh Ký. Cụ cho biết Cộng Sản Việt Nam hiện đã công nhận công khai sáng quốc ngữ Việt Nam của Linh Mục Alexandre de Rhodes, và viện Bảo Tàng Văn Hóa Sài Gòn đang yêu cầu phục hồi lại danh dự cho ba vị công thần là Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt và Pétrus Trương Vĩnh Ký. Còn bức tượng đá đen của nhà bác học Pétrus Trương Vĩnh Ký đặt giữa sân trường trung học Pétrus Ký sau năm 1975 bị hạ và mang để trong phòng hiệu trưởng của trường, nay đổi tên là Lê Hồng Phong.

Theo thư của cụ Charles Trương Vĩnh Tống cho biết thì ái nữ của cụ ở Sài Gòn đã được mời tham dự lễ khánh thành một trường trung học mang tên Pétrus Trương Vĩnh Ký tại Quận Tân Bình.

Hiện tại đang có một cuộc vận động của các cựu học sinh Pétrus Ký ở nhiều nơi trên thế giới để yêu cầu nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam trả lại tên Pétrus Trương Vĩnh Ký cho ngôi trường cũ gần tám chục năm.

Giáo sư Nguyễn Văn Canh ra mắt tập biên khảo 'Cộng Sản Trên Đất Việt'

Hơn 200 đại diện đảng phái, đoàn thể đấu tranh, nhân sĩ đã tham dự buổi ra mắt tập biên khảo Cộng Sản Trên Đất Việt của Giáo Sư Nguyễn Văn Canh tại phòng hội của Little Saigon Radio vào chiều ngày 21 tháng Chín năm 2002.

Ông Nguyễn Ngọc Liên giới thiệu tác giả là một nhà luật học tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa từ năm 1961 từng giảng dạy tại các Đại học Luật Khoa Sài Gòn, Vạn Hạnh, Cao Đẳng Quốc Phòng... trước 1975, sau đó ông tiếp tục dạy tại các Đại Học Hoa Kỳ. Ông còn là một chuyên gia chuyên nghiên cứu về Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản Việt Nam, từ hơn 30 năm nay.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện nói rằng ông có biết một số bài về giáo sư Nguyễn Văn Canh lúc ông còn ở trong tù dưới chế độ CSVN. Và chính từ những nguồn tranh đấu ở hải ngoại đã làm cho người trong nước thêm vững tin là chế độ Cộng Sản phải suy tàn. Ông đã dẫn chứng một số mục liên quan trong tác phẩm Cộng Sản Trên Đất Việt mà ông cho là một công trình nghiên cứu mạch lạc, rõ ràng và có giá trị về luật pháp và lịch sử.

Tác giả cho biết bộ biên khảo về đề tài Cộng Sản gồm có hai tập: Tập I với chủ đề Việt Cộng Với Dân Tộc Việt ra mắt ngày hôm nay, tập II đang hoàn tất với chủ đề Việt Cộng và Thế Giới đang hoàn tất và sẽ ra mắt trong một ngày gần đây.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức ra mắt tác phẩm Sức Khỏe & Đời Sống

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức từ Houston, Texas đã đến Little Saigon để ra mắt tác phẩm mới của ông với nhan đề Sức Khỏe & Đời Sống tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Viễn Đông vào sáng ngày thứ Bẩy 21 tháng Chín năm 2002 với sự tham dự của trên một trăm nhân sĩ, văn nghệ sĩ và độc

giả, với điều hợp viên là Tiến Sĩ Nguyễn Đình Thắng.

Bác sĩ Phạm Gia Cổn đã giới thiệu sơ lược về tác giả Nguyễn Ý Đức là một đàn anh của ông tại trường Đại Học Y Khoa nhưng lúc nào cũng cư xử với ông như bạn bè. Tác giả cũng đã từng là Dân Biểu từ trước 1975 và đã từng được nhiều cảm tình của bạn bè trong giới y khoa. Bác sĩ Đức đã hành nghề y khoa trong suốt hơn 40 năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ.

Giáo sư Phạm Cao Dương cho rằng tác phẩm Sức Khỏe & Đời Sống đã đưa ra một nội dung nhằm phục vụ cộng đồng. Chủ đề khô khan, nhưng ngòi bút của Nguyễn Ý Đức đã làm cho trở nên linh động, dí dỏm. Ông không đề cập nhiều đến bệnh tật mà đưa ra những vấn đề sức khỏe liên quan đến từng con người, bằng ngôn ngữ của đám đông nhiều hơn là thuật ngữ chuyên môn. Ngoài ra trong tác phẩm Sức Khỏe & Đời Sống ông đưa ra những câu hỏi, những thắc mắc của cộng đồng để rồi đề nghị những giải pháp tháo gỡ.

Tham dự trong buổi ra mắt sách còn có các vị Bác sĩ đàn anh của tác giả như các Bác Sĩ Trần Ngọc Ninh, Trần Minh Tùng... Tác phẩm Sức Khỏe & Đời Sống dầy gần 370 trang do nhà Mạch Sống xuất bản.

Cuộc triển lãm F.O.B.

Đây là một dự án triển lãm và trình diễn khá quan trọng do VAALA thực hiện với một số bạn trẻ quan tâm đến nghệ thuật của người Việt di dân, tổ chức tại cả hai Hội trường một mới một cũ của cơ sở báo Người Việt, thành phố Westminster, Nam California. Khai mạc vào ngày 7 tháng Chín, bế mạc vào ngày 21 tháng Chín, cuộc triển lãm kéo dài hai tuần với ba cuối tuần sinh hoạt diễn kịch, đọc thơ, chiếu phim, hòa nhạc... đã nói lên được một cách khá toàn diện cách bộc lộ nghệ thuật, tức cũng là bộc lộ chính mình, của những người trẻ tuổi Việt Nam lớn lên ở Mỹ.

Đây là một dự án "trẻ" nhất của VAALA từ trước đến giờ. Các sinh hoạt văn học nghệ thuật của VAALA trong hơn mười năm qua phần nhiều nhắm vào giới có tuổi, nói rõ ra là thế hệ thứ nhất của cộng đồng di dân Việt Nam: triển lãm tranh, ảnh, ra mắt sách, giới thiệu tài năng âm nhạc v.v... của những vị đã thành danh tại Việt Nam từ trước 1975. Đúng ra, cách đây trên dưới mười năm thì thế giới nghệ thuật của lớp trẻ Việt Nam, thuộc thế hệ 1.5 hay 2, tuy đã manh nha nhưng chưa

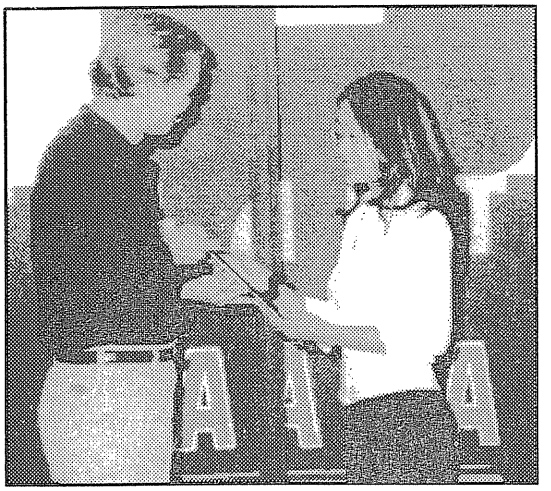

Buổi lễ bế mạc của FOB: Thế hệ thứ nhất đang trao một cái gì đó cho thế hệ thứ hai.

định hình rõ ràng lắm. Phải đợi đến đầu thiên niên kỷ thứ ba, tài năng đã đủ chín, nhu cầu trình bày chính mình đã bức thiết, và đã hội đủ cơ duyên, thì giới trẻ Việt Nam tại đây mới quy tụ cùng VAALA tạo nên sự kiện này.

Lớp người rời Việt Nam khi tuổi còn rất nhỏ (tạm gọi thế hệ 1.5) và sinh trưởng tại Mỹ (thế hệ thứ 2) chọn con đường đến nghệ thuật là qua trường lớp của mình. Họ là lớp nghệ sĩ có học vấn hẳn hoi chứ không phải là "tay ngang, nghề dạy nghề" như một số đàn anh trước đây ở Việt Nam. Nhưng có lẽ họ mang nhiều tâm trạng xao xuyến, băn khoăn, thậm chí bất an nhiều hơn là những bạn của họ theo học những ngành khác. Một bạn trẻ tốt nghiệp bác sĩ hay kỹ sư chẳng hạn, thì chẳng có gì thắc mắc khi hành nghề, vì khoa học thì phổ quát, khám bệnh hay điều khiển máy móc thì ở đâu cũng thế, thuộc nguồn gốc dân tộc nào cũng làm giống nhau. Người nghệ sĩ trẻ Việt Nam ở nước ngoài khi thực hiện những tác phẩm nghệ thuật không thể tránh được nghe vang lên từ trong tâm thức mình tiếng kêu gọi của giòng giống, tiếng rì rào của gió thổi qua lũy tre hay đồng lúa, và các hình ảnh tổ tiên chập chờn trong một vô thức tập thể chợt biến chợt hiện qua tâm hồn họ... Họ không khỏi tự hỏi: Tôi là ai đây? Tôi phải tự định nghĩa mình bằng tác phẩm của mình, vậy tác phẩm sẽ phải được sáng tác ra sao? Một phần tâm hồn và kỹ năng của họ được xây dựng trong quá trình học vấn của học đường Mỹ, không ngừng trộn lộn với phần hồn Việt Nam vẫn hiện diện nơi họ, nếu không nói đang là chính họ. Và họ sáng tác. Vẽ tranh. Chụp ảnh. Nặn tượng. Viết kịch. Diễn kịch. Làm thơ. Làm phim. Viết văn. Dĩ nhiên không thể trông

chờ đó là bản sao các tác phẩm của thế hệ trước họ. Họ đang thực hiện nên những vẻ đẹp (tất nhiên, đó là mục đích của nghệ thuật) nhưng không thể gặp lại cái đẹp quen thuộc mà cha anh họ đã tạo nên. Có thể là những hình ảnh dị dạng biểu hiện một tâm hồn đang quằn quại. Có thể ngổ ngáo lạ lùng để diễn tả một ý tưởng độc đáo. Cũng có thể rất hiền lành, êm đềm, đầy thương cảm. Đầy đủ nét của một nền sáng tạo tự do và có ý thức.

Đây là lần đầu tiên bốn mươi nghệ sĩ trẻ Việt Nam tại California họp nhau lại để tự trình bày mình. Họ lấy tên cuộc triển lãm là F.O.B., viết tắt từ chữ Fresh Off the Boat, kẻ mới chân ướt chân ráo từ mới dưới thuyền bước lên. Tiếng này được người dân bản xứ dùng với tính cách miệt thị người mới di dân đến, hoặc ngay trong cộng đồng Việt Nam cũng có những "người đến trước" gọi những người đến sau là F.O.B. Cô Lê Trâm, người đứng đầu dự án, đã dựa vào ý tưởng này để xây dựng cuộc triển lãm và trình diễn: "Tại sao mình phải để cho người khác đặt nhãn hiệu cho mình? Tại sao mình không tự khẳng định chính mình?" Có lẽ cô nghĩ nghệ thuật là cách khẳng định tích cực nhất, bộc lộ được chỗ tinh túy nhất của một lớp người, nên đã đứng ra quy tụ được một số bạn bè nghệ sĩ đông đảo thực hiện công cuộc này.

LỄ KHAI MẠC

Đã diễn ra tại Hội trường mới của báo Người Việt, chiều ngày 7 tháng Chín, 2002. Hai nghệ sĩ tên tuổi của Việt Nam, họa sĩ Tạ Tỵ và nữ tài tử Kiều Chinh cắt băng khánh thành. Sự hiện diện của hai nghệ sĩ lớp trước, một người tượng trưng cho nghệ thuật tạo hình, một người đại diện cho nghệ thuật trình diễn điện ảnh, như chứng nhận cho sự tiếp nối và trưởng thành của lớp sau. Trong phát biểu của mình, ông Hoàng Ngọc Tuệ Chủ tịch VAALA, nhấn mạnh đến chủ trương khuyến khích sáng tác nghệ thuật của Hội, đồng thời kêu gọi một thái độ khoan dung và hiểu biết của mọi người khi thưởng ngoạn những tác phẩm có hình thái bộc lộ quá mới mẻ. Nữ tài tử Kiều Chinh và họa sĩ Tạ Tỵ đều tỏ nỗi vui mừng trước sự trưởng thành về nghệ thuật của lớp người trẻ tuổi Việt Nam tại hải ngoại.

Sau lễ khai mạc và sau khi hướng dẫn quan khách xem triển lãm ở cả hai khu A và B, ban tổ chức giới thiệu chương trình trình diễn, gồm đọc thơ với Jenni Trang Le, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Lê Anh Đào trình bày những vần thơ tiếng Anh và tiếng Việt của mình. Tiếp đến là vở kịch "The Good Son" do Mai Thế Hiệp độc diễn, chỉ với lời độc thoại và diễn xuất diễn viên đã tả được cái đằm thắm của tình mẹ con, đồng thời là ước vọng vượt thoát, bức phá của đứa con ra khỏi ảnh hưởng của người mẹ. Vở kịch chính "Fox Demon" (Hồ Ly Tinh), với Uyên Lê Huỳnh và Trâm Lê, đã đưa ra chủ đề sự bó buộc truyền kiếp mà người đàn bà phải gánh chịu (xin xem bài phân tích vở kịch của tác giả Thơ Thơ trong số báo này). Vở độc thoại "First Time" của Mai Thế Hiệp. Và cuối cùng là buổi nghị luận "Identity Through Art" (Khẳng định căn cước qua nghệ thuật) với sự tham dự của Etcetera, Linda Trinh Vo Ph.D., Nguyễn Hoàng Nam, Uyên Lê Huỳnh, Ưu Đàm, Vivian Tran, vu t. thu ba.

LỄ BẾ MẠC

Kết thúc cuộc triển lãm kéo dài hai tuần, lễ bế mạc đã được tổ chức vào chiều tối ngày 21 tháng 9 năm 2002 tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt với khoảng gần 300 người tham dự, phần lớn là giới trẻ thuộc các trường Trung học và Đại học ở miền Nam California.

Cô Y Sa, Tổng Thư Ký VAALA đã cho biết cuộc triển lãm F.O.B. (Fresh Off the Boat) kéo dài trong ba cuối tuần với nhiều loại hình nghệ thuật quy tụ đến 40 nghệ sĩ trẻ Việt Nam thuộc nhiều bộ môn nghệ thuật. Trong số này có 20 nghệ sĩ tạo hình, từ điêu khắc đến hội họa, nhiếp ảnh...; mười nghệ sĩ trình diễn và tám nghệ sĩ làm điện ảnh (đạo diễn). Cô Y Sa cho biết đây là cuộc triển lãm quy mô nhất, dài ngày nhất và quy tụ được một số lớn những người làm nghệ thuật thuộc giới trẻ Việt Nam đã lớn lên hoặc đã sanh ra trong môi trường giáo dục Hoa Kỳ. Các nghệ sĩ trẻ này đều tốt nghiệp từ các trường Đại Học xứ này, và bằng tâm hồn Việt Nam họ đã diễn đạt tâm tư tình cảm của họ trước sự giằng co của hai nền văn hóa Việt Mỹ. Qua cuộc triển lãm này, người ta có thể có một ý niệm về đời sống tinh thần, tình cảm, suy nghĩ của giới trẻ Việt Nam đang sống ở Hoa kỳ.

Trong dịp này, cô Y Sa cho biết Hội VAALA có dự tính tổ chức vào Mùa Hè năm 2003 một Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Trên Toàn Thế Giới (Vietnamese Movies International Festival) để giới thiệu cách nhìn và cách suy nghĩ của giới trẻ Việt Nam ở nhiều nơi trên thế giới, Âu châu, Úc, Mỹ và cả Việt Nam, qua ngôn ngữ của điện ảnh.

Trong đêm bế mạc, khán giả đã thưởng thức một chương trình rất đặc biệt không tìm thấy trong

các đại nhạc hội thương mại, với các tiết mục ngâm thơ, kịch và các trích đoạn điện ảnh, lựa chọn từ những cuốn phim do các đạo diễn trẻ của Việt Nam khắp thế giới thực hiện trong nhiều năm qua.

Một số phụ huynh xem chương trình này đã nói rằng qua những gì cảm nhận được từ các hình thái nghệ thuật, nhất là các vở kịch, quý vị ấy thấy thương con cái mình hơn vì bây giờ mới biết lớp trẻ cũng có nhiều "vấn đề" khi phải bơi lội giữa hai nền văn hóa. Có vị cho rằng phải tổ chức thêm nhiều buổi trình diễn cho thế hệ thứ nhất xem, vì nghệ thuật sẽ là nhịp cầu tạo thông cảm, đem các thế hệ đến gần nhau và hiểu nhau hơn.

ILLINOIS

Hai họa sĩ Bé Ký và Hồ Thành Đức giới thiệu sáng tác mới trong cuộc triển lãm tại Chicago

Hội Người Việt tại tiểu bang Illinois đã tổ chức một cuộc triển lãm hội họa với những sáng tác rất mới của ông bà họa sĩ Hồ Thành Đức và Bé Ký tại trường Đại Học Harry S. Truman College, Chicago suốt một tháng từ 14 tháng Chín 2002 đến 12 tháng Mười 2002.

Hồ Thành Đức và Bé Ký đã dành ra một khoảng thời gian khá dài cả hơn một năm nay để nỗ lực sáng tạo ra những tác phẩm mới với khoảng 45 bức tranh đủ kích thước qua hai thể loại sơn dầu và tranh lụa. Cuộc triển lãm có tên Việt Nam Quê Hương Mến yêu (My Beloved Vietnam). Hai họa sĩ đã có mặt trong buổi tiếp tân và khai mạc tại trường Đại học Harry S. Truman College.

Tranh của hai họa sĩ đã được triển lãm nhiều nơi trên thế giới từ thập niên 1960. Họa sĩ Hồ Thành Đức sở trường về tranh sơn dầu thuộc trường phái Ấn Tượng (Impressionist) đã từng đoạt nhiều huy chương về hội họa. Bà Bé Ký sở trường về tranh lụa với những nét vẽ độc đáo về những đề tài dân gian và trên đường phố, thật giản dị nhưng lại mang rất nhiều cá tính và dân tộc tính đã được nhiều khách thưởng ngoạn Việt Nam và ngoại quốc tán thưởng.

Họa sĩ Bé Ký và Hồ Thành Đức (thứ hai và thứ ba, từ trái) tại phòng triển lãm cùng ban tổ chức và khách địa phương.

Sau khi định cư tại Hoa kỳ từ năm 1989, hai họa sĩ tiếp tục hăng say sáng tác và đã triển lãm tranh ở nhiều nơi trên vùng Bắc Mỹ. Cuối năm 2001, họa sĩ Hồ Thành Đức đã xuất bản một tập tranh tuyển chọn trong những tác phẩm sơn dầu đắc ý nhất của ông mang tựa đề Impressions In My Life (Ấn Tượng Trong Đời Tôi). Tập tranh in toàn mầu trên giấy láng dầy thật đẹp và thật lộng lẫy với nhiều bài viết của các ký giả Hoa Kỳ như Eric Scigliano trên tờ Washington Post, Jennifer A. Bauman trên tờ Register và của Phòng Triển Lãm Irvine Fine Arts Center.

Trong dịp tiếp xúc thân mật, họa sĩ Hồ Thành Đức có cho biết là trong dịp triển lãm tại Chicago này, nữ họa sĩ Bé Ký cũng là người bạn đời của ông sẽ cho ra mắt tập tranh tuyển chọn của bà với chủ đề Việt Nam Quê Hương Mến Yêu. Qua tập tranh này, khách thưởng ngoạn sẽ có cảm tưởng như đang sống với những nhân vật của đời thường của những ngày xưa cũ ở Việt Nam trên mỗi góc phố, trên mọi nẻo đường.

Số tranh của hai họa sĩ (với giá gồm bốn con số) bán được trong dịp triển lãm này rất đáng kể. Chỉ mới trong thời gian khai mạc, sáu bức của Bé Ký và tám bức của Hồ Thành Đức đã có người mua, đó có thể là một con số kỷ lục đối với một phòng tranh của người Việt Nam tại hải ngoại. Họa sĩ Hồ Thành Đức đã nói với một nhà báo ở Chicago rằng ông rất ngạc nhiên và cảm động khi thấy một người tương đối còn trẻ tuổi đã mua bức Bồ Đề Đạt Ma của ông, một bức tranh ông nghĩ chỉ người lớn tuổi mới có thể hiểu và thưởng thức được. Cũng trong dịp này ông cho biết hiện nay tranh của ông có khuynh hướng về Thiền, và tiết lộ trong đầu thập niên 1960 ông hay vẽ Chúa trên cây thánh giá, đã được giải thưởng trong cuộc Triển lãm Công giáo Toàn quốc năm 1964.

Đôi vợ chồng họa sĩ Hồ Thành Đức-Bé Ký từ gần bốn chục năm qua hoàn toàn sống bằng nghề hội họa của mình, cho đến nay vẫn tiếp tục sáng tác bên nhau. Thành công của lần triển lãm này đánh dấu những thành tựu sáng tác mới nhất của họ, và các tác phẩm chứa đầy sáng tạo cho thấy chưa có một dấu hiệu mệt mỏi nào của những người đã vào thập niên sáu mươi của cuộc đời.

MUỐN RÚT NGẮN THỜI GIAN HỌC VÀ GIA TĂNG KIẾN THỨC ANH NGỮ / VIỆT NGỮ? MUỐN ĐỌC TIN TỨC, TÀI LIỆU ANH NGỮ / VIỆT NGỮ DỄ DÀNG?

VNI XP & Đại Từ Điển Phát Âm

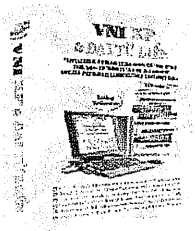

Dùng trong Windows XP, 2000, Me, 95-98. *Trọn giải pháp học Anh ngữ và Việt ngữ cùng Bộ Chữ Tiếng Việt để sử dụng cho bất cứ công việc nào cần đến tiếng Việt trên Computer.* **VNI XP & Đại Từ Điển** *gồm có trên 10 bộ software nổi tiếng của VNI:*

- *Tân Việt 2000 XP: Bộ Chữ Việt VNI có hỗ trợ UNICODE*
- *WebEye 2000: Thấy được dấu chữ Việt cho bất cứ trang web tiếng Việt nào trên Internet*
- *Lịch Tây Ta Ông Đồ Vạn Sự Lịch*
- *Click & Learn: Dịch ngay lập tức chữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt nào thấy trên màn ảnh và phát âm*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Anh Việt*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Việt Anh*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Tiếng Việt*
- *Từ Điển Chính Tả Tiếng Việt*
- *Learn While You Work: Mỗi ngày một vài câu đối thoại.*
- *Text-to-Speech: Phát âm bất cứ câu tiếng Anh và tiếng Việt nào thấy trên màn ảnh.*
- *Convert bất cứ trang web hoặc email UNICODE nào trên Internet về lại VNI hoặc ngược lại.*

Đại Từ Điển Phát Âm $-145

Dùng trong các Windows: XP, 2000, Me, 95-98

Trọn bộ từ điển dùng để học Anh ngữ và Việt ngữ. Bộ software này có thể chạy một mình (stand-alone package) hoặc cùng với bất cứ software tiếng Việt nào khác.

Đại Từ Điển Phát Âm gồm 7 bộ software:

- *Click & Learn: Dịch ngay lập tức chữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt nào thấy trên màn ảnh và phát âm*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Anh Việt*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Việt Anh*
- *Đại Từ Điển Phát Âm Tiếng Việt*
- *Từ Điển Chính Tả Tiếng Việt*
- *Learn While You Work: Mỗi ngày một vài câu đối thoại.*
- *Text-to-Speech: Phát âm bất cứ câu tiếng Anh và tiếng Việt nào xuất hiện trên màn ảnh.*

Thuận tiện cho người lớn học tiếng Anh
Tiện lợi cho giới trẻ học tiếng Việt

Phone: (714) 891-7656

Cung Cấp DỊCH VỤ nối vào INTERNET NHANH & RẺ

Nationwide Networks như AOL, MSN & AT&T

- Rẻ hơn AOL, MSN và AT&T
- Vào Internet 24/24 không bị giới hạn thời gian
- Có email account dễ dùng hơn Hotmail & Yahoo
- Nhận/gởi email cho bất cứ ai ở nơi nào trên thế giới
- Nhận/Gởi email có dấu tiếng Việt bằng UNICODE mà người nhận không cần phải có font tiếng Việt mà vẫn đọc được tiếng Việt.

$14.95/tháng • $80/6 tháng • $150/1 năm

Bạn muốn góp mặt hoặc đưa cơ sở thương mại lên Internet để buôn bán?

VNI Nhận làm và design các trang Web rất chuyên nghiệp để đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, đoàn thể hoặc cá nhân lên Internet.

$24.95/tháng • $250/1 năm

Download demo tại web site:.

VNI (714) 891-7656 • www.vnisoft.com
14091 Goldenwest St., Westminster, CA. 92683, USA

DÙNG VNI ĐẠI TỪ ĐIỂN PHÁT ÂM NHƯ CÓ MỘT NGƯỜI THẦY BÊN CẠNH

NHỮNG LOẠI THUỐC DƯỢC THẢO ĐƯỢC BÀO CHẾ TẠI HOA KỲ CỦA

Bác Sĩ

PHẠM HOÀNG TRUNG

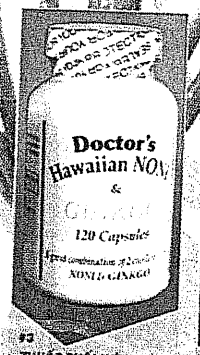

#3
THUỐC PHỐI HỢP NHÀU & BẠCH QUẢ
(Doctor's Hawaiian Noni & Ginkgo)
Hiệu nghiệm cho các chứng cao máu, tiểu đường, dị ứng, suyễn, mất ngủ, giúp bồi bổ trí óc.

#8
THUỐC DIỆT PHONG THẤP
(Doctor's Flexodin)
Bồi bổ và tái tạo chất sun, chất nhờn ở đầu khớp xương hầu làm bớt trì đa những cơn đau khớp.

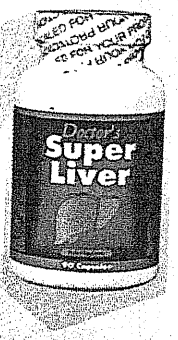

#9
THUỐC SIÊU GAN
(Doctor's Super Liver)
Giúp gan lọc máu khử độc và chống lại vi khuẩn viêm gan.

#6
THUỐC SIÊU DIỆT CHOLESTEROL
(Doctor's Cholestro-Busters)
Làm giảm cholesterol trong máu hoàn toàn tự nhiên.

#7
(Doctor's Super Manpower Energizer)
Làm tăng sức khỏe và bồi bổ sinh lý.

#7X
THUỐC SIÊU SINH LỰC
(Doctor's Super Manpower Energizer Plus)
Làm tăng sức khỏe và bồi bổ sinh lý.

#2
NƯỚC TRÁI NHÀU 100%
(Doctor's Noni Juice 32oz.)

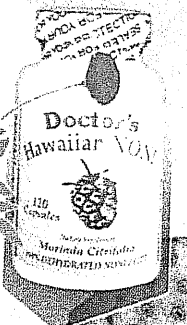

#1
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI
Thuốc viên 100% nguyên chất trái Noni (Nhàu) dùng để ngăn ngừa và chống lại các bệnh tật.

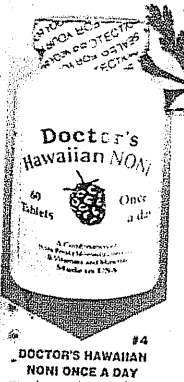

#4
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI ONCE A DAY
Thuốc viên dùng cho người lớn gồm có Noni (nhàu) và các loại vitamins khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Rất hiệu nghiệm cho những người bị chứng mệt mỏi, choáng váng do thiếu máu hoặc những người dễ bị cảm cúm. Tăng cường sức khỏe cho người làm việc nhiều.

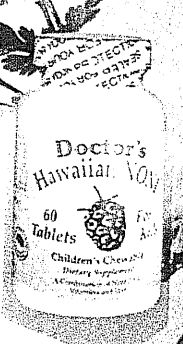

#5
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI FOR KIDS
Kẹo Noni và vitamins dùng cho trẻ em, giúp các em ăn ngon, khỏe mạnh, chóng lớn. Loại này rất hiệu nghiệm cho con nít biếng ăn hay bệnh tật ốm yếu.

#10
THUỐC BỔ SÁM NHUNG
(Doctor's Maraton)

Mọi thắc mắc xin liên lạc:

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG
15432 Brookhurst St. Westminster, CA 92683 (USA)
Điện thoại miễn phí: **1(800) 328-6482** hoặc **(714) 775-2026**

THUỐC CÓ BÁN TẠI ĐÂY

Chúc Mừng Năm Mới

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO: AMVI MEDICAL GROUP
CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA: AMVI/PROSPECT 27

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa
Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.
Phan Tuấn, M.D.
Trần Du, M.D.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Ngô Phước Liêm, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

* **AETNA**
* **BLUE CROSS/BLUE SHIELD**
* **BPS HMO**
* **CALIFORNIA CARE**
* **CIGNA**
* **FOUNDATION HEALTH**
* **HEALTH NET**
* **INTERVALLEY HEALTH PLAN**
* **MAXICARE**
* **ONE HEALTH PLAN**
* **PACIFIC CARE**
* **PRO-PATIENT**
* **PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS**
* **SECURE HORIZON'S**
* **TOWER HEALTH**
* **UNITED HEALTH**
* **UNIVERSAL CARE**

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, khu chợ Đồng Hương)*

MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM -6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG - CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim